



NHỮNG HIỆN TƯỢNG

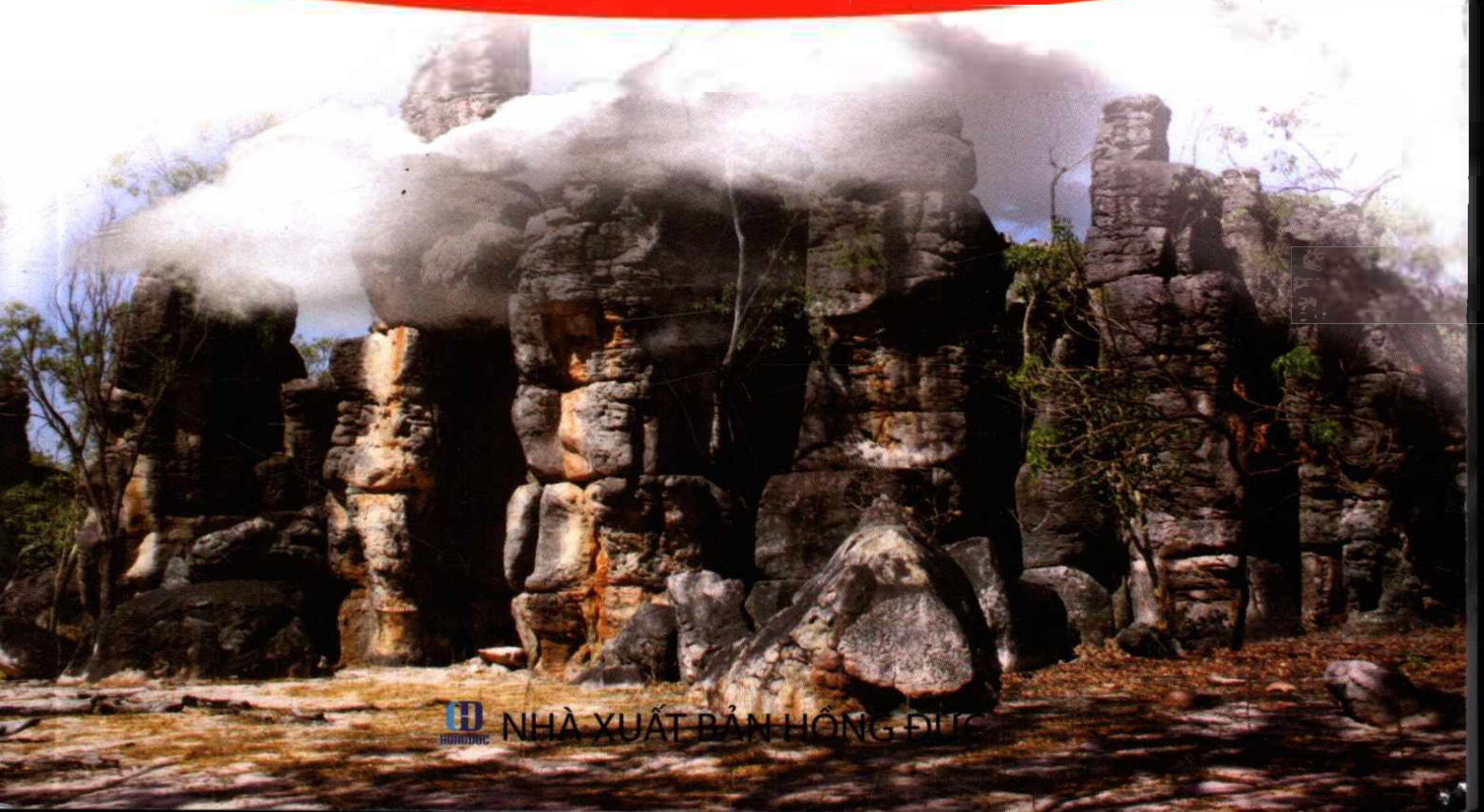


BÍ ẨN



VỀ THẾ GIỚI

VĂN QUYÊN



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NHỮNG HIỆN TƯỢNG BÍ ẨN VỀ THẾ GIỚI



Lời nói đầu

Khoa học hiện đại đã tiến những bước dài trong lịch sử loài người, tạo nên muôn vàn tiện ích cho cuộc sống và giải mã hàng nghìn hàng vạn điều bí ẩn. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại những câu chuyện tưởng như chỉ có trong cổ tích mà khi được chứng kiến, người ta chỉ biết thốt lên: “Sao có thể như vậy được nhỉ?”. Đó là những câu chuyện về các hiện tượng khoa học thú vị hay những sự kiện lịch sử thần bí mà con người biết đến nhưng chưa thể lý giải.

Ví dụ, vật thể bay không xác định (UFO) hay “đĩa bay” là bí ẩn luôn gây được sự chú ý của cả thế giới. Mặc dù chưa có bằng chứng khoa học nào về sự tồn tại của sinh vật ngoài trái đất nhưng mỗi năm báo chí vẫn ghi nhận hàng trăm vụ - trong đó các nhân chứng kể lại đã nhìn thấy đĩa bay, thậm chí cả người từ hành tinh khác.

Ngược dòng thời gian trở về thời kỳ các nền văn minh cổ xưa như văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Inca..., chúng ta càng không khỏi ngạc nhiên và tò mò về những bí ẩn đã vùi sâu trong lịch sử.

Xuất phát từ mong muốn thỏa mãn khát vọng tìm hiểu, lý giải các hiện tượng bí ẩn trên thế giới từ xưa đến nay, chúng tôi trân trọng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách **Những hiện tượng bí ẩn về thế giới**. Cuốn sách là kho tàng





các câu chuyện ly kỳ, hấp dẫn đến “rợn tóc gáy” về những hiện tượng đáng sợ nhất thế giới. Cụ thể, nội dung cuốn sách gồm có: Vũ trụ thần bí; văn minh cổ xưa; bí mật của những vua chúa; những bí mật nơi hậu cung; những bí ẩn vòng tròn; đi tìm sự kỳ bí của các sinh mệnh; những bí mật quân sự; những vụ án lịch sử chưa được giải quyết; kheiro báu bí mật; dấu tích bí mật của văn hóa; bí mật của các kiến trúc; bí mật của các vùng đất; những bí ẩn khoa học; bí ẩn từ loài động thực vật.

Hy vọng cuốn sách có thể giúp bạn đọc thỏa mãn trí tò mò và khát vọng khám phá các hiện tượng bí ẩn.

Trân trọng giới thiệu ấn phẩm!

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



Chương một

VŨ TRỤ THẦN BÍ



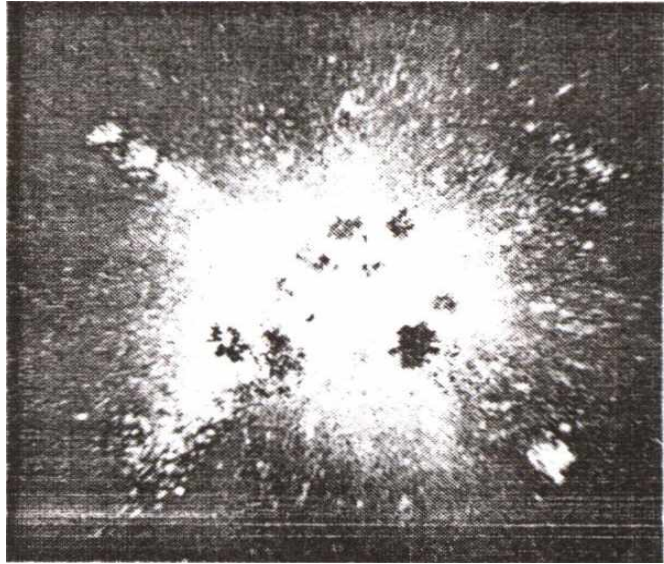
1. Sự hình thành vũ trụ

Hiện nay, nhiều nhà khoa học đã nghiên cứu về giả thuyết Vụ nổ lớn của vũ trụ (Big Bang) do Gamow và Friedman đưa ra. Giả thuyết trên cho rằng, khoảng 20 tỷ năm về trước, vật chất cấu thành những thiên thể chúng ta nhìn thấy ngày nay đều tập trung lại với mật độ cực lớn, nhiệt độ lên tới hơn 10 tỷ độ C. Nó được gọi là quả cầu lửa nguyên thủy. Vũ trụ trong thời kỳ này không có hằng tinh, hệ tinh, chỉ là vô số những bức xạ. Về sau không rõ do nguyên nhân gì, quả cầu lửa nguyên thủy này xảy ra một vụ nổ lớn, khiến các vật chất cấu thành nó bị phát tán ra nhiều hướng. Các vật chất có nhiệt độ cao nguội dần, mật độ bắt đầu giảm xuống. 2 giây sau khi xảy ra vụ nổ, dưới nhiệt độ 20 tỷ độ C, chúng tạo ra các hạt nhân, nơtron. Sau 11 phút, các nơtron tự do biến đổi, hình thành các hạt nhân nguyên tử của nguyên tố nặng. Trải qua khoảng 1 triệu năm, bắt đầu xuất hiện nguyên tử hydro, heli. Trong thời gian 10.000 năm, các vật chất trong không gian bắt đầu liên kết với nhau. Tinh vân, tinh hệ, hằng tinh đều được hình thành từ các vật chất kết dính đó. Trong sự phát triển của tinh vân, phần lớn các khí biến thành



thể, một bộ phận do chịu tác dụng của lực hấp dẫn tạo nên môi trường giữa các hành tinh.

Năm 1929, nhà Thiên văn học Hubble đã tiến hành quan sát toàn diện, nghiên cứu sâu 24 tinh hệ. Ông phát hiện các vạch trong quang phổ của những tinh hệ này đều dịch về phía đầu đỏ của quang phổ. Căn cứ vào hiệu ứng Dopler trong Vật lý học, những tinh hệ này đang chạy về hướng xa chúng ta, tức là lùi lại. Hơn nữa, Hubble phát hiện tốc độ lùi của những tinh hệ này tỷ lệ thuận với khoảng cách của chúng. Vì vậy có thể nói, những tinh hệ cách càng xa chúng ta, tốc độ lùi của nó càng lớn. Những quan sát này chứng minh rằng, vũ trụ của chúng ta đang mở rộng ra. Vậy, vũ trụ bắt đầu to ra từ khi nào? Khoảng bao lâu? Căn cứ vào hằng số của Hubble $H = 150.000\text{m/s}$ (nghìn vạn năm ánh sáng), thiên thể cách chúng ta 10 triệu năm ánh sáng, tốc độ lùi của nó là 150.000m/giây . Từ đó có thể tính ra được tuổi của vũ trụ là 20 tỷ năm. Điều này có nghĩa là vũ trụ này đã tồn tại được 20 tỷ năm.



Vào thập niên 60 thế kỷ XX, 1 trong 4 ngành phát minh lớn trong Thiên văn học đó là bức xạ nền vũ trụ¹. Phát minh này cho rằng, trên bầu trời tồn tại bức xạ 3K

¹ Bức xạ nền vũ trụ: Là bức xạ điện từ được sinh ra từ thời kỳ sơ khai của vũ trụ khoảng 300.000 năm sau vụ nổ lớn.



chuyển động theo cùng một hướng. Đây là lượng nhiệt thừa còn sót lại sau vụ nổ lớn vào năm đó. Về một số ý nghĩa khác, giả thuyết này ủng hộ quan điểm Vụ nổ lớn của vũ trụ. Tuy nhiên, thuyết Vụ nổ lớn cũng có một số vấn đề không giải quyết được. Ví dụ, vũ trụ trước khi xảy ra vụ nổ lớn có đặc trưng gì? Tại sao lại dẫn tới vụ nổ đó? Tương lai của việc vũ trụ dần nở sẽ ra sao?



2. Giả thuyết vũ trụ không thay đổi

Từ sau năm 1948, hai nhà khoa học người Anh tên là Thomas Gold và Hermann Bondi đã xây dựng một mô hình. Mô hình này được dựa hoàn toàn trên các nguyên lý vũ trụ. Loại trừ giả thuyết “vũ trụ là đồng nhất và đẳng hướng”¹, mô hình thông nhất các giả thuyết khác bao gồm cả “vũ trụ không biến đổi theo thời gian”. Trong học thuyết này, vũ trụ là vô hạn, không có điểm đầu, cũng không có điểm cuối. Thậm chí, nó luôn duy trì trạng thái đồng dạng. Cho dù là ở đâu, lúc nào, hình ảnh vũ trụ con người quan sát được cũng đều tương đồng.

Họ còn cho rằng, vấn đề khởi nguồn của vũ trụ không tồn tại. Vậy, trước thực tế vũ trụ đang mở rộng kích thước, làm thế nào để làm cho trạng thái của nó không thay đổi? Bondi cho rằng, trong vũ trụ không sinh ra vật chất mới, tỷ lệ của nó cũng như mật độ tối thiểu do vũ trụ lớn lên gây ra đều ngang nhau. Từ đó, mật độ vật chất của vũ trụ không thay đổi theo thời gian. Mô hình này là gọi là mô hình vũ trụ bất biến.

¹ Vũ trụ đồng nhất và đẳng hướng: Vũ trụ là như nhau khi quan sát ở bất cứ điểm nào.

Vật chất mới sinh ra từ đâu? Theo hai nhà khoa học, vật chất mới không phải do năng lượng chuyển hóa, nó được sinh ra từ trong không gian. Căn cứ vào mô hình vũ trụ bất biến, trong từng mét khối không gian, cứ 10^9 năm sẽ sinh ra một nguyên tử hydro. Giá trị này quá nhỏ, không thể nào từ quan trắc kiểm chứng được. Ngoài ra, họ đi ngược lại với một số quy luật bảo toàn phổ biến, ví dụ như Định luật bảo toàn vật chất, Định luật bảo toàn năng lượng... Bên cạnh đó, họ còn chủ trương số lượng của các tinh thể ở mọi thời điểm đều giống nhau, điều này không phù hợp với thực tế không gian. Không những thế, mô hình trên khó có thể giải thích được bức xạ nền của vũ trụ là gì.



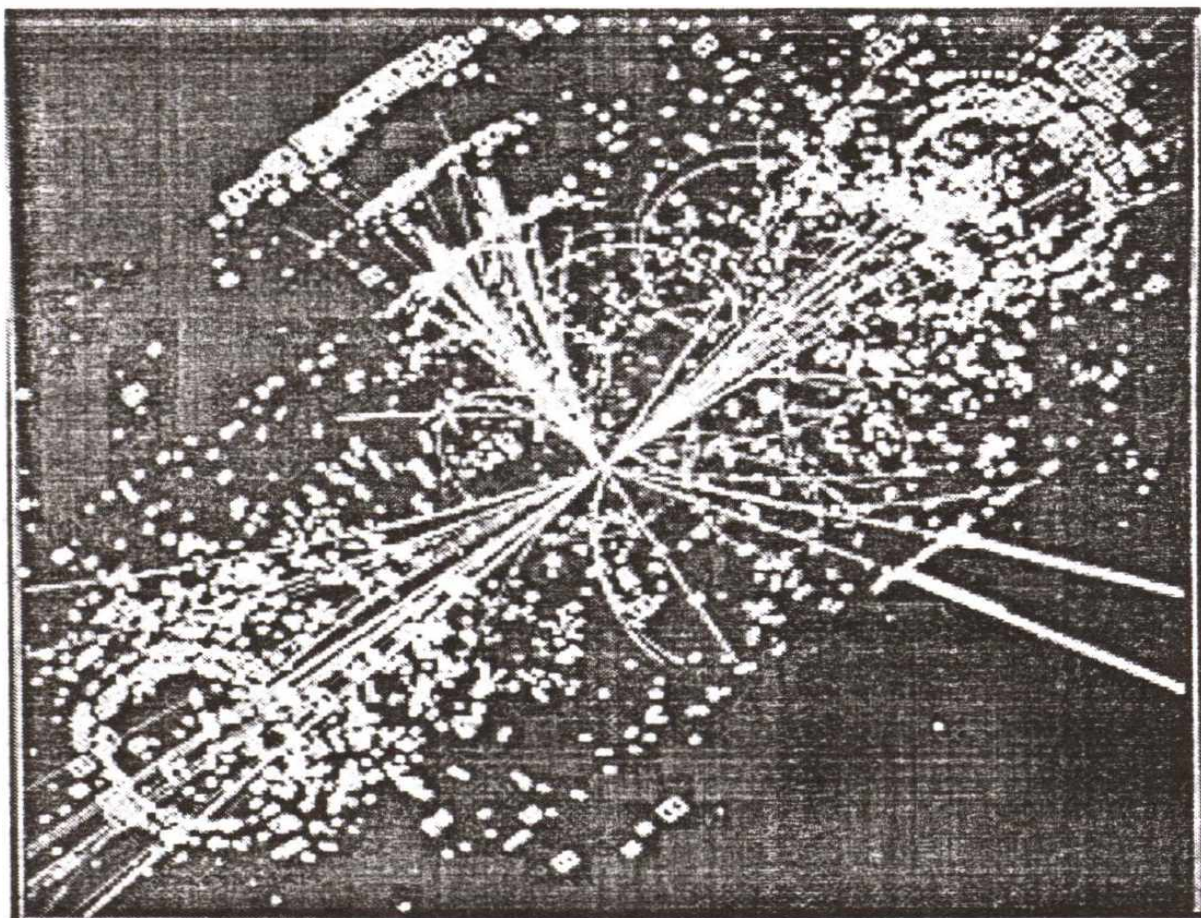
3. Giải thích thuyết Vũ trụ dân nỏ

Thuyết Vụ nổ lớn có được sự kiểm chứng thực tế, ví dụ như tinh hệ dịch chuyển về phía đầu đỏ của quang phổ hoặc vũ trụ dân nỏ ra, bức xạ vi sóng vũ trụ 3K, chứng thực về sự phong phú của deuterium, heli. Vì vậy, đại đa số các nhà khoa học đều thừa nhận mô hình vũ trụ tiêu chuẩn.

Tuy nhiên, học thuyết này cũng có một số vấn đề khó giải quyết như: (1) Vấn đề điểm tiếp xúc (giao điểm): Nhiệt độ và mật độ của quả cầu lửa nguyên thủy đều lớn vô hạn, điều này rất khó chấp nhận trong Vật lý học. (2) Vấn đề tính đồng đều: Thực tế chứng minh, giữa các bức xạ vi sóng có quan hệ với nhau nhưng vụ nổ lớn khiến các phần của vũ trụ bị phá vỡ mạnh, không cho phép có mối quan hệ này. (3) Vấn đề về độ



bằng phẳng: Mô hình vũ trụ tiêu chuẩn cho rằng, tỷ lệ khúc khuỷu của không gian vũ trụ có thể ở 3 loại giá trị là dương, âm hoặc bằng 0. Thế nhưng, mật độ bằng phẳng của vật chất vũ trụ cho ra kết quả gần như giới hạn. Điều này nghĩa là độ khúc khuỷu của không gian vũ trụ rất nhỏ, gần bằng 0. Đây là điều ngẫu nhiên. Vì sao lại như vậy? (4) Vấn đề đơn cực từ: Trong mô hình vũ trụ tiêu chuẩn, lý luận thống nhất cho rằng, đơn cực từ sinh ra nhiều vô cùng, nhưng chúng ta lại không tìm được bất kỳ đơn cực từ nào. (5) Vấn đề mật độ không đồng đều: Quá trình hình thành cùng với việc các tinh hệ phân bố không đều.



Sự phân rã thành hạt Higgs sau va chạm.



Năm 1979 - 1981, 3 nhà khoa học người Mỹ Guth, Weinberg, Wilczek đã đưa ra thuyết Vũ trụ dẫn nổ. Thuyết này cho rằng, khoảnh khắc sau vụ nổ lớn chưa đầy 10^{-35} giây, vũ trụ nhanh chóng nở phồng ra. Tuy việc này chỉ kéo dài 10^{-32} giây nhưng trong thời khắc ngắn ngủi, thể tích của vũ trụ tăng lên 10^{13} lần.

Mô hình vũ trụ dẫn nổ thường dùng để miêu tả không gian, thời gian, không có từ trường lực hấp dẫn, cũng không phải là trường miêu tả vật chất. Nó dùng trường Higgs có tính chất tương tự chân không. Trường Higgs có thể gây ra tính không ổn định, làm cho không gian dẫn nổ mạnh. Nếu cho rằng trước vụ nổ lớn vũ trụ chính là hình thức của trường Higgs, chúng ta có thể gạt bỏ được vấn đề về điểm tiếp xúc. Trong mô hình vũ trụ dẫn nổ, tốc độ thường rất nhanh, phạm vi có mối liên quan tương hỗ cũng lớn lên tương đương, từ đó giải quyết được vấn đề tính đồng đều. Vũ trụ trong mô hình vũ trụ nở phồng to hơn so với trong mô hình vũ trụ tiêu chuẩn. Cho nên trông chúng sẽ bằng phẳng hơn, từ đó có thể giải thích được vấn đề vì sao vũ trụ bằng phẳng. Lý luận cho rằng, đơn cực từ được sản sinh ra trong quá trình chuyển từ dạng đối xứng sang phi đối xứng, số lượng sinh ra tỷ lệ thuận với tốc độ thay đổi. Học thuyết này chứng minh, cường độ hấp dẫn luôn thay đổi trong quá trình vũ trụ dẫn nổ, phương thức thay đổi của cường độ hấp dẫn có liên quan đến tỷ lệ nở của vũ trụ giảm chậm. Khi giai đoạn này kết thúc, vũ trụ chuyển sang trạng thái bằng phẳng như những gì chúng ta nhìn thấy ngày nay. Các hiện tượng vật chất phân bố không đều xuất hiện. Điều này giải thích cho vấn đề mật độ không đồng đều.



4. Sự ra đời của mặt trăng

Thập niên 60 thế kỷ XX, lần đầu tiên con người đặt chân lên mặt trăng, đánh dấu thời kỳ bắt đầu thám hiểm. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn có rất nhiều bí ẩn chưa có lời giải đáp. Một trong những điều gây hứng thú nhất cho nhân loại chính là bí ẩn về sự ra đời của mặt trăng.

Thông qua quá trình tìm hiểu về sự ra đời của mặt trăng có vài vấn đề cần xem xét. Cụ thể như sau:

- Vấn đề về độ tuổi: Căn cứ vào các nghiên cứu đối với đồng vị của một số nguyên tố có thể chứng thực, độ tuổi của mặt trăng tương đương với mặt trời. Điều này có nghĩa là nó hình thành vào khoảng 4,6 tỷ năm về trước.

- Vấn đề về khối lượng: Khối lượng của mặt trăng bằng khoảng $1/81$ trái đất, mật độ trung bình $3,34\text{g/cm}^3$, tương đương với lòng đất. Bởi vì, lõi của mặt trăng không thể là một khối nhân thép lớn.

- Vấn đề về thành phần: Vệ tinh của 9 hành tinh thường vận động gần mặt đường xích đạo. Trong khi đó, quỹ đạo của mặt trăng lệch 120° so với trái đất, nhưng lại tương đối gần với mặt phẳng của trái đất.

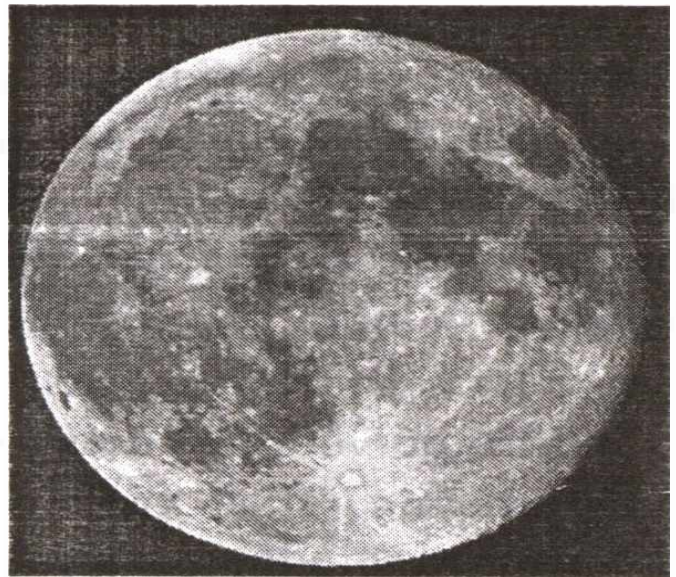
Có thể thấy, còn có rất nhiều điểm nghi vấn đối với những vấn đề cơ bản trên. Câu hỏi về sự ra đời của mặt trăng vẫn là một điều bí ẩn. Cho đến nay chủ yếu tồn tại một số giả thuyết sau:

Thứ nhất, thuyết Phân tách: Các nhà khoa học cho rằng, mới đầu mặt trăng chỉ là một phần nhỏ gồ lên của



xích đạo trái đất. Dưới tác dụng lực hút của mặt trời và tốc độ tự quay của trái đất đã làm cho phần gồ lên này văng ra, phân tách thành một vệ tinh quay xung quanh trái đất. Tuy nhiên, giả thuyết này bị một số nhà khoa học khác hoài nghi, bởi vì lực quán tính ly tâm muốn đạt đến mức độ làm bật mặt trăng ra là điều không thể. Hơn nữa, vật chất hóa học của trái đất và mặt trăng cũng có sự khác biệt vô cùng lớn.

Thứ hai, thuyết Bất tù binh: Một số nhà khoa học cho rằng, mặt trăng là một tiểu hành tinh bình thường của hệ mặt trời. Khi ở gần trái đất, nó đã bị nuốt vào, từ đó trở thành vệ tinh của trái đất. Giả thuyết này có sức thuyết phục nhất định, nhưng lại không thể giải thích được vấn đề quỹ đạo. Nếu tiểu hành tinh đi ngang qua trái đất, chỉ có thể hơi chệch một chút so với quỹ đạo bình thường của nó. Trái đất không có lực hút cực lớn đến mức khiến mặt trăng phải thay đổi quỹ đạo, trở thành một vệ tinh xoay quanh nó.



Mặt trăng.

Thứ ba, thuyết Cùng hình thành: Có người cho rằng, trái đất và mặt trăng cùng sinh ra từ trong một hệ tinh vân xoay với tốc độ nhanh. Giả thuyết này gặp phải sự phản đối của một số nhà thiên văn. Nếu trái đất, mặt trăng cùng được sinh ra từ một hệ tinh vân,



tại sao thành phần hóa học của chúng lại khác nhau nhiều như vậy?

Muôn vén mở được bức màn bí ẩn về nguồn gốc ra đời của mặt trăng vẫn cần có sự nỗ lực không mệt mỏi của các nhà khoa học.



5. Các hiện tượng thần bí trên mặt trăng

Khi nhìn lên mặt trăng, chúng ta sẽ phát hiện thấy bên trong mặt trăng có vật gì đó. Lẽ nào thực sự có Hằng Nga, chú Cuội?

Trên thực tế, đó là một thế giới hoang vu, cực kỳ tĩnh mịch, khô khan. Trên bề mặt của mặt trăng có vô số những hố to, nhỏ (núi hình vòng cung), nhiệt độ ban ngày đạt tới 127°C , ban đêm giảm xuống -183°C .

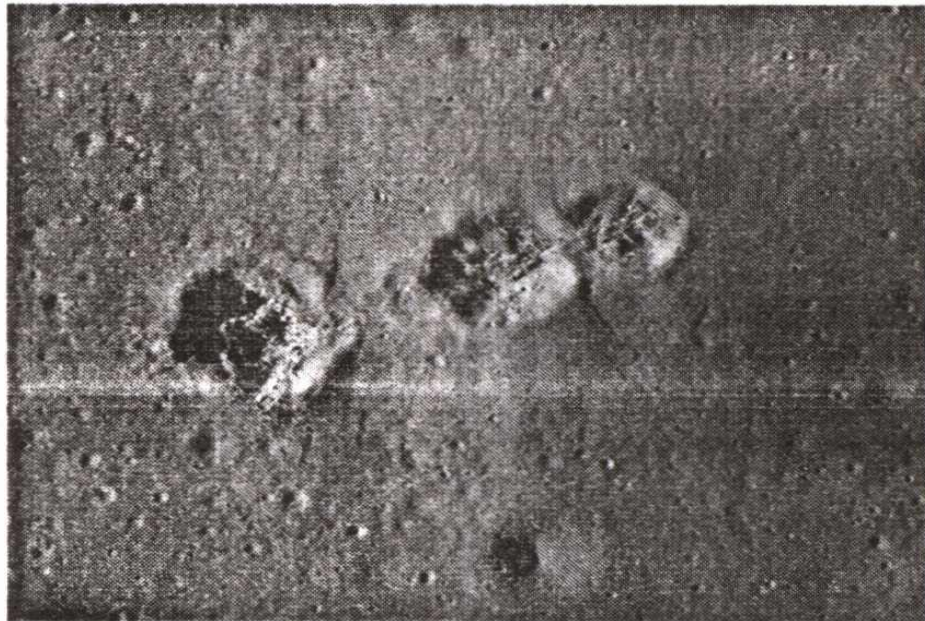
Cho đến nay, đây là tất cả những gì con người biết về mặt trăng. Những năm gần đây, cùng với việc không ngừng quan sát bằng các thiết bị thăm dò vũ trụ, các nhà khoa học đã đưa ra một số suy đoán đôi với mặt trăng.

Từ tháng 7, năm 1969 đến tháng 12, năm 1972, trong quá trình hạ cánh xuống mặt trăng của tàu Apollo, nhà du hành vũ trụ đã chụp được một số bức ảnh về núi hình vòng cung trên bề mặt của nó. Những tấm ảnh này cho thấy, trên miệng núi lửa xuất hiện các dấu vết cải tạo của con người. Các nhà khoa học phát hiện bên trong miệng núi lửa có một vành tròn thẳng đứng, mỗi bên dài 25km, trên bề mặt và thành còn có nhiều vết tu sửa rất rõ ràng. Ngoài ra, một miệng núi lửa khác có nét đặc biệt hơn, trên thành của





nó phẳng nhẵn, hoàn chỉnh, bên trong miệng bao gồm những hình vẽ theo quy tắc giống như đường phân cách, ở trung tâm có tường và hình chiếu. Mặt ngoài của núi có sườn dốc nghiêng, hình dạng gần như hình vuông. Trong hình vuông đó có một chữ thập, phân chia thành 4 phần đôi xứng.



Cận cảnh 3 hố bí ẩn trên mặt trăng.

Cuối năm 1821, John Herschel tìm thấy một số điểm sáng không rõ nguồn gốc. Ông nói: “Điểm sáng này vận động cùng với mặt trăng, vì vậy nó tuyệt đối không thể là một ngôi sao”.

Năm 1867, giới Thiên văn học tuyên bố: Khu vực miệng núi lửa Lin bị mất tích xuất hiện điểm vòng sáng kỳ lạ màu trắng, đường kính 7km.

Có học giả cho rằng, hiện tượng này có thể do một vật trong suốt nào đó phủ lên.

Ngày 7, tháng 8, năm 1869, giáo sư Swift của Illinois (Mỹ) cùng với 2 học giả khác của châu Âu đã quan sát thấy một số vật thể xuyên qua mặt trăng. Họ



nói: “Chúng tiến lên phía trước theo thứ tự, có dạng 2 đường thẳng song song”.

Ngày 24, tháng 4, năm 1874, một giáo sư ở thủ đô Praha đã quan sát thấy vật thể có vết sáng trắng từ từ xuyên qua mặt trăng.

Tối ngày 23, tháng 11, năm 1877, tiến sỹ Klein (người Anh) và một số nhà Thiên văn học (người Mỹ) đã vô cùng kinh ngạc khi nhìn thấy một số điểm sáng từ trên các miệng núi lửa khác tập trung vào giữa miệng núi lửa Plato. Những điểm sáng này xuyên qua bức tường ngoài của miệng núi lửa Plato, tập hợp lại bên trong, xếp thành hình tam giác lớn phát quang, trông rất giống một sơ đồ tín hiệu.

Ngày 26, tháng 11, năm 1910, khi xảy ra hiện tượng nhật thực, các nhà khoa học của Pháp, Mỹ lần lượt quan sát được một vật thể trên mặt trăng phát sáng. Theo miêu tả của người quan sát khi đó, hình dạng của vật thể xuất hiện trong quá trình nhật thực nhìn giống như hỏa tiễn.

Ngày 21, tháng 12, năm 1953, chủ nhiệm Hiệp hội thiên văn Anh, tiến sỹ Wilkins phát biểu trên đài truyền thanh rằng, họ quan sát thấy khu vực Mare Crisium trên bề mặt mặt trăng có lượng lớn mái vòm. Chúng tạo thành những kiến trúc hình bán nguyệt màu trắng, đường kính nhỏ nhất khoảng 3km.

Các nhà Thiên văn học Liên Xô cũng từng nói: “Chúng tôi hoàn toàn không biết điều này thực tế là gì? Chúng tôi cũng tin rằng phía Mỹ cũng giống như vậy, không thể giải thích được hiện tượng này”.





Cho đến nay, con người hoàn toàn không thể lý giải được việc xuất hiện hàng loạt những hiện tượng lạ trên mặt trăng. Tuy nhiên, chúng ta có thể tin tưởng rằng, các nhà khoa học trong tương lai không xa nhất định sẽ vén mở bức màn bí ẩn của này.



6. Bí ẩn về hành tinh thứ 10

Thông qua quan sát, loài người đã phát hiện ra 9 hành tinh lớn trong hệ mặt trời. Vậy, có hành tinh thứ 10 chưa được phát hiện hay không?

Một số người suy đoán, bên trong sao Thủy còn có một hành tinh nữa. Tuy nhiên, đây chỉ là suy đoán. Do chịu sự của ánh sáng mặt trời quá mạnh nên con người rất khó có thể phát hiện ra nó. Khi xuất hiện nhật thực, các nhà khoa học đã tiến hành quan sát nhiều lần nhưng vẫn chưa có kết quả.

Nhiều nhà khoa học đã căn cứ vào sự vận động không theo quy tắc của sao Thiên vương, khẳng định phía ngoài của nó trừ sao Hải vương, sao Diêm vương ra nhất định còn một hành tinh khác. Tuy nhiên, hiện nay, chúng ta vẫn chưa tìm ra hành tinh này. Về sau có người cho rằng, hiện tượng sao Thiên vương vận động không theo quy tắc là do quá trình sai số.

Một số người khác căn cứ vào đường di chuyển của sao chổi, suy đoán về khả năng tồn tại một hành tinh lớn khác. Đồng thời trên thực tế, họ đã suy luận ra vị trí của nó. Những luận điểm này cho đến nay vẫn chưa có kết quả.

Trong hệ mặt trời liệu có hành tinh thứ 10 tồn tại hay không vẫn còn là một bí mật. Hiện nay, các nhà



thiên văn vẫn đang không ngừng kiên trì tìm kiếm để tìm ra câu trả lời.



7. Hiện tượng quầng mặt trời

Quầng mặt trời là từ dùng để chỉ lớp khí quyển ngoài cùng của mặt trời, độ dày lên tới hàng triệu kilômét.

Chúng ta không thể nhìn thấy nó bằng mắt thường. Chỉ khi phát sinh nhật thực toàn phần, mặt trăng ở giữa mặt trời và trái đất, ánh sáng mặt trời hoàn toàn bị che khuất. Khi đó quầng mặt trời bình thường có tia sáng tương đối yếu mới có thể xuất hiện.



Quầng mặt trời.

Thể tích của quầng mặt trời vô cùng lớn, đường kính rộng hơn gấp hàng chục lần so với mặt trời. Các nhà thiên văn thông qua máy đo quầng mặt trời quan sát được, nhiệt độ của mặt trời có thể ảnh hưởng đến trạng thái hoạt động của quầng mặt trời. Khi nhiệt độ tăng cao, quầng mặt trời sẽ ở trạng thái hoạt động, khí



thể vòng ngoài không ngừng thoát ra khỏi lực hút của mặt trời, chuyên ra ngoài, hình thành mặt trời.

Hai cực của trái đất thường xuất hiện hiện tượng cực quang, có thể là do hoạt động của gió mặt trời gây ra. Ngoài ra, quang mặt trời còn có những hiện tượng khác đang được tiếp tục nghiên cứu.



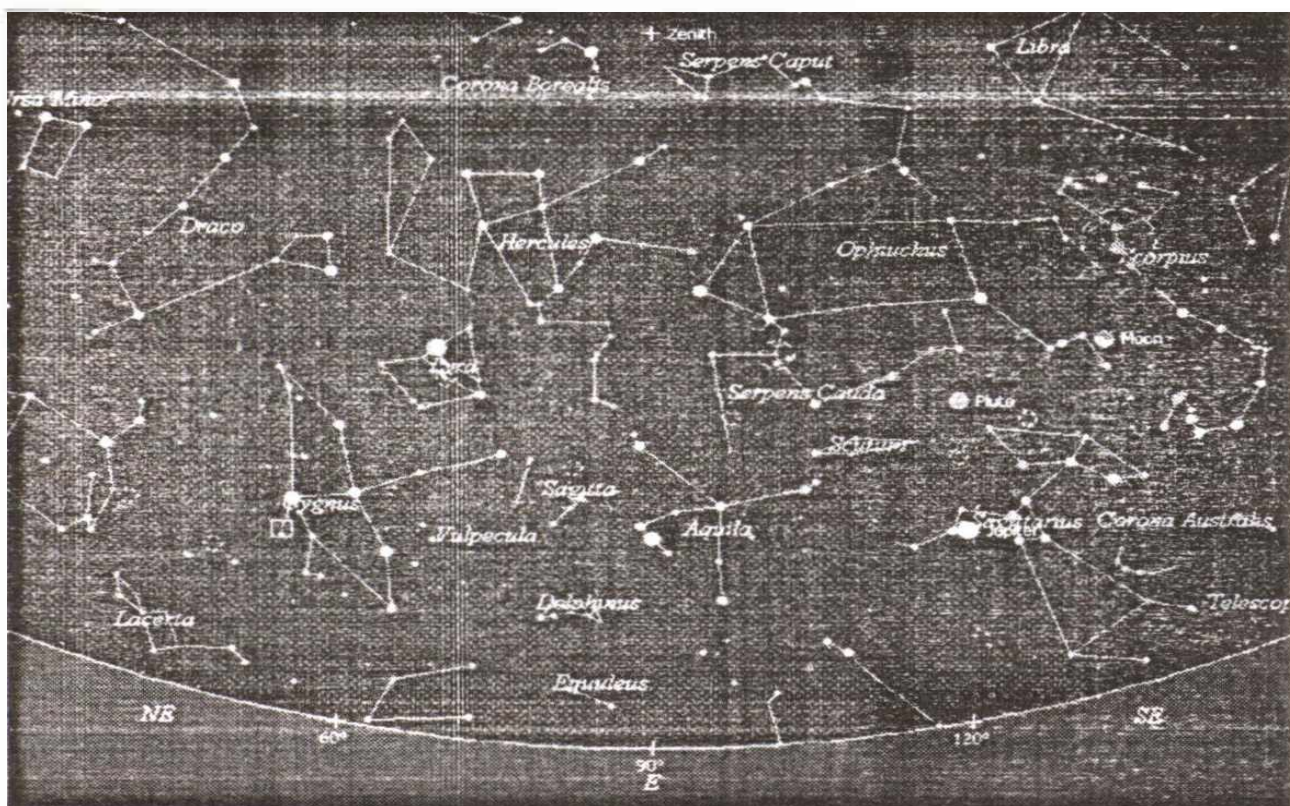
8. Các chòm sao trên bầu trời

Trên bầu trời, hình dạng của các ngôi sao đều khác nhau. Vậy, làm thế nào để phân biệt chúng? Người ta phân bầu trời thành nhiều khu vực, đồng thời đặt cho nó những cái tên tương ứng. Ví dụ, thời xa xưa Trung Quốc gọi tên một nhóm sao là Nhị thập bát tinh tú, Bắc đẩu thập tinh. Ở Tây Âu, khu vực các vì sao tập trung lại với nhau được gọi là chòm sao. Hiện nay, thế giới thống nhất chia bầu trời thành 88 chòm sao, trong đó có 48 chòm sao do các nhà Thiên văn học của Hy Lạp cổ đại nhận định. Các chòm sao này phần lớn đều được đặt tên theo các nhân vật, con vật trong thần thoại Hy Lạp. Ví dụ, chòm Đại hùng, chòm Thiên hậu, chòm Sư tử, chòm Thiên hạt, chòm Mục phu. Chòm sao phân vào thời cận đại được chia theo hệ thống khoa học. Nhiều chòm sao đều lấy tên của các nhà Thiên văn học hoặc các máy móc thiết bị. Ví dụ, chòm Lục phân nghi, chòm Bát phân nghi, chòm Viễn vọng kính, chòm Thời chung, chòm Hiển vi kính...

Những chòm sao này cũng tương tự như các quốc gia lớn nhỏ trên thế giới. Các ngôi sao giống như các thành phố, thị trấn trong một quốc gia.



Muốn nhận biết chòm sao phải căn cứ vào bản đồ sao để tìm ra vài ngôi sao sáng nhất (độ sáng của nó được sắp theo chữ cái Hy Lạp). Sau đó, tiếp tục căn cứ vào vị trí tương đối của chúng trong bản đồ để nhận biết cả chòm sao. Tuy nhiên, khi nhận biết 12 chòm sao hoàng đạo là Bạch dương, Kim ngưu, Song ngưu, Song tử, Cự giải, Sư tử, Xử nữ, Thiên bình, Thần nông, Nhân mã, Ma kết, Bảo bình có thể sẽ không tìm thấy ngôi sao nào sáng nhất. Những hành tinh chúng ta nhìn thấy bằng mắt thường chỉ có 5, đó là: Sao Mộc, sao Kim, sao Hỏa, sao Thủy và sao Thổ.



Hình ảnh các chòm sao phía Đông.

Nếu cùng một điểm cố định nào đó khi quan sát 88 chòm sao trên bầu trời, thông thường chỉ có thể nhìn thấy một phần. Cho dù trái đất tự quay quanh mình như thế nào, người quan ở Bắc cực chỉ có thể nhìn thấy



một nửa các sao khu vực đó. Người quan ở Nam cực lại ngược lại, chỉ có thể nhìn thấy một nửa sao Nam cực. Người quan trên đường xích đạo sẽ nhìn thấy toàn bộ bầu trời sao, bởi vì cùng với sự chuyển động của trái đất hầu như đều nhìn thấy sao ở mọi phương hướng. Ở trên vĩ độ thông thường, con người chỉ nhìn thấy bầu trời sao của nửa bán cầu. Nếu quan trắc ở Bắc cực, dù trái đất tự quay quanh mình như thế nào, một bộ phận chòm sao trên bầu trời của Nam cực luôn ở dưới đường chân trời của họ, vì vậy không thể nhìn thấy. Ngược lại, một bộ phận bầu trời sao ở xung quanh sao Nam cực lại luôn ở phía trên đường chân trời của nó. Trong khi đó, một số thiên thể khác đôi khi ở trên đường chân trời của con người hoặc phía dưới chân trời của họ.

Đó chỉ là một số vấn đề nhỏ chúng ta có thể hiểu về bầu trời sao. Gần 1 thế kỷ trở lại đây, các nhà khoa học tiếp tục phát hiện ra một số thiên thể khác. Có thể thấy, còn có bầu trời rộng lớn hơn nữa vẫn đang chờ chúng ta khám phá.



9. Bí ẩn về mưa sao băng

Năm 1988, báo chí truyền hình đưa tin: Từ 2 - 4 giờ ngày 18, tháng 11 sẽ xuất hiện mưa sao băng trên chòm Sư tử. Khi đó, ở phía Đông của châu Á sẽ là nơi quan sát tốt nhất. Mưa sao băng trên chòm Sư tử 33 năm mới xuất hiện 1 lần, đây là trận mưa sao băng lớn cuối cùng của thế kỷ XX.

Đồng thời các trang web trên mạng internet không ngừng tuyên truyền, làm cho độ nóng của hiện tượng



mưa sao băng tăng lên nhanh chóng. Bên cạnh đó, các đội tìm kiếm cũng ngày càng nhiều. Đây là cơ hội hiếm có để được tận hưởng màn pháo hoa khổng lồ của bầu trời.

Thế nhưng, đêm ngày 18, tháng 11, năm 1998 không có màn pháo hoa khổng lồ như mọi người vẫn mong đợi, bởi vì mưa sao băng rơi sớm hơn dự kiến. Vào ngày 17, tháng 11, năm 1998, lúc 12 giờ 30 phút tính theo giờ Bắc Kinh là thời điểm mưa sao băng diễn ra mạnh nhất. Địa điểm quan sát đẹp nhất ở phương Tây. Khi đó, đài thiên văn đặt tại đảo La Palma Canarias, Tây Ban Nha đã quan sát được 2.000 sao băng.

Đài quan sát của Trung Quốc vào sáng sớm ngày 17 và ngày 18, lần lượt quan sát được 249, 355 sao băng. Trong đó, lửa sao băng bay trong không gian giống như những tia lửa điện, kéo dài 9 phút 30 giây.

Từ 3 - 6 giờ sáng tại đài thiên văn này đã quan trắc được 309 sao băng, trong đó lửa băng có khoảng 41 ngôi.

Đài thiên văn Côn Minh, Trung Quốc trong 1 tiếng vào sáng sớm ngày 17 đã quan trắc được 500 ngôi sao băng.

Quan sát kỹ ngày 18 có thể nhìn thấy hàng chục ngôi sao băng bằng mắt thường.

Chỉ nhìn thấy sao băng mà không nhìn thấy mưa đã khiến con người tiếc nuối. Tuy nhiên, sự mãnh liệt trong những khát vọng khám phá của con người vượt ngoài dự kiến của các nhà khoa học, đồng thời cũng đem lại những cảm xúc sâu sắc.

Vậy, sao băng là gì? Nói một cách khoa học, sao băng chính là hiện tượng một số hạt bụi, các mảnh rắn nhỏ va chạm vào nhau trong khí quyển gây ma sát bốc





cháy, tạo nên ánh sáng không gian giữa các hành tinh trong hệ mặt trời. Mưa sao băng là hiện tượng tầng khí quyển của trái đất gặp một quần thể lớn các hạt bụi vũ trụ gây ra, trông giống như mưa bụi.

Sao băng từ đâu đến? Có thể nói, nó còn có mối liên hệ bí ẩn nào đó với sao Chổi. Chúng ta lấy sao Chổi Biela làm ví dụ.

Sao Chổi Biela được phát hiện năm 1772. Năm 1826, sau khi Wilhelm von Biela tận mắt nhìn thấy ngôi sao Chổi này đã khẳng định: Đây chính là ngôi sao Chổi mọi người từng nhìn thấy nhiều lần, chu kỳ của nó là 6,6 năm.



Mưa sao băng.

Thế nhưng, điều khiến mọi người ngạc nhiên hơn đó là khi sao Chổi Biela xuất hiện trở lại vào ngày 13, tháng 1, năm 1846 đã phân tách thành hai phần: Tóc và đuôi. Từ đó trở thành cặp song sinh. Đầu tiên, chúng bám lấy nhau như hình với bóng, về sau dần dần tách ra rồi biến mất. Đến năm 1852, cho dù cặp sao Chổi



này có trở lại nhưng chênh lệch 240 vạn kilômét, hình dạng cũng như kích thước không có sự thay đổi quá lớn. Tuy nhiên, chúng đã trở thành 2 ngôi sao Chổi độc lập.

Năm 1859 - 1865, người ta không tìm được cặp sao Chổi sinh đôi này. Qua tính toán, ngày 6, tháng 10, năm 1872, chúng sẽ bay qua điểm quỹ đạo gần mặt trời. Con người một lần nữa chuẩn bị để chào đón sự trở lại của sao Chổi.

Mặc dù những người làm công tác thiên văn đã tìm kiếm kỹ càng, song vẫn không phát hiện ra bất cứ dấu vết nào của chúng. Mọi người nghi ngờ rằng, có khả năng chúng đã biến mất hoặc dừng lại ở một nơi nào đó.

Ngày 27, tháng 11, năm 1872, ở rất nhiều nơi của châu Âu và Bắc Mỹ đã chứng kiến một trận mưa sao băng lớn. Sao băng từ chòm sao Tiên nữ bắn ra xung quanh, giống như những chùm pháo hoa trên bầu trời. Chúng kéo dài suốt 6 tiếng, từ các điểm bức xạ tính ra được tổng cộng khoảng 16 vạn ngôi sao băng, lúc đỉnh điểm lên tới hàng vạn. Sự nghi vấn trong lòng mọi người cuối cùng đã được giải đáp.

Thực ra sao Chổi Biela đã tiêu biến, các mảnh vụn, hạt nhỏ của nó rắc đều trên quỹ đạo, tập trung lại thành một khối hạt bụi lớn hình thành quần thể sao Chổi Biela. Do các điểm bức xạ trên quần thể sao Chổi Beila, cho nên người ta gọi mưa sao băng mới xuất hiện là sao băng chòm sao Tiên nữ.

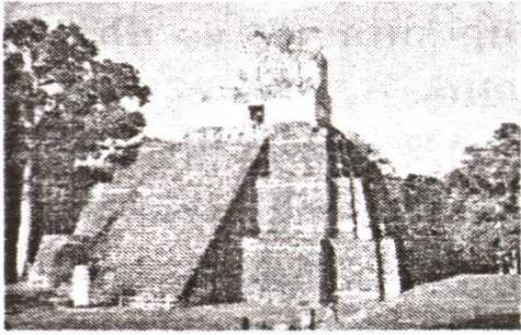
Từ sự xuất hiện của sao Chổi Biela, chúng ta có thể phân tích quy luật, lịch sử diễn biến của việc sao Chổi phân liệt và tan vỡ. Mặt khác, giải thích được mối quan hệ giữa sao Chổi và mưa sao băng.



Mưa sao băng của chòm sao Sư tử cuối thế kỷ XX có quan hệ với sao Chổi Tempel-Tuttle. Sao Chổi Tempel-Tuttle bình quân 33,5 năm trở lại 1 lần. Điều này có nghĩa là cách 33,5 năm, mưa sao băng trên chòm Sư tử mới xuất hiện. Trận mưa sao băng trên chòm sao Sư tử lớn nhất trong lịch sử diễn ra vào ngày 13, tháng 11, năm 1833. Trong vòng 6 - 7 tiếng, tổng số sao băng lên tới trên 24 vạn ngôi, quy mô cũng như số lượng của nó xứng đáng là kỳ quan thiên nhiên hiếm có.

Thập niên 60 thế kỷ XX, chòm sao Sư tử tiếp tục xảy ra một trận mưa sao băng lớn. Số lượng lên tới đạt tới 14 vạn ngôi/tiếng, kéo dài suốt 8 - 9 tiếng, mỗi phút có khoảng 2.400 ngôi sao băng phóng ra phủ khắp bầu trời. Gần 2.000 năm trở lại đây, 4 trận mưa sao băng nổi tiếng đều xuất hiện ở phương Tây, nó chỉ xuất hiện ở phương Đông vào năm 931. Trận mưa sao băng năm 1998 không xuất hiện đúng như thời gian người ta đã dự kiến. Có thể thấy, tốc độ vận chuyển hoặc kết cấu bên trong của nó đã có sự thay đổi. Các nhà thiên văn hiện nay vẫn chưa thể giải thích được nguyên nhân vì sao nó thay đổi thời gian.

Bầu trời sao lấp lánh nơi xa kia vẫn còn rất nhiều bí ẩn đang đợi chúng ta tìm hiểu, khám phá.



Chương hai

VĂN MINH CỔ XƯA



1. Kỳ thú văn minh cổ xưa dưới đáy đại dương

Ngày xưa, đáy đại dương đã từng được xem là đại cao nguyên bằng phẳng. Tới đầu thế kỷ XX người ta bắt đầu phát hiện ra rằng, dưới đáy đại dương cũng giống như trên lục địa. đó là một vương quốc đầy khe, vách núi. Vậy, ở dưới nơi áp suất cao, không nhìn thấy ánh mặt trời sự sống có tồn tại không? Năm 1948, một nhà khoa học đã tuyên bố: Trong thế giới đại dương vượt quá độ sâu 6.500m, sự sống không thể tồn tại. Bởi vì, trong điều kiện áp suất khí quyển dưới nước biển sâu cao như vậy, ngay cả sinh vật đơn bào đơn giản nhất cũng không sống được.

Năm 1949, tàu Galatea của Đan Mạch đã quăng lưới xuống độ sâu 10.190m dưới biển, bắt được 25 con mực đầu bạc, 75 con hải sâm ống, 5 con sò và một số loài sinh vật biển khác. Những sinh vật biển này làm thế nào có thể sống được dưới đáy biển? Khi thả một miếng kính xuống, áp suất dưới biển sẽ lập tức ép vỡ vụn miếng kính. Dưới đáy biển sâu hơn 3.000m có hàng trăm loài cá đang sinh sống. Thậm chí, dưới độ sâu hơn 6.000 - 10.000m ở đáy đại dương cũng có hơn 100 loài cá cùng một số loài sinh vật biển khác sinh



sống. Tuy nhiên, ở đây còn có những sinh vật cổ nhất cho đến nay chúng ta vẫn chưa biết được.

Hàng chục năm qua, nhiều nhà Hải dương học của các quốc gia đã lần lượt đưa ra những báo cáo khó hiểu về những hình ảnh kỳ lạ dưới biển. Bởi vì, những ánh sáng lạ dưới biển này không phải dấu vết ánh sáng của chiếc đèn của đuôi tàu để lại, cũng không phải là ánh đèn hoa tiêu của tàu biển hay từ thiết bị thăm dò. Thực ra, đó là vòng ánh sáng rất lớn xoay chuyển với tốc độ cao, tạo thành một vòng tương tự như nan hoa bánh xe. Chúng quét ngang mặt nước theo phương thẳng đứng với biên độ rất rộng. Nhiều người cho rằng, đó là luồng ánh sáng được phát ra từ chiếc tàu nào đó ở nơi sâu thẳm dưới đáy đại dương. Tháng 12, năm 1929, ở vùng biển 98° kinh Đông, 14° vĩ Bắc xuất hiện nhiều vòng ánh sáng xoay chuyển. Những vòng này có dạng hình nan hoa, thời gian biến mất của chúng lần lượt là: Lần đầu tiên là 0,5 giây, lần thứ 2 là 2 giây. Trong khoảng cách lần thứ nhất, phương hướng xoay chuyển của hình nan hoa có sự biến đổi, bánh xe xoay ngược chiều kim đồng hồ, sau đó lại chuyển hướng xoay thuận theo chiều kim đồng hồ, cuối cùng tiếp tục xoay ngược lại, thời gian 5 phút. Vòng ánh sáng này không chỉ thay đổi phương hướng, còn có thể tăng nhanh hoặc làm chậm tốc độ xoay chuyển. Bên cạnh đó độ sáng của nó cũng tùy lúc mạnh yếu khác nhau.

Rất nhiều người chú ý tới sự kiện này, bởi vì những vầng ánh sáng và điểm sáng thần kỳ xuất hiện trên biển không phải ở bề mặt, chắc chắn nó được chiếu lên

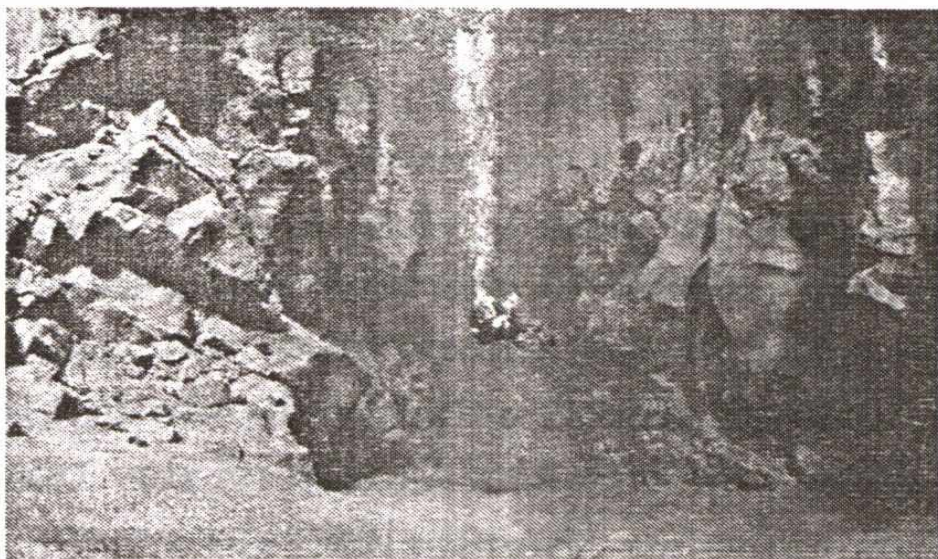


từ dưới đáy sâu thẳm. Phía dưới của những thể phát sáng này còn ẩn chứa điều gì đó, không bao lâu, nó biến mất ở dưới đáy biển sâu. Năm 1977, khi tàu khảo sát hải dương hiệu Vladimir của Liên Xô hoàn thành nhiệm vụ, nhân viên lái tàu và đội khảo sát đứng trên boong bỗng phát hiện: Trong vòng bán kính 150 - 200m xung quanh con tàu có một vầng ánh sáng màu trắng chói mắt, xoay chuyển ngược theo chiều kim đồng hồ. Nó được chia thành 8 cấp khác nhau. Lúc này, thiết bị thăm dò hồi thanh trên tàu đang ở độ sâu là 170m dưới đáy biển, đồng thời hiển thị: Phía dưới đáy tàu 20m có một quái vật khổng lồ. Đường viền xoay chuyển được tổ thành của đường ánh sáng ban này xuất hiện từ đường cong này. Nó giống như hình nan hoa trên bánh xe của chiếc ô tô. Nửa tiếng sau, độ sáng của thể này dần yếu đi, đường kính của thu nhỏ còn 80 - 100m. Trên thực tế, chỉ có một số tế bào động thực vật mới có thể phát sáng. Ngoài những sinh vật dưới biển ra, bản thân nó không thể phát sáng được. Tuy nhiên, sự xuất hiện hiện tượng phát sáng kỳ dị của biển này không nhiều, không những thế cảnh quan rất đặc sắc.

Năm 1972, trong cuốn sách *Con người dưới đáy đại dương* của Pedersen đã đưa ra một nhận định như sau: “Trên hành tinh của chúng ta tồn tại một nền văn minh dưới nước”. Ông Rick Rudnicki người Nga cũng có cùng quan điểm như vậy. Theo ông, ở nơi sâu thẳm dưới đáy đại dương tồn tại một nền văn minh. Các sinh vật ở đây trải qua hàng nghìn năm sinh sống dưới môi trường nước đã, đang có được những bước phát triển lớn. Có



thể thấy, những loài sinh vật trong nền văn minh dưới nước từ xa xưa đã có mối liên hệ với con người sống trên đất liền.



Ngày nay, con người đang dần dần khám phá những bí mật dưới lòng đại dương.

Vậy, thực sự có nền văn minh dưới nước hay không? 2 tàu thăm dò vũ trụ mang nổi tiếng của Mỹ đang trong quá trình truyền thông tin văn minh nhân loại tới bầu trời. Các thông tin về nền văn minh ngoài trái đất vẫn được dùng làm tư liệu để viết sách theo hình thức sơ đồ. Kế hoạch tìm kiếm những sinh vật trong vũ trụ đang được tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, không ai có thể nghĩ rằng, trên trái đất của chúng ta vẫn còn có một thế giới dưới nước. Vì sao con người lại chuẩn bị chào đón những sinh vật trí năng từ thế giới khác đến thế giới của mình, trong khi không tiếp tục tìm hiểu về đại dương ở ngay bên cạnh? Như đã nói ở trên, trong màn đêm tĩnh lặng, thủy thủ trên tàu đã phát hiện ở dưới mặt nước cách đó không xa có một quang sáng đen. Trong phút chốc, vùng nước này bỗng biến thành



một hình thể động vật. Nó giống như loài sinh vật trôi nổi phát sáng trên biển, có lúc lại giống chú đom đóm kỳ lạ. Nói chung, ảo ảnh này thay đổi hình dạng của mình liên tục. Lúc nó biến thành một hình cầu, hình trứng, cũng có khi thành hình tam giác. Lúc khác vỡ ra thành 2 phần, quện vào nhau. Đôi khi nó bơi về phía trước hoặc phía sau, cuối cùng biến thành 3 khối ánh sáng lớn chuyển động từ từ bao quanh chiếc tàu, một khối trong đó dài khoảng 6 - 8m. Những quái vật này hoạt động trên mặt biển chưa tới 1 tiếng đã biến mất một cách kỳ lạ xuống đáy đại dương.

Ở vùng biển Okhotsk của Nga từng xảy ra một chuyện khó lý giải như sau: Từ ngày 22 - 23, tháng 8, năm 1908, một con tàu mang tên Okhotsk của hải quân Nga đang di chuyển ở hải phận $57^{\circ}53'$ vĩ Bắc, $155^{\circ}50'$ kinh Đông. Vào lúc 23 giờ đêm, trong nước biển phía đuôi tàu bỗng xuất hiện một thể phát sáng trắng, chói mắt khác thường, cường độ phát sáng của nó làm sáng rực phần đuôi tàu trên mặt biển. Thậm chí độ sáng ngày một lớn, sau đó nó bắt đầu chuyển động về phía trước. Tiếp sau đó, con tàu này đã bị luồng ánh sáng nuốt chửng, bởi vì nó nằm ở vị trí trung tâm. Bỗng chốc, thể phát sáng lại biến thành hình quả trứng to. Khi con tàu Okhotsk tiến về phía trước, biến hình này đi theo khoảng thời gian, sau đó dần tách xa hướng sang bên cạnh. Một lúc sau, nó lại hướng về phía trước con tàu, nhanh chóng vượt qua, chỉ trong khoảng 2 - 3 phút đã tạo thành một đường ánh sáng dần biến mất ở phía xa.



Vậy, nền văn minh dưới nước có mối liên hệ tới chúng ta hay không? Ánh sáng đổi xa dưới đáy biển chính là kỹ thuật thiên nhiên lý tưởng nhất để trao đổi thông tin. Theo dự đoán của các nhà khoa học, giả dụ chúng ta có thể duy trì luồng ánh sáng thần bí của đại dương này trong thời gian dài ghi lại các khoảng gián đoạn của nó, như vậy máy vi tính của nền văn hóa hiện đại có thể lý giải được nhiều điều bí ẩn. Đó là những thông tin người dưới đáy đại dương dùng phương thức tín hiệu ánh sáng để truyền đạt cho con người trên đất liền. Rất nhiều người đã phát hiện thấy, sau khi ánh sáng thần bí kia xuất hiện trên đại dương, nó biến thành các hình chữ nhật hình thoi, hình tròn, hình lăng trụ, hình tam giác. Những hình này còn có thể tiếp tục biến thành 2 hoặc 3 hình. Trong nhiều đêm, thể phát sáng hình chữ nhật theo quy tắc này luôn vây quanh một chiếc tàu, tiến hành biểu diễn những vũ điệu tuyệt vời. Tuy nhiên, phía bên trong luồng ánh sáng thần kỳ làm cho con người lóa mắt này còn ẩn chứa những sinh vật biển khổng lồ nào đó. Điều này có khi nào chỉ là ngẫu nhiên hoặc ảo giác? Câu trả lời là: Không! Đó là sự thực. Năm 1976, nhà hàng hải Yuria và Dunyya của Bulgaria đi trên một chiếc tàu nhỏ dài 8m đã hoàn thành chuyến du lịch vòng quanh thế giới. Vào nửa đêm của ngày cuối tháng 4, năm 1976, trong khoảng 1° vĩ Bắc, 5° vĩ Nam, trong khoảng 110° - 130° kinh Đông trên vùng biển Nam Thái Bình Dương cận xích đạo bỗng xuất hiện nhiều quang sáng rất lớn. Chúng di chuyển từng quang liên tiếp đi tới bên cạnh tàu. Chúng giống như những chiếc mũ từ một nơi nào đó ở sâu dưới đáy biển phát ra, hiện



tượng này kéo dài trong một thời gian dài. Nhiều năm qua, mọi người dường như đã quen với điểm sáng ở dưới đáy biển. Tuy nhiên, cho đến nay, những điểm sáng này lại được phát từ phía dưới đáy đại dương, nhanh chóng tiếp cận mặt nước. Hai nhà Hàng hải học thâm nghĩ: “Đây này lẽ nào là cá kình và cá lớn?”. Những điểm sáng này ngày càng gần, họ càng cảm thấy chúng giống như người cầm cờ của tàu dưới nước. Thậm chí, họ còn có thể thấy trên boong tàu của cánh buồm này có những sinh vật hình người, mặc những trang phục kỳ quái. Đó không phải là cánh buồm, không lẽ là hải quân của nền văn minh dưới nước?

Trong truyền thuyết, thần thoại của nhiều dân tộc ven biển trên thế giới cũng tìm thấy những miêu tả về dấu tích của con người dưới đáy đại dương. Nhà Khảo cổ học Leonardo nước Anh ở vùng đảo Sumer đã phát hiện ra một đoạn như sau: “Cư dân của thành Sumer - người Uruk rất tinh thông kỹ thuật làm gốm sứ, công cụ vận chuyển bằng bánh xe. Ngoài ra, họ còn có các kỹ sư chế tạo thủ công mỹ nghệ, kiến trúc sư ưu tú nhất. Dường như tất cả đàn ông của Uruk đều có thể đọc, viết bình thường”. Tuy nhiên, những điều này đều đã là chuyện của 4.000 - 5.000 năm trước. Ngoài ra, một nhà khoa học tên là Jacob W Johnson nghiên cứu về người Sumer cho rằng, nền văn minh Lưỡng Hà đã thay đổi thế giới chỉ trong nháy mắt. Trong huyền thoại của người Sumer cũng có những ghi chép tương tự: “Trong đại dương đã từng có quái tộc nửa người nửa cá sinh sống. Những người cá này dưới sự lãnh đạo của người đứng đầu Osce đã bơi lên bờ biển Ba Tư, định cư ở





mất trong không trung. Trên lớp băng còn để lại một lỗ thủng khổng lồ. Chuyên gia hiện tượng siêu nhiên nổi tiếng người Nga - ông Kieseritzky sau khi nghiên cứu, tổng kết hiện tượng UFO trong những năm 70 đã phát hiện và ghi chép lại sự kiện đĩa bay từ dưới biển bay lên, sau đó lại trở lại đáy biển. Ông cho rằng, UFO có thể 3 địa điểm sau: ① Đến từ núi cao; ② Đến từ biển sâu; ③ Đến từ bầu trời. Thậm chí, cả 3 nguồn này đồng thời xuất hiện một lúc. Thế giới rộng lớn vô tận, đại dương, vũ trụ càng rộng lớn hơn. Vì vậy, có thể nói, ở đâu có sự sống, ở đó không thể tránh khỏi sự xuất hiện của nhiều sinh vật khác nhau.

Ở vùng Karelia của Nga đã từng xảy ra những hiện tượng kỳ lạ, các nhà khoa học không thể giải thích được. Sự kiện này xảy ra vào năm 1928 ở gần làng Potryasli Lookka của vùng hồ Victor Chandle. Hôm đó, một vài người nông dân phát hiện thấy một khối hình trụ tròn dài khoảng 10m đi theo đường thẳng không có âm thanh bay lên, phần đuôi của nó phụt ra tia lửa màu đỏ cam. Chiếc đĩa bay hình tròn khổng lồ này đã hoạt động ở đó 1 ngày. Hơn nữa, theo lời kể của những người đã tận mắt chứng kiến, hàng chục năm nay luôn diễn ra hoạt động của quái vật hình tròn khổng lồ đó làm cho việc đánh bắt cá ở nơi đây gặp nhiều khó khăn. Năm 1988, một nhóm của đội khảo sát Dân tộc học thuộc trường Đại học Petrozavodsk của Nga đã tới làng Potryasli Lookka để khảo sát. Một ông lão 70 tuổi trong lòng kể lại hiện tượng ông tận mắt chứng kiến từ lâu: “Một hôm, bỗng từ trên trời rơi xuống một vật thể. Từ đó về sau, chúng tôi thường xuyên bắt gặp những sinh





vật kỳ dị có lớp vỏ dày ở hồ Victor Chandle. Chiều cao của nó khoảng 1.2m khuôn mặt bị một thứ giống như bộ tóc của loài người che mắt. Loài sinh vật này có cơ thể gầy, dài, hai cánh tay vừa nhỏ vừa dài buông xuống mặt đất, hai chân rất ngắn”. Có khoảng 15 người đã tận mắt chứng kiến sự kiện này. Sinh vật có vẻ nhút nhát, khi nhìn thấy con người liền biến mất trong hồ nước. Mọi người gọi nó là người thủy sinh. Không lâu sau, một nhóm thợ lặn đã tới một hồ khác của vùng này tiến hành lặn xuống đáy hồ để khảo sát chi tiết. Họ phát hiện thấy dưới đáy hồ có rất nhiều bùn, nước đục rất khó để xác định phương hướng. Chỉ có một nhân viên khảo sát lặn xuống phát hiện đáy hồ có chất kỳ lạ, cấu thành từ lớp dung nham hoặc đá vôi. Tuy nhiên, điều khiến người ta khó lý giải đó là trong suốt thời kỳ dài, người dân nơi đây không thể xem được truyền hình, dường như có một từ trường làm nhiễu sóng xuất hiện. Trong khi đó, làng bên cạnh lại không hề có hiện tượng này. Thậm chí, địa điểm của vật rơi xuống xuất hiện một vòng sáng 4 màu.

Trong một cuốn sách *Vũ trụ và nhân loại* được xuất bản trước thế kỷ I đã có những ghi chép về người đáy biển, nàng tiên cá: “Những người dưới đáy đại dương có bộ não to, một khuôn mặt phụ, chiếc mũi ngắn nhỏ, không có cằm và tai, chân tay cũng rất ngắn, mỗi tay đều có 4 ngón, giữa các ngón có lớp màng. Người dưới đáy đại dương không chỉ bắt gặp ở Ấn Độ, còn ở châu Phi, Philippines, đảo Mahruk của Indonesia, Brazil, khu vực Đông Bắc Đại Tây Dương đều có. Cho đến nay, không ai dám khẳng định có một nền văn minh nào đó

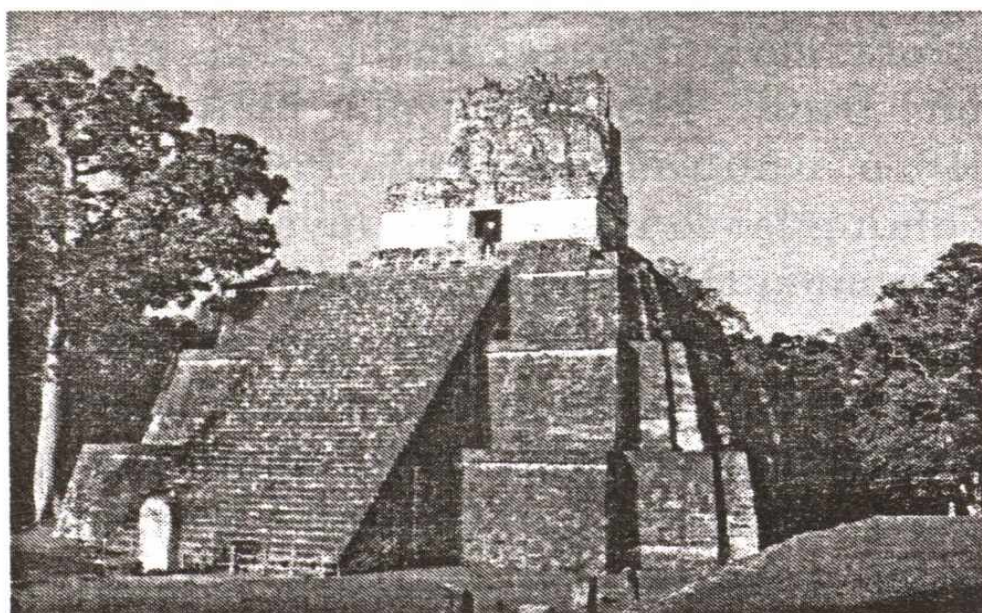


như nền văn minh vũ trụ, dưới lòng đất, dưới nước. Tuy nhiên, nếu muốn họ mang lại cho chúng ta sự an toàn cũng như trí tuệ, tốt nhất chúng ta nên đối đãi với họ thật tốt.



2. Nền văn minh Maya

John Stephen là người đầu tiên phát hiện ra di tích văn minh cổ đại Maya. Năm 1839, tại vùng biển nhiệt đới Honduras ngày nay, các nhà khảo cổ của các quốc gia trên thế giới đã tìm thấy hơn 200 di tích thành cổ Maya bị lãng quên. Nó chủ yếu ở khu rừng của bán đảo, vùng đồng bằng hoang vắng. Người Maya đã xây dựng nên những công trình kiến trúc hoành tráng khiến con người phải kinh ngạc tại khu rừng rậm nhiệt đới Nam Mỹ.



Thành Tikal - một chứng tích của nền văn minh Maya còn sót lại.

Di sản văn hóa thiên nhiên thế giới thành Tikal nằm sừng sững trong khu rừng rậm phía Đông được xây dựng trên thế cheo leo, nguy hiểm. Đây là thành phố lớn nhất





của nền văn minh Maya cổ đại. Vào thời kỳ hưng thịnh, thành phố này có diện tích của vương quốc hơn 65km², với 50.000 cư dân, hơn 3.000 Kim tự tháp. Ngoài ra, nó còn có các di tích khác như đàn tế, bia đá, khu vực chịu tầm ảnh hưởng là 500km², không chế gần 20 triệu người. Trước khi máy tính phục chế lại hình ảnh nguyên dạng, có rất nhiều kiến trúc sư của thành phố hiện đại đều cho rằng, hiện nay không có thành phố nào được như vậy.



Lịch sử của di tích Palenque có thể ngược dòng về năm 300 trước Công nguyên, kiến trúc chủ yếu là một tòa cung điện gồm 5 ngôi miếu thần. Cung điện Palenque được xây dựng vào thế kỷ thứ VII, dài 100km, rộng 80km, cao 10m, rộng lớn. Một góc của cung điện có lầu tháp sừng sững, 4 tầng, cao 15m. Đây là kiến trúc kiểu lầu tháp duy nhất của nền văn minh Maya. Trang trí phía trong cung điện rất phong cách, đẹp lộng lẫy. Những bức tranh trên tường, phù điêu vô cùng tinh xảo, khéo léo. Khu thần miếu của Palenque tuy không rộng lớn nhưng lại có kỹ xảo điêu luyện. Bức tranh trên tường trong miếu thờ thần mặt trời có khắc 146 văn tự tượng hình Maya, cho đến ngày nay chúng vẫn được bảo tồn hoàn chỉnh. Thần miếu bao gồm Kim tự tháp 9 tầng, trên đỉnh có bậc thần chính diện, xung quanh 5 cửa họa trên tường vẽ lại 600 văn tự tượng hình Maya. Phát hiện lớn nhất của lịch sử khảo cổ Maya chính là quan tài bằng đá của quốc vương Pacal được đặt phía trong mộ, nằm ở bên dưới miếu thần.



Di sản Uxmal từ lâu đã trở thành trung tâm cúng lễ của người dân Maya thời cổ đại. Cho nên có thể nói, Uxmal là nơi tập trung tín ngưỡng nhất lớn của nền văn minh Maya.



Cung điện Uxmal chính là nơi đẹp nhất, đại biểu vĩ đại nhất của kiến trúc châu Mỹ cổ đại. Cung điện này dài hơn 90m, cao 10m, xây dựng trên một đài cao 120m, rộng 9m. Phía bề mặt nền móng cung điện chạm khắc hơn 150 thần rắn, mỗi mặt do 18 viên đá tạo thành. Những hình này kích thước to nhỏ hoàn toàn giống nhau, tổng cộng dùng hết 2.700 viên đá. Mỗi viên đá có thể tích, hình dạng y hệt nhau, không có sự sai lệch. Do đó, tòa cung điện này được xem là đỉnh cao nghệ thuật kiến trúc của Maya cổ đại.

Di sản văn hóa thế giới Chichen Itza nằm ở phía Bắc bán đảo Yucatan, Mexico là thành bang lớn nhất, phần hoa nhất của Maya. Ngôi đền Kukulcan gồm các tòa thành xây theo kiểu lô cốt, một trong những di tích cổ nhất của Chichen Itza, chiếm diện tích 3.000km², cao 30m. Thân tháp cao lớn, 4 mặt có tổng cộng 364 bậc, bao gồm cả thần miếu trên đỉnh tháp. Hàng năm, mỗi lúc mặt trời lặn vào ngày Xuân phân, Thu phân, ánh nắng mặt trời chiếu rọi trên Kim tự tháp. Bóng của nó, đầu rắn khắc dưới chân tháp giống như một con rắn lớn đang uốn lượn, trườn bò trên mặt đất. Miếu võ sỹ của Chichen Itza tuy đã bị mất đỉnh nhưng 1.000 cột trụ đá cao sừng sững, nguy nga vẫn khiến con người liên tưởng đến khí thế hùng hồn của thời bấy giờ. Tương truyền, đây là trung tâm thương nghiệp công trình kiến trúc quy mô hoành tráng hiếm hoi còn lưu giữ lại của Chichen Itza. Nó không xây dựng theo mục đích tôn giáo giống như kho tàng di tích khác của Maya.

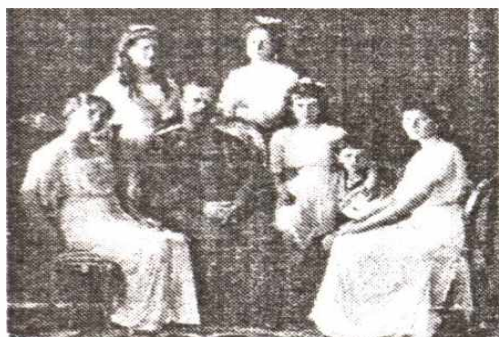




Trên bán đảo Yucatan còn có một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng khác được liệt vào di sản văn hóa thế giới như di tích thành phố cổ Calakmul. Cho đến nay, tại nơi rừng núi sâu thẳm, người ta vẫn có thể nhìn thấy di tích thành phố cổ này của người Maya. Những thành cổ này là di tích còn sót lại của một nền văn minh đã suy tàn. Thành phố này đã nhiều lần bị hủy hoại, thậm chí mất đi. Tuy nhiên, cùng với văn minh văn minh Maya, sự ra đời phát triển của ngôn ngữ, nghệ thuật, tư tưởng vĩ đại của nó không bao giờ bị phai mờ. Chúng là công trình kiến trúc bất hủ có giá trị to lớn đối với nhân loại.



Khu di tích Chichen Itza là một trong những thành phố vĩ đại nhất của người Maya cổ đại.



Chương ba

BÍ MẬT CỦA NHỮNG VUA CHúa



1. Bản án của Thiên hoàng Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai

Như chúng ta đã biết, Nhật Bản là 1 trong 3 cường quốc hiếu chiến phát động cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong cuộc chiến tranh này, trên chiến trường Trung Quốc, quân đội Nhật Bản đã có những tội ác vô cùng to lớn với nhân dân Trung Quốc. Sau cuộc đại chiến, rất nhiều tội phạm chiến tranh của Nhật Bản bị đưa đến tòa án quân sự quốc tế, chịu sự xét xử của thế giới. Trong khi đó, Thiên hoàng - người chỉ huy cao nhất của Nhật Bản lúc bấy giờ lại không phải chịu bất kỳ một trách nhiệm gì trước những điều đã gây ra. Bên cạnh đó, những tội phạm chiến tranh đó đều bị đưa ra thi hành án với mức án cao nhất là tử hình còn bản thân Thiên hoàng lại không có vấn đề gì. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thực chất còn nhiều điều mờ ám, khó lý giải.

Ngày 15, tháng 8, năm 1945, Thiên hoàng Dụ Nhân của Nhật Bản đã gửi tới nhân dân toàn thế giới chiếu thư chấm dứt chiến tranh, chính thức tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, bộ phận nhân dân trong nước, thế giới, ngay cả bản thân Dụ Nhân cũng cho rằng: Ông sẽ phải chịu trách nhiệm



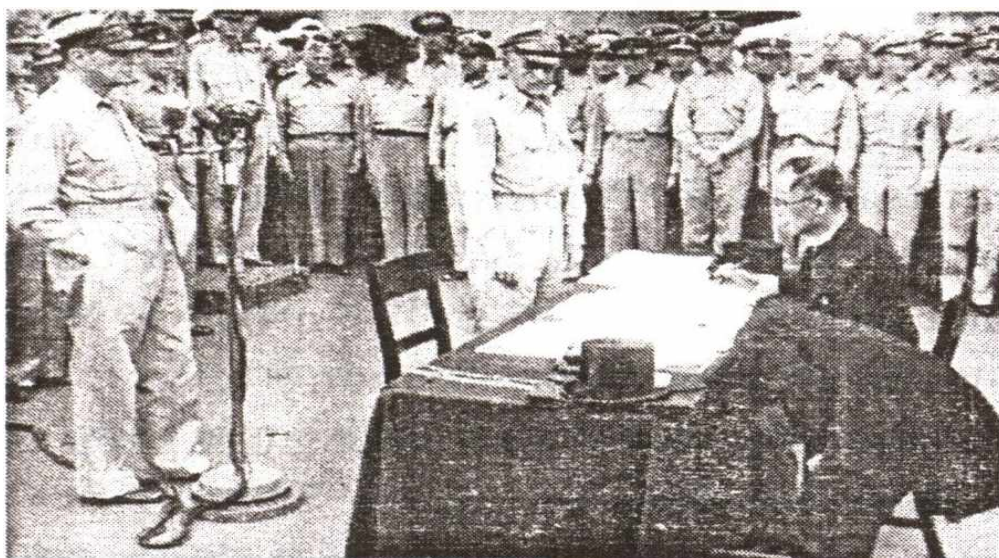


trong cuộc chiến tranh này. Ở Nhật, một số lãnh tụ tiến bộ của đoàn thể quần chúng cùng với bộ phận của nước đồng minh phải chịu hậu quả nặng nề trong cuộc chiến tranh đã hô vang khẩu hiệu: “Nguyên thủ quốc gia Dụ Nhân là kẻ đầu sỏ có những hành vi phát động chiến tranh. Những hành động của kẻ tội phạm số 1 này phải chịu sự xét xử, trừng trị của tòa án binh”. Họ đưa ra 3 đề xuất: Nên bãi bỏ chức Thiên hoàng của Dụ Nhân, cải cách thể chế chính trị Nhật Bản hiện có, xử lý những tàn dư của bọn phát xít, xây dựng thế giới hòa bình, công bằng. Quan tòa cũng cho rằng: “Nếu không xét xử Thiên hoàng phạm tội trong chiến tranh, cũng không thể xử tử bất cứ người nào cả. Để giữ gìn và bảo vệ sự công bằng của pháp luật, ông ta nên bị giam giữ ở trong hoặc ngoài nước”. Thậm chí, ngay chính Dụ Nhân cũng cảm thấy đuối lý, khó đối mặt với sự phẫn nộ của nhân dân thế giới. Ông cảm thấy việc chịu trách nhiệm trong cuộc chiến tranh này hoàn toàn hợp lý.

Căn cứ vào tình hình trên, một cuộc họp mang tính lịch sử đã được tổ chức để quyết định số phận của Thiên hoàng Dụ Nhân. Lịch sử thế giới cũng tăng thêm màu sắc thần bí. 9 giờ sáng ngày 27, tháng 9, năm 1947, cuộc họp chính thức được bắt đầu. Dụ Nhân đến chào thượng tướng nước Mỹ là tướng quân Douglas Mac Athur. Vào thời điểm đó, vị tướng quân này nổi tiếng với những chiến công hiển hách, viên quan cao nhất trong quân đội đang chiếm đóng Nhật Bản. Trong cuộc họp, Dụ Nhân có thái độ thản nhiên, dũng cảm thừa nhận: “Đối với mỗi một hành động quân sự, quyết định



về quân sự của chính phủ Nhật Bản, tôi là người duy nhất có trách nhiệm”.



Lễ ký văn bản đầu hàng vô điều kiện của Nhật Bản trên thiết hạm Hải quân Mỹ.

Cũng chính nhờ phát biểu đó, thiên hoàng Dụ Nhân đã để lại ấn tượng rất tốt đẹp trong lòng Douglas Mac Arthur cũng như quân đồng minh chiếm đóng Bộ tổng tư lệnh quân Nhật. Họ yêu cầu Nhật Bản từ bỏ ý định thống trị thế giới, quyết tâm giữ gìn, bảo vệ hòa bình, xóa bỏ tinh thần lạm dụng vũ khí trong nước. Ngoài ra, họ phủ định tinh thần Thiên hoàng do thần thánh mang đến cho loài người hay những lời nói của ông, mọi người đều phải làm theo.

Sau khi xem xét kỹ các mặt có lợi của nước Mỹ, tình hình khó khăn của quân đồng minh trong cuộc hội báo với tổng thống, tướng quân Douglas Mac Arthur đã nói: “Không thể để Thiên hoàng của Nhật Bản bị bắt với tội danh tội phạm chiến tranh được. Bởi vì từ trước đến nay, địa vị đặc biệt của Thiên hoàng ở Nhật Bản có ảnh hưởng vô cùng lớn tới nhân dân. Giữ lại Thiên hoàng là





một điều thuận lợi để giúp các nước đồng minh chiếm lĩnh, không chế Nhật Bản”. Dựa vào ý kiến của Douglas Mac Arthur, cân nhắc đến sự đòi hỏi trong chính trị, thẩm phán tòa án quân sự quốc tế đã dựa vào các hình thức tiêu biểu để đưa ra quyết định: Thông thường các loại đơn từ, kiện cáo Thiên hoàng không được thụ lý. Bên cạnh đó, nước Mỹ đã căn cứ vào lợi ích quốc gia, chiến lược toàn cầu cho phép Thiên hoàng Nhật Bản bản án miễn tội chết. Ngày 3, tháng 4, năm 1948 Ủy linh ban viễn đông quyết định không cho phép tiếp tục kiện cáo Thiên hoàng.

Ngày 18, tháng 6, năm 1948, trong cuộc điều tra ở phía Nam, thẩm phán đã tuyên bố không thể luận tội Thiên hoàng với tội danh tội phạm chiến tranh. Ông còn phối hợp chặt chẽ với các thẩm phán, đoàn biện hộ Nhật Bản cùng thông qua nghị quyết: Thiên hoàng là của hoàng thất, không ai có quyền xâm phạm định tội.

Trong khi 7 nhân vật cao cấp của Nhật Bản trở thành tội phạm chiến tranh bị xét xử tử hình, Thiên hoàng Dụ Nhân tuy là lãnh tụ cao nhất lại bình an vô sự. Có thể nói, đây là sai lầm của lịch sử hoặc ý trời đã sắp đặt.



2. Câu chuyện về cái chết bí ẩn của gia tộc Sa hoàng

Tháng 7, năm 1918, kết thúc 300 năm thống trị của triều đại Romanov đối với nước Nga bằng trận chiến đẫm máu.

Tháng 3, năm 1917, địa vị thống trị của vương triều này bị đe dọa. Lúc này, Sa hoàng Nicolas nhất quyết



không chịu thoái vị, trao quyền lực cho người của phe Bảo hoàng. Các chính sách bảo thủ của phe Bảo hoàng hoàn toàn đối lập với Hồng quân, chúng giữ chế độ quân chủ lập hiến. Phe Bảo hoàng tuy vẫn chăm sóc cho gia đình Sa hoàng nhưng cũng có những tính toán riêng. Các thành viên trong gia tộc Romanov được sống trong cung điện hào hoa ở St.Petersburg tuy vậy hoàn toàn không có tự do. Tương tự như trước khi cuộc Cách mạng tháng Hai nổ ra, đó là cuộc sống bàng quan, ung dung. Ở ngoài cung điện thế sự biến động, trong cung toàn bộ người trong gia tộc chỉ biết đọc sách, đi dạo, chơi tennis, uống trà. Vào một ngày tháng 8, một cơn thịnh nộ của triều đình đã trút lên cung điện hào hoa, phá vỡ cuộc sống bình yên nơi đây. Toàn bộ người trong gia đình bị đày đến một thị trấn nhỏ vùng Siberia.



Gia đình Sa hoàng Nicolas II.



Tháng 11, năm 1917, Xô Viết cộng sản nắm chính quyền, cuộc sống của gia tộc Romanov theo đó đi xuống. Cung điện không còn, phe Bảo hoàng cũng không thể đề tâm tới họ được nữa. Tháng 5, năm 1918, họ bị đưa đến Yekaterinburg. Sáng ngày 18, tháng 7, khi tất cả mọi người vừa thức giấc, tử thần đã tìm đến.



Nhiều năm sau, một cảnh vệ kể lại cảnh tượng ngày hôm đó cho nhân viên điều tra của Xô Viết cộng sản: “Sáng ngày hôm đó, toàn bộ người trong nhà yêu cầu đến phòng chính ở tầng dưới. Người đầu tiên bước vào là Nicolas, ông ôm đứa con trai 14 tuổi đang bị bệnh aleksei. Theo sau là vợ của ông Alexandra và 4 cô con gái: Olga 22 tuổi, Tatiana 21 tuổi, Maria 19 tuổi, Anastasia 17 tuổi. Cuối cùng là bác sỹ, nhà bếp, người hầu, tùy tùng. Người đứng đầu quan quân hạ lệnh 11 phạm nhân úp mặt vào tường, sau đó yêu cầu đội hành hình tiến vào. Ông ta nói, Xô Viết Ural đã hạ lệnh xử quyết. Vừa nói xong, họ liền nổ súng bắn chết Sa hoàng.



Mỗi người trong đội hành hình phụ trách một tử tội, căn phòng trở nên ngột ngạt, binh sỹ không có cách nào giữ vững vị trí của mình. Lần bắn đầu tiên không bắn trúng ai. Tất cả áo ngực của phụ nữ đều cất giấu dây chuyền bằng kim cương nên rất khó để bắn trúng tử huyệt. Một lúc sau, đạn tuôn ra một loạt nhưng không trúng một mục tiêu nào, cuối cùng họ phải dùng đến dao, kiếm.



Khi binh lính an táng các thi thể, khung cảnh vô cùng hỗn loạn, họ chỉ bỏ những xác chết cạnh một cái giếng quặng bỏ hoang. Ngày thứ hai, họ muốn tìm một nơi bí mật để chôn cất, không may bánh xe bị lún trong bùn. Binh lính quyết định chôn họ ở nơi xe dừng lại”.



Có người cho rằng, khi đó có một người lính động lòng trắc ẩn đã giúp một thành viên trong hoàng tộc chạy thoát. Rất nhiều người nhận mình là thành viên hoàng gia may mắn đó. Có người đã bị vạch mặt ngay nhưng cũng có người lại nhận được sự đồng tình từ hoàng gia.

Nếu không tìm thấy thi thể của gia tộc Romanov, cũng không thể khẳng định toàn bộ người trong gia tộc đều gặp nạn. Vụ việc của gia tộc Romanov không dễ dàng bỏ qua.

Trong những người mạo danh, có một người làm cho tất cả phải chú ý. Mặc dù cô không cùng thời đại, không cùng tên nhưng trong lòng những người ủng hộ cô vĩnh viễn là Anastasia, con gái út của sa hoàng Nicolas II.

Người con gái này thu hút sự quan tâm lần đầu tiên vào tháng 2, năm 1920. Trước đó mấy tháng, cô đã cố gắng nhảy xuống dòng sông Landwehr tại Berlin. Sau khi được cứu, cô kể về thân thế của mình. Cô là con gái nhỏ trong gia tộc Romanov được một người lính Ba Lan cứu ở Yekaterinburg. Lúc đó, cô đang bị bất tỉnh. Dưới sự giúp đỡ của người lính này, cô vượt biên sang Romania. Cô muốn sang Berlin để cầu cứu sự giúp đỡ từ người cô là vương phi Lovisa Ulrika. Vương phi không tin vào thân phận của cô, cho nên cô gái này quyết định tự tử.

Rất nhiều người Nga đã cứu cô, họ thấy cô giống với những gì mô tả về Anastasia. Thậm chí, người em họ của Nicolas là Adrew, chị họ của Anastasia là công chúa Gtvet Antoni cũng công nhận điều này. Tại New York, cô luôn được giới xã giao chú ý. Cô đổi tên thành



Anna Aderson. Rất nhiều người giàu có đã mời cô đến dự tiệc, họ muốn đánh canh bạc nữ đại công tước này.

Tuy nhiên, hầu hết các thành viên hoàng tộc đều không công nhận cô Anderson. Tháng 10, năm 1928, các thành viên khác trong gia tộc Romanov cùng 3 vị thân thích của Alexandra cùng phát biểu một tuyên bố chung: “Người con gái đang ở New York không phải là công chúa Anastasia”. Bà cô của Anastasia không tin vào câu chuyện của Anderson, không muốn gặp mặt, thậm chí không muốn nghe tới tên cô.

Năm 1938, Anderson muốn nhờ pháp luật lấy lại phần tài sản của gia đình Romanov cô đáng được nhận. Thế nhưng, có quá nhiều chứng cứ bất lợi, trong khi hoàng thân không chấp nhận cô. Ngoài ra, năm 1927 một người phụ nữ đã nhận ra Anderson chính là Franciska, người làm công tại Ba Lan. Trước năm 1920, hai người từng ở cùng nhau.

Nhiều người cảm thấy đây giống như một câu chuyện cổ tích. Tuy vậy có thể nói, Anderson là một diễn viên khó đối phó. Kể cả đối với những người ủng hộ, cô cũng luôn kiêu ngạo, không bao giờ nói chuyện bằng tiếng Nga. Điều này cũng làm cho người ta nghi ngờ về thân phận thực sự của cô. Mặc dù vậy, những người ủng hộ cô ta đã nói giúp bằng một cách hợp tình, hợp lý: “Cô vốn là công chúa mọi người phải phục tùng nên không cần phải quan tâm đến ai. Cô không nói tiếng Nga vì nó sẽ làm cô lại những chuyện đau buồn, nhớ về cha mẹ, chị em của mình”.

Tất cả những lý do này đều không có sức thuyết phục. Qua nhiều lần điều tra, cuối cùng vào năm 1970



cơ quan pháp lý cao nhất của Tây Đức đã quyết định bác bỏ khiếu nại của cô. Nhiều chuyên gia lịch sử không hề hứng thú với chuyện của Anderson, bởi vì nghiên cứu của họ về thời kỳ trước Liên Xô không bao giờ kết thúc. Công tác điều tra đầu tiên là về chính phủ Bảo hoàng. 7 ngày sau khi cuộc hành quyết xảy ra, họ quay lại Yekaterinburg, cử Nicola Sokolov điều tra tình hình lúc bấy giờ.

Sokolov đã mất 6 năm để hoàn thành cuộc điều tra này. Lúc đó, Xô Viết cộng sản không chỉ thu hồi Yekaterinburg còn khống chế toàn bộ nước Nga. Sokolov đành phải đến Paris để xuất bản ra những kết luận của mình. Năm 1924, cuốn sách đó ra đời. Sokolov cho biết, vào ngày 18, tháng 7, năm 1918, những người bị giết hại không chỉ có Sa hoàng còn có toàn bộ người giúp việc của ông. Khi việc này mới xảy ra, theo lời kể của cảnh vệ Medway cho thấy, lúc đó anh ta không tham gia vào việc chấp hành lệnh bắn. Trên thực tế, anh ta chỉ nghe thấy tiếng súng, sau đó nhìn thấy những xác chết. Sokolov đã phát hiện ra vô số châu báu, các vật phẩm khác của gia đình Sa hoàng xung quanh khu vực miệng mỏ giếng bị bỏ hoang. Trong khi đó, một điện báo của Hồng quân gửi Matxcova ngày 17, tháng 7 viết: “Sa hoàng và toàn bộ người nhà đều chung số phận”.

2 năm sau, Liên Xô chính thức công bố kết quả điều tra của Pavel Buick. Đáng chú ý, Pavel tán đồng quan điểm của Sokolov. Điểm khác biệt lớn nhất chính là Sokolov cho rằng, thi thể của họ bị hỏa thiêu, còn Pavel nghĩ đã được an táng. Những điều tra của Pavel làm cho chính phủ Liên Xô thay đổi phát ngôn, họ không





thể phủ nhận việc làm của mình. Thế nhưng trên thực tế, họ chưa bao giờ công nhận chuyện này suốt 8 năm. Cuối cùng, họ đã phải công nhận Sa hoàng cùng toàn bộ người nhà đều chết ở Yekaterinburg. Tuy nhiên, Pavel cho biết, đây là quyết định của chính quyền địa phương Xô Viết Yekaterinburg, không phải từ Matxcova.



Báo cáo của 2 người này đã làm cho cả thế giới tin rằng, nhà Romanov không còn ai sống sót. Điểm nghi ngờ là cả hai đều không phát hiện ra thi hài của gia đình đó. Những năm 70 của thế kỷ XX, một giám đốc sản xuất điện ảnh của Nga quyết định đi tìm thi thể họ.



3. Pharaon quyền lực nhất trong lịch sử Ai Cập



Seti I - người đặt nền móng cho vương triều thứ 19 là một kẻ khát máu. Ông cho rằng, sức mạnh của vũ lực chính là chiếc chìa khóa vạn năng có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề của Ai Cập. Câu chuyện khắc trên bia đá của ông khiến người ta phải khiếp sợ: “Quốc vương phát điên lên vì chiến tranh, lòng ham muốn chiến thắng chính là động lực để ông cầu nguyện. Máu và lửa khiến ông hứng thú vô cùng. Chặt đầu người khác, làm cho địch thịt nát xương tan là sở thích của ông ấy”. Ông làm mọi thứ để dạy dỗ đứa con trai nhỏ của mình như thế. Người con trai nhỏ ấy chính là Ramesses II sau này. Ngay từ khi lên 10 tuổi, Ramesses đã được phong làm thế tử tiếp nhận sự giáo dục tốt nhất của Ai Cập. Ramesses II bắt đầu trưởng thành từ môi trường ưu việt, cho nên tri thức văn học, lịch sử của ông nhanh





chóng đạt đến trình độ cao. Việc điều khiển binh lính, bản tên luôn vượt lên trên tất cả mọi người.

Năm 1296 trước Công nguyên, Ramsses II khoảng 16 - 17 tuổi đảm nhiệm vị trí tướng cầm quân của Ai Cập, theo cha đánh chiếm Xiri, chuẩn bị giáo huấn đế quốc Hittite lớn mạnh. Ramsses II đã thất bại khi công kích vào Catesh, vị trí chiến lược trọng yếu bên bờ sông Urantis do không quen điều kiện địa lý ở đây. Người Hittite đã giều võ giương oai, chiếm lại khu căn cứ địa đến khi quân Ai Cập rút lui. Thế nhưng, họ không thể tưởng tượng được rằng, 10 năm sau đó cũng chính tại nơi này, Ramsses II khiến cho họ hồn siêu phách lạc.

Ramsses II chính thức trở thành quốc vương của Ai Cập. Trước khi dạy cho bọn đế quốc một bài học, ông nói với toàn thể nhân dân Ai Cập: "Ta sẽ là chủ nhân của họ trong 10 năm sắp tới. Trong nghi thức lựa chọn một đại pháp sư mới, ý của quốc vương đã có tác dụng mang tính quyết định. Một danh sách sớm được sắp đặt trước, khẳng định vị trí cao quý này. Những người phản đối đều bị ông ném vào sa mạc bao la. Quyền uy của Ramsses nhanh chóng bao trùm lên khắp Ai Cập. Bọn tăng lữ sợ ông hơn thần Mặt Trời vĩ đại. Ramsses đã không chế Ai Cập thành



Tượng Ramsses II ở bảo tàng Turin.



công, tiến thêm một bước, làm cho những quốc gia bị chinh phục đều phục tùng dưới cây quyền trượng của ông. Tiến quân lên Tây Á, Ramsses II bắt đầu tìm cách tấn công bọn người Hittite nông cuồng.



Để đối phó với Ramsses II dũng mãnh, quốc vương Hittite đã tập hợp đội quân mạnh nhất trong lịch sử gồm 37.000 binh lính. Họ quyết tâm biến Catesh thành mồ chôn Ramsses II và binh lính Ai Cập.

Ramsses II đích thân điều khiển, chia 2 đoàn quân của mình làm 4 đội. Sự lớn mạnh của đội quân đã khiến cho Ramsses khinh suất, chia đội quân ra thành 2 đội, áp sát Catesh từ hai bên. Vị thủ lĩnh trẻ tự mãn ấy đã không thể ngờ được rằng, thiếu chút nữa một thủ đoạn nhỏ của người Hittite đã vĩnh viễn xóa tên ông trong lịch sử nhân loại.



Khi quân Ai Cập đến sông Urantus, binh lính của ông đã bắt được 2 tên ngoại tộc. Trước mặt quốc vương, hai tên ấy đã tỏ vẻ sợ hãi, tiết lộ quân Hittite đang mai phục cách đây 60km về phía Bắc. Thế nhưng trên thực tế, ở Abaro không có bất kỳ một căn cứ nào. Tại sao Ramsses II lại tin vào chuyện lừa bịp đó? Hơn nữa, tướng dưới sự chỉ huy của ông cũng không hề mảy may cảnh giác, tiến thẳng lên bình nguyên Castesh? Đến khi quân Ai Cập bắt gặp thêm 2 binh lính của Hittite trong đội quân đó, Ramsses II mới nhận ra mình bị mắc mưu. Tiếng hô “giết” của người Hittite đã vang vang bên tai. Trong chốc lát, một toán quân của Ramsses bị chiến xạ của người Hittite vây đánh. Trong khi đó, lực lượng quân chủ lực vẫn đang xếp hàng ở sông Urantus.





Những việc xảy ra sau này là những gì suốt đời Ramsses II luôn cảm thấy tự hào. Ông dồn hết công sức trong quãng đời còn lại vào những bức điêu khắc ở tất cả những nơi có thể. Đây chính là những bức họa khắc trên tường và các văn tự ngày nay người ta vẫn còn có thể đọc, chiêm ngưỡng. Nó thể hiện cuộc đời ông: Ramsses II không chút sợ hãi, nhảy lên chiến xa, xông vào giết chết quân địch đang tràn đến như nước biển. Lòng dũng cảm của quốc vương làm cho các binh lính Ai Cập bừng bừng khí thế. Họ kề vai sát cánh cùng ông, chém giết những người Hittite đang mãi mê nhặt chiếm lợi phẩm. Hai bên đánh giáp lá cà, quân Hittite lập tức bị đánh tan. Trong cuộc chiến đấu đầy kịch tính này, xác của quân Hittite rải đầy trên sa mạc. Sau đó, hai bên quyết định tập kết ở bờ sông Urantus. Cả hai hâu như chẳng thu được chiến lợi phẩm gì, tự thu quân trở về như hiệp ước đã ký kết trước trận chiến.

Thế nhưng, chiến tranh không kết thúc ở đây. Vị thủ lĩnh trẻ tuổi bất chấp nguy hiểm tính mạng của mình thẳng tiến lên đánh Bắc Xyrie. Trong chiến dịch thành Tapos 1 năm sau đó, vị vua dũng cảm không cần mặc đến áo giáp xông vào chiến trận.

Trên thực tế, sự nỗ lực của Ramsses II không thu lại kết quả. Bởi vì, người Hittite vẫn không ngừng giằng co đánh chiếm với ông. Sự uy hiếp của đế quốc Ashur cũng làm cho ông ăn không ngon ngủ không yên, ngay cả những thành phố châu Á chiếm được cũng bị mất. Chiến tranh với người Hittite không diễn ra liên tục nhưng lại kéo dài trước Công nguyên 16 năm. Cả





hai bên đều nhận ra rằng, đã đến lúc nên kết thúc khoảng thời gian vô nghĩa đó. Năm 1270, 6 vị đặc sứ của cả hai đã đến cung điện của Ramsses II ký hiệp ước hòa bình đầu tiên giữa một quốc gia trong lịch sử thế giới. Người ta gọi đó là “Điều ước bạc”, bởi các điều khoản được khắc trên sách bạc.



Điều ước bạc đem đến cho Ramsses II trong 30 năm còn lại của cuộc đời sự hưởng thụ cuộc sống bình yên. Sau đó, ông bắt đầu dồn toàn bộ sức lực vào việc xây dựng các kiến trúc, ca ngợi những công lao to lớn của mình. Trong đó bao gồm lăng tẩm những đền thờ...



Ramsses II đã khiến mọi người kinh ngạc, thán phục. Ông cho dựng tượng của mình trên khắp Ai Cập. Chỗ nào có thể đến được ở đó dựng tượng xây đền thờ, bên trên khắc chữ “Ramsses II”.



Sự thống trị của ông kéo dài hơn 60 năm. Ông đã có 6 vị hoàng hậu, hàng chục phi tần, trên 90 người con.

Ramsses II để lại cho hậu duệ của mình chiến tranh cùng sự hỗn loạn. Người nối ngôi phải thực sự dũng mãnh mới bảo đảm được sự tồn tại của vương triều. Một khi mất đi sự bảo vệ của kẻ mạnh, việc Ai Cập lâm vào nguy hiểm là điều tất yếu.

Phát hiện lớn nhất của ông vào năm 1978 đó là tìm thấy một người, cha của người này là Harguaves, ngày trước từng phụng mệnh theo sát người nhà Romanov. Điều làm cho ông kinh ngạc nhất chính là người con trai cả của Harguaves đưa cho ông ghi chép của cha mình vào thời điểm xử quyết. Ghi chép này khẳng định suy đoán của Pavel, thi thể đã được an táng. Đặc biệt, ghi



chép còn chỉ rõ địa điểm chôn cất cách Yekaterinburg 11m về phía Tây Bắc.

Phát hiện quan trọng thứ hai của ông là sự xuất hiện của một người tên là Avramdunin. Anh ta là cư dân của Yekaterinburg, một người có trí tuệ toàn năng, đồng thời cũng có hứng thú với việc đi tìm thi thể. Ngày 30. tháng 5. năm 1979. ông tìm thấy 3 hộp sọ cùng với các bộ phận khác tại nơi Harguaves nhắc đến. Phát hiện này làm cho ông vừa vui mừng vừa kinh ngạc. Hai người họ suy nghĩ: “Đây không phải là thời điểm thích hợp để công bố phát hiện này. Nếu chứng minh được đây chính là hài cốt của gia tộc Romanov, tất cả sẽ có phản ứng thế nào?”. Do vậy, họ quyết định an táng tại chỗ cũ, đồng thời thề rằng, nếu không đến thời cơ sẽ không nói cho người thứ ba biết.

10 năm sau, ông đoán định thời cơ đã đến. Ngày 10, tháng 4, năm 1989, trên tờ báo tuần của Matxcova, ông tuyên bố cho toàn thế giới một tin chấn động: “Phát hiện ra hài cốt của gia đình Romanov tại khu vực gần Yekaterinburg”. 2 năm sau, quân đội Nga đến đây để đào phần hài cốt được chôn lại trước đây. Ngoài ra còn có một vài hộp sọ, xương chân, xương cánh tay, xương vai của những người khác.

Vậy, đây có phải là di hài của gia đình Romanov hay không? Để chứng minh tính xác thực, các nhà khoa học đã lấy mẫu ADN từ xương cốt so sánh với ADN của những người thân thích trong gia tộc Romanov. Trong số họ, các nhà khoa học Anh đã chọn phu quân của nữ hoàng Elizabeth, thân vương Philip. Ông là cháu ngoại của hoàng hậu Alexandra. Ông đồng ý hiến máu cho





các nhà khoa học. Tháng 7, năm 1993, qua 10 tháng phân tích hóa học, Peter Gill và Ivanov tuyên bố 98,5% mẫu ADN tương thích với nhà Romanov. Sau đó, kết quả của nó ngày càng đạt đến con số cao hơn.

Điều đó cũng giúp tố cáo được bộ mặt thật của Anna Anderson. Bà ta sống tại thủ đô Charlotte Amalie của quần đảo Virgin thuộc Mỹ, kết hôn với một bác sỹ giàu có, qua đời năm 1984. Peter lấy được mẫu tế bào của bà từ bệnh viện Charlotte Amalie. Họ tiến hành so sánh hai mẫu ADN đưa kết luận: Anderson không có bất cứ quan hệ huyết mạch nào với gia tộc Romanov. Tiếp sau đó, họ so sánh ADN của bà với chủ nông trại đến từ Đức, kết quả giống nhau 100%. Ông ta là cháu trai của một người nông dân tên là Franciska Bratska.

Cho đến nay, vẫn còn một điểm đáng nghi ngờ nữa đó là: Chỉ phát hiện thấy hộp sọ của 7 thành viên trong gia đình Romanov. Vậy còn bác sỹ, người hầu, tất cả 11 người, trong đó có 2 thi thể nữa không biết đang ở đâu. Một trong số đó có Aleksei, bởi vì người ta không phát hiện ra bộ xương nào của đứa trẻ 14 tuổi. Ngoài thân phận của một người, các nhà khoa học cũng chưa tìm ra được những kết quả khác. Người Đức xác định thi thể đó là Maria, ở Mỹ người ta lại cho rằng đó là Anastasia. Cho dù khả năng nào xảy ra đi chăng nữa, người ta vẫn tin rằng, trong số những người bị giết chắc chắn có một người thừa kế hoàng vị đã thoát khỏi tai nạn.

Những người theo chủ nghĩa lãng mạn hay theo chế độ quân chủ lập hiến (tại Nga hai trường phái này chiếm khá đông) cũng phải thừa nhận khả năng này vô



cùng thấp. Những ghi chép của Haraguase hoặc những lời tường thuật của Medway cho thấy một thảm kịch đẫm máu đã xảy ra. Vậy, làm thế nào Aleksei hoặc Maria hay Anastasia có thể sống sót trong hoàn cảnh đó? Trong những ghi chép của Haraguase có một số lời giải thích về những thi thể còn lại: “Theo trí nhớ, trong sự hỗn loạn có hai thi thể đã không được chôn cất cùng với các thi thể còn lại. Vậy, nếu có thể tìm được hai thi thể này, mọi khúc mắc sẽ được giải đáp”.

Tháng 7, năm 1998, di hài của Nicolas, Alexandra cùng 3 đứa con đã được an táng tại St. Petersburg.



4. Alexander - những bí ẩn chưa được giải đáp

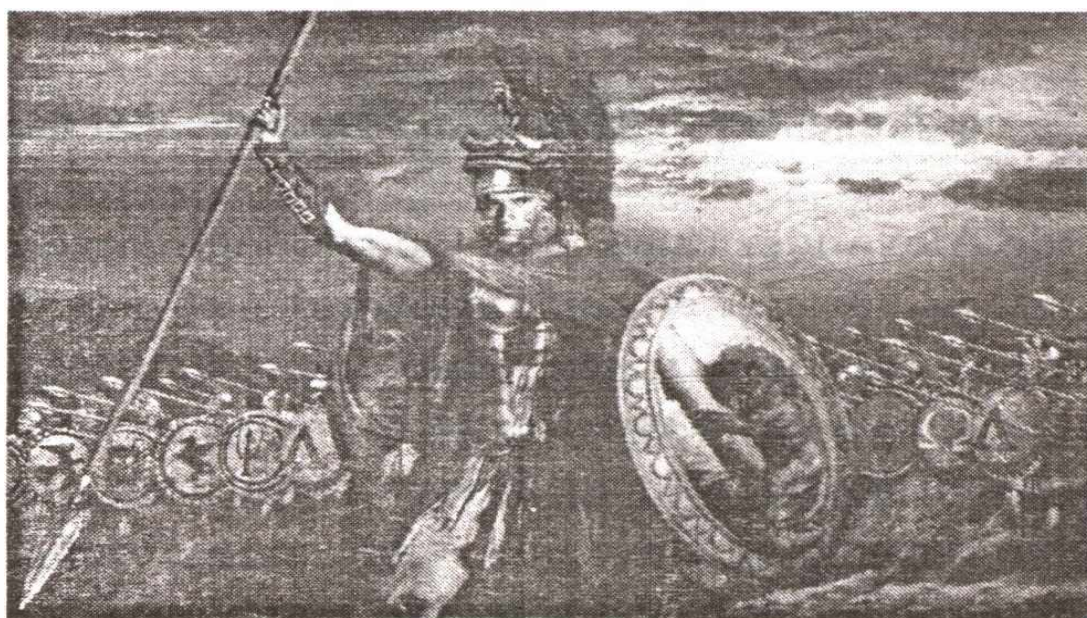
Đại đế Alexander (356 - 323 trước Công nguyên) - vị thông soái vĩ đại của đế quốc Alexander cổ đại là con trai thứ hai của quốc vương Macedonia Feiliete. Ông được lập vị vào năm 336 trước Công nguyên, lãnh đạo quân binh xâm lược phương Đông. Trong thời gian 10 năm ngắn ngủi, ông đã chinh phạt phía Đông, Tây, chiếm được phần lãnh thổ rộng lớn của sông Ấn, phía Đông, Tây của sông Nile, bán đảo Balkans.

Trên chiến trường, đại đế Alexander là người anh hùng nổi tiếng lẫy lừng. Đồng thời trong cuộc sống, ông là một nhân vật thần bí, những truyền thuyết có liên quan đến ông không ít. Thế nhưng, điều đáng tiếc đó là những ghi chép lịch sử liên quan đến cuộc sống lúc bình sinh của ông không còn lại bao nhiêu. Các bản sao chép về sau đa phần đều là của nhân dân truyền miệng. Nó có nhiều mâu thuẫn so với những





ghi chép trong lịch sử tịch. hơn nữa còn mang nhiều màu sắc truyền kỳ. Bởi vậy, cho đến nay đã 2.300 năm những thành tích sự nghiệp thông soái vĩ đại của Alexander trong lịch sử cho đến nay vẫn được mọi người chú ý. Do tất cả những điều trong cuộc sống bình thường của ông ta đã cách xa lịch sử quá lâu, cho nên những nhà khảo cổ cùng các nhà lịch sử đều hy vọng tìm kiếm được điều gì đó trong quá trình lăng mộ của vị đại đế này. Tuy nhiên, cho đến nay, người ta vẫn chưa phát hiện ra lăng mộ của ông.



Alexander đại đế - một thiên tài quân sự bẩm sinh.

Năm 1964, trên tờ báo của thành phố Alexandria - Ai Cập đã đưa tin: “Lăng mộ của quốc vương Alexander đã được tìm thấy. Đây là thành công to lớn của các nhà khảo cổ Ba Lan”. Thông tin này được truyền đi khắp thế giới. Thời báo New York của nước Mỹ lập tức gửi đi một bức điện cho nhóm nhà khảo cổ Ba Lan, hy vọng phát hiện vĩ đại này sẽ viết nên một chương mới. Nhà báo của các nước lần lượt đáp máy bay đến Ai Cập. Khi



đó, một lượng lớn khách du lịch tăng lên đã làm cho phía cảnh sát Ai Cập vô cùng lo ngại.

Thật đáng tiếc, dường như lịch sử đang trêu đùa chúng ta, thông tin này chỉ là giả. Thực ra, lăng mộ phát hiện được không phải của Alexander. Nó chỉ là một di chỉ của nhà hát kịch thời kỳ La Mã cổ điều này bắt nguồn từ sự nhầm tưởng của các nhà Khảo cổ học Ba Lan. Vậy, lăng mộ của đại đế Alexander nổi tiếng trong lịch sử này nằm ở đâu? Nhân vật này đã ra đi như thế nào? Đây thực sự là một bí mật chưa ai tìm ra được đáp án.



5. Những câu chuyện xung quanh cái chết của Alexander

Trong lịch sử có hai truyền thuyết về nguyên nhân cái chết của Alexandrer. Một là, khi đang viễn chinh ở Ấn Độ, tại một nơi cách Babylon không xa, ông gặp được một mục sư tinh thông về thiên văn. Vị này khuyên ông đừng đi Babylon vì dữ nhiều, lành ít.

Mặc dù vậy, ông vẫn không dừng chuyến đi của mình. Điều khác lạ là từ đó về sau, ông thấy mình thay đổi thành một con người khác, tâm địa trở nên đen tối, bề ngoài lạnh lùng.

Có lần, ông đang ngồi thuyền dạo chơi, một cơn gió đột nhiên thổi chiếc mũ của ông bay đến rừng lau, rơi đúng lên mộ của cố quốc vương. Bởi vậy, tùy tùng và bản thân Alexander đều cho rằng đây là điềm dữ.

Người thủy thủ liền đuổi theo cái mũ, khi bơi trở về đã mạo muội đội chiếc mũ lên đầu mình để khỏi bị ướt. Điều này càng làm ông cảm giác điềm xấu sắp xảy





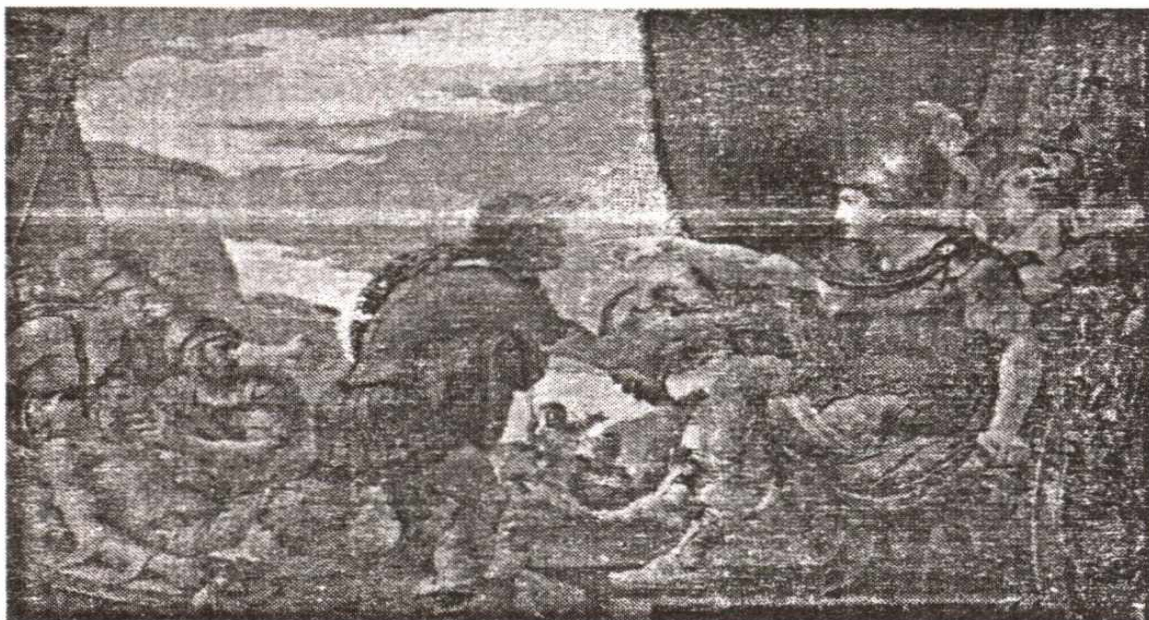
ra. Alexander giận dữ lập tức giết chết người thủy thủ. Không lâu sau, Alexander bị bệnh nặng. 13 ngày sau, ở tuổi 32, quốc vương trị vì 12 năm 8 tháng này đã qua đời vào một buổi chiều tháng 6, năm 323 trước Công nguyên. Có người nói đây là một sự trùng hợp. Thực ra, cái chết của đại đế có nhiều khả năng do sự gian khổ trên đường hành quân, những lần chinh chiến làm cho cơ thể bị suy nhược dẫn đến nhiễm vi khuẩn trong hồ cùng các nguyên nhân khác dẫn tới.

Một truyền thuyết khác nói rằng: Nguyên nhân dẫn đến cái chết của Alexander là do có người bỏ độc dược vào rượu trong buổi yến tiệc. Nếu truyền thuyết là thật, cái chết này của ông hoàn toàn do âm mưu. Sau khi Alexander qua đời, thuộc hạ của ông là tướng quân Ptolemy (sau này trở thành vua Ai Cập) dùng xe tang chở thi thể đến Ai Cập, an táng tại thành Alexandria, sau đó xây dựng cho người một lăng mộ nguy nga, tráng lệ. Đại đế Caesar, hoàng đế Augustine cùng các nhân vật nổi tiếng trong lịch sử đều đến kính lễ tại lăng mộ này. Họ còn đúc thêm một vòng nguyệt quế bằng vàng đặt trên đầu của tượng đại đế. Thế nhưng, cho đến thế kỷ III, những việc liên quan đến lăng mộ không biết tại sao tự nhiên mất tích, thậm chí những ghi chép có liên quan đều không còn dấu vết.

Năm 642, quân Ả Rập tấn công thành Alexandria. Những chiến tích lịch sử huy hoàng ở nơi đây khiến họ không ngớt lời ca ngợi. Đến năm 1798, khi quân đội của Napoleon nước Pháp đến đại thành Alexandria, nơi đây đã là một cảnh tượng hoang tàn, trong thành chỉ có 6.000 cư dân. Một số học giả đi



theo Napoleon đã nhìn thấy rất nhiều những phế thành của kiến trúc cổ. Cuối thế kỷ XIX, nơi đây bắt đầu tu sửa cảng biển, những di tích kiến trúc cũ trở thành một chiến trường của đá, có rất nhiều những di bị vùi sâu dưới lòng đất. Đại thành Alexandria nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại quan trọng của khu vực Địa Trung Hải. Tuy nhiên, những dấu vết lịch sử không còn tồn tại, nó là nỗi tiếc nuối cho những người đời sau.



Một số người cho rằng Alexander chết vì uống phải rượu độc khi dự tiệc.

Có một tập tục của người Hy Lạp cổ như sau: Sau khi quốc vương sáng lập ra thành phố nào đó bằng hà, thì thể sẽ được chôn ở trung tâm thành phố đó. Căn cứ vào lý luận này, các nhà khảo cổ cho rằng, lăng mộ có thể đang nằm ở khu hoàng cung phía Đông của trung tâm thành phố. Cũng có người nghĩ, lăng mộ là điểm giao cắt ở hai con đường, bởi vì đây là vị trí trung tâm. Sau khi nhà khảo cổ Maria Baird của Ba





Lan nghiên cứu khai quật cổ lăng mộ phát hiện nhiều điều mới mẻ. Người xưa trong khi chế tạo bóng đèn ở phía trên đều vẽ một mô hình đại thành Alexandria cổ đại. Căn cứ vào bản đồ này, ông ta có thêm hứng thú suy đoán vị trí của lăng mộ. Ông cho rằng, nhiều vật thể kiến trúc trong mô hình có vật hình tròn, nhọn chính là lăng mộ của Alexander. Bởi vì, lăng mộ của đại đế Augustine cũng có đỉnh nhọn, hình này có thể được sao chép từ đó. Bên cạnh đó, nhà nghiên cứu Davis của nước Anh sau khi tiến hành nghiên cứu phân tích mộ địa của vương triều Ptolemy đã đưa ra luận điểm: Những mộ này có thể tương tự như lăng mộ Alexandria. Ông ta tưởng tượng quan tài gỗ của Alexandria được đặt trong một ngôi miếu hùng vĩ, xung quanh là cột gỗ. Trong đó nhất định có nhiều vật phẩm đẹp, quý giá. Trong mộ còn lưu giữ những quyền kinh được chuyển từ Ai Cập tới.

Cho đến những năm 70 của thế kỷ XX, phần lớn những phát hiện của các nhà Khảo cổ học đã chứng minh những giả thuyết đó đều không đúng. Nhà khảo cổ chuyên nghiên cứu lịch sử tên là Andhra Ronnie Cox căn cứ vào những suy đoán này từ đó phát hiện ra lăng mộ của cha mẹ Alexander - vua Philipos II.

Trung tâm của đại điện lăng mộ được đặt ở trong quan tài đá cẩm thạch to, bên trên trang trí bằng đá quý, bình bằng vàng khá nặng. Hải cốt của quốc vương được đặt trong một đó, xung quanh là những đồ tùy táng bằng vàng bạc châu báu, bên cạnh còn có những vật thể hiện vương quyền, sự bảo vệ... Trong mộ dùng 5 ngà voi để khắc thành tượng, chế tác tương đối đẹp.



Điều làm cho mọi người chú ý: 5 bức tượng điêu khắc này chính là gia đình của quốc vương Philipos II, vợ, con trai Alexandria, cha mẹ quốc vương. Phát hiện này dẫn đến một làn sóng mới trong giới khảo cổ, nó được cho là phát hiện lớn nhất trong ngành Khảo cổ học thế kỷ XX.

Tuy nhiên, mọi người trong đều đặt ra câu hỏi: Lăng mộ của quốc vương Philipos II có thể tìm ra, tại sao lăng mộ của con trai ông ta lại khó tìm như vậy? Mặc dù vậy, sự thực vẫn là sự thực. Lăng mộ của Alexander vẫn chưa được tìm ra, tính cho đến thời điểm hiện tại.





----- *Chương bốn*

NHỮNG BÍ MẬT NƠI HẬU CUNG



1. Sự thật về cái chết của Dương Quý Phi

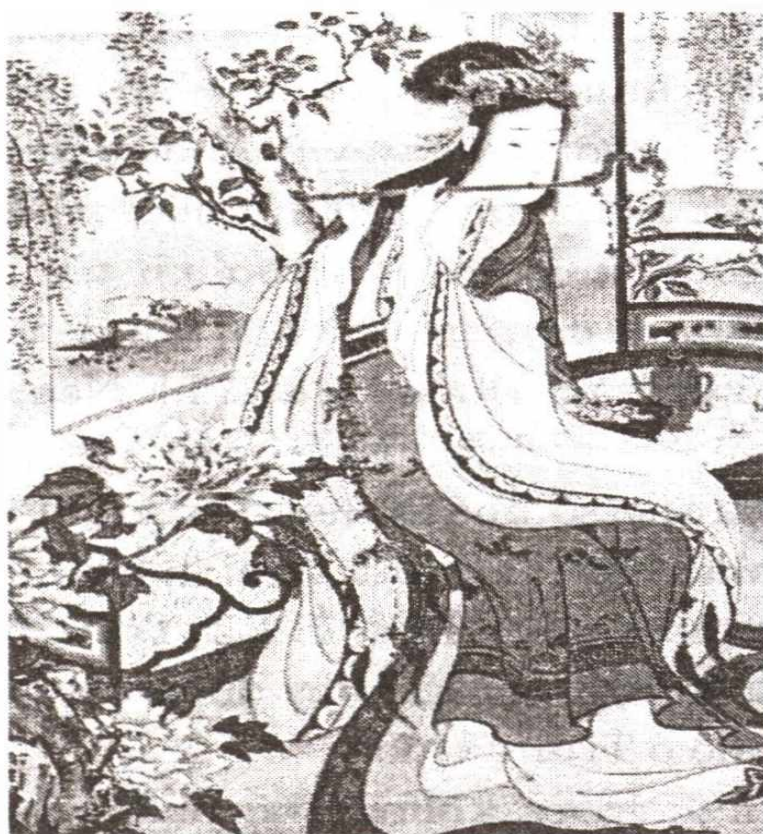
Phần mộ của Dương Quý Phi nằm ở huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, cách trấn Mã Ngụy Pha 500m, gần quốc lộ Tây Bảo, cách trấn Hưng Bình 12.500m. Dương Quý Phi là người Vĩnh Lạc, Bồ Châu. Cha mất khi còn nhỏ, nàng được gửi nuôi tại nhà chú ruột. Nàng thông hiểu âm luật, giỏi ca hát, nhảy múa. Năm Khai Nguyên thứ 22, nàng được gả cho con trai vua Đường Huyền Tông Lý Long Cơ, Thọ vương Lý Mạo. Vua Đường Huyền Tông si mê nhan sắc, tài năng của nàng, liền ra lệnh cho Cao Lực Sĩ đón nàng vào cung làm nữ đạo sĩ, lấy tên là Thái Chân. Trên thực tế, nhà vua đã biến nàng trở thành phi tần, ngày đêm sống trong hưởng lạc, không muốn thiết triều.

Năm Thiên Bảo thứ 4, nàng được sắc phong làm Dương Quý Phi. Ba người chị của nàng được phong làm phu nhân, mỗi tháng hưởng trên 1.000 lạng bạc. Anh trai của nàng Dương Quốc Trung làm tể tướng. Từ đây trở đi, Dương Quý Phi đã làm khuynh đảo thiên hạ. Mỗi năm vào tháng 10, anh em họ Dương lại cùng thưởng hoa với vua Đường Huyền Tông, mặc những bộ quần áo lộng lẫy, vô cùng oai phong. Họ sống cuộc sống vinh hoa hưởng lạc.



Mộ của Dương Quý Phi là một khuôn viên nhỏ, cửa lớn ghi hàng chữ “Đường Dương Thị Quý Phi chi mộ”. Cửa chính mô phỏng kiến trúc cổ xưa gồm 3 gian, đi qua hiên điện là phần mộ. Mộ cao 3m, xung quanh được lát bằng đá xanh.

Từ năm 1985, chính quyền địa phương tiến hành sửa chữa, đầu tiên họ trùng tu lại bức tường vây, hành lang, hiên điện, đình. Đặc biệt, tại phía sau khuôn viên, nhân dân xây một bức tượng Dương Quý Phi cao 6m, trở thành điểm chụp ảnh lý tưởng của du khách. Dãy hành lang bia đá khảm nhiều những viên đá to nhỏ, khắc những bài vịnh do nhiều thế hệ từng đến



Dương Quý Phi được xếp vào tứ đại mỹ nhân của lịch sử Trung Quốc.

đây để lại. Năm cuối thời nhà Đường, nhà thơ La Ẩn đi qua vùng Mã Ngụy Pha đã để lại một bài thơ như sau: “Mã Ngụy dương liễu lục y y, hựu kiến hạnh quy, tuyên hạ A Hoàn ưng hữu ngữ, giá hồi tu cánh tội Dương phi”. Sau khi cuộc chiến thuộc phiên xảy ra, Lâm Tắc Từ cũng đi qua Thiểm Tây, sau đó đề thơ lên mộ bà: “Lục quân hà sự trú chinh, thiếp vị quân vương tử diệc can,





phao đặc nga an tương sĩ, nhân gian tòng thử trọng sinh nam”.



Những người đến tham quan mộ Dương Quý Phi thường giữ vé vào cửa bên mình, coi như trên tấm giấy vẫn còn lưu lại chút hương thơm của khu mộ. Nhiều người khác còn tranh giành để mua bức họa Dương Quý Phi tấm, thưởng thức nhan sắc của mỹ nhân này. Một số người lấy tay viên một nắm đất, trân trọng, giữ gìn nó. Bởi vì nàng sở hữu một vẻ đẹp thanh khiết, cho nên có những khu vực quanh mộ đều được nhuộm trắng. Người dân trong vùng gọi đất trắng đó là phấn trang điểm của Dương Quý Phi. Nếu dùng nó để rửa mặt, da sẽ trắng hơn. Phía trên mộ khắc hoa văn màu đen. Trong số khách đến đây có rất nhiều khách nước ngoài đặc biệt là Nhật Bản. Trên thế giới có 2 ngôi mộ của Dương Quý Phi, một ở Trung Quốc, một ở Nhật Bản. Bởi vậy, họ đến đây để xác thực lại câu chuyện về ngôi mộ ở Trung Quốc.



Người không thể phân làm hai, người chết cũng không thể sống lại. Hai ngôi mộ Dương Quý Phi đều có lịch sử riêng của nó, chứa đựng những câu chuyện không giống nhau.



Năm 755 trước Công nguyên xảy ra loạn An Sử. Tháng 6 năm sau, phản quân đánh vào Lạc Dương, uy hiếp Trường An. Vua Đường Huyền Tông đem Dương Quý Phi chạy về phía Tây. Đến vùng Mã Ngụy Pha, binh lính đột nhiên không muốn đi tiếp, yêu cầu nhà vua phải giết anh trai Dương Quý Phi là quốc trượng Dương Quốc Trung. Không đợi lệnh của vua, binh lính xông lên đánh chết Dương Quốc Trung. Sau khi giết



quốc trưởng, binh lính vẫn không chịu đi. Vua Đường Huyền Tông phải trực tiếp ra mặt động viên họ. Long vũ đại tướng quân Trần Huyền Lễ trả lời: “Dương Quốc Trung mưu phản, quý phi không thể tiếp tục cung phụng hoàng thượng, xin bệ hạ làm theo phép nước”. Thế nhưng, nhà vua nói: “Quý phi ở chốn thâm cung, nàg làm sao có thể biết việc đường huynh mình tạo phản”. Tâm phúc của hoàng thượng là thái giám Cao Lực Sỹ nói: “Quý phi không có tội nhưng lại là em gái của quốc trưởng, thường túc trực bên cạnh người. Binh lính sao có thể yên tâm? Mong hoàng thượng suy xét. Chỉ khi tướng sỹ yên tâm, người mới có thể an toàn”. Vua không còn cách nào khác, đành ban chết cho Dương Quý Phi. Cao Lực Sỹ đưa nàng đến một gốc lê thất cổ tự vẫn, năm đó Dương Quý Phi 38 tuổi. Sau khi xác nhận Dương Quý Phi đã chết, binh lính mới tiếp tục lên đường. Trong *Trường hận ca* của thi nhân nhà Đường Bạch Cư Dị cũng ghi lại sự việc này.

Sau khi chết, Mã Ngụy Pha trở thành nơi yên nghỉ của nàng. Có người kể rằng, khi chết Dương Quý Phi đánh rơi chiếc hài, một đứa bé nhặt được đem về đưa cho mẹ giữ. Việc này đã thu hút hàng nghìn người dân xung quanh đến xem, mỗi lượt hàng trăm quan tiền, cho dù vậy người xem vẫn đông không kể xiết. Sau này, quân nhà Đường quay trở về Trường An, Đường Huyền Tông quay về Cố cung, nghe được tin này vội cho người đến mua lại chiếc hài với giá cao rồi đem chôn cất cùng nàng.

Ngôi mộ Dương Quý Phi ở Nhật Bản có một câu chuyện khác. Năm 1963, một người con gái Nhật Bản





công bố gia phả, văn hiến của nhà mình lên truyền hình, sau đó tuyên bố mình là đời sau của Dương Quý Phi. Việc này đã gây nên một cuộc chấn động ở Nhật Bản.

Trong tác phẩm *Nhật Bản sử thú sự tập* của nhà Sử học Shiro, tác phẩm *Dương Quý Phi hồi sinh mật sử* của Watanabe, các tác phẩm của Trung Quốc như *Văn hóa dịch tòng* hoặc tập *Những câu chuyện truyền kỳ Trung Quốc* đã từng được dịch sang tiếng Nhật đều nhắc đến câu chuyện của một Dương Quý Phi không chết.

Theo họ, nàng không chết ở gò Mã Ngôi mà do Trần Huyền Lễ và Cao Lực Sỹ dùng xác của một cung nữ thay thế rồi cho người hộ tống đi về phía Đông. Nàng lên thuyền lên đênh trên biển, cuối cùng đã sang Nhật Bản định cư ở bán đảo Cửu Tân. Do nhiều ngày lên đênh trên biển, nàng không may mắc bệnh truyền nhiễm, không lâu sau thì mất. Người dân bản xứ xót xa cho số phận của nàng nên đã an táng nàng tại đây. Ngôi mộ của Dương Quý Phi nằm ở một nơi rất đẹp, lưng dựa vào núi, mặt nhìn ra biển. Phần mộ là một khoảng trống mấy chục mét vuông được tạo nên bởi rất nhiều hòn đá. Trên bề mặt gồm 5 tháp đá, tháp chủ cao 153cm, người Nhật Bản gọi là Ngũ Luân. Tương truyền, Dương Quý Phi an nghỉ dưới tháp Ngũ Luân này. Sau đó, vua Đường Huyền Tông nghe tin, vô cùng đau buồn. Để cầu phúc cho nàng, vua cử tướng quân Trần An đem 2 pho tượng đến nơi yên nghỉ của nàng. Tướng quân tìm khắp nơi nhưng không thể tìm ra nơi này, đành để chúng tại chùa Thanh Lương rồi trở về nước.

Sau này, Nhật Bản tìm ra mộ của Dương Quý Phi đã yêu cầu chùa Thanh Lương trả lại 2 pho tượng. Tuy



nhien, họ lấy lý do 2 pho tượng đã ở trong chùa rất lâu nên đã từ chối đưa ra. Họ chọn giải pháp tốt nhất làm 2 pho tượng giống hệt 2 pho tượng của vua Đường Huyền Tông, trao đổi cho nhau. Hai cái giữ tại chùa Thanh Lương, còn lại được đưa đến chỗ yên nghỉ của Dương Quý Phi. Đến nay, 2 pho tượng này vẫn được coi là bảo vật của người Nhật Bản. Mộ của Dương Quý Phi, tháp Ngũ Luân trở thành văn hóa vật thể của họ. Theo dân gian, hương khói trên mộ Dương Quý Phi không bao giờ tàn vì người đến cầu khấn rất đông. Họ tin rằng, nếu đến đây cầu sẽ sinh được một cô con gái xinh đẹp, đáng yêu. Món ăn ưa chuộng nhất của Dương Quý Phi cũng trở thành món ăn yêu thích của người Nhật.



Trên thực tế, Dương Ngọc Hoàn chỉ là một người con gái đơn thuần, nhưng sinh ra đã xinh đẹp, tài hoa nên thành bạc phận. Người chồng đầu dâng nàng như một lễ vật, người thứ hai ép nàng đến bước đường cùng. Cuối cùng, dù được hưởng 10 năm vinh hoa phú quý, nàng vẫn không thể tham dự vào chuyện triều chính. Cái chết của nàng đã gây nên nỗi uất hận, đồng thời cũng trở thành câu chuyện đau buồn của lịch sử. Việc nàng và vua Đường Huyền Tông chia ly hay chết oan vẫn là một bí ẩn không có lời giải.



2. Câu chuyện về mộ của công chúa tại Bắc Kinh

Ở Bắc Kinh có một điểm du lịch gọi là mộ của công chúa. Hiện nay, trong dân gian vẫn lưu truyền câu chuyện như sau: Đây là phần mộ của công chúa nhà Thanh. Vậy, nàng là ai? Có rất nhiều ý kiến trái chiều





xung quanh vấn đề này. Trong đó có một cách lý giải được nhiều người đồng tình nhất: Ngày xưa có một chàng trai tên là Kim Thái. Anh ta là người Hán nhưng từ nhỏ đã được người Mãn nuôi dưỡng. Sau khi lập được chiến công lớn, anh ta được phong làm nguyên soái. Trong một lần dạo chơi, thưởng ngoạn trong hoa viên, anh tình cờ gặp công chúa người Mãn. Như duyên trời định, từ cái nhìn đầu tiên cả hai đã dành tình cảm cho nhau. Từ trước tới nay, việc công chúa người Mãn lấy người Hán là điều không thể xảy ra. Chính vì thế, mối tình của họ vấp phải sự phản đối vô cùng quyết liệt của các lão thần trong triều. Trước tình hình đó, nhà vua buộc phải bắt Kim Thái đi lưu đày. Một thời gian sau, anh mắc bệnh rồi chết. Trước khi chết, anh đã để lại cho công chúa một bức thư, trong đó viết: “Khi nàng xem bức thư này, ta đã không còn trên thế gian. Ta sẽ chờ nàng. Nàng hãy uống rượu độc để tự sát, đi theo tiếng gọi của tình yêu”. Sau khi sự việc xảy ra, nhà vua chỉ chôn cất Kim Thái một cách sơ sài tại một ngọn núi hoang vắng, cách xa với phần mộ của công chúa. Hiện nay, người ta vẫn thường gọi nó là mộ của công chúa”.

THÂN PHẬN THỰC SỰ CỦA CÔNG CHÚA



Trên thực tế, nàng công chúa này là ai? Vào năm 1965, khi chính quyền thành phố Bắc Kinh đang tiến hành sửa chữa lại tuyến đường sắt số 1, Bộ văn hóa Trung Quốc đã phát hiện, sau đó tiến hành khai quật phần mộ của công chúa. Chính vì vậy, bí mật xung quanh việc này dần dần được hé lộ. Thực ra, mộ công chúa chôn cất hai nàng công chúa (người Mãn gọi là cách cách). Cả hai đều là con của vua Gia Khánh.



Hai nàng từng được mai táng ở phía Đông và Tây. Người được mai táng ở phía Đông là công chúa Trang Kính Hòa Thạc - công chúa thứ 3 của Gia Khánh do quý phi Hòa Du Hoàng sinh hạ. Nàng kết hôn với thân vương Mông Cổ là Sách Đặc Nạp Mộc Đa Bố Tế. Vị công chúa chôn phía Tây là Trang Tĩnh Cổ Luân - công chúa thứ 4 của vua Gia Khánh. Nàng là con của hoàng hậu Hiếu Thục. Năm thứ 7 Gia Khánh (năm 1802), nàng kết hôn với quân vương Mông Cổ Mã Ni Ba Đạt Lạt.



Thời nhà Thanh có quy định: Sau khi công chúa xuất giá, khi chết sẽ không được chôn cất ở khu mộ của hoàng tộc hay gia đình nhà chồng. Vì vậy, phần mộ phải xây dựng ở nơi khác. Hiện nay, tại ngoại ô thành phố Bắc Kinh có rất nhiều ngôi mộ, người ta gọi những nơi đó là phần mộ công chúa.



Ngôi mộ này chôn cất hai nàng công chúa là bởi Hòa Thạc và Cổ Luân công chúa chết cùng một năm, chỉ cách nhau 2 tháng. Vì vậy, họ được chôn cạnh nhau. Ngôi mộ này được chôn như những ngôi mộ của vợ chồng, nghĩa là chôn theo rất nhiều đồ vật như: Binh khí, thành đao quý của Mông Cổ, gấm vóc, lụa là...



3. Tình yêu của Alexander I

Trong cả cuộc đời Alexander I đã để lại rất nhiều bí mật lớn. Tình cảm của ông với Catherine là tình cảm trong sáng giữa anh trai em gái hay tình yêu nam nữ? Cho đến nay, người ta vẫn chưa có câu trả lời thực sự.





“Catherine, em gái yêu kiều của anh, thần tình yêu trong trái tim anh! Em chính là ánh sáng của thế kỷ, vật phẩm tuyệt vời do tự nhiên ban tặng”, “cái mũi xinh thân yêu của anh đang làm gì thế? Anh rất thích hôn lên cái mũi đỏ của em...”, “anh như phát điên vì yêu em...”, “đáng tiếc, tôi đã không thể ở trong phòng em, trao cho em nụ hôn ngọt ngào nhất”. Bạn có cảm thấy những ngôn ngữ bay bổng của chàng trai này là một tình yêu cuồng nhiệt, say đắm hay những lời yêu thương xuất phát từ con tim dành cho người con gái của cuộc đời anh hay không? Nếu hiểu như thế bạn đã quá sai lầm. Đây chỉ là những từ ngữ trong bức thư của hoàng đế Alexander I gửi cho em gái của mình. Những lời đường mật ngọt ngào, say đắm đó đã khiến cho rất nhiều người nghi ngờ về tình cảm giữa họ.



Alexander I

Nga hoàng Pavel I và hoàng hậu Maria sinh được 3 người con trai, 2 người con gái. Trong đó, trưởng nam là Alexander, trưởng nữ là Catherine. Hai anh em thường chơi với nhau, tình cảm rất gần gũi, thấm thiết. Bà nội của họ nữ hoàng Ekaterina II là người tên tuổi nổi tiếng trong lịch sử nước Nga. Cuộc sống riêng tư của bà vô cùng phóng túng. Khi ấy, bà có ảnh hưởng rất lớn trong chính trị, xã hội của đất nước. Bà chính là người bồi



dưỡng tài năng, phẩm chất của Alexander I. Ngay từ khi còn bé, ông đã thể hiện tính cách đa tình. Bà nội rất cưng chiều ông. Năm 16 tuổi, ông lấy công chúa Elizabeth 14 tuổi của vương quốc Ba Tư. Cô vợ xinh đẹp đã khiến cho Alexander cảm thấy hài lòng trong buổi hôn lễ. Tuy nhiên, chỉ một thời gian sau, niềm vui này bị quên lãng. Ông lại đi tìm thú vui mới. Đặc biệt, sau khi lên ngôi, các mỹ nữ bên ông rất nhiều. Trong số đó có các quý bà của xã hội thượng lưu, các nữ danh ca nổi tiếng nước Pháp... Thế nhưng, ông và bà nội không đồng ý ai. Trong khi đó, ông cùng em gái Catherine vẫn thường xuyên giữ mối quan hệ gắn bó, thân thiết.

Catherine được coi là đại mỹ nữ khi đó. Mọi người đều thừa nhận cô vô cùng diễm lệ, tài hoa. Tuy nhiên, cô lại luôn kiêu căng, tự phụ, thậm chí còn có những hành vi bừa bãi khiến người ta phải kinh ngạc. Hai anh em thường ngồi chơi, nói chuyện suốt đêm. Đôi khi, giữa hai người có những hành vi khác với tình cảm anh em bình thường.

Ông và Catherine sống ở trong hoàng cung, cho nên mỗi ngày đều có thể gặp. Thế nhưng, ngày nào họ cũng viết thư cho nhau. Nếu ông ra ngoài thị sát các nơi hoặc đi thăm các nước bạn, hai anh em càng thường xuyên viết thư cho nhau nhiều hơn. Sau khi vợ của ông sinh hạ hoàng tử, người đầu tiên được ông thông báo tin này chính là Catherine. Trong thư ông viết: “Anh ở nhà viết thư cho em, con nhờ anh gửi tới lời thăm hỏi đến em. Hạnh phúc trong ngôi nhà nhỏ bé này chính là tình yêu sâu sắc của anh và em. Đây mới thực sự là cuộc sống anh mong muốn”.





Năm 1808, hoàng đế nước Pháp ngỏ ý muốn kết hôn với Catherine. Điều này khiến cho ông rất buồn. Ông không chịu được cảnh phải gả em gái của mình cho người khác nên đã viết thư gửi hoàng đế. Nội dung như sau: “Nếu chỉ do một mình tôi tự quyết định, tôi sẽ rất bằng lòng. Tuy nhiên, tôi không thể tự quyết được. Mẹ và em gái tôi cũng có quyền đó. Chính vì vậy, tôi phải hỏi ý kiến của cô ấy. Có thể cô ấy chấp nhận nhưng tôi không đảm bảo trước”. Catherine sau khi biết chuyện này đã tỏ vẻ không vui. Một mặt, cô không muốn phải chia tay với người anh trai yêu quý để đến một đất nghèo xa xôi. Mặt khác, cô oán trách anh trai khước từ hơi sớm.

Lo sợ hoàng đế Pháp đến xin hôn lần nữa, Alexander I vội vàng nói tướng mạo của Catherine trông rất bình thường. Sau cùng, Catherine đã quyết định kết hôn với hoàng đế nước Nga là Oderbat. Mặc dù địa vị cao nhưng tính cách ông ta hèn nhát, nhu nhược. Hôn lễ được tổ chức rất vội vã. Sau hôn lễ, Catherine có một cuộc sống hết sức buồn tẻ. Một thời gian sau, chồng bà chết, tình cảm hai anh em trở lại như cũ.

Tình cảm giữa Alexander I và Catherine khiến cho mọi người vô cùng ngạc nhiên. Chắc hẳn Alexander I hiểu phép tắc chính mình đưa ra nhưng vẫn đi ngược lại. Thứ tình cảm đó có coi là loạn luân hay không vẫn chưa có lời giải đáp.



4. Cuộc đời nữ hoàng Elizabeth

Năm 1558 trước Công nguyên, Elizabeth I là người được kế thừa ngôi vị nước Anh. Bà rất yêu mến, ủng hộ các tín đồ Thiên chúa giáo, giai cấp tư sản mới. Đây chính là nữ hoàng nước Anh Elizabeth I nổi tiếng trên thế giới. Ngay từ khi còn nhỏ, Elizabeth đã có năng khiếu sáng tác nghệ thuật, bà đọc rất nhiều sách, thông hiểu nhiều thứ tiếng như Italia, Canada, Tây Ban Nha... Trong thời kỳ thống trị đất nước, nữ hoàng coi trọng các bậc hiền tài, tích cực đẩy mạnh cải cách mọi phương diện trong xã hội. Trong vòng 44 năm trị vì, bà đã đưa nước Anh tiến vào thời kỳ hoàng kim của nhân loại, trở thành đất nước phồn thịnh nhất châu Âu lúc bấy giờ. Thế nhưng, nữ hoàng cả đời không chịu kết hôn, điều này làm cho mọi người đặt ra rất nhiều phỏng đoán. Nhiều người cho rằng, trên danh nghĩa nữ hoàng nước Elizabeth I kén chồng nhưng thực chất không hề có chút dục vọng ái tình như những người bình thường khác. Hoặc suốt cuộc đời nữ hoàng chưa từng có cảm giác rung động nơi trái tim.

LẦN HỦY HÔN CỦA NỮ HOÀNG ELIZABETH I

Năm 1578, nữ hoàng Elizabeth I 45 tuổi. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, bà vẫn chưa từng đính hôn. Em trai thứ tư của vua Henry đệ nhị nước Canada là Francois, công tước xứ Anjou, năm đó mới 20 tuổi đến cầu hôn. Thế nhưng, trước hôm tổ chức hôn lễ, nữ hoàng đột nhiên đổi ý, quyết định hủy hôn. Lần cự tuyệt hôn ước này suýt nữa khiến cho nữ hoàng phải bỏ





mạng. Bởi vì nữ hoàng là một con chiên ngoan đạo, cho nên trong mắt của tổng giáo hoàng Canterbury việc thừa kế vương vị của nữ hoàng hoàn toàn không hợp pháp. Người kế thừa hợp pháp phải là nữ vương Mary Stewart. Việc hủy hôn của Elizabeth khiến cho bà Mary - Stuart vô cùng tức giận. Bà thề sẽ làm Elizabeth phải trả giá cho những gì đã gây ra. Mary Stewart sai người dùng váy tơ tằm có tẩm độc để giết chết viên nữ quan cận thân tâm đắc của Elizabeth I. Sau khi phát hiện ra, nữ hoàng quyết định trừng trị, bà cử người thân tín của mình đến Scotland, lừa Mary Stewart, sau đó giết chết bà ta.



Nữ hoàng Elizabeth I.

BÍ MẬT VỀ NGƯỜI TÌNH CỦA NỮ HOÀNG

Thực ra, nữ hoàng cả đời chưa từng kết hôn không có nghĩa là bà không có người trong mộng. Người tình bí mật khi đó của bà chính là bạn thiếu thời Robert Dudley, được phong bá tước Bicester. Hai người không thể dính nước bởi vì Robert Dudley đã từng kết hôn 2



lần. Nữ hoàng tất nhiên không thể trở thành vợ thứ ba của ông ta. Nước Mỹ từng triển lãm công khai bức thư tình của Dudley viết cho Elizabeth I. Trong bức thư, Dudley gọi Elizabeth là “nữ hoàng ngọt ngào”, “nữ hoàng yêu thương nhất của anh”. Cuối thư, Dudley ký tên là “R.Leicester”, ông chưa từng dùng tên này viết thư cho bất kỳ một người nào. Vậy, tại sao nữ hoàng Elizabeth I có tình cảm sâu sắc với người yêu như vậy trong khi cả đời lại không kết hôn? Sự tình không hề đơn giản như những gì chúng ta tưởng tượng. Có thể đằng sau mặt chính trị là một bức màn bí ẩn không thể lý giải được.



5. Cuộc đời nữ hoàng Cleopatra

Hoàng hậu kiều diễm của Ai Cập là A. Cleopatra - nữ hoàng, con gái vua Ptoleme XII. Tương truyền, bà nổi tiếng về sắc đẹp quyến rũ, tính tình sắc sảo, ưa thích quyền lực. Nữ hoàng Ai Cập là một nhà Tâm lý học về chính trị. Sau khi thất bại về chính trị ở trong nước, bà đã dựa vào sự giúp đỡ của tướng La Mã Xêza (C.J. Ceasar) giành được quyền thống trị. Tuy nhiên sau đó, Xêza bị ám sát, bà tiếp tục quyến rũ, thuyết phục M.Antonuis phong vương cho con mình, sát nhập những vùng đất phía Đông La Mã vào Ai Cập. Cleopatra biết Antonuis say đắm sắc đẹp của bà, thậm chí còn bỏ vợ Octavia Minor (cũng chính là chị gái của một người bạn trong tam đầu chế là Augustus) để kết hôn với bà. Việc đó đã làm cho Augustus rất tức giận. Một lần, do cách hành xử của Antonuis bị người La Mã





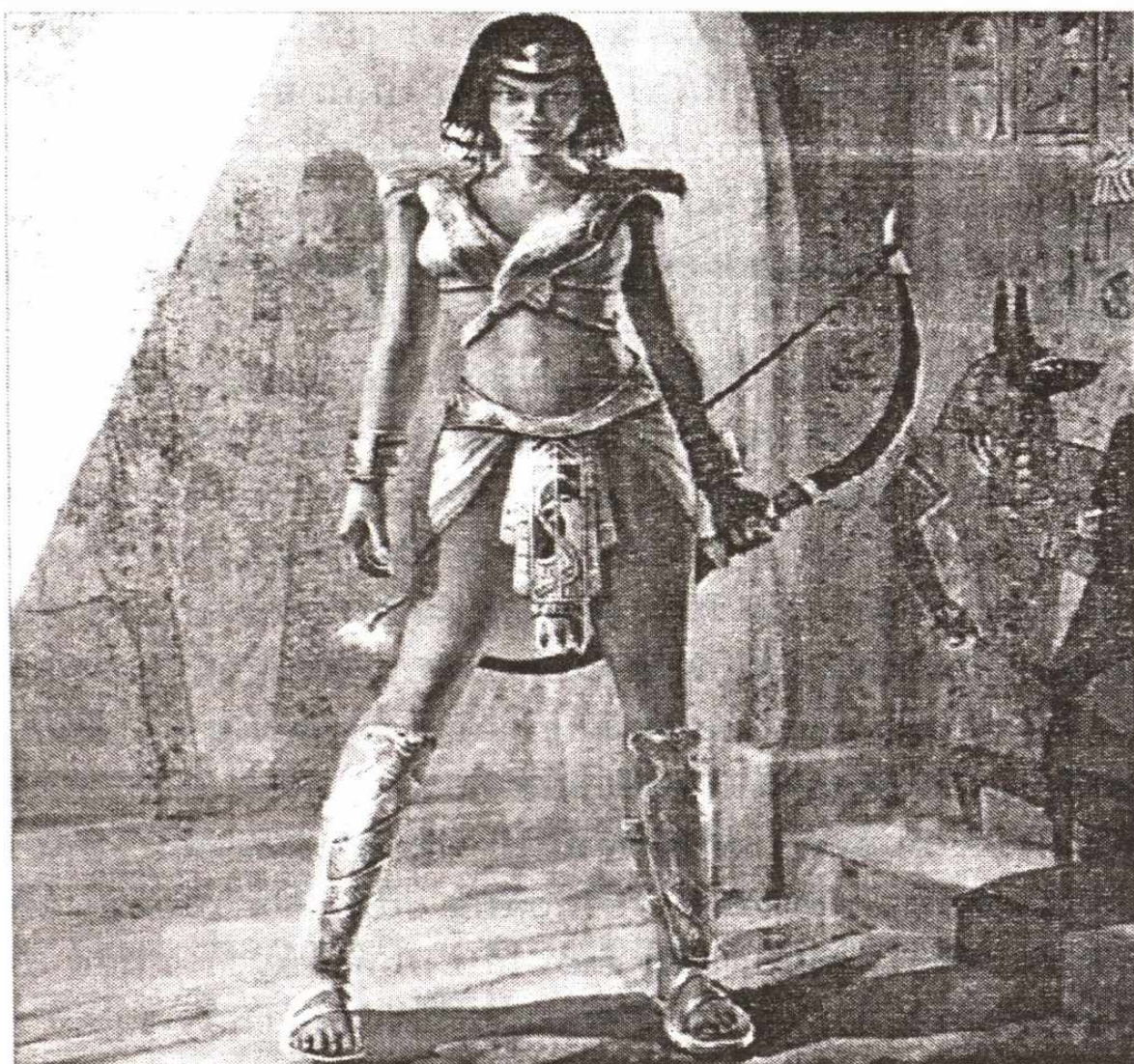
coi là thái quá nên nhân cơ hội này, Augustus thuyết phục nghị viện La Mã tiến hành chiến tranh chống Ai Cập. Năm 31 trước Công nguyên, các lực lượng của M.Antonuis đối mặt với Augustus trong một trận thủy chiến ngoài khơi Actium. Cleopatra có mặt với một hạm đội riêng của mình. Khi đó, hai bên ngang bằng về thế lực. Thế nhưng, khi cuộc chiến kéo dài đến giai đoạn cực điểm, nữ hoàng đột nhiên quyết định rút toàn bộ hạm đội của mình quay về. Sau đó, M.Antonuis liền để hết quân sỹ của mình lại, một mình đuổi theo Cleopatra đến Ai Cập. 1 năm sau, Augustus lại tiến đánh Ai Cập. M.Antonuis rút gươm tự vẫn, nữ hoàng Cleopatra bị bắt sống. Lần này, bà không thể mê hoặc được Augustus cho nên đã tự sát. Thuộc hạ của bà đã chôn bà cùng M.Antonuis. Cuộc đời của nữ hoàng Ai Cập kiêu diễm tràn đầy tính ly kỳ. Sau khi đã qua đời, những câu chuyện về bà vẫn được lưu truyền mọi nơi. Những bí mật về cuộc đời của bà qua hàng nghìn thế hệ vẫn không lý giải nổi.

BÍ MẬT SAU BỨC MÀN CHÍNH TRỊ

Mọi người luôn nghi ngờ về việc nữ hoàng lâm trận sau đó quyết định chạy trốn trong trận thủy chiến với Augustus. Họ không hiểu bà có mục đích gì? Có người nghĩ, bà làm như thế vì muốn thử thách tình yêu, lòng chung thủy với M.Antonuis. Một số khác cho rằng, bà chạy trốn vì sợ phải chịu thất bại trong cuộc chiến này. Tuy nhiên suy diễn từ tính cách của nữ hoàng cũng như kết quả cuối cùng của cuộc chiến có thể thấy: Tướng sỹ vô cùng dũng cảm, tuy thiếu chủ tướng nhưng



vẫn chống trả quyết liệt với kẻ thù. Cho nên, những quan điểm trên đều không thể coi là đúng. Lại có người nói, bà muốn chứng kiến cảnh hai chủ tướng M.Antonuis và Augustus đánh nhau để tăng thêm kinh nghiệm lãnh đạo, cai trị của bản thân. Thế nhưng, bà thật không ngờ, M.Antonuis lại có hành động si tình, ngu ngốc. Do vậy, cuối cùng giao gió ắt gặp bão. Suy đoán này tuy có những lý lẽ thuyết phục nhưng cũng không có bằng chứng nào có thể khẳng định một cách chính xác.



Bức vẽ nữ hoàng Cleopatra xinh đẹp, sắc sảo.





Tương truyền, nữ hoàng Ai Cập Cleopatra đã dùng rắn độc để tự kết thúc đời mình. Trên bức tượng nữ hoàng, Augustus cho đắp một con rắn độc đáng sợ quấn quanh cánh tay của bà. Câu chuyện thực sự có phải như thế không? Mọi người không thể hiểu cuộc đời của nữ hoàng Ai Cập với sắc đẹp quyến rũ, tính tình sắc sảo, có trí tuệ đã dùng chính vũ khí sắc bén của “bản thân” để cứu lấy vương vị đất nước diễn ra như thế nào? Với một kết thúc buồn thảm như vậy, lẽ nào bà chỉ là con người của chính trị? Tình cảm với tướng La Mã Xêza, với M.Antonuis... xuất phát từ trái tim hay do yêu cầu về chính trị? Có thể nói, những thắc mắc này chỉ có bản thân nữ hoàng Cleopatra mới có thể trả lời.



6. Mô hình kiến trúc hoàng cung Minos

Nền văn minh Crete lấy hoàng cung là trung tâm, các quốc gia, thành thị phần lớn đều được xây dựng xung quanh. Đồng đồ nát của hoàng cung Minos là di chỉ còn lại có giá trị, tính biểu trưng nhất trong nền văn minh Crete. Nó lưu giữ các thành tựu nghệ thuật xuất sắc của thời đại này. Ông Evans đã từng tiến hành tu bổ lại các di chỉ của hoàng cung, hy vọng có thể khôi phục lại diện mạo ban đầu của nó.

Do ảnh hưởng của thiên tai trong tự nhiên như núi lửa, địa chấn, biển động... hoàng cung đã nhiều lần bị phá hủy. Tuy nhiên, sau mỗi lần phá hủy, nó đều được khôi phục lại. Di chỉ mà chúng ta nhìn thấy ngày nay là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của vương quốc, đồng thời cũng chính là nơi ở của quái vật đầu bò



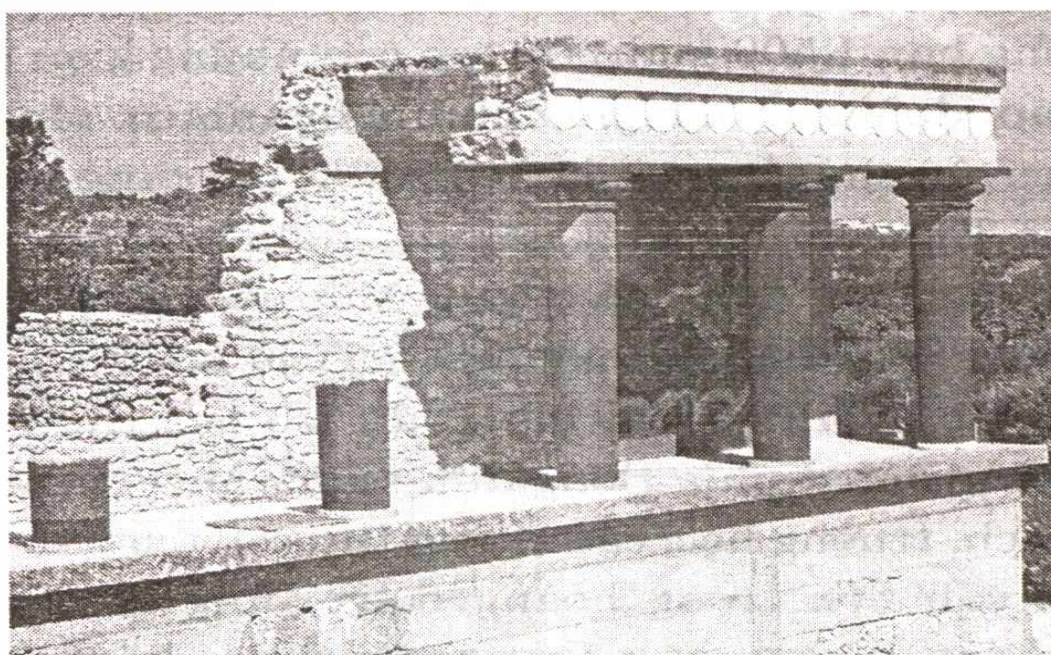
trong truyền thuyết. Nhìn tổng thể hoàng cung, sân ở chính giữa hình vuông làm trung tâm, xây tựa vào núi. Đây là một quần thể kiến trúc nhiều tầng nhà cửa, xung quanh không có tường bao, chòi gác, có con đường lớn thông sang hướng Phaesite. Do địa thế phía Tây cao, phía Đông thấp, cho nên hoàng cung ở mặt phía Tây có 2 - 3 tầng; hoàng cung ở mặt phía Đông có 4 - 5 tầng. Tổng diện tích xây dựng của hoàng cung là 22.000m², phân bố phòng ở, sân đình, lối đi, hầm chứa tổng cộng hơn 1.500 gian. Độ cao của những gian phòng này thấp, đường đi nối giữa chúng quanh co, phức tạp. Theo truyền thuyết, nơi đây chính là mê cung thần bí. Các nhà Khảo cổ học sau này đã khám phá ra những gian phòng nhỏ, đan xen nhau. Mỗi phòng đều có tác dụng riêng. Những gian phòng ở mặt phía Tây dùng để tổ chức các buổi họp, thờ cúng, dự trữ của cải. Những gian phòng ở mặt phía Đông dùng làm tắm cung, phòng tiếp khách, trường học, các xưởng thủ công.

Kết cấu bên trong hoàng cung cũng rất tinh vi. Những gian phòng được trang trí bằng các sản phẩm nghệ thuật. Bố cục kiến trúc ở đây khéo léo, mặt trời có thể trực tiếp chiếu vào sân. Các cột trụ trên to dưới nhỏ, tạo cảm giác cân đối, độc đáo, mỗi khi ngẩng đầu lên đều cảm thấy thoải mái. Trên mặt sàn của hoàng cung lát những viên đá nhẵn nhụi, dạng kết tinh màu trắng. Mỗi tầng, các nơi đều có cầu thang nối tiếp nhau. Cầu thang lớn ở mặt phía Đông hoàng cung to đẹp, tráng lệ, được mệnh danh là vật kỷ niệm nổi bật nhất của kiến trúc. Lối đi của cầu thang này rộng, có sự phối hợp ánh sáng của giếng trời, ba mặt tạo thành





hàng cột trụ. Mặt bên trái vẽ những bức tranh trên tường tươi sáng, mặt bên phải là một hàng lan can thấp. Trong phòng khách treo 2 chiếc rìu, vì thế được gọi là đại sảnh song phủ. Nó chia thành hai phòng trong và ngoài, sảnh ngoài treo tấm lá chắn hình số 8 rất lớn. Tấm lá chắn này trong sử thi Homère đã từng nói đến, nó che được toàn bộ cơ thể của người chiến sỹ. Giữa phòng trong và phòng ngoài dùng các hàng cột trụ để phân cách.



Lối vào phía Bắc được xây dựng lại với bức họa bò đực.

Trong những đường rãnh ở máng trên của các cột trụ, người ta lắp một cánh cửa có quạt xếp tầng, nó đóng hoặc mở tùy theo sự thay đổi của thời tiết. Nó có tác dụng điều hoà nhiệt độ, không khí trong phòng, thể hiện đầy đủ tính linh hoạt của công trình. Điều khiến người ta cảm thấy kinh ngạc là công trình cấp thoát nước rất khoa học. Phòng ngoài của tấm cung bố trí phòng tắm, phòng vệ sinh, nước sạch dẫn vào bằng các ống. Khi trời mưa, nước mưa sẽ cọ rửa các đường công



thoát nước. Cửa vào của đường cống thoát nước lớn, người thợ có thể đi cho đến tận bên trong để sửa chữa. Loại thiết bị vệ sinh này không nhìn thấy trong di chỉ của các nơi khác. Phương Tây đến tận thế kỷ XIX mới đạt tới trình độ này.

Sảnh chính ở mặt phía Tây của di chỉ được gọi là phòng ngự tọa bởi vì trong phòng đặt một ngai vàng bằng thạch cao có lưng tựa cao. Trên sàn nhà quét sơn màu đỏ, hai bên ngai vàng đặt những chiếc ghế băng dài bằng thạch cao dựa vào tường. Đây có thể là nơi nhà vua triệu kiến quần thần hoặc cử hành nghi thức tôn giáo. Các tranh vẽ trên tường ở bốn phía của gian phòng lấy màu đỏ đậm làm nền, vẽ một số hoa cỏ kỳ lạ - Đằng sau các lùm hoa có 2 con quái vật đầu chim ưng mình sư tử với đôi cánh dài, ngẩng đầu thẳng lên. Có tài liệu khảo cổ viết rằng: “Những người Crete cổ rất coi trọng các nghi lễ tôn giáo. Vì thế trước khi đưa ra một quyết sách trọng đại, quốc vương phải đảm nhiệm chức trách tư tế. Đầu tiên, ông phải tắm gội thân thể sạch sẽ, trên tế đàn bằng phiến đá người dân đã tế vật lên thần linh. Ngay trước ngai vàng có một đàn tế. Đây là những bằng chứng hùng hồn cho sự suy đoán của các học giả.

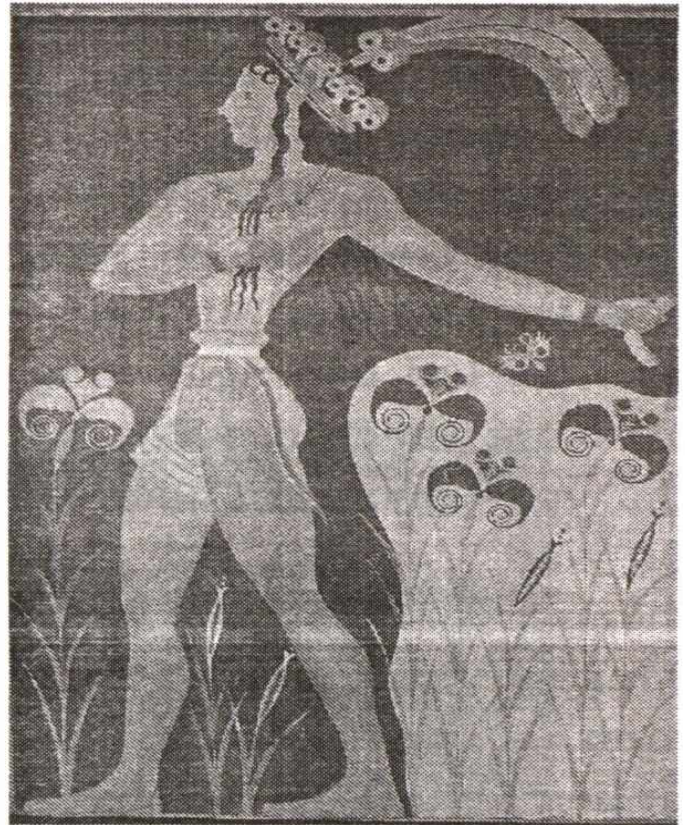
Trên tường hoàng cung khắp nơi đều có các bức tranh với màu sắc đẹp, thể hiện trình độ nghệ thuật đạt tới đỉnh cao. Gam màu được sử dụng chính ở đây là đỏ, vàng, xanh lam. Màu sắc trang nhã của các bức tranh làm cho toàn bộ hoàng cung thêm phần diễm lệ. Trong nhiều phòng do ánh sáng mặt trời yếu, nửa sáng nửa tối mang lại không khí nhẹ nhõm, thoải mái.





Những người thợ khi đó đã phát minh ra một kỹ thuật để bảo vệ các bức tranh vẽ trên tường. Đó là đợi sau khi bột vữa khô họ quét lên một lớp mỏng dịch lỏng, trong suốt, chống phai màu, rạn nứt. Chính vì vậy, trải qua hàng nghìn năm các tranh vẽ còn sót lại vẫn giữ được những màu sắc tươi đẹp của ngày xưa. Thuốc màu được dùng để vẽ các bức tranh trên tường đều là các chất khoáng vật, ví dụ như nguyên liệu của thuốc màu trắng là vôi sống, màu đen được chế từ nham phiến. Nội dung, hình thức của các bức tranh này vô cùng sinh động, bao gồm nhiều loại đề tài khác nhau. Trong tấm cung của vương hậu có một bức tranh với chủ đề cá heo, nhiều con cá nhỏ chen chúc, quây quần bên những con cá đáng yêu, chúng bơi lượn vòng quanh các đám san hô, bọt biển. Toàn bộ bức tranh thể hiện một không khí ấm áp vui tươi.

Đề tài chủ yếu của các bức tranh thời kỳ này là con người, trong đó hoàn chỉnh nhất là bức phù điêu màu nhạt trên tường hoàng cung, ở mặt phía Nam của sân chính giữa. Cảnh được thể hiện trong tranh là một vị



Bức họa “Vua thầy tế” được tìm thấy từng mảnh ở cửa Đông Nam.



quốc vương cầm hoa bách hợp hoặc vị tư tế chủ trì các hoạt động tế lễ tổ tiên đang bước ra từ khóm hoa bách hợp. Vị quốc vương trẻ tuổi trong bức tranh có kích thước giống với người thật, trên đầu đội vương miện cài hoa bách hợp, lông vũ của chim khổng tước. Mái tóc ông bông bênh quá vai, trước ngực đeo dây chuyền do những bông bách hợp bằng vàng xâu thành. Tay trái cầm cờ chỉ huy, tay phải nắm ở trước ngực, trên người mặc váy ngắn, thắt dây lưng. Hoa bách hợp, bướm bướm quanh người rất trang nhã, lộng lẫy. Bức tranh làm tôn lên khí thế hiên ngang của quốc vương. Nó cho thấy sự thống nhất, hài hòa giữa con người với khung cảnh. Nền của bức tranh màu đỏ phủ trên một diện tích rộng, làm nổi bật không khí tráng lệ, thần bí của các hoạt động tế lễ tổ tiên.



Ở hoàng cung Minos có nhiều bức tranh về phái đẹp, trong đó có một bức mọi người thường nhắc đến là *Người phụ nữ trong giao tiếp*. Những người phụ nữ trong tranh, mặc những bộ váy với các màu sắc khác nhau, mái tóc bông bênh thả xuống bờ vai, trang sức trên quần áo rất đẹp. Họ nói chuyện với nhau bằng nét mặt thanh nhã. Ngoài ra, còn có mấy bức tranh cũng tương tự như vậy, cách ăn mặc của họ xuyên qua không gian thời gian, trông giống với những cô gái Paris của quý tộc Pháp cuối thế kỷ XIX.



Trong hoàng cung điện còn có rất nhiều tác phẩm điêu khắc thể hiện hình tượng con bò. Thậm chí đoạn tường hình răng cửa ở trên cao của tòa thành cũng được xây theo hình dạng sừng bò. Các nhà Khảo cổ học cho rằng, đây có thể liên quan đến truyền thuyết về mê



cung Minotaur. Vậy, thần thoại về con quái vật đầu bò ẩn nấp trong mê cung có từ bao giờ? Sau khi đã khảo sát thực tế và tự mình trải nghiệm, Evans cho rằng, đó có thể là xuất phát từ nỗi lo sợ sự sùng bái đối với các cơn địa chấn. Crete thường xuyên xảy ra động đất, thảm họa của hoàng cung trước kia, có thể nguyên nhân là do các cơn địa chấn tạo thành. Một ngày, ông Evans đã trải qua một trận động đất trên đảo Crete. Ông phát hiện, khi động đất xảy ra, những tiếng rền vang truyền từ dưới lòng đất lên giống như tiếng gầm rú của con quái vật đầu bò. Nó làm ông liên tưởng đến việc tế lễ nữ thần Địa Chấn trong câu chuyện *Thần Địa Chấn lấy việc trêu ghẹo con quái vật đầu bò làm thú vui* được nói đến trong sử thi Iliade. Ông Evans đã đưa ra phán đoán, những cơn địa chấn liên tiếp xảy ra là những lý giải cho truyền thuyết về quái vật đầu bò. Truyền thuyết về Theseus và công chúa yêu thương nhau đã giết chết quái vật đầu bò có thể đã phản ánh một lần đoạt chính quyền của người nước ngoài đối với đảo Crete. Những người nước ngoài này lên đảo bằng cách thức quan hệ thông gia. Nam nữ thanh niên được dùng làm tế phẩm dâng lên con quái vật. Đây có thể là dấu tích còn sót lại của quá trình tế lễ thờ cúng trên đảo Crete cổ xưa. Evan đã từng phát hiện thấy những dấu hiệu của việc dùng trẻ con thanh niên trẻ tuổi làm vật hiến tế.

Sau đó, ông Evans chú ý đến 2 vật liên quan đến bò được phát hiện trên vùng đất Hy Lạp. Chúng là 2 chiếc cốc vàng được chạm khắc tinh xảo nằm trong một ngôi mộ của thế kỷ XV khai quật ở một thôn nhỏ gần



Sparta. Ban đầu, mọi người nhận định, những chiếc cốc vàng mang phong cách của Mycenae. Tuy nhiên, ông Evans cho rằng, phong cách cũng như nội dung nghệ thuật trên 2 chiếc cốc vàng này thuộc văn hoá Crete. Chúng có tính tương đồng lớn với hình tượng con quái vật đầu bò trong các bức tranh vẽ trên tường hoàng cung. Trên chiếc cốc thứ nhất khắc hình người thợ săn dùng lưới buộc trên cây để bắt quái vật đầu bò, Kết quả, con bò lọt vào trong lưới đã hất ngã người thợ săn đang cười trên lưng nó. Một người thợ săn khác để tránh bị sừng bò húc đã dùng cánh tay ôm chặt 2 cái sừng bò. Trên chiếc cốc vàng còn lại là cảnh tượng con quái vật đầu bò bị con bò cái mê hoặc. Người thợ săn nhân cơ hội đó dùng dây thừng trói chặt chân nó, khiến con quái vật gào thét lồng lộn.



Những hình vẽ liên quan đến bò có thể thấy ở mọi nơi trong các di vật của văn hóa Crete, nhưng trong thời kỳ Mycenae xuất hiện không nhiều. Hình tượng nghệ thuật người Mycenae tạo ra chủ yếu là con sư tử. Từ đó, ông Evans liên tưởng đến dấu tích của căn phòng cất trữ trong hoàng cung Minos. Chúng dường như đã bị cướp sạch trơn hoặc từng bị lửa thiêu rụi. Những đồ vật bằng vàng trong gian cất trữ này đã thất lạc, đến nay được phát hiện trên bán đảo Peloponesus cách xa một đại dương. Điều này cung cấp những đầu mối quan trọng cho việc nghiên cứu sự diệt vong của nền văn minh Minos.



Thủ công nghiệp, thương nghiệp của Mycenae không phát triển, vốn không thể có một lượng vàng lớn, nhưng trong sử thi Homer lại gọi nó là “vàng của

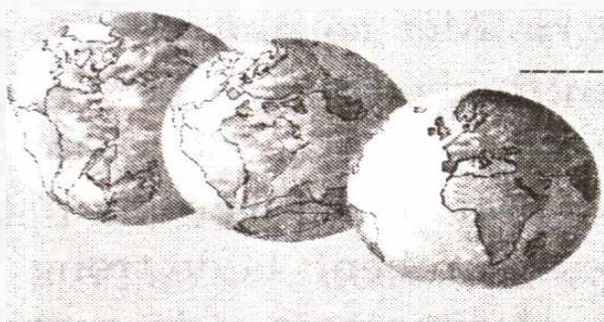


Mycenae”. Họ có tường thành, lâu đài kiên cố, binh khí bằng đồng, tất cả đều cho thấy đây là một quốc gia coi trọng vũ lực. Tổng hợp lại tất cả các manh mối trên để xem xét hàng nghìn năm về trước. Sau một trận thiên tai bất ngờ xảy ra, người Crete phát hiện thấy người Mycenae đã vượt biển cả đến cướp bóc thiêu hủy hoàng cung Minos, làm cho nền văn minh nơi đây lui không thể khôi phục lại. Rất nhiều đồ đạc bằng vàng bạc bị những kẻ xâm lược cướp đi sau đó mang đến bán đảo Peloponesus, được truyền đi hết nơi này đến nơi khác.



Cùng với việc hoàng cung Minos bị phá hủy, trung tâm của nền văn minh cũng di rời khỏi Crete. Thay vào đó là một số khu vực trên vùng đất Hy Lạp Mycenae được coi là đại diện. Về sau trở thành dải đất trung tâm của văn minh Hy Lạp cổ.





Chương năm

NHỮNG BÍ ẨN VÒNG TRÒN



1. Lý giải hiện tượng chết lâm sàng

Trong vòng 80 năm trở lại đây, y học đã phải tốn khá nhiều công sức để tìm ra nguyên nhân của bệnh ham thích ngủ. Các nhà nghiên cứu y học tuy đã bỏ bao tâm huyết thí nghiệm nhưng vẫn chưa thể tìm ra nguyên nhân cơ bản của loại bệnh này.

Căn bệnh bí mật này xuất hiện sớm nhất vào giữa những năm 1916 - 1927. Sau một thời gian ngắn, nó đã lan ra nhanh trên toàn thế giới. Người mắc phải căn bệnh quái ác này có thể sẽ mất đi ý thức, trạng thái cảm giác, chỉ thích ngủ, có thể dẫn đến tình trạng hôn mê hàng tiếng, mấy tháng, thậm chí mấy năm. Căn bệnh này ảnh hưởng rất lớn đến tuổi thọ, sức khỏe. Những người trong lứa tuổi thanh niên rất dễ mắc phải căn bệnh này, đặc biệt là nữ giới. Theo những tài liệu ghi chép được, khi căn bệnh bùng phát đã cướp đi tính mạng của hàng trăm người. Một số người may mắn sống sót nhưng trở thành cuộc sống thực vật.

Y học vẫn còn ghi lại hiện tượng kỳ lạ một số người đã chết đi sống lại. Họ gọi đó là chết lâm sàng. Trước đây, các nhà nghiên cứu đã không thành công trong việc tìm ra nguyên nhân gây ra căn bệnh. Tuy vậy, có





rất nhiều giả thuyết được đưa ra. Một số nhà nghiên cứu y học nhận định, bệnh ham thích ngủ do một loại virus gây nên. Có ý kiến cho rằng, một loại bệnh cúm đang hoành hành ở Tây Ban Nha mới là nguyên nhân. Một số khác nói, nguyên nhân của căn bệnh là do trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã sử dụng một số loại vũ khí độc hại với con người.



Trong vòng 20 năm tiếp sau đó, các triệu chứng của bệnh này dường như đã biến mất. Đến năm 1948, tại Tây Ban Nha một lần nữa bùng phát một dịch bệnh giống như vậy. Trong những năm đó, bệnh ham thích ngủ đã quay trở lại. Tuy nhiên, cách gọi của nó lại khác nhau, có nơi gọi là bệnh exxon nomo. Nó có tên như vậy là vì loại bệnh này do nhà nghiên cứu về bệnh thần kinh người Áo phát hiện ra tên là Exxon Nomo. Cách gọi khác là bệnh crruchet, bệnh akula vì nó được phát hiện ở phía Bắc thành phố Akula (thuộc Ireland). Bệnh này đến rất bất ngờ, khiến con người không thể dự đoán trước, nó có thể sẽ quay trở lại với quy mô rất lớn, nguy hiểm.



Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, các bác sỹ tìm thấy thêm một số thông tin về triệu chứng của bệnh. Từ đó, 2 bác sỹ trẻ người Anh đã quyết định đi tìm nguyên nhân chủ yếu của căn bệnh.



Họ nhờ tổ chức Y tế thế giới cung cấp tài liệu của 20 người mắc bệnh này từ đó tìm ra được mối tương đồng giữa các bệnh nhân. Họ phát hiện ra, trong số những người bị mắc bệnh ham thích ngủ trước đó đều mắc bệnh yelaiyan. Chính vì vậy, họ quyết định tìm hiểu nguyên nhân chủ yếu của bệnh yelaiyan. Điều làm cho



họ bất ngờ chính là việc phát hiện thấy vi khuẩn của nó giống với vi khuẩn hình cầu. Hai loại vi khuẩn này có thể cho bệnh akura gây ra. Các biến thể đó có thể dẫn đến bệnh chết lâm sàng nguy hiểm đang tồn tại.

Theo suy đoán của họ, hệ thống miễn dịch của một số người giảm khả năng chống lại sự tấn công vào hệ thần kinh. Do đó dẫn tới việc bị virus phát tán tấn công. Để kiểm nghiệm cho chắc chắn lập luận này một lần nữa, họ tiến hành nghiên cứu các bệnh án vào những năm 20. Đại đa số người bị chết vì bệnh ham thích ngủ tất cả đều mắc bệnh yekaiyan. Hơn nữa, trong các tài liệu ghi chép lại thường xuyên nhắc đến vi khuẩn hình cầu.



Trong khi chết lâm sàng, người bệnh vẫn có khả năng nhận biết xung quanh.

Nếu những nghiên cứu, suy đoán của 2 bác sỹ người Anh đều chính xác, dịch bệnh gây nguy hiểm cho con người kéo dài suốt 80 năm qua có hy vọng tìm được phương pháp chữa trị.





Bệnh ham thích ngủ chính là triệu chứng của bệnh chết lâm sàng. Tuy nhiên, còn có một loại hiện tượng khác của bệnh chết lâm sàng gọi là sống lại sau khi chết. Nước Đức đầu thế kỷ XV có một tên hải tặc tên Sterry Brad bị kết án tử hình, đưa ra chém đầu. Sau khi bị chặt đầu, tên hải tặc đã chết bất ngờ đứng lên, đi về phía trước mấy bước.



Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, một cô gái trẻ bị xe tải đâm phải. Thế nhưng sau khi bị đâm, cô gái vẫn có thể đứng lên đi một đoạn rồi mới chết.



Gần đây, các chuyên gia nghiên cứu của Anh đã giải thích được một số nguyên nhân xuất hiện hiện tượng chết lâm sàng. Trong khi đang nghiên cứu virus evra, họ phát hiện ra bí ẩn của hiện tượng chết lâm sàng. Họ cho rằng, hiện tượng này do một loại virus gây nên. Bệnh nhân mắc phải virus, sau nhiều tiếng sốt cao liên tục sẽ đi vào trạng thái hôn mê sâu. Đây là dấu hiệu đầu tiên của hiện tượng chết lâm sàng. Do đó, người bệnh thường được coi đã chết. Tuy nhiên, mấy tiếng hoặc mấy ngày sau, người bệnh tự nhiên tỉnh lại, rơi vào trạng thái tấn công cục bộ. Điều này có nghĩa là, người bệnh khi tỉnh lại sẽ cắn xé tất cả các vật thể chuyển động như người, động vật. Đồng thời, người bệnh tiết ra rất nhiều dịch nhầy, cùng với đó là hiện tượng bị chảy máu. Những người ngoài nhìn thấy cảnh người chết đột ngột sống lại, mồm chảy máu, ánh mắt dữ tợn thường liên tưởng tới những con quỷ hút máu người.





2. Chiếc máy bay bí ẩn

Mùa hè năm 1939, tại khu vực thánh địa Yake, một chiếc máy bay quân dụng vận tải của Mỹ thuộc hạm đội hải quân lục chiến, từ khu vực chỉ huy bắt đầu cất cánh để thực hiện nhiệm vụ. Sau 3 tiếng đồng hồ, khi bay đến Thái Bình Dương, chiếc máy bay này bắt đầu phát tín hiệu về trung tâm điều hành, thông báo có nguy hiểm đang xảy ra, yêu cầu sự giúp đỡ. Trong khi trung tâm đang xác định vị trí của chiếc máy bay, đột nhiên tín hiệu bị gián đoạn.

Tuy đã chờ rất lâu nhưng họ vẫn không nhận được thêm một thông tin hay tín hiệu nào từ chiếc máy bay đó. Mọi người trong trung tâm bắt đầu cảm thấy căng thẳng, lo lắng. Đúng lúc đó, một việc vô cùng bất ngờ xảy ra. Chiếc máy bay bị mất tích bay trở lại khu vực điều hành nơi bắt đầu xuất phát. Thế nhưng, nó không hạ xuống đường bay, cứ chao đảo trên không trung trong khu vực sân bay. Đồng thời, từ máy vô tuyến truyền tin của máy bay phát một tín hiệu yêu cầu được hạ cánh khẩn cấp. Trung tâm vội thông báo cho phi hành đoàn gồm 13 nhân viên, trong đó 12 người đã thiệt mạng. Tính đến thời điểm đó, chỉ có người duy nhất còn sống sau thảm kịch. Tuy nhiên, anh ta cũng bị thương rất nặng. Anh chính là một anh hùng, người có nghị lực kiên cường mang chiếc máy bay quay trở lại.

Mọi người nhanh chóng kiểm tra một cách thật tỉ mỉ, cẩn thận. Họ hy vọng có thể may mắn cứu thêm một người nào đó. Kết quả là, 12 người họ đều đã chết, trên





thân thể có những vết thương rất lớn. Đạn trong súng của họ đã dùng hết, vỏ đạn vẫn còn sót lại trên sàn máy bay. Trong khoang máy nồng nặc mùi lưu huỳnh.

Như vậy, chiếc máy bay này khi bay đến vùng biển tam giác quỷ đã gặp phải một nguy hiểm nào đó hoặc kẻ địch đáng sợ. Bây giờ, mọi chuyện chỉ có thể biết được từ người sống sót duy nhất.

Tuy nhiên, sự thật chưa kịp hiểu rõ, chỉ sau mấy phút máy bay đáp xuống sân bay, anh ta đã tắt thở.



3. Cuốn sách "Những lời tiên tri"



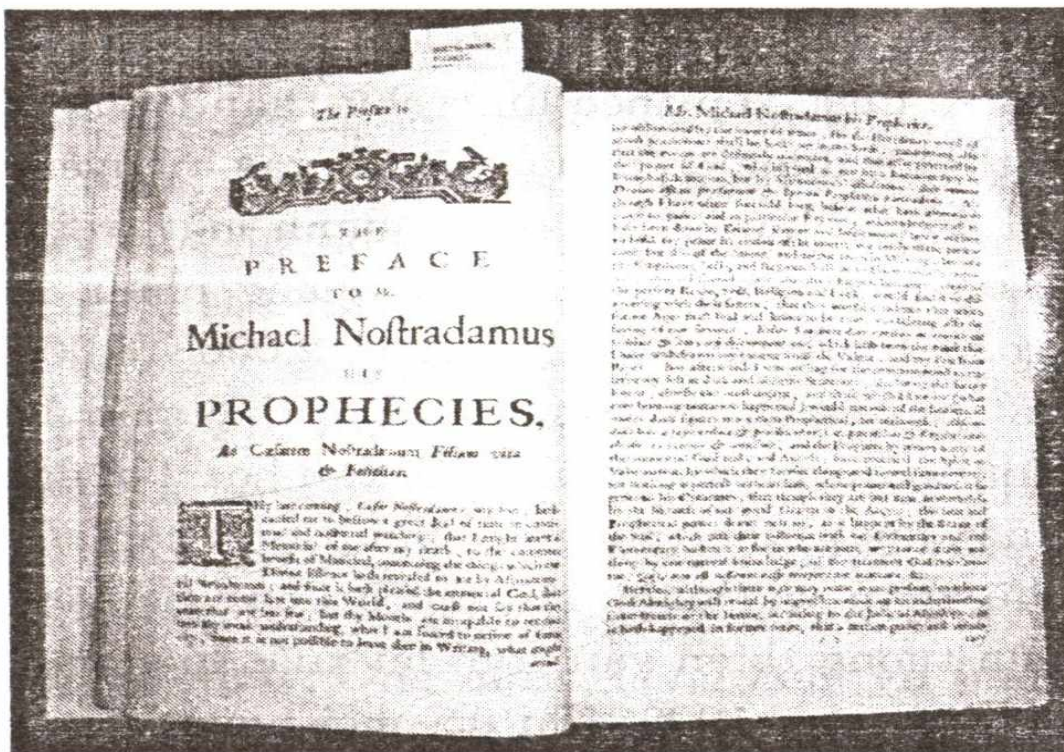
Nhìn về tương lai là mơ ước của loài người, nhưng để biết trước được chúng lại không có phương pháp dự đoán chính xác nào. Có những người có được khả năng kỳ diệu đó, họ có thể thấy trước được tương lai. Tuy nhiên, tất cả đều chỉ là những lời dự đoán thiếu căn cứ khoa học. Cuốn sách *Những lời tiên tri* của Nostradamus - nhà tiên tri nổi tiếng người Pháp thế kỷ XVI đã gây được sự chú ý lớn của đông đảo quần chúng nhân dân.



Trong phần 72 tập 10 của cuốn sách *Những lời tiên tri*, ông đã tiên đoán đến việc tháng 7 năm 1999, đại họa sẽ xảy ra. Đây là đoạn văn duy nhất mà ông đã chỉ rõ thời gian. Trong cuốn sách này, ông còn tiên đoán trên không trung, các hành tinh sẽ phân chia thành khoảng 40 phương hướng, hình chữ thập. Tiếp sau đó, chiến tranh, thảm họa, thiên tai xảy ra không ngừng, loài người sẽ phải chịu những cảnh khốn khó.



Vậy, lời tiên đoán cuối cùng của Nostradamus có đúng hay không? Năm 1997, một nhà khoa học ở trường Đại học Tokyo, Nhật Bản đã tiến hành kiểm chứng những lời tiên tri của ông. Kết quả thu được đều khiến cho mọi người vô cùng kinh ngạc. Theo tài liệu được viết vào ngày 18, tháng 8, năm 1999, các hành tinh trên trời đã sắp xếp theo hình dạng chữ thập, nó chứng minh cho lời tiên tri của Nostradamus.



Cuốn sách "Những lời tiên tri".

Truyền thông tiên tri của Trung Quốc đã có từ rất lâu. Người dân biết được cách quan sát các hiện tượng tự nhiên để dự đoán, tính toán thời điểm thủy triều dâng lên, hạ xuống, thời gian mặt trời mọc mỗi ngày. Tuy nhiên, truyền thông này còn bao gồm nhiều yếu tố mê tín đối với những hiện tượng thiên văn không có cách nào giải thích được. Ví dụ, đối với hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, họ coi là thảm họa do ông trời giáng





xuống. Họ cho rằng, những hiện tượng này dự đoán cho một kiếp nạn lớn sắp xảy ra, phải tiến hành các hình thức tế lễ mới có thể bình an vô sự. Ngày nay, khoa học phát triển ở một mức độ cao. Chính vì vậy, những hiện tượng ở thời kỳ cổ đại, không thể lý giải được, không có phương pháp giải quyết đến nay khoa học không chỉ giải thích được, còn có thể tiến hành dự đoán chính xác.



Đối với hiện tượng thiên văn đã nói ở trên, các nhà khoa học cho rằng, 9 hành tinh lớn, mặt trăng trong hệ mặt trời sẽ được xếp theo hình chữ thập trong đó trái đất trở thành điểm trên của nó. Do vậy, nguyên nhân chính là do các hành tinh xung quanh mặt trời có chu kỳ, tốc độ một vòng quay không giống nhau. Đây là hiện tượng cực kỳ hiếm, bình quân 2.000 - 3.000 năm mới xuất hiện một lần trong khoảng thời gian 1 ngày. Theo tính toán của các nhà Thiên văn học, lần đầu tiên có sự xuất hiện hiện tượng các hành tinh sắp xếp theo hình chữ thập vào năm 110 trước Công nguyên. Lần này, hiện tượng thiên văn trên lại xuất hiện vào ngày 18, tháng 8, năm 1999. Khi đó, mọi người ở trên trái đất vô cùng ngạc nhiên trước cảnh tượng kỳ lạ này. Trên mặt trăng có 5 hành tinh lớn Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ xếp lại với nhau. Trong khi đó, trái đất sẽ lấy hình chữ thập làm trung tâm. Các nhà thiên văn cho rằng, do trái đất nằm ở ngoài trung tâm hình đó, cho nên lực hút vỏ các hành tinh sẽ giảm, không thể dẫn tới bất kỳ một thảm họa lũ lụt, động đất, thiên tai nào. Ngoài ra, sẽ không thể xảy ra hiện tượng trái đất không có mặt trời trong tương lai.





Ở những thế kỷ đầu, người phương Tây có rất nhiều lời tiên tri. Vào ngày 30, tháng 12, năm 1990, ở nước Mỹ, các nhà tiên tri đã đưa ra công chúng một số dự đoán cho tương lai. Ví dụ, mặt trời ngày càng to, địa vị của phụ nữ sẽ được nâng cao... Đây là những lời tiên tri đã được ứng nghiệm, nhưng đại đa số đều không có căn cứ.



Cuốn sách *Những lời tiên tri* của Nostradamus gây ra rất nhiều tranh luận khác nhau. Có người cho rằng, cuốn sách này mang màu sắc thần bí bởi vì cách đây hơn 400 năm, Nostradamus có thể dự đoán được cái chết ly kỳ của nữ hoàng Dianna. Phần lớn lời tiên tri của ông được thể hiện dưới những bài thơ tứ tuyệt có vần, nói về các thảm họa, nạn dịch hạch, động đất, lụt lội, hỏa hoạn, ám sát... Tất cả đề cập đến các phương diện trong xã hội của loài người. Những lời đó thường khó hiểu, có thể diễn giải ra nhiều nghĩa. Ngoài việc thường kết hợp nhiều ngôn ngữ, chơi chữ, ông còn đưa ra một lý do khác. Ông nhìn thông suốt sự phát triển của nhân loại đến 7.000 năm. Ông khó có thể nói về các sự kiện khoa học kỹ thuật của thế kỷ XX - XXI bằng tiếng Pháp vào thời điểm này vì hạn chế về từ ngữ. Nhiều người đã luận giải những lời tiên tri trong cuốn sách liên hệ chúng với các sự kiện đã xảy ra từ thời Nostradamus đến nay. Họ tiên liệu những biến động có thể xảy ra với nhân loại. Ví dụ, cái chết của vua Henry II, hỏa hoạn ở London năm 1666, dự báo về thất bại của Napoleon ở nước Pháp...





Những lời tiên tri tập hợp những bài, đoạn thơ gồm 4 câu, mỗi nhóm 100 câu nói về một thế kỷ. Những lời lẽ trong cuốn sách này thường mơ hồ, khó hiểu. Chúng miêu tả những biến cố được tiên đoán sẽ xảy trong thế giới từ giữa thế kỷ XVI cho đến ngày tận thế, theo dự kiến vào năm 3797.



4. Hiện tượng mưa máu, nội tạng



Tháng 7, năm 1841, huyện Wilson thuộc Bang Tennessee đăng tin. Trên bầu trời ngày hôm nay đã xuất hiện một đám mây màu đỏ trước sau đó rơi xuống giọt máu, các thớ thịt vỡ, chất béo đang phân hủy. Một bác sỹ địa phương tên là Seiler đến địa điểm này, lấy mẫu gửi về trường Đại học Nashville cho một giáo sư hóa học kiểm tra. Mùa xuân năm 1850, bác sỹ khoa nội tên là Basit thuộc bang Virginia cũng báo cáo sự việc tương tự như vậy. Ông nói: “Ngày chúa Giêsu gặp vận hạn, bầu trời phía trên đỉnh đầu Chúa và mấy người đầy tớ bỗng nhiên xuất hiện một đám mây bay qua. Sau đó, các mảnh vỡ của thịt, gan từ trên trời rơi xuống”. Buổi sáng hôm sau đó, Basit thu nhập thêm 15 - 20 mẫu, đồng thời gửi một ít trong số đó cho người bạn làm bác sỹ, hy vọng có thể phát hiện ra đó là thịt của loài nào. Để phục vụ cho bước nghiên cứu tiếp theo, Basit đã bảo quản các miếng thịt mẫu còn lại trong rượu.

Thế kỷ thứ XIX cũng có nhiều bài báo nói về cơn mưa máu. Ngày 15, tháng 2, năm 1849, một đám mây đỏ trên bầu trời huyện Simpson thuộc bang North



Calina cũng rơi xuống các miếng thịt, gan, tim, máu rải rác xuống vùng có chiều rộng 76cm, dài từ 85 - 90m. Tờ báo *Tiền phong San Fracisco* ngày 24, tháng 7, năm 1869 đăng tin: Trong khoảng thời gian từ 2 - 3 phút, các giọt máu và miếng thịt nhỏ như trứng chim bồ câu, có cái to như quả cam rơi xuống một doanh trại quân đội ở Nicea, thuộc bang California. Tháng 7, năm 1869, một trận mưa máu bao gồm lông, tóc, nội tạng rơi xuống một vùng đất trồng ngô khoảng 2 mẫu ở ngoại ô bang Los Angeles. Nhân chứng địa phương là một tốp người đi dự lễ tang, trong đó có nhiều mục sư.

Ngày 8, tháng 3, năm 1876, một miếng thịt mỏng từ trên trời rơi xuống ruộng cỏ hoang ở bang Bedaji. Một nhân chứng dũng cảm đã thử một miếng, ông ta nói: Nó rất tươi ngon. Ông cho rằng, mùi vị của nó giống thịt dê hoặc thịt nai. Việc này đã thu hút sự chú ý rộng rãi của mọi người. Họ đưa ra 2 cách giải thích đều không có sức thuyết phục. Một người cho rằng, các nội tạng rơi xuống ruộng cỏ hoang thực ra là một loại tảo luôn tồn tại dưới mặt đất, sau khi bị nước mưa thấm ướt lập tức nảy mầm. Vấn đề là lúc đó trời đầy nắng. Cách giải thích thứ hai cho rằng, chúng do loài vật nôn ra. Tuy nhiên, tại sao có thể nôn ra những miếng mỏng có các chiều 2,5 - 70m, hơn nữa lại còn rải khắp miếng đất có chiều dài từ 30 - 35m, trên cây, hàng rào?





5. Mưa máu xảy ra khắp mọi nơi



Những vùng khác của nước Mỹ cũng từng có những cơn mưa máu đỏ như thế. Ngày 16 - 17, tháng 10, năm 1846 một người dân nước Pháp đã bị cơn mưa đỏ làm cho kinh hãi. Ở thành phố Mescaïnadi khu vực Calabria Italia, từng có trận mưa máu đỏ. Các chuyên gia khí tượng suy đoán đó là máu chim. Năm 1888, trong khoảng thời gian cách nhau 12 ngày, khu vực Địa Trung Hải đã có 2 một trận mưa màu đỏ. Theo tạp chí khoa học *Thiên văn* nước Pháp khi máu bốc cháy phát ra mùi thịt động vật nướng. Thế kỷ XX chỉ có một bài báo như sau: “Ngày 30, tháng 8, năm 1968, ở 2 thị trấn giữa Sao Paulo và Rio Janerro của Bazil rơi nhiều giọt máu, thịt xuống. Một nhân chứng đã kể lại những gì chứng kiến với cảnh sát: “Lúc đó, trời rất nắng. Trước trong lúc sự việc xảy ra và sau khi xảy ra sự việc, chúng tôi không nhìn thấy vật gì bay qua. Bầu trời lúc đó ngay cả một bóng chim cũng không có”.



6. Bí ẩn về vòng tròn kỳ lạ



Tại một cách đồng, sau một đêm bỗng nhiên xuất hiện một vòng tròn lớn. Nếu tận mắt nhìn thấy cảnh tượng này, bạn sẽ cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Đây là một câu đố về vòng tròn kỳ lạ khiến người ta khó hiểu.

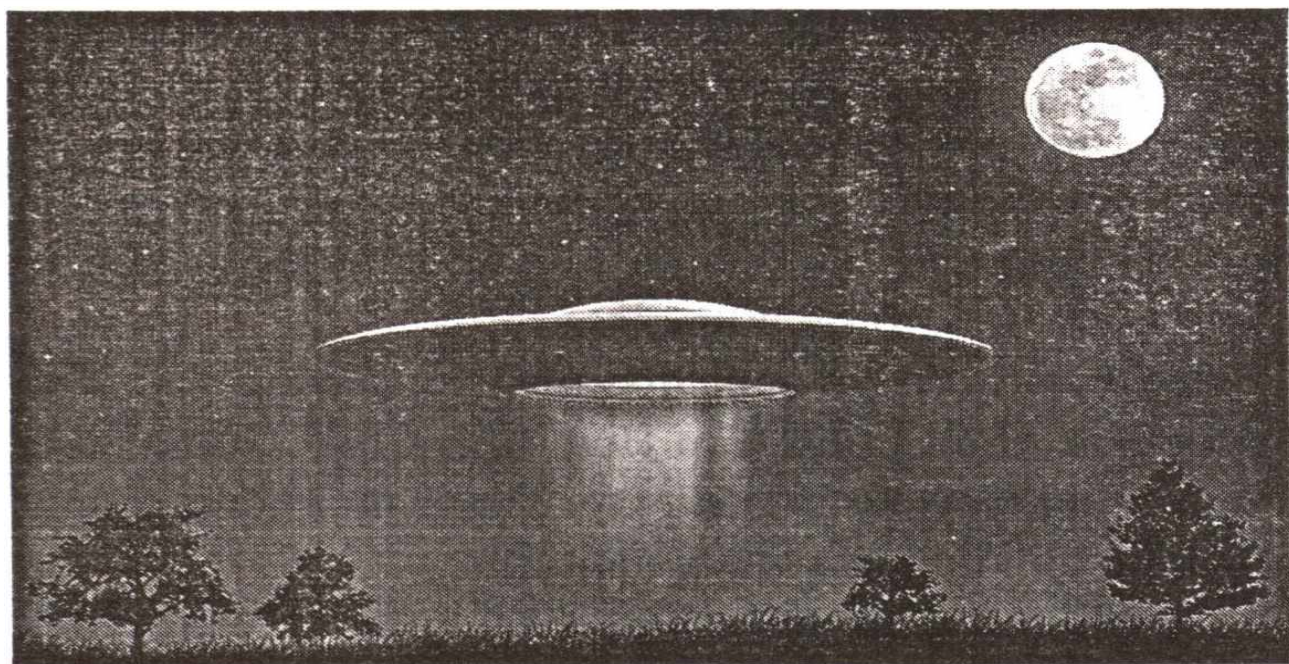
Theo các tài liệu đã ghi chép lại, vòng tròn này đã từng xuất hiện trong thời trung cổ. Điều đáng tiếc là chưa có sách nào ghi chép lại cụ thể về việc này. Đến những năm 60 của thế kỷ XX, báo cáo có liên quan đến



vòng tròn kỳ lạ mới xuất hiện trên mặt báo, dần thu hút được sự chú ý của mọi người. Các nhà khoa học trở nên quan tâm đến vòng tròn này, bắt đầu tiến hành nghiên cứu.

Ngày 19, tháng 1, năm 1966, ở phía Bắc đảo Queensland, Australia xảy ra hiện tượng UFO. Sau sự việc này, trên bãi cỏ xuất hiện vòng tròn kỳ lạ. Từ đó, nó trở thành chủ đề nghiên cứu mới.

Cho đến nay, các quốc gia và vùng lãnh thổ xuất hiện vòng tròn kỳ lạ có tới hơn 10 nước. Bao gồm các nước châu Âu như: Liên Xô, Anh, Pháp, Italia, Đức, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ; các nước châu Mỹ như: Canada, Mỹ; châu Đại Dương có Australia, Newzealand; châu Á có Trung Quốc, Nhật Bản.



Hiện tượng UFO.

Vòng tròn kỳ lạ mặc dù xuất hiện rất nhiều, nhưng căn cứ theo nghiên cứu của các chuyên gia, quái đại đa số chúng đều có một vài hình dáng: Vòng tròn đơn,





hình bầu dục, hình tròn đồng tâm, hình tròn đồng tâm, hình tròn lớn nhỏ, tổ hợp nhiều hình tròn giống nhau...

Địa điểm xuất hiện vòng tròn kỳ quái phần lớn ở các cánh đồng ngô, lúa mạch, lúa gạo đang chín. Chúng có 2 đặc điểm chung:

Một là, tổng thể nhìn bên ngoài của vòng tròn rất ngay ngắn, không có cảm giác lộn xộn.

Hai là, bên cạnh của vòng tròn kỳ quái không tìm thấy bất cứ vết tích của con người, động vật hay máy móc cơ giới.



Về vấn đề kích thước của vòng tròn, theo tin tức của báo *International Herald Tribune* có một đoạn như sau: Năm 1910, trong hơn 300 vòng tròn kỳ lạ xuất hiện ở phía Nam nước Anh, đường kính nhỏ từ 2 - 3m, đường kính lớn nhất 600m. Những quốc gia khác xuất hiện vòng tròn kỳ lạ cũng có kích thước khác nhau. Trưa ngày 8, tháng 4, năm 1995, tại một bãi cỏ rộng của Sở nghiên cứu nguyên tử hạt nhân khu công nghiệp Gia Định, Thượng Hải xuất hiện 6 vòng tròn hình nấm có đường kính từ 1,40 - 5,20m.



Đặc biệt hơn, tại một dốc núi trong công viên Đại Hoàng Sơn, thành phố Kim Hoa, tỉnh Chiết Giang cũng có một vòng tròn kỳ lạ như vậy. Trong đó không có một ngọn cỏ nào bởi chúng đã bị chết khô.



Theo phản ánh của nhân viên quản lý công viên, vòng tròn đỏ ban đầu chỉ có độ lớn bằng cái chậu nhỏ, sau tháng 6 năm 1995 nó không ngừng lớn lên, hiện nay đường kính đã đạt tới 6m. Có người đã thử đứng trong vòng tròn hàng tiếng đồng hồ, sau khi về nhà bị đau lưng, đau bụng, sau nhiều ngày mới khỏi.



Một vài người khác nói: “Trong vòng tròn đó có một lực hấp dẫn rất mạnh, khí hút xuống dưới, không rõ nó vận hành theo nguyên lý gì?”.

Tháng 9, năm 1987, một chiếc máy bay của không quân hoàng gia nước Anh khi bay qua bầu trời của vùng ruộng lúa mì đã từng phát hiện ra vòng tròn kỳ lạ. Lúc đó ra đa bỗng nhiên đứt đoạn, máy bay bị rơi xuống biển Đại Tây Dương, phía Tây Nam của Irelan. Các thi thể của phi công nằm trong vòng tròn đó.

Một kỹ sư nước Anh tên là Suzane Juhase vì hiếu kỳ đã dắt theo một con chó đi vào trong vòng tròn. Con chó không chịu vào, Suzane Juhase liền lừa nó. Kết quả là, con chó không ngừng nôn mửa, sau khi rời khỏi vòng tròn bị mất hết phản ứng.

Trong vòng tròn kỳ quái còn xảy ra một loạt chuyện kỳ dị khác: Các máy móc như máy thu âm, máy ảnh khi đi vào trong đó đều mất tác dụng. Ngoài ra, người ta còn nghe thấy những âm thanh kỳ lạ.

Tổ trưởng tổ nghiên cứu về vòng tròn lạ của nước Anh, tiến sỹ Terence Milton cho rằng: “Hiện tượng vòng tròn kỳ lạ này do chớp điện hình cầu nhân tố khí hậu khác. Nói cách khác là do vòng xoáy plasma tạo thành”.

Tháng 3, năm 1991, một nhà khoa học Nhật Bản ở trong phòng thực nghiệm đã mô phỏng vòng tròn đó thành công bằng chớp điện hình cầu.

Một vị giáo sư của đại học Waseda cũng chỉ ra rằng: “Vòng tròn kỳ lạ” do cầu lửa plasma trong thế giới tự nhiên tạo thành. Cầu lửa này bắt nguồn từ điện từ trong không khí bị khô sinh ra. Nó hình thành một dòng áp lực





mạnh hướng xuống dưới, ép bằng các loại thực vật dưới mặt đất tạo ra vòng tròn.

Một vài nhà Sinh vật học có hứng thú với việc này cho rằng: “Vòng tròn kỳ lạ có thể do thực vật bị nhiễm một loại bệnh lây lan nào đó con người chưa phát hiện ra”.



Thế nhưng, bệnh lây nhiễm của cây trồng liệu có thể sinh ra và hình thành nhiều hình dáng theo các quy tắc khác nhau như vậy không? Vẫn chưa có ai đưa ra được chứng cứ thuyết phục.

Báo *International Herald Tribune* từng đưa tin: Vòng tròn kỳ quái có thể do dòng xoáy tĩnh điện của gió xoáy tạo thành.



Căn cứ vào lý luận này có thể thấy trời sáng, các cây hoa màu trong vòng tròn thuận theo hướng kim đồng hồ, hướng xuống đất. Đến khi trời tối, các cây đó lại theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, hướng xuống đất.

Một giáo sư của trường đại học Nagoya đã dùng cát, gió nhân tạo để tiến hành thử nghiệm. Ông thấy xuất hiện vòng tròn kỳ lạ như trên.



Mặc dù sự xuất hiện của vòng tròn này đã có dấu vết từ nhiều thế kỷ trước, nhưng có một điều không thể phủ nhận là: Những năm gần đây, địa điểm và tần suất xuất hiện của nó ngày một tăng. Cho nên, tiến sỹ Terence Milton cho rằng: “Rất nhiều hiện tượng vòng tròn kỳ quái có liên quan đến hoạt động vết đen bề mặt mặt trời đang mạnh lên”. Những người có hiểu biết cơ bản về thiên văn đều biết, vào thời kỳ thu hoạch, vết đen của Mặt Trời tăng lên, một loạt chuỗi ánh sáng liên tiếp xuất hiện thành chuỗi trên bầu trời. Nó được gọi là



hiệu ứng địa cầu, có ảnh hưởng không nhỏ đến bầu khí quyển, từ trường, cuộc sống của con người trên trái đất.

Vào tháng 8, một nhóm học sinh của trường Cambridge nước Anh đi chơi ở vùng ngoại ô. Khi đến ruộng cây cải, một học sinh nói: “Mình hy vọng có thể nhìn thấy kỳ tích xuất hiện trên mảnh đất này”. Ngay sau đó, ruộng cải bỗng nhiên bị bao phủ bởi một lớp sương mỏng. Hiện ra trước mắt họ một vòng tròn hình trái tim. Hơn nữa, đó là một hình dạng phức tạp dạng trong số học. Do đó, có một vài nhà nghiên cứu cho rằng: Vòng tròn kỳ quái là sản phẩm của năng lực ý nghĩ của người có giác quan thứ 6.

Trong lý luận về vòng tròn kỳ lạ, người giàu trí tưởng tượng đã liên hệ nó với vị khách đến từ ngoài hành tinh. Đó là đĩa bay.

Wekey Poher, nhà Thiên văn học người Pháp là người đầu tiên dùng máy tính phân tích tư liệu UFO đã chỉ ra rằng: Trong các UFO mọi người nhìn thấy, ít nhất có 10% đã từng đi qua mặt đất. Trong 132 hình dáng của 13 loại UFO được công bố bởi giới UFO quốc tế, hình tròn, hình cầu, hình bướm chiếm trên 50%. Do đó, một khi những UFO này đi qua trên mặt đất sẽ có dấu vết in lại giống như vòng tròn. Điều khác biệt duy nhất là: Xung quanh dấu vết của đĩa bay là nghiêng lệch đến đáy, xung quanh vòng tròn đều là hình thẳng dọc.

Theo tư liệu, một vài UFO khi xuất hiện sẽ phát ra các chùm ánh sáng rực rỡ có thể làm con người bị thương, cỏ cây chết héo. Do đó, có người nghi ngờ vòng tròn này do ánh sáng của đĩa bay tạo ra.





3 giờ 30 phút sáng sớm ngày 25, tháng 7, năm 1990, ở khu vực bang Wiltshire, phía Nam nước Anh, các nhà nghiên cứu nước Anh, Mỹ, Nhật Bản đã trang bị máy ảnh nhiệt, máy chụp ảnh cảm ứng vi quang để theo dõi một hiện tượng khiến con người ngạc nhiên:



Một chùm ánh sáng màu cam hình tam giác đang rơi xuống từ bầu trời, chiếu sáng mặt đất như ban ngày. Vòng tròn này xuất hiện lúc to, lúc nhỏ trên ruộng lúa mì, đường kính lần lượt là 100m, 50m. Từ đó, họ dấy lên ý nghĩ có một vị khách ngoài hành tinh này. Có thể vòng tròn này cũng trở thành một trong những hiện tượng của đĩa bay.



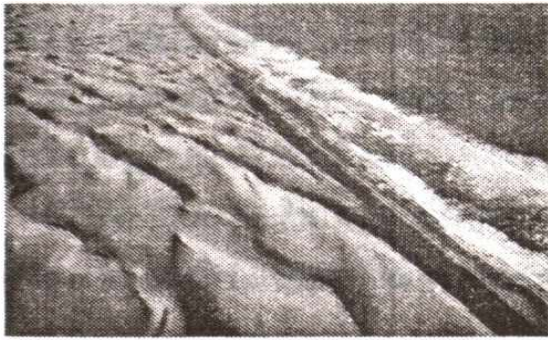
Tại phía Đông của Peru, mọi người phát hiện vòng tròn đó được tạo thành từ những ký hiệu giới tính nam, nữ. Các nhà khoa học bấy giờ tin rằng: Đây là tín hiệu cầu hôn từ phi công lái đĩa bay ngoài hành tinh gửi đến trái đất.



Chủ nhiệm Hội nghiên cứu vòng tròn kỳ quái trên cánh đồng của nước Anh, Michael Grimm nói: “Cho dù thứ tạo ra vòng tròn kỳ lạ là gì, nó nhất định có trí tuệ rất cao. Có thể nó mượn những hình này để nói chuyện với chúng ta”.

Ngoài các quan điểm đã nói ở trên còn có cách giải thích khác: “Vòng xoáy là luồng khí mạnh của máy bay”. Tuy nhiên, do chứng cứ không đủ cho nên quan điểm này chưa được công nhận.

Dù vậy, chúng ta vẫn có thể tin rằng, con người khi đối diện với hiện tượng quái dị, thần bí khó đoán này cuối cùng cũng sẽ tìm ra nguồn gốc của nó.



Chương sáu

ĐI TÌM SỰ KỲ BÍ CỦA CÁC SINH MỆNH



1. Những phát hiện xung quanh người tuyết

Người tuyết hay người rừng từng được giới khoa học cho là người tối cổ trong những tác phẩm văn học dân gian, truyền thuyết của các dân tộc trên thế giới. Theo một vài báo cáo, hồi ký của những nhà thám hiểm ở thời kỳ trung đại, cận đại đều tường thuật về loài động vật kỳ lạ này. Những ghi chép trong lịch sử, miêu tả của những người chứng kiến người tuyết cho rằng, có một sự trùng hợp đáng ngạc nhiên với đặc điểm của loài này.



NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ NGƯỜI TUYẾT

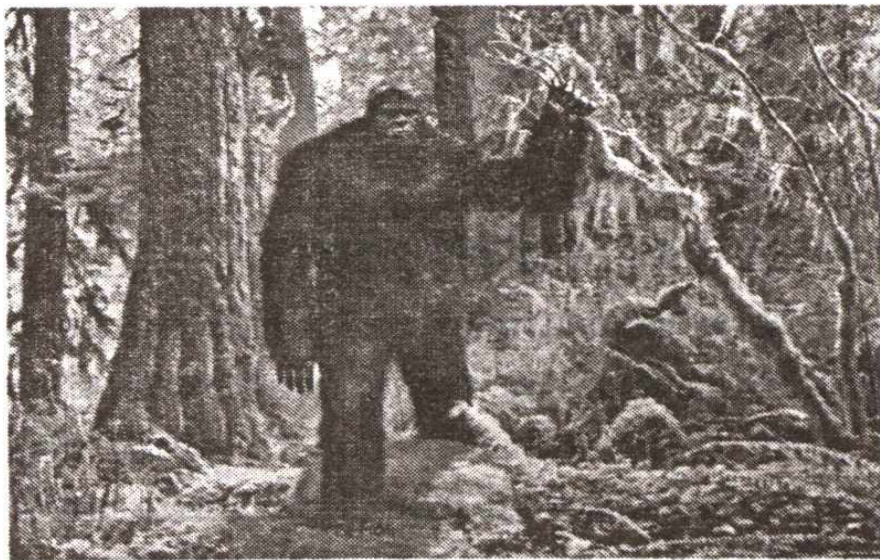
Tháng 7, năm 1974, một gia đình người Nga đang đi du lịch. Khi đêm xuống, ngọn lửa trước lều từ từ tắt. Lúc đó, họ nghe thấy một âm thanh vang lên từ trong bụi rậm gần đó. Âm thanh càng lúc càng gần hơn. Đột nhiên, trong bóng tối xuất hiện 2 bóng người cao khoảng 2m, vai rộng, bước đi một cách chậm rãi như đang lướt trên mặt nước. Đỉnh đầu của chúng hiện lên, nhô cao, những sinh vật giống người này bước sát bên cạnh nhau, không gây ra tiếng động nào. Khi chúng đi đến chỗ chỉ cách lều của gia đình này chừng 8 - 10m, đột nhiên dừng lại, đứng nguyên ở vị trí đó khoảng 1





tiếng đồng hồ như đang suy nghĩ điều gì đó. Sau cùng, chúng quay người theo hướng lúc trước rồi biến mất trong màn đêm.

Tháng 8, năm 1974, trong một đêm trăng, một người thanh niên Nga đang đi dạo men theo bờ biển. Đột nhiên, anh phát hiện có mấy người tác phong nhanh nhẹn từ biển đi lên đất liền. Lúc đó, họ chỉ cách anh có vài mét. Anh nhìn thấy những người này vốn không phải là người. Người cao to, ít nhất phải cao 2m, toàn thân dày lông, hai chân thô, to khỏe. Đầu nhỏ hơn so với cơ thể, toàn thân màu xám tro. Sau đó, chúng men theo bờ biển vô cùng nguy hiểm, trèo lên vách, nơi đây không dễ gì lên được. Chúng nối đuôi nhau rồi mất hút vào rừng rậm.



Hình dạng người tuyết gần giống với loài tinh tinh.

Tháng 8, năm 1987, một nhà khoa học người Nga chuyên nghiên cứu về người vượn cổ tên là Nemcova đã bất ngờ gặp người tuyết tại Tyumen. Có một tộc người phát hiện thấy dấu tích của người tuyết. Họ dẫn Nemcova đến hang ổ của chúng. Họ tìm thấy hai sinh



vật cao trên 2m, toàn thân được bao phủ bởi bộ lông óng mượt. Các bộ phận khác trên cơ thể đều tương đối giống người. Đôi mắt hình tròn, dẹt, chỉ có chiều sâu hơn con người. Đầu tròn, cổ rất ngắn. Ngực to, lồi, hai vai to khỏe, cơ thịt phát triển.

Tại phía Bắc vùng Poriuzzell Trask của Nga có một nơi tên là Sossnino. Đây là nơi vô cùng hiểm trở nằm trong vùng Carcasson. Người tuyết thường xuyên xuất hiện ở đây. Tháng 12, năm 1990, lần đầu tiên người ta phát hiện ra. Một hôm, một người lính đang canh gác, đột nhiên anh ta thấy một người cao to, đầy lông lá. Anh bị dọa đến mức không thể cử động được. Một người khác đã kể lại tường tận việc gặp người tuyết như sau: “Ngày 26, tháng 12, năm 1991, lúc 6 giờ, tôi đến nhà tắm của doanh trại bộ đội. Đột nhiên, sau lưng tôi có một bàn tay to, nặng đặt lên vai. Tôi quay đầu nhìn, phát hiện nó không phải là người. Đó là một động vật kỳ lạ, toàn thân phủ một lớp lông màu trắng dày, chân khoảng 2m. Tôi đứng đến phần ngực của nó. Hai con mắt sáng màu đỏ, trên đầu có hai cái tai to bằng bàn tay, cánh tay dài, chắc khỏe. Nó lồi tôi về trước ngực, tôi có cảm giác nó đang mời gọi. Vì sợ quá tôi cố gào thật to. Tôi thoát khỏi con quái vật đó, chạy một mạch ra ngoài hành lang”.

Có lần, đoàn thám hiểm Nga do một giáo sư dẫn đầu đến vùng Megala Chorafia. Một hôm, trong một lần chèo thuyền ông đến một khu rừng cạnh đó hái nấm. Ông phát hiện ra một con gấu con tiếng cùng con gấu mẹ đang kêu gào thảm thiết. Ông thấy cách gấu con không xa có một sinh vật giống người, cao trên





2,5m, đầu ngắn, toàn thân phủ một lớp lông rậm màu vàng cọ. Nó đang xé con gấu mẹ thành từng mảnh.

Tại vùng Saratov của Nga cũng có người từng 3 lần nhìn thấy người tuyết. Bên cạnh đó ở Kalelia có một gia đình đã nhìn thấy người tuyết. Ở Mỹ, Canada người ta gặp một người tuyết trưởng thành đang mang thai, hình dáng giống người nhưng vô cùng to lớn, dẫn theo một đám người tuyết nhỏ.



BẰNG CHỨNG XÁC THỰC VỀ NGƯỜI TUYẾT

Mặc dù người tuyết xuất hiện khá nhiều nhưng chụp được ảnh họ là việc vô cùng khó khăn.

Năm 1986, một chuyên gia động vật ẩn cư người Mỹ trong lần thám hiểm núi Himalaya, tại độ cao 3.000m so với mực nước biển đã nhìn thấy người tuyết, đồng thời chụp được một bức ảnh. Bức ảnh quý giá này chụp lại hình ảnh người tuyết vào lúc chiều tà, do vậy không thể nhìn rõ gương mặt. Cho dù bức ảnh không rõ nét nhưng vẫn rất nhiều người tin rằng một loài động vật giống người, cao trên 2m, toàn thân đầy lông hoàn toàn có thật.



Tại Saratov của Nga, một nông trại đã từng dùng lưới bắt người tuyết. Một tối mùa thu tháng 10, năm 1989, một vài thành viên trong nông trang bỗng nhiên nghe thấy tiếng động trong vườn quả. Mọi người cho rằng, có người ăn trộm, liền nhẹ nhàng tiếp cận. Đến gần, mọi người vô cùng ngạc nhiên. Thì ra đó là một loại động vật giống người, cao 2,5m. Dưới ánh đèn, mọi người đều nhìn rất rõ, toàn thân nó được bao bọc bởi một lớp lông màu tro, hai mắt đỏ rực, cơ thịt phát triển.



Mọi người phải mất rất nhiều công sức mới bắt được. Tuy nhiên, sau khi đưa đến trại giam của cảnh sát, ban đêm nó đã trốn thoát đến một cái hang gần đây.

Năm 1942, người ta từng bắt, chụp được ảnh anh em người tuyết. Lúc đó, vấn đề người tuyết cũng đang được mọi người chú ý, vì vậy mấy năm qua, bức ảnh này vẫn được lưu giữ. Bức ảnh chụp người tuyết này đang nằm trong tay Edogimubar. Ông cố nội của cô từng là quan viên trong Đức Quốc xã tại doanh trại tập trung ở Luanda. Bức ảnh này do ông chụp được vào thời điểm trước đây. Lúc đó, trong rừng gần trại tập trung, ông bắn bị thương một con vật giống một con tinh tinh lớn. Khuôn mặt gần như con người, bên trên còn có một bộ râu rậm, dài. Từ trước đến giờ, ông chưa gặp một loại tinh tinh nào lớn như vậy.

Năm 1920, nhà địa chấn người Thụy Sĩ dẫn đầu đoàn thám hiểm khu rừng rậm nhiệt đới giáp Colombia và Venezuela. Bỗng nhiên, họ bị một đám người tuyết tấn công, thành viên trong đội liền dùng súng bắn trả, bắn trúng một người tuyết. Họ dùng dây, gậy trói chặt nó lại rồi chụp ảnh. Bức ảnh một lần nữa đã làm cho giới khoa học chứng kiến tận mắt hình dáng của người tuyết.

Nhà Động vật học người Nga cho rằng, có thể coi loài động vật này là bước tiến hóa thành người chưa hoàn chỉnh của một loài tinh tinh lớn. Nó rất giống một loài vượn sống cách đây rất lâu. Hiện nay, tại khu vực gần Đức Quốc xã của Angola, Congo thuộc châu Phi vẫn còn tồn tại hơn 400 loài động vật giống người.





Trên thế giới đã có một nguồn tư liệu lớn cho các nhà khoa học nghiên cứu. Giáo sư ở trường Đại học Harvard nước Mỹ, nhà Nhân loại học nổi tiếng cho rằng: “Nếu thật sự phát hiện loài động vật to lớn giống người chúng tỏ bước ngoặt trong khoa học kỹ thuật của loài người đã đến”.



Trước đó không lâu, một đoàn thám hiểm người Anh đã khảo sát vùng quần đảo Srilanka thuộc Na Uy. Họ bắt được một người tuyết. Họ nhốt nó tại một nông trại không người ở Scotlan, giao cho Zuna Mark quản lý.



Người tuyết này cao 2,14m, nặng 98kg, bàn chân dài 54cm, mặc dù cơ thể hơi gầy nhưng cơ thịt vẫn rất phát triển. Cánh tay của nó dài, toàn thân phủ một lớp lông rậm màu tro. Hiện nay, người tuyết này đã quen với thức ăn của con người, cái nó thích ăn nhất là ngô của California, rau xanh, tôm hùm, canh cá, rượu. Thế nhưng, vấn đề là người tuyết này không biết vào nhà vệ sinh, toàn đi tùy tiện. Nếu nhốt nó trong đó, nó sẽ găm lên, cắn xé.



Theo kế hoạch của các nhà khoa học, họ sẽ để người tuyết này tại đây trong vòng 1 năm. Chỉ khi cho nó sống trong hoàn cảnh thích hợp mới làm cho tất cả những cản trở trong lòng nó được giải tỏa, dần dần tiếp xúc với con người. Đồng thời, họ sẽ tiến hành nghiên cứu tổng thể xem nó có thể thích ứng với cuộc sống của con người hay không?

NGHIÊN CỨU VỀ NGƯỜI TUYẾT

Ngày nay, không ai còn nghi ngờ về sự tồn tại của người tuyết. Chính vì thế, nhiệm vụ của khoa học lúc



này không phải là bình luận thêm về vấn đề đó. Họ cần nghiên cứu, giải thích về bản chất của người tuyết.

Ngày nay, có một môn khoa học mới nghiên cứu về sinh vật giống người còn sót lại từ thời cổ xưa, đó là môn Động vật ẩn dật học. Bộ môn này dựa trên những phương pháp khoa học hiện đại, tiến hành nghiên cứu di tích hình ảnh của các loại động vật quý hiếm đã, đang tuyệt chủng được ghi lại hoặc có trong văn hiến từ thời cổ xưa.

ĐẶC TÍNH PHÂN BỐ THEO KHU VỰC CỦA NGƯỜI TUYẾT

Trong vòng 10 năm trở lại đây, trên thế giới luôn có nhiều tin tức về sự xuất hiện của người tuyết, trong đó có 1.350 tin nguồn gốc của họ từ châu Mỹ. Cho đến nay, các khu vực phát hiện ra người tuyết là Canada, Mỹ, Trung Quốc, một số khu vực miền Trung nước Nga, Siberia, Karelia... Khu vực có người tuyết xuất hiện ngày càng nhiều.

Các nhân viên nghiên cứu đã làm một tấm bản đồ về địa điểm xuất hiện người tuyết, sau đó so sánh nó với bản đồ mật độ dân số. Qua đối chiếu so sánh cho thấy, những nơi con người ít khi đặt chân đến chính là nơi người tuyết thích đến. Có thể nói, chúng sống ở những khu vực cách ly với con người nhất. Chỉ cần đó là khu vực con người rời đi, người tuyết sẽ lập tức xuất hiện. Như vậy, cuộc sống của loài người cũng sự đuổi của họ đã khiến chúng phải chạy trốn. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì số lượng người tuyết rất ít đó sẽ xuất hiện quá trình di truyền với một loạt sự biến đổi. Nó khiến cho sự xuất hiện của những sinh vật này tăng lên.





Khu vực phân bố màu sắc trên lông của người tuyết: Đối với sự phân bố màu lông của người tuyết, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng: Trong hơn 400 câu chuyện gặp người tuyết, có 121 câu chuyện nói màu lông của người tuyết là màu đen, 49 chuyện màu vàng cọ, 30 màu trắng, 29 màu tro. Ngoài ra còn có màu cọ nhạt, màu vàng cọ, hồng cọ... Tại châu Á, Âu, 62% người tuyết có màu cọ, 24% màu từ trắng đến tro, 9% màu vàng, 5% màu đen. Trong những trường hợp hiếm hoi nhất, người tuyết có hoa văn trên người.

Nhân viên nghiên cứu tiến hành so sánh giữa người tuyết tại Karelia và núi Thiên Sơn đã phát hiện ra: Người tuyết ở miền Nam sẽ có màu cọ hoặc màu vàng, người tuyết miền Bắc sẽ có màu trắng. Điều này rất giống với quy luật phân bố màu sắc. Như vậy, người tuyết cũng có sự phân bố màu lông như các loài động vật khác. Ngoài ra, về mặt hình thể, người tuyết miền Bắc to hơn người tuyết miền Nam, điều này, hoàn toàn phù hợp với quy luật vốn có. Đa phần các nghiên cứu cho thấy, quần thể người tuyết tại miền Bắc ngày càng mở rộng, trong khi ở miền Nam đang bị thu hẹp lại.

ĐẶC ĐIỂM HÀNH VI, TRẠNG THÁI CƠ THỂ CỦA NGƯỜI TUYẾT

Sau khi nghiên cứu các câu chuyện người tuyết, các chuyên gia nghiên cứu rút ra kết luận: Người tuyết phân làm 2 loại. Một cao từ 1,5 - 1,6m, loại khác cao từ 2 - 2,5m. Như vậy, người tuyết cũng phân ra thành người cao, người thấp.

Ngoài ra, phân tích đặc điểm của chân cho thấy, giữa chiều dài bàn chân và chiều dài bước đi có quan hệ



mật thiết với nhau. Mặt khác, diện tích bàn chân còn chỉ ra áp lực lớn, nhỏ khác nhau. Quan trọng nhất là cách người tuyết đi thẳng vô cùng đặc biệt, tốc độ đi đạt 10km/h. Chúng ta đều biết con người luôn đi theo hình dạng của đường, theo vật lý đi thẳng chính là cách đi nhanh nhất. Khi người tuyết đi, chúng luôn giữ theo phương thẳng, có thể nói đây là đỉnh cao tiến hóa của Sinh vật học.

Ngoài ra, bàn chân của người tuyết còn có điểm đặc biệt nữa. Nó bằng, dẹt, điều này chắc hẳn phải có nguyên nhân. Như chúng ta đã biết, bàn chân của người tuyết gấp 1,5 lần bàn chân của con người. Bàn chân to như vậy khó có thể đỡ được trọng lượng cơ thể chúng. Người tuyết có thể cao từ 2,5 - 3m, trọng lượng khoảng 350kg, do vậy bàn chân dẹt, bằng mới chịu được áp lực này. Khi đi, người tuyết còn một đặc điểm khác là luôn nghiêng người về phía trước, trong khi vai, chân tay đều ổn định ở một vị trí. Chúng lợi dụng mỗi khúc gấp của các bộ phận trên cơ thể, giảm bớt áp lực lên chân chính. Vì vậy, khi đi nhìn chúng hơi nghiêng ngả, không được vững chãi. Tuy nhiên, tay của chúng đơn giản, có phần nguyên thủy hơn so với tay của con người, đồng thời cũng nhạy bén hơn chúng ta. Tri giác của người tuyết là bước tiến lớn của các loài sinh vật. Con người thông qua các giác quan phổ thông để tiếp xúc, phần lớn tiếp nhận bức xạ điện từ phần vỏ đại não của các loại động vật khác. Trên phương diện này, người tuyết đã đạt sự phát triển cao.





2. Hiện tượng người mất tích kỳ lạ

Sự kiện Frank của nước Mỹ là làn sóng lớn sớm nhất nổi lên cách đây hàng trăm năm. Sự việc này xảy ra vào ngày 23, tháng 9, năm 1880.

Ở ngoại ô một thị trấn vùng Tennessee, phía Đông nước Mỹ có một trang trại chăn nuôi rất lớn. Chủ trang trại là ông David Frank.

Buổi chiều, ông Frank đang mời người bạn làm ở tòa án tên là Baker và người em vợ của ông ta là Lowy đến nhà ăn tối. Hai người nhận được lời mời đã đi bằng xe ngựa đến nhà ông Frank.

Lúc này, ông Frank nghe thấy tiếng xe ngựa, liền cùng với vợ con gái 12 tuổi, con trai 8 tuổi ra tiếp đón.

“Chào mừng! Chào mừng!”.

Ông Frank vừa nhiệt tình vẫy tay, vừa tiến gần người khách bước từ xe ngựa xuống. Bất ngờ, chỉ trong nháy mắt, họ không thấy hình dáng ông Frank đâu.

Địa điểm xảy ra chuyện ở phía trước xe ngựa.

“Ôi!”, người vợ kêu la.

Với cảnh tượng này, cả hai người khách đều vô cùng ngạc nhiên.

Dưới ánh nắng của buổi chiều tà, trong sân tia nắng chiếu rọi, một người đứng sừng sững bỗng nhiên biến mất trong làn khói. Đây là sự kiện khó có thể xảy ra ở hiện thực.

“Ông Frank! Ông Frank!”, hai vị khách kêu lên.

“Bố ơi, bố ơi, bố chạy đi đâu rồi?”, những đứa con la hét.



Cảnh sát cùng các con ông đều gọi lớn nhưng không có một tiếng hồi âm.

Câu chuyện ly kỳ này giống như một cơn ác mộng.

Tất nhiên, ông Frank không thể bước vào xe ngựa. Hơn nữa, cho dù ông có bước vào đó cũng không có ai nhìn thấy.

Tại sao lại có chuyện vô lý như vậy?

Từ sân đến trại gia súc là một thảo nguyên mênh mông, hầu như không có chỗ nào có thể ẩn náu được. Vợ của ông Frank bị kích động đột ngột, từ đó cũng mất đi lý trí.

Nhận được tin báo, cảnh sát lập tức có mặt tại hiện trường. Đối với sự việc vừa xảy ra, họ đặt ra nhiều nghi vấn.

Cảnh sát bắt đầu tìm kiếm kỹ trong, ngoài khu nhà. Họ dùng chó săn để đánh hơi mọi chỗ nhưng không phát hiện ra được tung tích của ông Frank.

Trong cả tháng, báo chí nước Mỹ đều lấy sự kiện ông Frank mất tích làm chủ đề viết bài. Không những thế sự kiện này cũng thu hút sự chú ý của khắp mọi nơi trên đất nước. Tuy nhiên, sau một thời gian, việc này rơi vào trong mây khói, không có một chút manh mối.

Trải qua nhiều tháng, con trai của ông Frank đến trước xe ngựa của người bố đã biến mất, bỗng nhiên nghe được âm thanh kỳ lạ:

“Tôi thật khô”.

Phía cảnh sát nghe được tin báo một lần nữa đến xác minh nhưng cuối cùng vẫn không có kết quả.





Có thể nói, việc một người đàn ông biến mất không để lại dấu tích giữa ban ngày, trước mặt 5 người, cho dù là cảnh sát giỏi cũng không thể tìm ra được.

Thông tin liên quan đến sự việc này nhanh chóng được truyền đến châu Âu. Không ngờ rằng, câu trả lời của họ là:

“Chúng tôi cũng đã từng xảy ra việc này”.

Báo cáo này đã làm cho người Mỹ vô cùng kinh ngạc.

Sự việc xảy ra ở châu Âu như sau:

Một đại sứ người Anh làm việc tại thủ đô của Australia. Do có công việc đột xuất nên phải trở về thủ đô London một chuyến.

Khi xe đón đại sứ đến, ông đi ra cửa lớn của cơ quan, trong nháy mắt bỗng nhiên biến mất.

Những quan viên đưa tiễn đều ngạc nhiên, đồng thanh nói:

“Bóng dáng của đại sứ khi nãy còn ở trước mặt chúng ta. Sao tự dưng lại biến mất sương khói như vậy?”.

Những người đứng tại nơi đó hoàn toàn không biết phải làm gì. Đây hoàn toàn không phải chuyện đùa.

Sau khi sự việc này xảy ra, cơ quan cảnh sát Vienna đã điều động tất cả cảnh sát hình sự mở một cuộc điều tra với quy mô lớn. Tuy nhiên, họ cũng tìm thấy bóng dáng của đại sứ Basha Manchester.

Năm thứ 10 sau sự việc Frank diễn ra một buổi chiều giáng sinh năm 1890, nước Mỹ lại xảy ra một việc biến mất người lần thứ hai. Đó chính là Oliver Leach.

Địa điểm là phía Bắc của Tennessee, gần thành phố Nan Beite của Illinois.





Lần biến mất này là một người ở trong nhà tên là Leach, Oliver. Tại thời điểm, anh ta mới 20 tuổi. Hơn nữa, sự việc mất tích của Oliver Leach có nhiều điều hài hước, ngay đến người ngoài cũng không phản ứng được gì.

Hôm đó, nhà Leach mời hơn 20 người bạn thân, tổ chức một bữa tiệc giáng sinh đầy náo nhiệt.

Lúc đó, cho dù người ở thành phố Mỹ cũng giống như người ở nông thôn đều lấy nước sinh hoạt từ giếng ở trong sân.

Sau bữa tối, mọi người trở về phòng khách để nói chuyện.

Vợ ông Leach đang bận trong phòng bếp dọn dẹp bỗng phát hiện trong bình chứa đã hết nước. Ông liền gọi người đầy tớ là Oliver lại nói:

“Mày đi lấy một ít nước về đây”.

Oliver cầm xô đựng nước đi ra ngoài. Khoảng 2 - 3 phút sau, bên ngoài bỗng nhiên có một tiếng kêu thất thanh.

“Cứu tôi với! Cứu tôi với! Nhanh giữ lấy! Cứu tôi!”.

Các vị khách đều bị tiếng kêu đó làm cho giật mình. Mọi người chạy về phía sân còn tiếng kêu nhưng ở đó đã không có bóng dáng của Oliver.

Từ cửa của nhà bếp đến giếng nước, người ta nhìn thấy dấu chân trên tuyết in xuống giữa sân rất rõ rồi dừng lại. Điều này chứng tỏ rằng, Oliver vẫn chưa đi đến giếng, cũng không thể nhảy xuống đó.

Phía bên ngoài vẫn liên tục xuất hiện tiếng kêu cứu: “Cứu tôi! Cứu tôi!”.

Mọi người ngửa đầu lên nhưng chỉ thấy một màu đen trên bầu trời, không nhìn thấy gì.





Trong sân còn sót lại mỗi cái xô nằm lăn lóc.

Tiếng kêu vừa xa vừa gần, có lúc từ trên không trung vọng xuống, không lâu sau quay về yên tĩnh.

Chàng trai trẻ Oliver đã biến mất như vậy.

Hơn 20 người ở đó đều nghe được tiếng kêu của Oliver từ trên không trung vọng xuống. Vậy, nó có ý nghĩa gì?

Người ta nghe thấy Oliver gọi: “Giữ lấy! Cứu tôi!”.

Đây là vấn đề rất khó hiểu.

Trong các tiểu thuyết hoang tưởng gọi đó là người vô hình. Sau khi ăn một loại thuốc đặc biệt nào đó, con người có thể biến thành trong suốt, người bình thường cũng không thể dùng mắt để nhìn thấy được.

Đây là suy nghĩ của người châu Âu.

Trong Trung Quốc cổ đại tồn tại loại thuật ẩn thân theo cách như vậy.

Thuật ẩn thân không phải làm cho thân thể biến mất, nó dùng khói sương để che mắt, làm cho người khác chú ý đến những chỗ khác để đạt được mục đích.

Mặt khác, người vô hình chỉ là ảo tưởng, trong cuộc sống hiện thực không thể nào tồn tại.



3. Hiện tượng người biến mất kỳ lạ diễn ra ở Mỹ

Mùa hè năm 1965, trước cửa khách sạn Hemalefuke thuộc khu Niya nước Mỹ truyền đi một câu chuyện biến mất kỳ lạ. Một ngày, nhân viên dọn dẹp của khách sạn sau khi làm xong công việc quét sân đứng nói chuyện trước cửa. Lúc này, mọi người nhìn thấy một người say rượu đi qua đường.

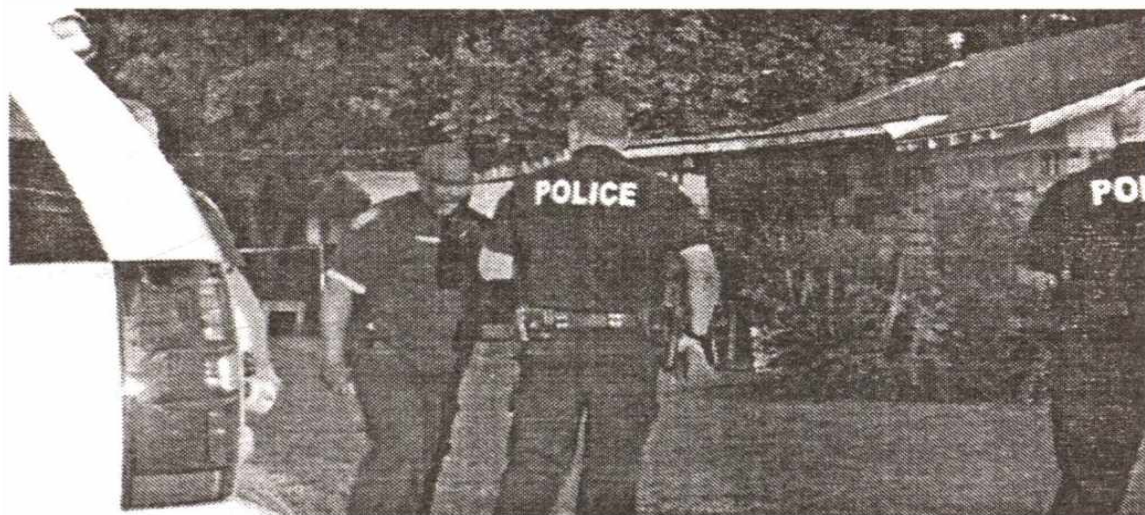




Mọi người đang nhìn bóng dáng của người say, vừa nói chuyện vừa chỉ trỏ. Người say đó bước đi chưa được 200m, bỗng nhiên kêu cứu. Mọi người cùng chạy đến hướng đó. Điều kỳ lạ đó là tiếng kêu cứu vẫn nghe rất rõ nhưng không thấy bóng dáng người say đâu cả. Một nhóm người khác đi tìm khắp xung quanh, cũng không thấy nơi ông ta ẩn náu. Tại nơi ông ta biến mất phát hiện ra dấu chân lưu lại, không ai biết ông ta đã đi đến thế giới nào.

Một buổi sáng tháng 8, năm 1964, ở Los Angeles, thuộc bang California, nước Mỹ cũng xảy ra một câu chuyện tương tự. Ông đưa thư bỗng nhiên biến mất một cách kỳ lạ.

Có một ông đưa thư tên là John. Buổi sáng hôm đó, ông ta bỏ thư tại một cửa hàng bách hóa, một người giúp việc ra mở cửa. Sau khi anh ta nhận thư, người đưa thư đó bỗng biến mất như một làn sương khói.



Cảnh sát lập tức đến bách hóa điều tra.

Sau khi câu chuyện không thể lý giải được này xảy ra, người giúp việc lập tức thông báo đến cảnh sát địa phương. Họ đã phái người đến nhà cô tiến hành điều tra.





Trong khi phía cảnh sát cố gắng điều tra tung tích của người đưa thư, ở một sân gôn của Chicago cách Los Angeles không xa cũng xảy ra một câu chuyện biến mất tương tự. Trong đội bóng của sân gôn có một tuyển thủ giữ bóng đột nhiên ngã xuống. Mọi người chỉ nghe thấy anh ta kêu một tiếng thất thanh: “Tôi là người đưa thư John”, sau đó không biết gì nữa. Người tuyển thủ đó được nhân viên y tế cấp cứu mới tỉnh lại.



Anh nói: “Không có! Tôi không biết ai là John!”. Anh ta đã quên hết tiếng kêu lớn của ở ngoài sân bóng.

Vậy, hai câu chuyện này có mối liên quan gì không? Hai người họ có quan hệ gì? Cho đến nay vẫn chưa có ai tìm ra được đáp án.



4. Những rừng dừa làm con người phân thân trên thế giới



Bên bờ biển phía Tây Neil Cork Costa có một rừng dừa với nhiều hình dáng khác nhau. Ở đây xảy ra một hiện tượng làm mọi người kinh ngạc, trong khi các nơi khác không hề có. Đó là nó có thể di chuyển xuất quỷ nhập thần từ nơi này đến nơi khác, không ai hay biết. Hoặc, một người nhìn thấy một người khác đột nhiên xuất hiện hai thân, thậm chí một người chia làm hai nửa, bản thân người đó lại không biết chuyện gì đã xảy ra. Người ta gọi là thuật phân thân tự nhiên, không có người nào có thể tìm hiểu được sự thần bí đó.



Người Tây Ban Nha đầu tiên nhìn thấy cảnh này đó là Weiersainiao. Ông ta sinh cùng với người bạn là Odd Sheila đến khu vực Neil Cork Costa để tìm khoáng sản đá quặng. Thế nhưng trong lúc tìm kiếm, anh ta bị

lạc phương hướng, vô tình đến rừng dừa Zemenka. Sáng sớm một ngày, họ từ rừng dừa xuất phát, đi về hướng Đông. Lúc đó sương mù dày đặc, độ ẩm lớn, họ đi được vài trăm mét bỗng cảm thấy mệt mỏi, không thể đi tiếp nữa. Weiersainiao liền đứng lại. Anh ta nhìn thấy Odd Sheila vẫn đang cố gắng bước về phía trước, sau đó biến mất trong tầm nhìn của mình. Weiersainiao gọi Odd Sheila: “Đừng đi nữa! Hãy đợi sau khi sương mù tan mới đi tiếp!”. Tiếng của Odd Sheila đáp lại vang lên ở bên cạnh: “Được rồi, sương mù bây giờ nhiều quá, chúng ta đợi một lát rồi đi. Thế nhưng, anh không cần dùng họng gào thét lên với tôi đâu”.

Weiersainiao cảm thấy kỳ lạ nói: “Lẽ nào người vừa bước đi không phải là anh?”. Odd Sheila kinh ngạc: “Tôi đi lúc nào, tôi luôn ở bên cạnh anh mà!”. Weiersainiao lại càng ngạc nhiên hơn: “Rõ ràng vừa nhìn thấy anh ta bước đi về phía trước, tại sao lại nói là không chứ? Lẽ nào là ảo giác?”. Hai người đều không thừa nhận mình sai. Sau một hồi tranh luận, họ ngồi xuống nghỉ.



Rừng dừa bên bờ biển phía Tây Neil Cork Costa luôn là một điều bí ẩn.



Lúc này, đến lượt Odd Sheila kinh ngạc. Bởi vì anh ta nhìn thấy một Weiersainiao với vẻ mặt đầy tức giận ngồi trước mặt mình, đồng thời bên cạnh anh ta lại có một Weiersainiao khác. Odd Sheila nhìn đi nhìn lại hai Weiersainiao ở bên cạnh mình và đối diện. Anh ta băn khoăn: “Ai thật ai giả thật đây? Quả là khó có thể phân biệt”. Odd Sheila kinh ngạc sợ hãi, liền quay đầu hỏi người ở bên cạnh mình: “Anh nhìn thấy người ngồi trước không?”.

Weiersainiao vội lắc đầu nói không nhìn thấy người nào phía trước. Odd Sheila vội vàng đứng lên, kéo Weiersainiao nói: “Chúng ta mau rời khỏi ở đây, nơi này có ma. Nó có thể làm cho linh hồn chúng ta phân tách, tôi vừa nhìn thấy anh ngồi đối diện. Thật đáng sợ!”. Weiersainiao vì sự việc lúc trước không hề nghi ngờ lời nói của Odd Sheila. Hai người nắm tay nhau rời khỏi chỗ đó.

Năm 1980, một nhóm 5 người có sở thích đi bộ quyết định tiến hành một cuộc lữ hành đến châu Phi, lần này họ lựa chọn sa mạc Namib. Đây là sa mạc biển đảo Đại Tây Dương ở phía Nam châu Phi. Nó dài 1.900km, rộng 80 - 130km. Nó là một sa mạc ven biển lạnh nổi tiếng trên thế giới, độ ẩm lớn, nhiều sương mù.

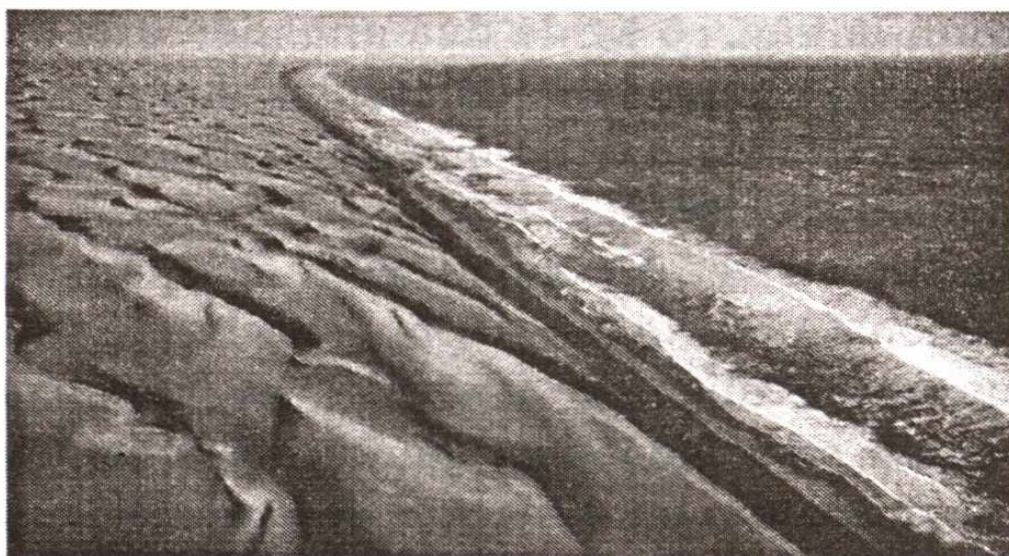
Ngày 7, tháng 2, năm 1980, họ đã hoàn thành lộ trình đến rừng dừa gần sa mạc. Trong đội du lịch có hai người nữ, một người tên là Aiguliman - vợ của Luoshen. Một người khác tên là Mallon. Ngoài ra còn có hai người thanh niên, họ là Verveer và Ghali.

5 người đi trong đêm đến rừng dừa, đi thêm 22km nữa sẽ cập bến Đại Tây Dương. Đêm đó, họ dựng lều ở



rừng dừa để nghỉ ngơi. Đến 10 giờ sáng ngày hôm sau, Luoshen và vợ thức dậy. Sau đó, Luoshen nhắc bình lên, nói đi lấy ít nước.

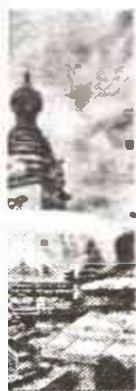
Luoshen đi theo hướng Đông, vừa đi được khoảng 100m bất ngờ nhìn thấy bóng dáng của Aiguliman đang đi về phía Tây, anh ta bắt đầu cảm thấy kỳ lạ. Anh ta vừa đi vừa nghĩ: “Có thể cô ấy muốn đi cùng mình nhưng lại đi sai phương hướng”. Nghĩ đến đây, anh ta liền chạy theo bóng dáng người đó gọi. Thế nhưng, Aiguliman không hề nghe thấy vẫn tiếp tục đi về phía trước. Luoshen lại cho rằng, cô ấy đang tức giận vì chút việc nhỏ xảy ra tối qua, liền chạy về phía trước với tốc độ nhanh hơn. Không ngờ Aiguliman tiếp tục chạy, bỏ lại anh một đoạn khá xa.



Sa mạc Naimb nằm bên bờ biển Đại Tây Dương.

Luoshen nghĩ rằng, cô ấy đang tức giận nên quyết định đuổi theo nhận lỗi. Khi hai người chạy đến bờ biển, Aiguliman bỗng nhiên biến mất. Luoshen vội vàng tìm ở bên bờ biển rất lâu, gọi nhiều lần nhưng không có hồi âm.





Đến chiều, Verveer cuối cùng cũng tìm thấy Luoshen. Verveer hỏi: “Tại sao anh ngồi thần thờ một mình bên bờ biển, bây giờ tất cả mọi người đang đi tìm anh khắp nơi đây. Anh hãy nhanh trở về!”. Luoshen lắc đầu, khóc rồi nói: “Aiguliman đã nhảy xuống biển rồi”.



Nghe lời nói của anh ta, Verveer cảm thấy khó hiểu liền hỏi: “Anh nói Aiguliman đã nhảy xuống biển à? Anh đang nằm mơ phải không?. Anh đi kiếm nước, cô ấy đã ở trong lều đợi anh 2 tiếng đồng hồ vẫn chưa thấy anh trở về. Bởi vậy liền gọi chúng tôi đi tìm. Anh còn nói cô ấy nhảy xuống biển ư?”.



Luoshen kinh ngạc, anh ta nói mình luôn đi cùng Aiguliman đến đây. Verveer hỏi anh ta thời gian, Luoshen nói khoảng 10 giờ. Verveer có vẻ nghi hoặc: “Nhất định là vậy, cô ấy đã lừa anh, dẫn anh đến đây sau đó trở về nói lừa chúng tôi, nhưng làm sao cô ấy có thể bay được? Cô ấy ở trước mặt anh sau đó lại bay trở về lều nói lừa chúng tôi à?”.



Luoshen trở về, Aiguliman chạy đến ôm chặt lấy anh ta giống như sợ sẽ không được gặp anh nữa. Luoshen ngày càng cảm thấy kỳ lạ, liền đem câu chuyện buổi sáng gặp được kể cho Aiguliman nghe. Không ngờ Aiguliman cũng kể cho anh ta nghe câu chuyện cô ấy gặp được. Cô ấy nói, lúc cô đang đợi Luoshen, bỗng nhiên trong lòng rất nóng ruột, liền nói với Mallon đi tìm khắp nơi. Trên đường đi cô nhìn thấy hai người là Mallon, lúc đó cô cảm thấy sợ hãi. Cô nói cho Mallon nghe nhưng Mallon không tin.

Luoshen nói: “Chính vì anh nhìn thấy em đi ra phía biển nên mới đuổi theo”.



Sau khi mọi người nghe xong đều cảm thấy ngạc nhiên, cho rằng hai người họ cố ý đùa. Vì vậy Luoshen phải thề rằng, anh ta không cố ý dựng chuyện. Nếu mọi người không tin, hãy ở đây vài ngày sẽ biết.

Ngày 10, tháng 2, năm 1980, buổi sáng khi Mallon vừa tỉnh dậy liền chạy vào trong rừng để tập thể dục. Lúc này, Ghali đi ngang qua cô ấy. Mallon liền chào nhưng Ghali không nói hay phản ứng gì, cô vẫn tiếp tục bước đi. Trong đầu Mallon lúc đó cảm thấy không vui. Mallon cho rằng, Ghali có vấn đề gì đó mới không chào lại mình. Một lúc sau, Ghali đứng đằng sau lưng Mallon. Cô ấy biết là Ghali nên nói với anh ta: “Tôi cảm thấy Luoshen và Aiguliman đang trêu đùa chúng ta, anh thấy sao? Làm gì có chuyện vừa lạ vừa trùng hợp như thế? Một người nói nhìn thấy Aiguliman chạy đến biển, một người lại nói nhìn thấy có 2 người. Điều này có thể làm người ta tin không?”.

Mallon thấy Ghali không trả lời liền quay đầu lại, lúc này chỉ nghe thấy cô ta kêu lên một tiếng thất thanh, mặt thất sắc chạy về. Hóa ra, cô ấy nhìn thấy Ghali bị một con dao chém làm hai nửa, trên người dính đầy máu, đứng ở đó nhìn cô. Cô ấy vừa chạy vừa kêu lên: “Ghali bị giết rồi!”.

Mọi người hầu hết đều chạy ra, Ghali cũng chạy ra. Mallon vừa nhìn thấy lại hét lên cảm thấy hồn bay phách lạc. Ghali đứng trước mặt hỏi: “Cô bị ai giết chứ?”. Mallon run rẩy mãi mới nói ra câu. Lúc này, Luoshen cười với nói với mọi người: “Thế nào? Tôi không lừa mọi người phải không? Nhất định Mallon đã nhìn thấy một cái bóng khác của Ghali”.





Những nhà khoa học gọi hiện tượng này là khúc xạ sương mù. Do khí hậu, ánh sáng mặt trời làm cho sương mù xuất hiện một hình ảnh khác. Nó căn cứ vào người đang đứng ở chỗ đó làm mô hình. Thế nhưng, cách giải thích này không thể lý giải được tại sao con người lại có hành vi, động tác, thậm chí, hình ảnh giống rõ nét như người thật.

Ngoài ra, có một ngày, vào năm 1987, nhà Khí tượng học nước Mỹ là Powell, nhà Khí tượng học về biển - tiến sỹ Florence Bill và vợ của ông ta là tiến sỹ Heinang. Ba người đều vì hiện tượng kỳ lạ này đã xảy ra một màn bi hài kịch.

Tháng 9, năm 1987, ba người cùng đi khảo sát hiện tượng Zemenka. Buổi sáng, Florence Bill bước ra khỏi lều, đi bộ ở bên ngoài. Một lúc sau, ông ta muốn trở về lều nhưng lại sợ sẽ đánh thức vợ nên đi về phía Nam của rừng cây. Khi đi được khoảng hơn 200m, ông ta nhìn thấy Powell và vợ đang ôm nhau ở phía trước. Chính xác là vợ ông đang ôm Powell.

Florence Bill không ngờ rằng, vợ mình hạ lưu, phóng dăng như vậy, không coi anh ta ra gì. Florence Bill tức giận tiến đến phía trước tách người vợ ra, đánh Powell. Powell bị đánh đột ngột như vậy cảm thấy ngỡ ngàng, hỏi Florence Bill: "Tại sao lại đánh tôi?". Florence Bill không nói nhiều, chỉ dõn dập tấn công Powell.

Powell bị đánh trong sương mù cũng nổi nóng, chất vấn Florence Bill tại sao lại đôi xử lỗ mãng với mình. Hơn nữa, đối phương còn lăng mạ anh quỵến rũ vợ của anh ta. Lúc này, Powell nhìn thấy Heinang vội



vàng giải thích bản thân cũng không biết Heinang đến đây từ lúc nào. Florence Bill vẫn kiên quyết nói trước đó vừa nhìn thấy hai người ôm nhau. Powell hiểu ra mọi chuyện, giải thích cho Florence Bill lý do vì sao họ đến đây.

Được nhắc nhở, Florence Bill dường như đã hiểu, bước đến trước mặt Heinang hỏi: “Em có phải là Heinang không?”. Không thấy vợ trả lời, anh ta biết bản thân mình đã nhầm. Florence Bill nắm tay cô nhưng không thể nào nắm được trong khi thân thể cô vẫn đứng trước mặt hai người.

Sau đó có tiếng của Heinang từ một phía khác vọng đến, cô ấy hỏi họ đang tranh cãi điều gì. Florence Bill chỉ vào Heinang ở trước mắt và hỏi: “Em xem đây là gì?”. Heinang lắc đầu trả lời: “Không có gì mà!”. Heinang nhìn thấy Powell nằm trên mặt đất, không biết đã xảy ra chuyện gì. Lúc này, Florence Bill mới cùng Heinang dìu anh ta trở về.

Powell bị Florence Bill đánh gãy 4 cái xương sườn, phần da dày bị chảy máu, công việc khảo sát chưa bắt đầu đã phải trở về Mỹ. Từ đó anh quyết định đoạn tuyệt quan hệ với Florence Bill. Sự kiện này đã trở thành truyện cười của giới khoa học nước Mỹ.





Chương bảy

NHỮNG BÍ MẬT QUÂN SỰ



1. Quả bom nguyên tử bị mất tích

Để ép Nhật đầu hàng không điều kiện, ngày 6 và ngày 9, tháng 8, năm 1945, Mỹ đã ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố Hiroshima, Nagashaki. Sau khi sự việc xảy ra, có người cho rằng: Trên thực tế, Mỹ đã ném 3 quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản. Trong đó ném 2 quả bom rơi xuống Nagashaki. Khoảng 3 giờ 49 phút sáng sớm ngày 9, tháng 8, năm 1945, 2 chiếc máy bay ném bom B29 và 2 chiếc máy bay trinh sát từ đường băng không quân Nian cất cánh hướng về phía thành phố Nagashaki, Nhật Bản. Trong lúc máy bay chuẩn bị ném bom, bỗng nhiên trên bầu trời mây mù loãng ra, xuất hiện một vùng quang đấng lớn. Phi công đã cho máy bay vào trong vùng khoảng không đó. Anh nhìn thấy trong đấy có một đường bay. Anh ta rất quyết đoán bỏ 2 quả bom xuống đây. Sau khi thông kê sự việc này có khoảng 35.000 người chết, 60.000 người bị thương. Thế nhưng, những con số này vẫn còn ít hơn rất nhiều so với những gì chính phủ Mỹ dự đoán lúc ban đầu. Liệu có phải do sức công phá của 2 quả bom nguyên tử này hay không? Lúc đó lẽ nào chỉ có một quả được ném xuống? Theo báo cáo của phòng không



Nagashaki - Nhật Bản, quân Mỹ đã bỏ 2 quả bom nguyên tử xuống Nagashiki. Vậy, quả bom nguyên tử bị mất tích đã rơi xuống địa điểm nào?



2. Hành động trung lập của Tây Ban Nha trong Chiến tranh thế giới thứ hai

Ngày 18, tháng 7, năm 1936, tại Tây Ban Nha, do Franco lãnh đạo đã tiến hành cuộc vũ trang phản loạn. Qua một cuộc nội chiến, ngày 28, tháng 3, năm 1938, đảng cầm quyền chiếm được thủ đô Madrid, từ đó dựng lên chế độ cai trị độc tài ở Tây Ban Nha. Trong thời gian này, Franco đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Hitler, Mussolini. Điều không ngờ tới là trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Tây Ban Nha không tham gia vào phe phát xít, tiếp tục duy trì chế độ trung lập. Chính điều này đã giúp cho chính quyền của Franco vẫn tồn tại 30 năm sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Vậy, thái độ trung lập của Tây Ban Nha xuất phát từ nguyên nhân gì?

NHỮNG SUY ĐOÁN VỀ VIỆC FRANCO KHÔNG THAM GIA CHIẾN TRANH

Đối với vấn đề này, các nhà nghiên cứu lịch sử đã đưa ra rất nhiều quan điểm khác nhau. Một số người cho rằng: Nguyên nhân là do nguy cơ về kinh tế, chính trị của Tây Ban Nha dẫn tới việc không tham gia chiến tranh. Một số lại cho rằng: Đây là kết quả của việc lôi kéo Tây Ban Nha giữa Anh, Pháp phe đồng minh với Đức, Ý, trong phe phát xít. Còn một số khác nói: Franco chỉ chủ trương đối địch với Liên Xô, không





muốn đối đầu với bất kỳ một quốc gia phương Tây nào. Tuy bị coi thường nhưng rõ ràng ông ta là người rất sáng suốt, thực tế. Với lập trường trung lập, không tham chiến vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, đây thực sự là một cách nghĩ thực tế, một hành động rất thông minh. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, ông liền nắm bắt tình hình này, ra sức thúc đẩy phát triển kinh tế Tây Ban Nha, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nhân dân. Điều này làm cho nền thống trị của ông tồn tại tương đối lâu dài.

TẠI SAO ĐỨC CHẤP NHẬN LẬP TRƯỜNG TRUNG LẬP CỦA TÂY BAN NHA?

Ngày 4, tháng 6, năm 1960, Tây Ban Nha đưa ra điều kiện với Hitler: Nếu tham gia chiến tranh, Tây Ban Nha sẽ có lãnh thổ tỉnh Oran thuộc Angiêri, Maroc của Pháp trước đây, eo biển Gibrraltar. Sau đó, do Đức chậm cung cấp, viện trợ vũ khí hạng nặng cho Tây Ban Nha, cho nên Franco lập tức tuyên bố. Tây Ban Nha sẽ không tham gia vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, không đứng về bên nào. Hitler đã nhiều lần tuyên bố sau chiến tranh sẽ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Tây Ban



Francisco Franco (1892 - 1975).



Nha. Tuy nhiên, Franco vẫn kiên quyết giữ lập trường, quan điểm. Trong lúc đó, Đức cũng phải kết thúc việc tiến hành các hoạt động quân sự ở eo biển Gibraltar. Thế nhưng sau đó, Hitler không hề có hành động tấn công trả thù Tây Ban Nha đã bội ước. Có nhiều người tự đặt ra câu hỏi: Tại sao Hitler lại để Franco hành động như vậy? Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa thể trả lời chính xác cho câu hỏi này.



3. Âm mưu chia cắt Trung Quốc của Mỹ 3 lần thất bại

Tưởng Giới Thạch là nhân vật quan trọng, phức tạp trong lịch sử hiện đại của Trung Quốc. Có nhiều vấn đề xung quanh công, tội của ông trong hơn 20 năm thống trị Trung Quốc. Tuy nhiên, cách thi hành các biện pháp chính trị của ông sau khi tháo chạy sang Đài Loan cũng khiến nhiều người phải quan tâm. Đặc biệt là các chính sách liên quan tới vấn đề “một nước Trung Quốc”.



Năm 1949, khi Quốc dân Đảng thất bại nặng nề trong lĩnh vực về quân sự trước Đảng cộng sản, tập đoàn Tưởng Giới Thạch phải tháo chạy sang Đài Loan. Từ đó, Mỹ hoàn toàn mất niềm tin vào Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch.



Ngày 25, tháng 6, năm 1950, chiến tranh giữa hai miền Nam - Bắc của Triều Tiên bùng nổ. Chính quyền Mỹ sau nhiều lần cân nhắc giữa lợi và hại, cuối cùng đã lựa chọn chính sách giúp Tưởng Giới Thạch chống cộng sản. Iurful hạ lệnh cho chiếm hạm 7 của hải quân Mỹ tiến vào eo biển Đài Loan, nhằm dùng vũ lực để ngăn chặn quân giải phóng Trung Quốc tấn công Đài Loan.





Mỹ hy vọng dựa vào uy danh để yêu cầu chính phủ Trung Quốc lên án mạnh mẽ hành động này. Hành động của Tưởng Giới Thạch khiến cho mọi người không khỏi bất ngờ. Đối với kế hoạch giúp đỡ của Mỹ, trên thực tế nhằm đạt được âm mưu chia cắt Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch kiên quyết phản đối.



Tối ngày 27, tháng 6, năm 1959, chính phủ Mỹ giao cho Đài Loan một văn bản. Trong đó nội dung chủ yếu bao gồm: Hạm đội 7 của Mỹ đã ra lệnh ngăn chặn đại lục tấn công Đài Loan. Đề nghị quân Tưởng nên có kế hoạch dừng ngay việc tấn công đại lục. Với hành động này chúng ta thấy rõ âm mưu chia cắt hai bờ Trung Quốc của Mỹ.



Đối với việc này, ngoại trưởng Đài Loan là Diệp Công Siêu theo sự chỉ đạo của Tưởng Giới Thạch đã phát biểu rõ ràng về vấn đề lãnh thổ của Trung Quốc: “Bản thân chúng tôi đều công nhận Đài Loan là một đảo của Trung Quốc”. Ý kiến này cho thấy, việc Mỹ yêu cầu không ảnh hưởng tới lập trường hoàn chỉnh lãnh thổ của chính phủ Trung Quốc. Tuy Đài Loan tiếp tục dựa vào Mỹ, nhờ Mỹ bảo vệ bằng vũ khí nhưng không hoàn toàn tuân theo những ý đồ của họ.



Điều đáng nhắc đến đầu tiên chính là trong thắng lợi Chiến tranh thế giới thứ hai, Trung Quốc đứng trước cơ hội thu hồi lại Đài Loan. Tưởng Giới Thạch ra sức nắm bắt cơ hội lịch sử hiếm có này. Tháng 11, năm 1942, tại hội nghị Cairo, Tưởng Giới Thạch luôn đưa ra quan điểm phải thu hồi Đài Loan. Ngày 26, tháng 11, năm 1943 “Tuyên ngôn Cairo” được công bố. Tuyên ngôn này quy định rõ ràng: “Yêu cầu Nhật Bản phải trả



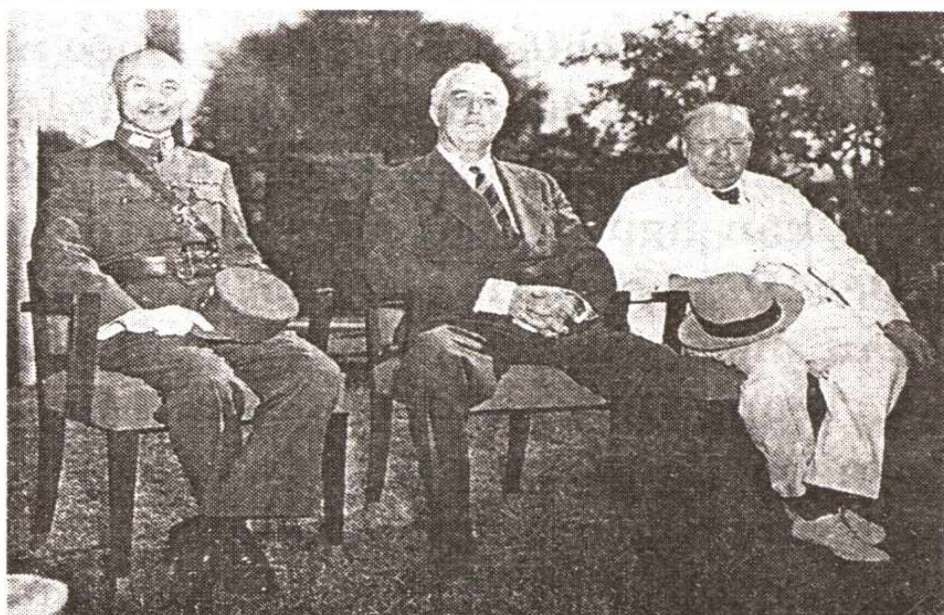
lại những vùng đất đã chiếm của Trung Quốc như Mãn Châu, Đài Loan, quần đảo Bành Hồ... Sau đó, những năm 60 của thế kỷ XX, Tưởng Giới Thạch từng phát biểu: “Tôi rất hận người Nhật Bản bởi năm đó họ đã cướp Đông Bắc, Đài Loan. Họ còn biến tôi thành kẻ bán nước...”. Quan điểm chủ yếu của hội nghị Cairo. Sau chiến tranh, Trung Quốc sẽ thu hồi Đài Loan. Có thể nói, “Tuyên ngôn Cairo” đã cho thấy rõ việc sát nhập Đài Loan về Trung Quốc là lẽ thường tình.

Tuy nhiên, chính phủ Mỹ lúc đó bất chấp thực tế lịch sử và những điều cam kết trước đó. Ngày 20, tháng 9, năm 1950, Mỹ đưa vấn đề Đài Loan ra cuộc họp của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Thực chất, Mỹ muốn xác định Đài Loan là của mình. Hành động này không chỉ vấp phải sự phản đối mạnh mẽ từ chính phủ nhân dân Trung Quốc mà còn của Đài Loan. Bộ ngoại giao Đài Loan nêu rõ: “Đây là một hành động can thiệp vào tình hình nội bộ của Trung Quốc khẳng định Liên hợp quốc không có quyền thảo luận, bàn bạc về vấn đề Đài Loan”.

Trước âm mưu thâm độc Đài Loan của Mỹ, lập trường cơ bản của Tưởng Giới Thạch vẫn là: Trung Quốc không thể chia làm 2 nước.

Nửa đầu năm 1954, Mỹ và Đài Loan bắt đầu bàn bạc, đi đến ký kết điều ước phòng thủ chung. Đối với Trung Quốc, điều này đã nói rõ lập trường của Đài Loan với việc quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến hành đả kích lệnh trừng phạt từ ngày 3, tháng 9, năm 1954, với đảo Kim Môn, Mã Tổ nhiều đảo ven biển. Lần thứ hai, Đài Loan đứng trước nguy cơ bùng phát chiến tranh.





Tướng Giới Thạch, Franklin, Waston tại hội nghị Cairo ngày 25, tháng 11, năm 1943.

Ngày 28, tháng 1, năm 1955, tại hội Đồng bảo an Liên hợp quốc, Mỹ đã kích động Newzealand đưa ra những thảo luận về vấn đề ngừng bắn ở eo biển Đài Loan. Mục đích thông qua Liên hợp quốc sắp xếp việc ngừng bắn ở hai bờ eo biển Đài Loan. Điều này khiến Đài Loan trở thành vấn đề mang tính quốc tế hóa. Tuy vậy, Mỹ vẫn dùng áp lực ép Đài Loan đồng ý với đề án Newzealand đưa ra. Thế nhưng, ý đồ thực sự của Mỹ là đưa vấn đề Đài Loan trở thành chung. Lần này, họ đã vấp phải sự phản đối của Đài Loan.

Ngày 8, tháng 2, năm 1955, Tưởng Giới Thạch tuyên bố quyết không từ bỏ trách nhiệm thu hồi Đài Loan về đại lục, đả kích vấn đề eo biển Đài Loan ngừng bắn. Họ khẳng định rằng: “Trung Quốc - Đài Loan đều là lãnh thổ của dân tộc Trung Hoa không dễ bị chia cắt”. Ngày 14, tháng 2, Tưởng Giới Thạch khi được phỏng vấn đã nói: “Hán tộc bất lương lập” để thể hiện lập trường cơ bản vì Trung Quốc lập thân báo quốc.



Việc Mỹ nhúng tay vào Đài Loan đã làm cho vấn đề này trở lên phức tạp, mang hình thức quốc tế hóa. Do vậy, Mao Trạch Đông đã điều chỉnh chính sách với Mỹ - Đài Loan. Ngày 30, tháng 1, năm 1956, tại hội nghị toàn quốc lần 2, Chu Ân Lai đại diện cho Đảng cộng sản Trung Quốc chính thức tuyên bố phương châm: “Cố gắng giải quyết vấn đề Đài Loan trong hòa bình”.



Khủng hoảng về vấn đề Đài Loan lần II, kế hoạch hợp tác cùng trị của Tưởng Giới Thạch chỉ là một tuyên bố phiến diện.



Ngày 23, tháng 8, năm 1958, do quân đội của Quốc dân đảng có nhiều hành động phá hoại các đảo ven biển đại lục, đồng thời phối hợp với khu vực Trung Đông phản đối sự xâm lược của Mỹ, quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã nã pháo vào Kim Môn. Nguy cơ bùng phát chiến tranh lần 2 sắp tới gần.



Hạm đội 7 của hải quân Mỹ luôn rêu rao bảo vệ Quốc dân đảng nhưng vừa bị bom của quân giải phóng Trung Quốc tấn công đã tháo chạy thoát thân. Ngày 30, tháng 9, trong buổi tiếp đón các phái đoàn, Mỹ đã nói bóng gió rằng: “Nếu Trung Quốc ngừng bắn ở bờ biển Đài Loan, Mỹ sẽ khuyên Tưởng Giới Thạch rút khỏi đảo Kim Môn”. Điều này đã cho thấy rõ ý đồ chính phủ Mỹ buông đảo Kim Môn để đổi lấy sự nhượng bộ của Đại Lục. Đồng thời, mục đích cuối cùng của Mỹ là phân chia Đài Loan và Trung Quốc. Một khi vấn đề eo biển Đài Loan được ký kết hiệp định ngừng bắn lâu dài, Mỹ sẽ đạt được mục đích chia cắt Trung Quốc.



Đối với Đài Loan, đảo Kim Môn tuy không phải là vấn đề thuận lợi với các hành động quân sự. Chính điều



này Tưởng Giới Thạch nắm rõ quân Mỹ không đáng tin cậy. Với mục đích trong lời nói của Turler ngày 30, tháng 9 Tưởng Giới Thạch đã thấy: Cho lời của Turler là sự thật, đó cũng chỉ là những câu nói phiến diện, không hề có bất kỳ nghĩa vụ nào phải tôn trọng. Rất nhiều nhà báo Đài Loan đã lên tiếng công kích Turler bội tín quên nghĩa, ý đồ xấu xa. Ngoại trưởng Đài Loan Hoàng Thiều Cốc cũng lên tiếng chỉ trích chính khách quốc tế của Mỹ.

Cùng thời gian đó, Mao Trạch Đông quyết định điều chỉnh chính sách với Đài Loan cho quân Tưởng Giới Thạch đóng giữ tại đảo Kim Môn. Điều này đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đạt được mục đích của mình. Chính vì thế, cuộc chiến tranh giành đảo Kim Môn sẽ dừng lại giữa hai bên. Việc này diễn ra vào dịp lễ tết cho nên hai bên cùng nghỉ ngơi. Quan hệ giữa hai bờ chiến tuyến chuyển từ căng thẳng sang hòa dịu.

Lập trường của Tưởng Giới Thạch luôn là một nước Trung Quốc, điều này được hiểu ngầm giữa Trung Quốc và Đài Loan.

Ngày 22, tháng 5, năm 1960, tại hội nghị thường ủy cục chính trị, Mao Trạch Đông nhấn mạnh: “Đài Loan có thể lọt vào tay Tưởng Giới Thạch nhưng không thể được lọt vào tay Mỹ”. Câu nói này đã được hội nghị lựa chọn làm phương châm của Đảng cộng sản Trung Quốc trong quan hệ với Đài Loan. Mao Trạch Đông còn nói: “Đối với Tưởng Giới Thạch, chúng tôi có thể đợi được. Vì vậy, nhiệm vụ giải phóng Đài Loan không nhất định phải do thế hệ chúng tôi hoàn thành, có thể giao lại cho thế hệ sau tiếp tục cuộc chiến đấu này”.



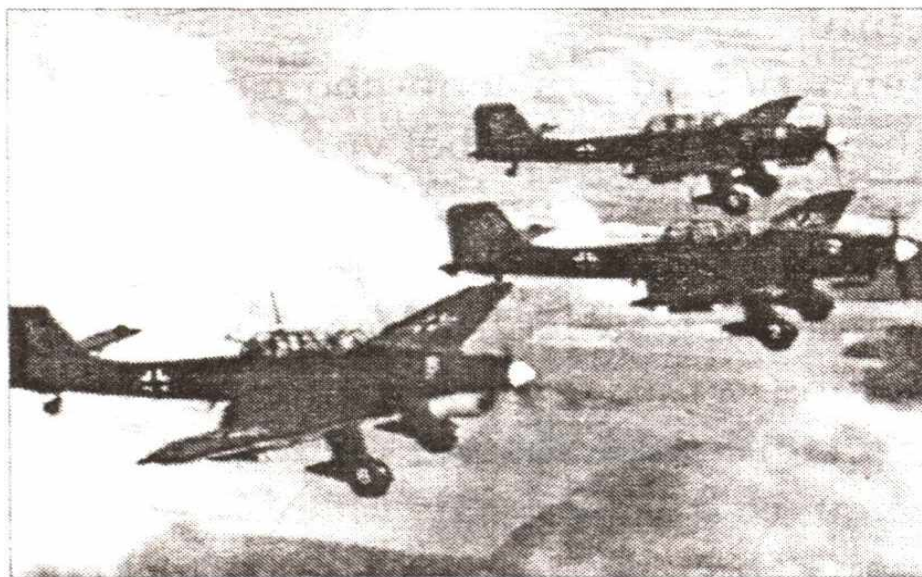
Tướng Giới Thạch luôn kiên trì với nguyên tắc một nước Trung Quốc, phản đối chính sách hai nước của Mỹ. Do đó, giữa Đảng cộng sản và Quốc Dân Đảng, Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch, các hành động trên có thể gọi là chí lớn gặp nhau. Điều này cũng giải thích vì sao khi đối mặt với sự uy hiếp của chính phủ Mỹ, Tưởng Giới Thạch không hề bị dao động.



4. Nghi vấn xung quanh số máy bay thiệt hại trong trận không chiến Barbarosse

Đêm ngày 22, tháng 6, năm 1941, Hitler phát động kế hoạch tác chiến.

Với hàng nghìn quả bom hình cầu được mệnh danh “trứng của ác quỷ” đã làm không quân Liên Xô chịu tổn thất vô cùng to lớn. Vậy, trong trận không chiến Barbarossa đã có bao nhiêu máy bay bị tổn thất?



Máy bay Junkers Ju 87 của Đức làm nhiệm vụ trong chiến dịch Barbarossa.

Chắc chắn đây không phải là con số nhỏ. Theo báo cáo của 4 đội báo về cho tổng tư lệnh, không quân Đức





đã bắn phá, ném bom làm thiệt hại không dưới 1.489 chiếc máy bay của Liên Xô. Ngoài ra, các máy bay của Đức cũng bị bắn rơi 322 chiếc. Tổng cộng Liên Xô thiệt hại 1.881 máy bay. Chính quân Đức cũng không dám tin rằng, trong khoảng thời gian ngắn như vậy lại có thể thu được thắng lợi to lớn đến thế. Cùng thời gian đó, Hermann đã mật lệnh cho các quan chức trong tổng tư lệnh không quân Đức phải thông kê những sân bay đã chiếm được của Liên Xô. Họ theo những xác máy bay bị rơi để tiến hành điều tra thông kê lại tổng số thiệt hại một lần nữa. Cuộc điều tra tiến hành rất nhanh chóng, kết quả của cuộc không chiến Barbarossa không chỉ dừng lại ở con số 1.881. Máy bay bị phá hủy lên tới trên 2.000 chiếc. Trong báo cáo cho biết, con số này chắc chắn chưa thể thông kê một cách chính xác, nhưng chắc chắn trên 2.000 chiếc máy bay của Liên Xô đã bị phá hủy.

Hermann tiếp tục ra lệnh cho cấp dưới tiến hành điều tra thêm một lần nữa, bởi vì mọi người đều có thái độ nghi ngờ đối với kết quả này. Họ băn khoăn không biết báo cáo đầu của 4 đội không quân hay báo cáo của các quan chức tổng tư lệnh không quân đã nhầm lẫn? Việc đội không quân, các quan chức của tổng tư lệnh cấu kết với nhau báo cáo sai sự thật để được hưởng công lao liệu có tồn tại hay không? Vì vậy, đối với không quân Đức, kết quả của cuộc không chiến Barbarossa rất mơ hồ. Sau 2 lần thông kê kết quả của cuộc không chiến này, các con số chênh lệch là 200 chiếc máy bay. Hơn nữa, sau trận không chiến không quân, Liên Xô cũng không tuyên bố con số thiệt hại.



Sau khi kết thúc chiến tranh, nhà xuất bản Bộ quốc phòng Liên Xô đã phát hành 6 cuốn sách mang tên *Lịch sử chiến tranh vì nước vĩ đại của Liên Xô*. Trong cuốn sách này nhắc đến việc không quân Liên Xô trong cuộc không chiến Barbaluosa ngày đầu tiên đã bị thiệt hại 1.200 máy bay. Trong đó có 800 chiếc bị phá hủy ngay trên mặt đất khi chưa kịp cất cánh.



Con số thống kê của Liên Xô và Đức chênh lệch nhau từ 600 - 800 chiếc. Con số này gần bằng thực lực không quân của một quốc gia trung bình. Điều làm người ta ngạc nhiên là hai bên đều đưa ra con số thống kê về các máy bay bị bắn hạ là 400 chiếc, có thể thấy rất tương đồng nhau. Con số thống kê máy bay bị phá hủy ngay dưới mặt đất càng lúc càng lớn. Thiệt hại máy bay bị bắn rơi không thể bằng con số máy bay khi chưa cất cánh.



Để lý giải điều này, sáng hôm đó, Stalin đã lệnh cho quân đóng ở phía Tây phải ngụy trang số máy bay. Thế nhưng, mệnh lệnh này của Stalin lại không được thực hiện. Các máy bay mới cũng như cũ của Liên Xô đều không có bất kỳ sự phòng bị nào. Do vậy, đại đa số các máy bay chưa kịp cất cánh đã bị phá hủy.



5. Vì sao Hitler yêu cầu dừng tấn công liên quân Anh - Pháp?

Ngày 24, tháng 5, năm 1940, liên quân Anh - Pháp bị đánh đuổi đến Duikerke. Trước mắt họ là những con sóng ào ào, sau lưng quân Đức đang bùng bùng khí thế. Hy vọng duy nhất chính là nhảy xuống biển Duikerke, quay trở về Anh. Lúc này, đội quân của Đức chỉ còn





cách Duikerke 30.000m. Trong lúc vô cùng nguy hiểm, Hitler đột nhiên hạ lệnh cho quân dừng lại ở sông Yua, không được tiến lên trước. Điều này đã tạo ra một cơ hội hiếm có liên quân Anh - Pháp. Binh lính liên quân gấp rút sửa chữa công sự, che chắn cho việc rút lui. Bộ hải quân Anh theo lệnh của Churchill bắt đầu điều hành cuộc đại tháo chạy mang tên kế hoạch chạy động cơ. Đây chính là cuộc đại tháo chạy Duikerke nổi tiếng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Quân Đức trong thế thắng đột nhiên hạ lệnh dừng lại. Vậy, đằng sau mệnh lệnh này ẩn chứa điều gì?

- Nghi vấn từ sổ ghi chép hằng ngày:

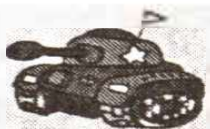
Có một loạt ý kiến cho rằng, mệnh lệnh này xuất phát từ chủ trương của tư lệnh tập đoàn quân chủng Anh - Đức. Thủ tướng Anh trong hồi ký Chiến tranh thế giới thứ hai đã đưa ra ghi chép hằng ngày trong chiến tranh của bộ tư lệnh tập đoàn quân Anh. Trong sổ này ghi lại rằng: “Sáng sớm ngày 24, tháng 5, Longdesitai đã kiến nghị với thống soái: “Bây giờ liên quân đã cách Duikerke không xa. Đội quân bọc thép của Đức nên dừng lại phía trước chỉnh đốn lại đội hình, chờ bộ binh tiếp ứng”. Hitler đồng ý quan điểm của ông ta, quyết định hạ lệnh dừng lại phía trước. Do vậy, nhìn vào mệnh lệnh này có thể thấy, nó xuất phát từ Longdesitai, không phải từ Hitler. Tuy nhiên, bản thân Longdesitai sau khi chiến tranh kết thúc cũng đã rất nhiều lần nói về vấn đề này. Ông ta đều phủ nhận mệnh lệnh này không phải chủ ý của mình. Vậy, sự thực cuối cùng của việc này là gì?



- Hiệp ước hòa bình:

Có ý kiến nhận định, Hitler tự mình đưa ra mệnh lệnh. Ông ta yêu cầu dừng tấn công bởi muốn cố ý cho Anh có một con đường rút lui. Hitler cho quân Anh tháo chạy để gây thiện cảm với họ, hy vọng sau này có thể cùng với Anh quốc đạt được hiệp ước hòa bình. Hitler luôn tạo sự thân thiện với người Anh. Ông cho rằng, đánh bại Anh quốc chỉ khiến cho Nhật Bản, Mỹ lợi dụng cơ hội. Cũng có người nhận định, việc Hitler không hạ lệnh tấn công vì không muốn chiến trường cuối cùng đặt ở Rierman, nơi sinh sống của Tulandesi. Ông ta từng có kế hoạch xây dựng khu vực độc lập của Đảng Quốc xã đồng ý sẽ duy trì bảo vệ khu vực này, không cho sự khốc liệt của chiến tranh tàn phá mảnh đất.

Cuối cùng, nguyên nhân khiến Hitler quyết định lại hạ lệnh dừng tiến phía trước có lẽ chỉ có bản thân ông mới biết được.



6. Bí mật của trận đánh Trân Châu cảng

Buổi sáng ngày 7, tháng 12, năm 1941, khi những tia nắng mặt trời đầu đông chiếu xuống cảng Trân Châu. Bỗng nhiên, hàng loạt những âm thanh âm âm từ xa vọng tới. Khi ngẩng đầu lên, mọi người nhìn thấy những đoàn máy bay đang gầm rú trên bầu trời. Trong lúc từng đoàn máy bay còn đang ở trên đầu, những chiến hạm của hải quân Mỹ thuộc Trân Châu cảng đột nhiên bổ nhào xuống, liên tiếp theo đó bom trút xuống như mưa. Trong phút chốc, hàng loạt những tiếng nổ





rung trời phát ra làm rung chuyển cả. Sự việc xảy ra hết sức bất ngờ khiến cho rất nhiều thủy binh Mỹ hoang mang, bối rối, sợ hãi đến cực độ. Họ không biết phải làm gì, làm như thế nào. Thậm chí còn có một số người lạc quan lại cho rằng, đây chỉ là cuộc diễn tập lần I. Thế nhưng, vụ oanh tạc qua đi hàng nghìn con người đã bị bỏ mạng dưới đáy biển. Cuộc tấn công lần này của Nhật đã cướp đi 2.390 lính Mỹ, làm cho hạm đội Thái Bình Dương chao đảo. Vấn đề được đặt ra là trước kế hoạch của quân Nhật, các nhà lãnh đạo cấp cao Mỹ có biết hay không?



Những năm gần đây, Bộ quốc phòng Mỹ dần dần tiết lộ những hồ sơ có liên quan tới cuộc chiến tranh thế giới lần II. Trong thời gian quân Nhật đánh lên Trân Châu cảng, các điện báo mật giữa Bộ hải quân Nhật và người đã dựng lên tổ chức hạm đội liên hợp đại tướng hải quân được các chuyên gia giỏi của cơ quan tình báo Quốc Dân Đảng Trung Quốc phát hiện. Họ đã giải mã thành công.



Thời gian liên quan tới việc quân Nhật oanh tạc hạm đội Thái Bình Dương, việc phối hợp lực lượng, kế hoạch tác chiến cũng đã được báo trước. Những thông tin tuyệt mật này đều do Tưởng Giới Thạch bí mật tiết lộ cho tổng thống Mỹ. Nickson nói: “Trước sự triển khai hoạt động quân sự lần này từ phía Nhật, các lãnh đạo cấp cao Mỹ về cơ bản đã nắm được tình hình”. Vậy, tại sao trước vấn đề cấp bách này phía Mỹ lại giả câm giả điếc như vậy? Vì sao không có bất kỳ hoạt động quân sự phòng bị nào, để từ đó phải trả cái giá quá đắt bị chôn vùi hầu hết quân ở đây? Lẽ nào họ đã sử dụng khổ nhục





kế trong Chiến tranh thế giới thứ hai? Đến tận bây giờ, phía quan chức chính phủ Mỹ luôn tìm cách né tránh chân tướng của sự việc. Vấn đề này đã trở thành câu hỏi lớn chưa có lời giải đáp.



7. Vở bọc của cuộc chiến tranh vùng vịnh

Năm 2002, sau khi đánh bại quân Taliban ở Afghanistan, người Mỹ lại lấy sự kiện ngày 11, tháng 9 để báo thù, tiếp tục đánh Iraq. Thế nhưng, người Mỹ làm thế với mục đích gì?

Sáng sớm ngày 17, tháng 1, năm 1991, thành phố cổ Baghdad bị rung chuyển bởi các cuộc tấn công bằng bom. Cả thành phố rơi vào tình trạng hỗn loạn. Cùng lúc đó, Washington tuyên bố với toàn thế giới: “Bắt đầu giải phóng Kuwait để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh lâu dài”.

Rất nhiều học giả cho rằng, nguyên nhân chính là vì chính quyền Hussein không chịu thỏa hiệp, nhượng bộ. Do đó, dẫn tới việc chiến tranh xảy ra. Tuy nhiên, có những ý kiến không đồng tình với nhận định này. Tác giả của cuốn *Bóng tối* đã tiết lộ: “Trước khi xảy ra chiến tranh, tổng thống Bush không đàm phán về việc đưa quân Iraq từ Kuwait rút quân về. Mục đích cuối cùng của Bush là mượn cớ đó để tấn công Iraq”. Trước lúc xảy ra chiến tranh mấy ngày, ông Bush đã triệu tập quốc vụ viện Jianke, tham mưu trưởng, các cố vấn an ninh quốc gia đến để bàn bạc vấn đề có liên quan tới Iraq.

Theo toan tính của Bush, hiệp định về việc rút quân khỏi Kuwait với Iraq trước sau cũng sẽ đạt được.





Chính vì vậy, ông dự định sẽ phái Jianke đàm phán với ngoại trưởng của họ.

Tuy nhiên, đây chỉ là vỏ bọc bên ngoài, mỏ dẫu mới chính là mục đích thực sự của Bush. Bush phải đưa ra chiêu bài này bởi vì muốn thế giới hiểu rằng: Ông ta đã dốc hết sức phấn đấu vì mục đích hòa bình. Ông chấp nhận đạt được các phương án hòa bình không tiếc bỏ ra mọi giá. Ông ta cũng không muốn máy bay Irắc bay ra nước ngoài, đây có thể là điềm báo trước của việc đảo chính sắp diễn ra ở đây. Giới thông tin, một số quan chức Liên Xô đã đưa ra những bằng chứng xác thực sự việc này. Báo cáo như sau: Trong chiến tranh vùng vịnh, quân đội Irắc tỏ ra rất yếu, lực lượng không đủ. Do vậy, quân đội đa quốc gia đã thu được nhiều thắng lợi. Điều này đã làm cho Saddam Hussenin vô cùng thất vọng, buộc tội hai tướng lĩnh không quân chuẩn bị không tốt. Sau đó, những người thân cận của hai viên tướng này đã đứng lên kêu gọi các phi công tiến hành cuộc đảo chính nhưng không thành. Sự việc bị bại lộ, một bộ phận quan chức liên quan tới việc này đã lên máy bay chạy ra nước ngoài nhằm tránh sự liên lụy.

Trong ký ức của rất nhiều người, vụ việc này vẫn có nhiều điểm đáng ngờ. Cho đến nay, sự việc này vẫn là câu hỏi chưa có lời giải đáp.



8. Vì sao trong lúc chiến đấu máy bay của Irắc lại bay ra nước ngoài?

Trong chiến tranh vùng vịnh năm 1991, hàng trăm chiếc máy bay chiến đấu của Irắc khi trước mặt kẻ thù không hề chiến đấu, hèn nhát chạy trốn, bay đến nước



láng giếng Iran. Sự việc này đã làm cho rất nhiều người nghi ngờ. Đến tận ngày hôm nay, chân tướng thực sự của động cơ này vẫn đang là một điều bí ẩn.

Các hãng truyền thông phương Tây đã công khai đưa những thông tin khác nhau về sự kiện máy bay của quân đội Irắc bay ra nước ngoài tránh nạn. Sự thực của chuyện này làm cho mọi người rất thắc mắc. Tuy vậy, tổng hợp lại cũng không nằm ngoài 3 điểm như sau:

Thứ nhất, mọi người đều biết chiến tranh giữa Irắc và Iran vừa kết thúc, quan hệ đôi địch giữa hai nước dần trở nên hòa dịu. Thế nhưng, khi chiến tranh vùng vịnh bùng nổ, Iran liền tuyên bố là một quốc gia độc lập. Với tình hình diễn ra như vậy, Irắc cho máy bay bay tới Iran, cất giấu ở đây sẽ an toàn hơn trong nước. Do đó, từng đoàn máy bay của họ lần lượt bay ra nước ngoài.

Quan điểm thứ hai cho rằng, bên cạnh việc dưới sự gợi ý của Mỹ, quân đội đa quốc gia đã rải hàng nghìn truyền đơn xuống Irắc. Nội dung của những truyền đơn này khuyên Irắc sớm đầu hàng, bỏ vũ khí chiến đấu. Có thể nói, với kế sách tâm lý này, tuy không đạt được những kết quả to lớn song cũng làm ảnh hưởng phần nào đó tới quân đội Irắc. Do đó, rất nhiều học giả phương Tây nghĩ, quân đội Irắc có tâm lý không vững vàng cho nên đã bỏ chạy, nhằm tránh việc hy sinh vô ích.

Ý kiến thứ ba cho rằng, nguyên nhân trực tiếp của việc người khác coi là kẻ thích gây chiến tranh. Tuy nhiên, đối với chính phủ Mỹ, nếu Irắc đồng ý rút quân, quân đội Mỹ sẽ không còn lý do nào để tiếp tục đóng





quân ở đây. Đối với Mỹ, nếu Sadda Hussenin rút quân ra khỏi Kuwait tiếp tục cho quân chiếm đóng ở biên giới, Mỹ cũng sẽ có khoảng 40 - 50 vạn quân. Lousute nói: “Họ có thể sẽ kéo dài vô thời hạn đóng quân ở đây, xâm nhập, uy hiếp. Nếu vậy, Mỹ sẽ lâm vào thế bị động”. Ông chỉ ra rằng, thắng lợi thực tế có thể tạo ra tổn thất cho chiến lược lớn một lần nữa. Bởi vậy, Mỹ phải lợi dụng cơ hội này làm cho quân đội Irắc tổn thất nặng nề, cuối cùng tiêu diệt họ. Mỹ sẽ làm cho quân đội Irắc, các quốc gia khác không thể uy hiếp Kuwait.

Với tư cách là tổng thống Mỹ, Bush phải đưa ra chiêu bài ngoại giao. Ông ta cũng tuyên bố rằng: “Thắng lợi thực tế trên bàn đàm phán có thể dẫn đến nguy cơ thiệt hại nghiêm trọng. Chúng tôi không thể không tiến hành cuộc chiến tranh lần này”. Nhưng, những câu nói này lúc đó không được tiết lộ ra bên ngoài.

Ngày 9, tháng 1, năm 1991, Quốc vụ viện của Mỹ đã tiến hành đàm phán với ngoại trưởng Irắc. Cuộc đàm phán kéo dài 6 tiếng. Sau cuộc đàm phán, Jianke gọi điện cho tổng thống Bush thông báo: “Kết thúc rồi!”. Irắc đã không chịu nhượng bộ, Bush cuối cùng đã đợi được thông tin mình muốn. Mượn cớ phía Hussenin không chịu hợp tác, Mỹ đã phát động chiến tranh Irắc. Thế nhưng khi làm điều này, trong lòng Bush cũng có đôi chút lo lắng. Thất bại trong việc đàm phán có nghĩa là tiến hành chiến tranh cũng phải trả cái giá về tiền bạc, sinh mạng. Cuộc chiến tranh này sẽ đem lại hậu quả gì, không ai có thể dự đoán trước.



9. Âm mưu của Mỹ với Bátđã (Irắc)

Hơn 10 năm trước, tổng thống Mỹ lúc đó là Bush cha đã phát động kế hoạch lớn mang tên bão táp sa mạc, nhằm nhanh chóng đánh thắng quân đội Irắc, giải nguy cho Rufor. Tuy nhiên, chính quyền Hustsenin vẫn tồn tại. Có rất nhiều lời khen cũng như chê trách, tranh luận xung quanh kế hoạch này của chính quyền Bush. Nhiều người cho rằng, năm đó trong chiến tranh vùng vịnh, quân Mỹ nên đánh vào thủ đô Bátđã, lật đổ chế độ Saddam. Nếu làm như vậy sẽ không để lại cho bây giờ nhiều tai họa. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, nếu phân tích cụ thể tình hình năm đó, việc không đánh Irắc của chính quyền Bush cha hoàn toàn đúng đắn.

Có rất nhiều học giả đã tìm hiểu vấn đề này. Tổng kết những quan điểm của họ, có thể thấy nổi bật lên một số vấn đề sau đây:

+ Thứ nhất, chính phủ Mỹ lo lắng Saddam Hussein sẽ sử dụng vũ khí sinh học, vũ khí hạng nặng. Với việc Irắc dự trữ vũ khí sinh học hạng nặng có tính sát thương cao, nếu đem ra sử dụng sẽ vô cùng nguy hiểm.

+ Thứ hai, năm đó, khi quân Mỹ đánh vào Bátđã, Saddam Hussein sẽ ra lệnh đốt các giếng dầu. Nếu việc này xảy ra sẽ vô cùng nguy hiểm, bởi đây là nước có lượng dầu lớn thứ hai, chiếm khoảng 10% trữ lượng dầu thế giới.

+ Thứ ba, câu hỏi được đặt ra ở đây là nếu quân Mỹ chiếm được Bátđã, lật đổ chính quyền Saddam Hussein, cục diện của Irắc sẽ ra sao? Sau khi lật đổ





chính quyền Saddam Hussein bắt buộc phải thành lập một chính quyền mới thân với Bush. Điều này hoàn toàn phù hợp với mong muốn thu được lợi sau chiến tranh của Mỹ. Tổ chức phản động ở Irắc lúc đó Quốc dân đại hội được Mỹ công nhận là đại diện cho Irắc sẽ thành lập chính quyền mới. Tuy nhiên, tổ chức phản động này chỉ lợi dụng sự viện trợ của Mỹ. Họ không hề mở rộng quy mô kết nạp thành viên. Trong nội bộ còn xuất hiện những mâu thuẫn, lục đục. Do đó, điều khiến chính phủ Mỹ phải băn khoăn là việc nếu cứ tùy tiện tấn công, chính quyền Hussein sẽ bị lật đổ. Đất nước Irắc rất có thể rơi vào tình trạng hỗn loạn, tranh giành chính quyền, dầu mỏ. Bên cạnh đó, Turkey còn lo lắng, sau khi Saddam Hussein bị lật đổ, hơn 1.500 vạn người Kurdi sẽ nhân cơ hội thành lập một quốc gia riêng. Trong khi đó, Saudi lại lo lắng, các thế lực ở miền Nam Irắc sẽ đầu hàng, đứng về phía Iran, điều này có lợi cho Mỹ. Để ổn định tình hình sau chiến tranh, tránh việc ly khai, Mỹ phải tìm một nhân vật có thể có tín nhiệm, đủ sức thuyết phục mọi người, nhưng trong những phe phái phản động ở Irắc. Các phe phái này đại đa số đều nhỏ bé, lực lượng phân tán rải rác, nội bộ bất hòa, lục đục. Rất khó để có thể tìm được nhân vật như vậy.



Chương tám

**NHỮNG VỤ ÁN LỊCH SỬ
CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT**



1. Sự mất tích kỳ lạ của nữ phi công

Đảo Howland là một đảo san hô nhỏ của quần đảo Polynesian ở Thái Bình Dương, dài khoảng 4km, rộng gần 3km. Ở đây có khí hậu nhiệt đới biển, trên đảo rừng rậm um tùm, không gian tĩnh lặng, thoáng đãng. Thế nhưng, không biết vì nguyên nhân gì, bắt đầu từ năm 1925, đảo Howland liền biến thành một thế giới thần bí. Những câu chuyện ly kỳ, cổ quái ở bãi biển xảy ra nối tiếp không ngừng, làm cho mọi người cảm thấy vô cùng hoài nghi.

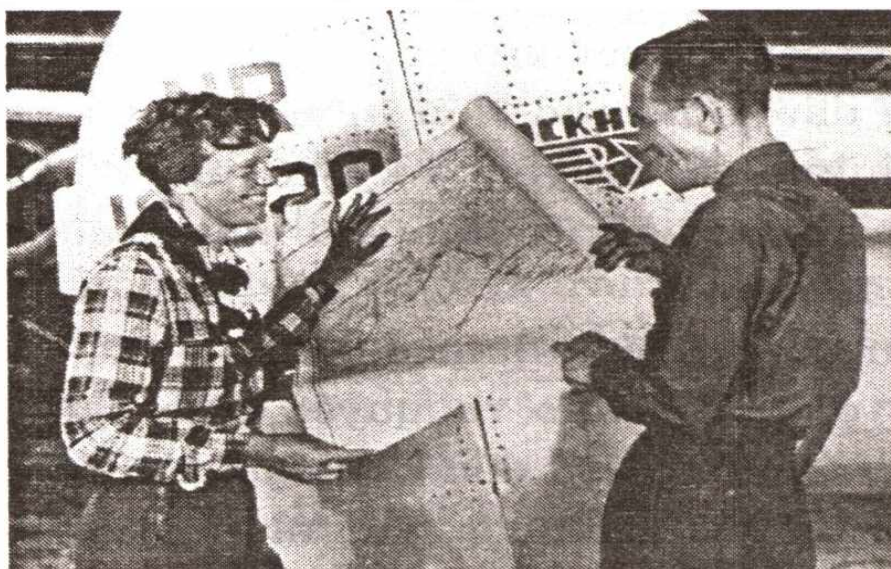
Để làm rõ nguyên nhân đó, tháng 12, năm 1936, chính phủ nước Mỹ đưa ra quyết định chuẩn bị một thuyền điều tra biển tiến đến khu vực biển đảo Howland tiến hành khảo sát khoa học. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị khởi hành đã xảy ra một việc làm mọi người kinh ngạc: Một thuyền chở hàng cỡ lớn của Brazil mất tích một cách lạ lùng trên quần đảo Howland. Để cẩn thận với việc này, cơ quan có liên quan ở nước Mỹ đã quyết định lui thời gian khởi hành của thuyền tuần tra lại. Lần lui lại kéo dài đến tận năm 1937.

Tháng 6, năm 1973, nữ phi công Amelia Earhart được mệnh danh là nữ hoàng không trung của hãng hàng không nổi tiếng thế giới Hồng cực tuyên bố: Cô





quyết định sẽ ngồi trên chiếc máy bay hiệu Airy Specter để vượt qua Thái Bình Dương. Đường bay bắt đầu từ quần đảo New Guinea qua Howland đến Hawaii. Tại thời điểm đó, ngay cả phi công nam cũng không dám thử làm việc này. Hơn nữa, khu vực biển đảo Howland là một bãi biển thuộc khu ma quỷ. Bởi vậy, kế hoạch bay vượt qua Thái Bình Dương này đã nhận được sự quan tâm của rất nhiều ngành trong xã hội. Cơ quan có liên quan của nước Mỹ sau khi biết được thông tin này quyết định giao nhiệm vụ khảo sát trên không của vùng đảo Howland cho cô thực hiện. Cô Earhart vui vẻ tiếp nhận.



Nữ phi công Amelia Earhart.

Kế hoạch bay của Amelia Earhart tiến hành rất thuận lợi trong giai đoạn bắt đầu. Cho đến cuối tuần tháng 6, cô ấy đã hoàn thành phần lớn các hạng mục thử nghiệm chuyến bay. Sau khi tiến vào Thái Bình Dương, Earhart quyết định nghỉ ở đảo Lae của quần đảo New Guinea vài ngày để có sức vượt qua Thái Bình Dương.



Trải qua nhiều ngày nghỉ ngơi, Amelia Earhart đã hồi phục sức khỏe. Cô ấy quyết định ngày 3, tháng 7 sẽ khởi hành từ đảo Lae tiến hành bay một đoạn đường 4.200km không có lục địa đến đảo Howland. Cô có ý định làm mới kỷ lục đường bay của mình là 3.700km vào năm 1935. Thế nhưng, lần này lại xuất hiện điều bất ngờ: Đúng lúc chuẩn bị ngồi lên máy bay, thời tiết chuyển biến xấu, trong khi cô không thể không lùi lại thời gian bay.



Ngày 4, tháng 7, bầu trời quang đãng, các phi hành gia đều trông mong thời tiết sẽ thật tốt. Đúng 9 giờ, Earhart khởi hành từ sân bay đảo Lae. Sau khi lượn trên bầu trời một vòng, cô ấy bay theo hướng của đảo Howland. Khi bay được 1.000km, sân bay tiến hành đàm thoại với cô ấy, lúc đó tất cả mọi thứ vẫn bình thường. Khi máy bay của Earhart cách đảo Howland chỉ 1 tiếng đồng hồ, đột nhiên truyền về một của Earhart: “Máy bay của tôi bay trong một vật thể bông bênh. Chỗ này không phải là bầu trời, cũng không phải nước biển. Nó là một loại vật hỗn hợp kỳ lạ, có lực từ rất mạnh...”



Máy bay của tôi gặp sương mù, giống như khí chưng cất lúc ẩn lúc hiện rồi bay lên trên. Tôi không nhìn thấy lục địa... Vị trí của tôi là đảo Howland về phía Tây khoảng 160 hải lý... Xăng của máy bay chỉ đủ bay được nửa tiếng...”. Sau đó, sóng bị nhiễu mạnh hơn, nhân viên báo cáo trên sân bay đảo Howland không thể nghe rõ. Đến 11 giờ 20 phút, liên lạc giữa Earhart và đảo Howland đã tín hiệu mất hoàn toàn.





Sự việc xảy ra bất ngờ làm cho mọi người trên sân bay Howland vô cùng lo lắng. Nhân viên trực ban trong trạm kiểm soát mặt đất đã liên lạc rất nhiều lần nhưng đều không nhận được hồi âm của Earhart. Chỉ huy của sân bay Howland ra lệnh cho một nhóm binh lính đốt vài bình xăng để cô có thể nhìn thấy mặt đất. Ngọn lửa chiếu sáng đỏ cả bầu trời Howland. Mọi người nhìn trên bầu trời đến cả một con chim cũng không có. Dựa theo thời gian để tính toán, lượng dầu trên máy bay của Earhart đã cạn, cô ấy sẽ bị rơi xuống đảo Howland. Mọi người đều hy vọng cô ấy có thể xuất hiện nhưng bầu trời đêm vẫn vô cùng tĩnh mịch. Một máy bay quân dụng của Howland bay đến khu vực Earhart phát tín hiệu, cuối cùng khi trở về sân bay cũng không thu được gì. Lúc này, mọi người đều nghĩ đến điều đáng sợ nhất, cô Earhart thực sự đã gặp phải chuyện gì đó.

Sân bay quân đội Mỹ của đảo Howland lập tức báo cảnh sát của quần đảo Hawaii, đồng thời phát tín hiệu cầu cứu đến các thuyền trên khu vực biển đảo Howland.

Vào lúc 23 giờ, ngày 4 tháng 7, thuyền tuần tra Anh mang hiệu Aiqilesi nhận được tiếng kêu yếu ớt. Nhân viên tập trung toàn lực để liên lạc với nó này, nhưng tín hiệu nhanh chóng mất đi. Tuy nhiên, tín hiệu bất ngờ này vẫn có thể là tia hy vọng Earhart mang đến.

Do vậy, chính phủ nước Mỹ quyết định bằng mọi giá phải toàn tâm toàn lực cứu nữ hoàng không trung của họ. Hạm đội Thái Bình Dương đầu tiên từ cảng Trân Châu điều đi 15 thuyền thăm dò. Sau đó, một



thuyền hạm đội lớn mang biển hiệu Lexington, thuyền chiến mang hiệu Colorado xuất phát. Họ lập thành một đội thuyền tìm kiếm khổng lồ. Đồng thời, chính phủ nước Mỹ còn truyền đến các quốc gia trong khu vực này lời thỉnh cầu giúp đỡ tìm kiếm cô Earhart. Những đội tìm kiếm này được cho là hùng mạnh nhất từ trước đến nay.



Khoảng 20 giờ, ngày 6, tháng 7, một chiếc thuyền của Pháp đi đến khu vực biển đảo Howland (cũng chính là khu vực biển nữ phi công mất tích), tham gia cứu hộ trên biển, đồng thời lập tức phát đi tín hiệu liên lạc cứu trợ. Vào lúc 23 giờ, thuyền này bỗng nhiên nhận được tín hiệu kêu cứu mạnh. Họ nghe rõ: “Tôi là...”. Cùng lúc này, sân bay Howland cũng nhận được tín hiệu này. Nhân viên lập tức phát tín hiệu: “Cô Earhart! Hãy lập tức báo cáo vị trí hiện nay của cô...”. Sau đó có lời đáp: “Tôi ở..., tôi ở trên một đảo, máy bay của tôi đang trôi trên biển”. Trong lúc mọi người nín thở để nghe xong lời hồi âm này, tiếng sóng vỗ rất mạnh lần nữa nhấn chìm tín hiệu Earhart truyền đến.



Cùng ngày, một số người đam mê điện vô tuyến nghiệp dư ở hai vùng Cincinnati, Los Angeles cũng nghe thấy tín hiệu cầu cứu của cô Earhart, trong đó có hai số 179 và 16. Chuyên gia phi hành phân tích, hai số này có thể là kinh độ, vĩ độ. Tối ngày 6, tháng 7, ở vị trí cuối cùng gián đoạn thông tin, người cứu trợ quyết định mục tiêu tìm kiếm tập trung ở 179 kinh độ Tây và 16 vĩ độ Bắc, 179 kinh độ Đông và gần 16 vĩ độ Bắc.





Hạm đội dưới sự hỗ trợ của vài chục máy bay, tìm kiếm liên tục cả ngày lẫn đêm. Mặc dù thời tiết tốt, thuận lợi cho việc tìm kiếm trên biển nhưng họ vẫn không phát hiện ra mục tiêu nào. Điều làm mọi người không lý giải được đó là tín hiệu cứu trợ lúc có lúc không.



Ngày 9, tháng 7, thuyền hiệu Liên Minh phát đi tín hiệu: “Nếu sức khỏe của cô tốt và đang ở trên lục địa, hãy kêu 4 tiếng dài!”. Thuyền nhắc đi nhắc lại tín hiệu này, cuối cùng cũng có hồi âm. 15 giờ 35 phút chiều, họ nhận được tín hiệu 3 tiếng dài, 1 tiếng ngắn.



Điều này có nghĩa là gì? Có phải sức khỏe của cô Earhart đang tốt nhưng không ở trên lục địa? Người cứu trợ cảm thấy khó hiểu với hồi âm này. Thuyền liên tục phát đi tín hiệu kêu gọi và vẫn nhận được tiếng đáp. Điện đài Hawaii, San Francisco đều nhận được điện tín như vậy. Căn cứ vào tình hình, người cứu trợ nghĩ ra một phương pháp xác định vị trí, đó là đảo Howland, núi Francisco, quần đảo Hawaii cùng dùng công cụ đo vô tuyến để xác định vị trí Earhart phát ra tín hiệu. Sau đó, thông qua phương pháp lập bản đồ hình học vẽ lên ba đường thẳng trên bản đồ mặt đất. Giao nhau điểm của ba đường thẳng này chính là vị trí cô ấy đang ở.



Đúng như dự đoán, tín hiệu cầu cứu của cô Earhart lại một lần nữa xuất hiện vào ngày 10, tháng 7. Công cụ đo phương hướng điện vô tuyến của 3 địa phương đồng thời nắm được mục tiêu. Kết quả phát hiện, điểm đó nằm trên mặt biển cách đảo Howland 500m về phía Bắc. Trên thực tế, khu vực này đã được tìm kiếm nhiều lần, lúc đó họ không hề phát hiện được ra bất kỳ vật



nào trôi nổi trên biển, cũng không nghe được tất cả các tín hiệu cầu cứu phát đi. Điều này làm nhân viên cứu trợ không thể hiểu nổi, cả hạm đội tìm kiếm rơi vào trạng thái hoang mang.

Buổi chiều ngày 10, tháng 7, máy bay hàng không viễn chinh hiệu Lexington đã đến khu vực biển nơi Earhart xảy ra tai nạn. Tướng quân hải quân Mỹ là Mexican Fen một mình ngồi trong phòng chỉ huy. Ông hạ lệnh cho tiến hành hoạt động tìm kiếm với quy mô lớn. Khoảng 10 máy bay không ngừng tìm kiếm trên biển 2 ngày, 2 đêm, nữ hoàng không trung này vẫn bật vô âm tín.

Vậy, cô Earhart đang ở đâu? Những tín hiệu cứu trợ có nghĩa gì? Điều này làm cho tướng quân hải quân Mexican Fen băn khoăn. Buổi sáng ngày 12, tháng 7, phó quan Thomas đi vào phòng làm việc của tướng quân Mexican Fen. Ông ta báo cáo một thông tin gây sốc, người Pháp phát hiện cô Earhart đang đốt pháo hoa.

Sự việc này trải qua như sau: 7 giờ 35 phút buổi sáng, người quan sát của thuyền tìm kiếm đang chờ đợi tin tức. Bỗng nhiên, họ nhìn thấy trên mặt biển cách 10km có một đám pháo hoa màu da cam bay lên. Người đó lập tức báo cáo thông tin này cho thuyền trưởng. Sau khi thuyền trưởng nghe xong, thông tin lập tức quan sát phương hướng đó. Kết quả là, có một đám pháo hoa nổi trên mặt biển. Ông lập tức mệnh lệnh cho thuyền tìm kiếm đi cứu trợ.

Thuyền tìm kiếm với tốc độ nhanh nhất hướng đến mục tiêu, không ngừng phát ra tín hiệu. Tướng quân Mexican Fen lo lắng, bất an chờ đợi tin tức. Cuối cùng





thuyền đưa về một thông tin khiến mọi người thất vọng: Pháo hoa màu da cam không những không đáp lại lời kêu gọi của họ, còn luôn cách thuyền khoảng 10km, trốn tránh sự truy tìm của những người cứu trợ. Sau khi tìm khoảng 2 tiếng, đám pháo hoa này bay lên trời, cao hơn 30m, giống như chiếc thuyền, bay lượn trên bầu trời vài vòng. Sau đó xuất hiện một tiếng nổ lớn, một tia chớp điện trên bầu trời biến rồi biến mất trước mắt mọi người.



Từ đó về sau, nhân viên cứu trợ không nhận được bất kỳ tín hiệu cứu trợ nào phát ra nữa.

Sự mất tích bí ẩn của Earhart làm cho đảo Howland ngày càng nhuốm thêm màu sắc thần bí.



2. Những vụ mất tích kỳ lạ



Một ngày tháng 7 năm 1870, trong thôn Byei Kawo của tỉnh Tverskoi thuộc nước Nga, mọi người truyền tai nhau một câu chuyện như sau: Có một kiến trúc sư phát hiện ra một kho báu. Nhiều người cho rằng, thông tin này không có cơ sở, rất khó có thể tin được. Tuy nhiên, từ lâu mọi người đã biết, cách thôn này khoảng 4,5km có một nhà thờ. Linh mục của nhà thờ nắm trong tay, trên bản đồ bí mật đó đánh dấu vị trí xác nơi chôn cất kho báu. Chưa ai được tận mắt nhìn qua tấm bản đồ đó, ngay cả những thông tin truyền tai này cũng do người già kể lại. Do vậy, ai nói thật, ai nói giả đều rất khó để xác định. Có một sự việc xảy ra làm cho người dân trong thôn chú ý: Người kiến trúc sư bắt đầu qua lại với nhà thờ thường tụ tập trung một nhóm người lại, không biết có bí mật thần bí gì bên trong.



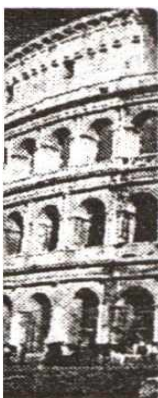
Một hôm, người kiến trúc sư thuê những người đàn ông trong thôn đến một nơi làm việc. Có ít nhất 10 người nông dân đi theo. Anh ta dặn họ mang theo những công cụ cần thiết, không ai biết họ đã đi đâu.

Họ đi xa khoảng 2km, ở đó có một vách núi nhiều bụi rậm, người kiến trúc sư dừng chân lại và nói: “Các anh hãy đào ở đây một hố sâu khoảng 2m. Sau khi đào đến độ sâu cần thiết, tôi sẽ nói tiếp cho các anh phải làm gì, hiểu không?”.

Nói xong, người kiến trúc sư cởi áo ra, ngồi trên một tảng đá hút thuốc. Tinh thần anh ta không thoải mái nhìn những người nông dân kia làm việc. Đất ở đây cứng, đá nhỏ nhiều, mồ hôi rất nhanh ướt đầm hết áo họ. Đến gần trưa, những người nông dân đào hố đã rã rời hết người, nhưng người đàn ông đó vẫn tiếp tục ra lệnh cho họ đào sâu xuống. Cho đến khi đào đến một tảng đá lớn anh ta bảo họ dừng lại, tuyệt đối không được làm hư hại đến nó. Một lúc sau, người kiến trúc sư nhảy xuống hố, làm sạch những đất bám xung quanh hòn đá. Bề mặt của hòn đá đang phát ra những ánh sáng nhấp nháy làm chói mắt. Người kiến trúc sư yêu cầu họ đào cả hòn đá lên, không được làm vỡ nó.

Khoảng hơn 1 tiếng đồng hồ sau, người đó mới cho những người nông dân trở về thôn ăn cơm, chỉ có anh ta và 3 người ở lại. Anh ta ngồi trầm tư rất lâu nhìn những hòn đá lớn tròn giông như mạ một lớp bạc. Anh đoán đó là một vật do con người tạo ra. Anh ta nghĩ: “Tại sao mình lại không nghĩ đến việc có thể đào được vật kỳ quái này?”. Cuối cùng, người kiến trúc sư từ từ





ngiên cứu 4 phía nhận bóng của hòn đá. Anh ta phát hiện trên mặt của hòn đá này có một đường viền cửa nhỏ nhìn rất gần nắp. Những người nông dân cũng đang chăm chú nhìn. Anh ta cạo cửa nhỏ này, cố hết sức tìm cửa hoặc khóa ở trên để có thể mở ra nó. Trong khi mọi người quan sát, hòn đá bỗng phát ra âm thanh giống tiếng nhạc. 3 người nông dân bị dọa đến sợ hãi, những âm thanh này làm cho người kiến trúc sư xoay người. Anh ta xoay người lại, phát hiện ra 3 bóng người xuất hiện ở vách núi lớn bên cạnh. Họ mặc áo sơ mi màu trắng, hai bên là người thanh niên, ở giữa là một ông già râu trắng.

“Hãy lấp toàn bộ chúng, giống như chưa có ai đi qua, sau đó lập tức dời khỏi nơi này...”, ông già dùng giọng điệu nghiêm khắc trầm bổng để ra lệnh.

Nói đến đây, lại không nhìn thấy 3 người lạ nữa. Những người nông dân kéo người kiến trúc sư từ dưới hố lên, toàn thân anh ta run rẩy, từng hạt mồ hôi lớn rơi ướt đầm trên khuôn mặt trắng bệch. Những người nông dân này bắt đầu cầu khẩn. Khi dời khỏi nơi đó, họ vẫn cúi người thành kính hướng đến hòn đá đó.

Đây không phải chuyện hiếm, điều làm mọi người càng không thể lý giải đó là: Tháng 7, năm 1990, sau 30 năm, khi một vài cô gái trên đường từ trường trở về nhà ở thôn Byei Kawo, đi qua con đường cất giấu kho báu này. Họ phát hiện 3 cô gái đi phía trước biến mất từng người từng người một. Cô gái còn lại sợ mất cả hồn vía, liền chạy về trong thôn báo tin. Người trong thôn vất vả tìm hơn 2 tháng cũng không ra tung tích của 3 cô gái kia.



Trong lịch sử xảy ra những chuyện kỳ bí làm cho các nhà khoa học liên tưởng đến: Ba người nông dân cùng người kiến trúc sư đào kho báu, ông già râu trắng ra lệnh họ dừng tay, 3 cô gái mất tích sau 30 năm bất ngờ xuất hiện ở cùng một nơi. Liệu giữa họ có tồn tại mối liên hệ nào đó không?



Cuối tháng 8, năm 1993 xảy ra một câu chuyện ly kỳ, cổ quái. Một người tên là Glazunov kể câu chuyện ông ta đã trải qua: “Trong một khu vực hoang vắng ở Donbas của Nga, vào một ngày, tôi men theo một con đường đất ở giữa thôn. Bỗng nhiên, một chiếc xe mang hiệu Riguli nhỏ đi như bay qua người tôi. Cách tôi khoảng 300m về phía trước có một chiếc máy kéo. Tôi bất ngờ phát hiện chiếc xe hơi nhỏ đi qua bên cạnh đang chuyển gấp về bên phải một lúc rồi biến mất.



Điều này làm tôi kinh ngạc. Khi chiếc xe đó chạy ra, tôi đã kéo nó dừng lại. Tôi hỏi người lái xe kéo: “Anh có thấy một chiếc xe hơi nhỏ hiệu Riguli vừa chạy qua không?”. Người lái xe trả lời: “Làm gì có chiếc xe hơi nhỏ nào? Nó ở đâu?”.



Người lái xe đảo mắt nhìn xung quanh, nét mặt thể hiện chút lo lắng, kinh ngạc. Ông ta kéo tôi lại và nói: “Anh mau đi khỏi nơi này nếu không muốn gặp phiền phức...”.

Thế nhưng, có một lực lượng thần bí nào đó không thể giải thích được làm tôi tò mò nhất định phải đến đó xem. Người lái xe bỏ đi, chỉ còn lại một mình tôi đứng trơ lại ở đó. Lúc này, tôi phát hiện, trên bầu trời nơi chiếc xe kéo biến mất xuất hiện một hiện tượng kỳ lạ: Bầu trời có một cửa sổ không gian. Bên trong phản





chiếu ánh sáng màu da cam, có nhiều vật hình vuông, bên trên mặt hình cầu, hình kim tự tháp. Một số có dạng hình xoắn ốc đang chuyển động, có 2 chân, 2 tay, đầu to, dài, sần sù giống như cây tùng. Những vật kỳ lạ này vừa dài vừa gầy, ít dừng lại, luôn vận động, vung vẩy 2 tay ở hai bên người. Chúng phát ra một loại âm thanh giống như tạp âm thường thấy trong thế giới của chúng tôi.



Khi nhìn thấy cảnh này, tôi vô cùng sợ hãi không thể làm chủ được bản thân. Hơn nữa, sức mạnh của nó càng ngày càng lớn. Lúc này, tôi đột nhiên phát hiện, từ cửa sổ đó bay ra một sinh vật. Vật đó từ đầu đến chân đều có hình dạng sần sùi, đầu dài như con cóc nhưng to hơn gấp nhiều lần. Trên nửa thân trên của vật kỳ quái này do một dạng chất bán trong suốt cấu thành, không biết là huyết quản hay đường dẫn. Vật kỳ quái này giống như dòng nước đang di chuyển trôi nổi trên bầu trời. Nó có hình dạng chuyển động liên tục. Căn cứ vào phán đoán kích thước bên ngoài, nó to bằng con trâu hoặc con ngựa.



Tôi bị vật lạ bỗng nhiên xuất hiện này dọa đến hồn bay phách lạc, hai chân đứng không vững. Đúng lúc đó, vật đó trôi đến phía tôi, tôi có thể nhìn kỹ mặt, miệng của nó, ánh mắt trên, khuôn mặt biểu cảm sự hung dữ. Vật lạ này nháy qua người tôi. Khi đang dõi theo vật lạ đó, bên cạnh tôi bỗng xuất hiện một con dê núi không biết từ đâu tới, nó cất tiếng kêu thất thanh. Tuy vậy, tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ, không dám động đậy. Vật lạ đột nhiên há to miệng hướng về phía con dê núi, dùng một luồng khí màu vàng nhạt phủ lên người nó. Khi



nhìn thấy cảnh tượng này, tôi chỉ dám đứng yên, một nỗi sợ hãi đang dâng trào. Tôi tận mắt nhìn thấy quái vật phun chất dịch đó, biến con dê thành một loại chất lỏng giống như khối nhựa. Con quái vật hung dữ đó há to miệng phát ra âm thanh đáng sợ, sau đó lại nuốt vật kia vào bên trong. Cho dù đuôi, sừng, lông hay xương con dê đều bị nó nuốt trọn. Lúc này, tôi sợ hãi chạy bạt mạng nhưng không hiểu vì sao lại chạy về phía cửa sổ kia. Ở đó có 2 con quái vật đang bay đến đón tôi. Trên người mỗi con đều có hai chân dài, chuyển động linh hoạt. Trên chân lại có nhiều đốt cong, mềm mại giống như ống cao su. Trên phần đầu của mỗi con quái vật đều có 3 chiếc sừng nhọn sắc. Lúc đó, tôi nghĩ: “Đây rất có thể là người máy”. Một con gạt tôi sang một bên tấn công. Những quái vật này không chú ý đến tôi lắm, bắt đầu dùng chiếc sừng của nó tấn công vào quái vật có gai toàn thân. Khi chúng vừa tiếp xúc với nhau xung quanh bỗng xuất hiện pháo hoa, pháo lửa màu xanh, hơn nữa rất lâu mới tắt. Con quái vật phát ra những tiếng kêu đau đớn, nhảy mạnh vào cửa sổ. Sau khi 2 con quái vật giống như người máy đó tiến vào trong cửa sổ đó lập tức đóng lại. Bầu trời trở về trạng thái bình thường trước đó.

Không lâu sau, tôi tỉnh táo hơn, phát hiện mình đang đứng ở chỗ cũ, nơi chiếc xe hơi hiệu Riguli bị mất tích. Tôi chợt tỉnh lại như vừa trải qua giấc mộng. Hóa ra, nơi này là địa đạo quái dị của thế giới: Xe hơi, cô gái biến mất, xuất hiện cửa sổ lạ, quái vật ăn dê núi... Tôi phát hiện nơi con dê núi bị con quái vật kia nuốt trọn có những vết ẩm ướt màu đậm, đường kính khoảng 1m,





khí hơi đang từ chỗ đất nhả bóng bay lên. Lúc này, tôi chạy một mạch trở về nhà...”.



Báo *Diễn đàn nhân dân* của nước Nga đã đăng sự kiện này. Sau đó, tòa soạn báo nhận được rất nhiều thư của các độc giả gửi đến nơi xảy ra sự việc. Trong thư xác minh, nơi đó thực sự tồn tại. Cư dân địa phương xác nhận việc này không chỉ xảy ra một lần. Mọi người hỏi: Cửa sổ đó cuối cùng là vật gì? Cái cửa nuốt trọn 3 cô gái vào năm 1990 ở Byei Kawo cũng tương tự như vậy phải không?



3. Câu chuyện về người ngoài hành tinh



Mặc dù chúng ta không có cách nào để biết đĩa bay UFO đến trái đất với mục đích gì nhưng sự việc UFO tiếp xúc với người trái đất thực sự đã đem đến nhiều phiền phức. Những người tiếp xúc với UFO gọi quãng thời gian này là bị bắt cóc.



Vào 3 giờ chiều, ngày 5, tháng 1, năm 1975, một người thuộc thành phố Argentina tên là Carlos Albert (28 tuổi) bước ra từ nhà hàng. Anh ta là người phục vụ của nhà hàng, công việc bắt đầu từ lúc 8 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Hôm nay có một đoàn từ thiện tổ chức yến tiệc, cho nên bây giờ anh ta mới làm xong công việc. Anh có một người vợ, một người con. Mặc dù tuổi đời còn trẻ nhưng thu nhập của anh ta khá ổn định, gia đình rất hạnh phúc.

Carlos Albert mặc trang phục của người phục vụ đứng trước có túi, trong đó để tờ báo mới mua. Giống như mọi khi, anh ta ngồi xe buýt trở về nhà lúc đó khoảng 3 giờ 30 phút buổi chiều. Anh ta đi bộ thật nhanh.



Khi anh ta đi đến cách nhà khoảng 45m, bỗng nhiên xung quanh xuất hiện ánh sáng nhấp nháy. Đầu tiên Carlos cho rằng, đó là tia chớp nhưng nó mãi không tắt, hơn nữa còn vang lên tiếng sấm. Trong lòng Carlos cảm thấy có điều gì bất thường liền dừng lại, quan sát xung quanh. Một lúc sau, Carlos phát hiện có một ánh sáng hình dạng ống tròn, giống như một cái lồng chụp lấy mình, chiếu từ trên xuống theo phương thẳng đứng.



Nhiều người cho rằng, UFO đến để bắt cóc con người.

Carlos muốn chạy về nhà nhưng toàn thân dường như đang dính chặt vào chiếc thuyền, cứng đơ, không có cách nào động đậy được. Lúc này, anh ta nghe thấy một giọng ồm ồm từ trên thuyền, cơ thể bắt đầu bay lơ lửng.

Carlos sợ hãi, muốn hét lên nhưng không hiểu tại sao lại nói không ra tiếng. Anh ta chỉ nhớ, bị một lực hút kéo lên cách mặt đất 45m. Sau đó không biết còn chuyện gì xảy ra nữa.

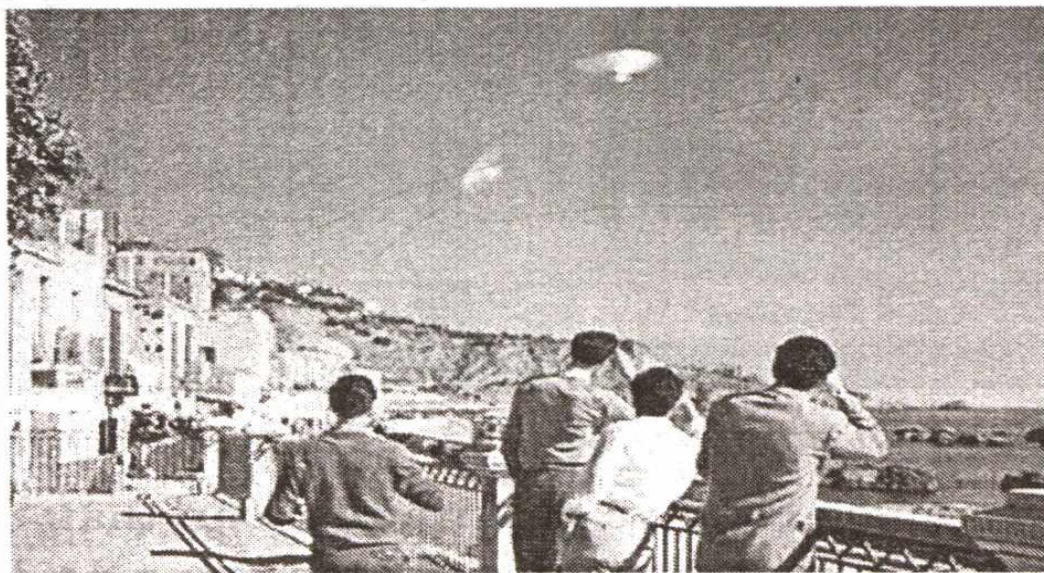


Lúc tỉnh lại, Carlos thấy mình đang nằm trên một chiếc giường giống với bàn phẫu thuật trong bệnh viện.

Anh đang ở trong một căn phòng kỳ lạ, có hình bán cầu. Nó giống hình chiếc bát úp ngược, tường bao quanh hình bán trong suốt giống như nhựa. Phòng có đường kính 2,3m, cao khoảng 2,7m, không có đồ dùng gia đình, cũng không lắp đặt máy móc, thiết bị chiếu sáng. Thế nhưng, trong phòng lại sáng rực, tường phát ra tia sáng mờ mờ. Dưới đất có nhiều lỗ có thể không khí được đưa vào chỗ đó.

Anh hoảng hốt: “Đây là nơi nào?”.

Trong ký ức mờ lung của Carlos, bất chợt anh ta nhớ đến sự việc đáng sợ vừa xảy ra khi gần về đến nhà.



Năm 1952, UFO cũng xuất hiện trên bầu trời tòa nhà quốc hội Mỹ.

Ba sinh vật gần giống người không nói gì đi vào phòng. Vừa nhìn thấy họ, anh suýt bị ngất.

Sinh vật đó mặc dù có hình dạng giống người, nhưng không hề có tóc. Ngay đến mắt, mũi, miệng đều không có hình dáng của một khuôn mặt. Đầu và mặt



màu xanh, cao khoảng 180cm, trên mặt chỉ có một nửa là giống người. Trên người mặc bộ quần áo liền nhau màu trắng sữa. Người cao gầy, có hai tay nhưng không có ngón. Phía trước nhìn tròn giống như một thanh gỗ, khiến người khác sợ hãi, da nhẵn bóng, không có lông.

Carlos cho là ảo giác hoặc gặp ác mộng, liền mở mắt to để nhìn, nhưng rõ ràng ba quái vật đó đang ở trước mặt. Không những thế, một trong số đó còn bước đến phía anh, dang cánh tay ra để nắm lấy anh.

Carlos cho rằng, đối phương muốn giết mình, cho nên kêu lớn. Thế nhưng, con quái vật chỉ nhổ một sợi tóc của anh ta, nó lại đi lặp lại động tác này. Anh muốn phản kháng, nhưng không biết tại sao cơ thể lại cứng nhắc, chân tay hoàn toàn không thể cử động được.

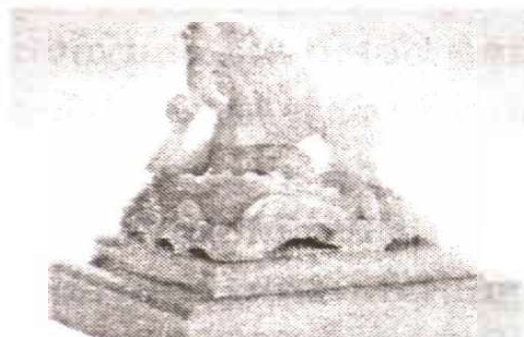
P phía trước cánh tay của quái vật dường như có lực hút của la bàn, chỉ cần chạm nhẹ đã có thể nhẹ nhàng nhổ sợi tóc của Carlos. Hơn nữa, điều làm anh ta khó hiểu đó là anh không cảm thấy một chút đau đớn nào. Một lúc sau, họ chuyển sang nhổ lông nách của Carlos rồi đi vòng xung quanh giường giống như đang quan sát.

“Tôi có thể sẽ bị giết”, Carlos đoán vậy. Rất nhanh sau đó, ý thức cảm giác của anh ta trở nên mơ hồ, cuối cùng hôn mê hoàn toàn.

Đến khi Carlos hồi phục lại ý thức, anh ta đang nằm trên đồng cỏ, đêm đã qua, ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào mắt. Từ xa truyền đến âm thanh của xe cộ đi lại. Carlos quay đầu nhìn, đằng sau chỉ có đường cao tốc, cảnh vật xung quanh rất lạ lẫm.

“Dường như mình vừa trải qua một vụ bất cóc”, Carlos trấn tĩnh bản thân, sau đó nhìn lại xung quanh.





Chương chín

KHO BÁU BÍ MẬT



1. Những kho báu lớn trên thế giới

Như chúng ta đã biết, trên thế giới hiện nay chỉ còn lại 8 nơi đang cất giữ kho báu. Đó là thành quả của những người đã khổ công tìm kiếm nhưng không thể mang về. Tất cả đang chờ những người có sở thích phát hiện ra.



Thứ nhất, kho báu đáng giá nhất là kho báu trên TÀU SAN JOSE

Nó nằm ở đáy biển sâu 22m thuộc vùng biển Caribe, cách bờ biển Colombia khoảng 26km. Ngày 28, tháng 5, năm 1748, một con thuyền mang tên San Jose bắt đầu khởi hành từ Barama. Con thuyền chở những người dân di cư mang theo rất nhiều vàng bạc châu báu, dưới sự dẫn dắt của thuyền trưởng Fernander. Tuy đã được thông báo gần đó có 1 con tàu hải quân Anh đang đi tuần tra, nhưng Fernander không hề để tâm đến mối đe dọa đang rình rập. Ông cho rằng, biển cả mênh mông hai con tàu không thể dễ dàng gặp nhau được. Ngày 3, tháng 6, chỉ huy tàu hải quân Anh đã chiếm giữ được San Jose. Buổi chiều ngày hôm đó, San Jose bị tấn công. Hơn 600 người cùng với toàn bộ châu báu trên thuyền bị nhấn chìm xuống đáy biển.





Năm 1983, bộ trưởng Bộ xây dựng Colombia thuyết phục thủ tướng Colombia chính thức đưa ra tuyên bố. Con thuyền trên thuộc sở hữu của Colombia.

Chính phủ Colombia đã tìm ra nơi thuyền bị đắm. Theo ước tính ban đầu, số lượng châu báu trên thuyền lên đến hơn 1 tỷ đô la Mỹ.



Con thuyền San Joe bị 1 tàu hải quân Anh chiếm giữ.

Thứ hai, kho báu tại bang CALIFORNIA

Năm 1849, một mỏ vàng được tìm thấy ở bang California đã thu hút rất nhiều người dân miền Đông nước Mỹ tới để khai thác. Sau 8 năm, họ đem toàn bộ số vàng khai thác được chuẩn bị trở về nhà. Những người này đi thuyền từ San Fransico đến Barama, sau đó tiếp tục chuyển xe ngựa sang eo biển Panama, cuối cùng xuống thuyền đi New York. Sau 2 ngày rời khỏi La Habana, cũng chính vào ngày 10, tháng 9, năm 1857, con thuyền Trung Mỹ đang chở những hành khách này đã bị tấn công bởi liên tiếp những trận gió bão, bắt đầu chìm xuống biển. Số lượng hành khách trên tàu là 750



người nhanh chóng phân thành các nhóm, đưa phụ nữ, trẻ em lên thuyền cứu sinh. Tuy nhiên, toàn bộ 423 người vẫn bị chìm sâu xuống đáy biển. Một chuyên gia tìm kiếm kho báu từng mất 15 năm để tìm được những con tàu bị đắm trong cuộc chiến tranh diễn ra tại Mỹ. Ông rất tin tưởng vào việc tìm ra nơi những con tàu Trung Mỹ cùng một số lượng kho báu bị đắm.



Thứ ba, kho báu dưới đáy hồ GUATAVITA

Con dân Ấn Độ của ông từng hiến toàn bộ số châu báu, ngọc phỉ thúy cho quốc vương mới của họ. Vị vua này đã ném toàn bộ số kho báu này xuống biển để thể hiện tấm lòng của mình với thượng đế.



Người châu Âu trong 400 năm qua luôn nỗ lực trục vớt toàn bộ số của cải người Ấn Độ ném xuống hồ Guatavita. Cuộc trục vớt đầu tiên diễn ra vào năm 1545, người Tây Ban Nha đã tổ chức một đội tìm kiếm. Trong khoảng thời gian 3 tháng, họ mò được hàng trăm đồ dùng bằng vàng có giá trị ở đáy hồ.



Năm 1911, một công ty ở Anh đào được một địa đạo. Họ cho rút toàn bộ nước hồ, chỉ để lại một lớp bùn khá dày. Lớp bùn này nhanh chóng chuyển thành đất sét cứng dưới ánh mặt trời. Trong lúc chờ người Anh chuyển thiết bị khoan cắt dò tìm từ châu Âu đến, địa đạo đã bị lấp, nước trong hồ lại đầy như cũ. Từ năm 1974, chính phủ Colombia phái một đội quân đến bảo vệ kho báu trong hồ. Từ đó trở đi, không có ai có thể đến gần kho báu này nữa.





Thứ tư, kho báu ở lăng mộ Tometing

Cách đây 4 thế kỷ, tộc trưởng người Ấn Độ đã dẫn theo một thương nhân trẻ tuổi người Tây Ban Nha vượt qua mê cung ngầm vô cùng phức tạp để đến lăng tẩm của vương quốc người Ấn Độ cổ đại. Nơi đây bày la liệt vàng bạc, châu báu. Vị tộc trưởng thỏa thuận với người thanh niên này: Nếu anh ta đồng ý giúp đỡ xây dựng những công trình công cộng tại đây, tất cả số kho báu sẽ thuộc về anh ta.

Theo ghi chép về việc thu thuế tại Tây Ban Nha, năm 1576, một người tên là Guterrez đã phát hiện ra kho báu. Anh ta nộp vào ngân sách nhà nước 900 đồng vàng. Từ đó, có người phỏng đoán rằng, tại nơi tìm thấy kho báu có thể vẫn còn một kho báu lớn khác. Giá trị của kho báu này có khả năng lớn hơn kho báu tìm thấy trước đó nhiều lần.

Hiện trường để lại sau lần tìm thấy kho báu đầu tiên đã được chính phủ Colombia bảo vệ, chỉ có 2 nhà khảo cổ được phép khai quật tại đây.

Thứ năm, vụ đắm tàu Columbus

Năm 1949, Columbus dẫn theo 27 hạm đội đã tìm ra châu Mỹ Latinh. Từ năm 1493 - 1502, họ lần lượt cử hạm đội đi sang châu lục này. Các nhà khảo cổ tin rằng trong đó có ít nhất 5 tàu bị đắm tại vùng biển Caribe. Tuy nhiên, những tàu này không chở kho báu chỉ đơn thuần mang một giá trị lịch sử lớn lao.

Viện trưởng Viện nghiên cứu khảo cổ hải dương bang Texas đã yêu cầu chính phủ cho phép trục vớt

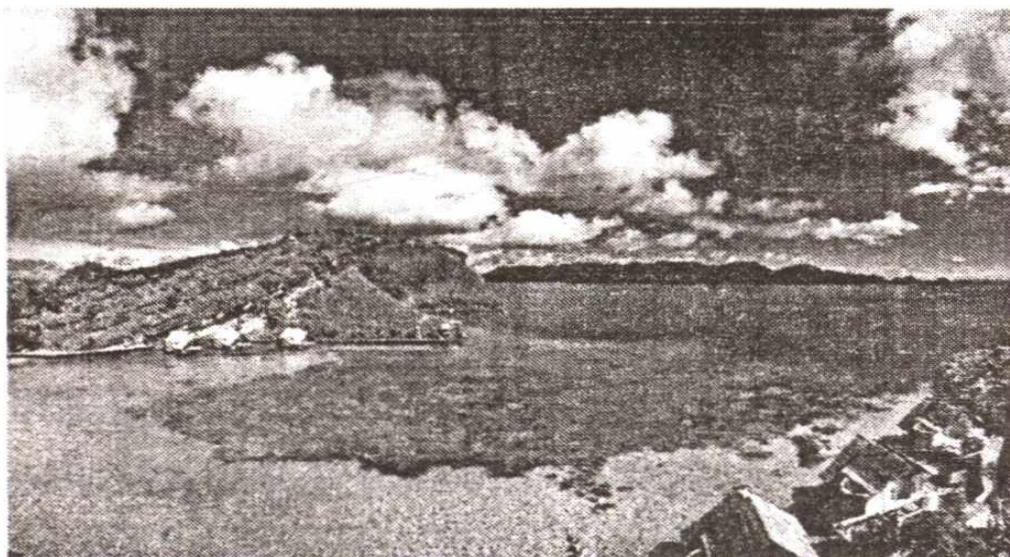


những con tàu bị đắm tại khu vực này. Mặc dù, ánh sáng dưới biển quá tối, kèm theo đó là lớp bùn dày, những con tàu này đều đắm cách đây đã 5 thế kỷ. Thế nhưng, viện nghiên cứu này vẫn tin rằng, có thể trực vớt được một số tàu bị đắm.



Thứ sáu, kho báu đảo Kim Ngân

Tiểu thuyết nổi tiếng *Đảo Kim Ngân* lấy bối cảnh chính tại đảo Coco ở Thái Bình Dương. Hòn đảo hoang sơ này đã từng là địa điểm săn lùng kho báu của rất nhiều người. Trong 3 thế kỷ trước, có khoảng 450 đội quân đến đây tìm kiếm dọc theo khu vực ven biển để mong phát hiện ra những đồng tiền cổ.



Đảo Coco.

Đảo Coco nằm cách bờ biển Costa Rica 480m, đây là trạm dừng chân của đội tuần tra biển vào thế kỷ XVII. Theo một số lời đồn đại, trên đảo có 6 nơi cất giấu kho báu. Tuy nhiên, những kho báu thu hút nhiều người tìm kiếm nhất chính là kho báu thuộc vùng Lima của Peru. Năm 1820, Lima vẫn thuộc quyền cai trị của Tây Ban Nha.





Thứ bảy, HANG TIỀN

Tháng 10, năm 1975 có 3 người thợ xẻ gỗ đặt chân lên đảo Oak. Tuy hòn đảo này không có ai sinh sống nhưng luôn có một truyền thuyết cho rằng, trên đảo có chôn giấu kho báu. 3 thanh niên này rất lưu ý đến sự việc trên đảo có 1 cây sồi lớn bị đốn 1 cành. Lỗ đất dưới gốc cây lồi lõm khác thường, giống như chôn giấu vật gì đó.



Ngày hôm sau, họ quay lại đảo mang theo 1 chiếc rìu, bắt đầu công việc đào bới của mình. Khi đào sâu được 9m, họ bắt gặp 1 tấm gỗ sồi, tiếp tục đến 18m lại có 1 tấm nữa.



Trong 7 ngày tìm kiếm, cứ 9m họ lại gặp chướng ngại vật. Khi đào đến độ sâu 90m, nước trong hang bắt ngờ trào ra. Từ đó đến nay, có người đã tiến hành 15 lần đào bới tiêu tốn hơn 300 vạn đô la. Ngoài ra, còn có 6 người chết trong công cuộc tìm kiếm kho báu ở hang tiền này.

Vậy rốt cuộc hang động này chứa cái gì? Không ai có thể biết chính xác, nhưng hầu hết mọi suy đoán đều cho rằng: Trong đó chứa kho báu của người Ấn Độ hoặc của đội tuần tra bờ biển.



Thứ tám, QUẶNG VÀNG Ở ARIZONA

Cuối những năm 40 của thế kỷ XVIII, một nhà thám hiểm đã tìm thấy một mỏ vàng có trữ lượng rất lớn. Ông liền cho đánh dấu lại. Từ đó, rất nhiều kẻ tìm kiếm kho báu nuôi ý định tìm ra kho báu này, đồng thời cũng không ít kẻ nó phải bỏ mạng nơi đây.



Về sau, một nhân viên thăm dò quặng người Đức tên là William cuối cùng đã tìm ra kho báu. Cùng với ông còn có 2 người bạn đồng hành nhưng tất cả đều bị sát hại. William lên núi thường xuyên trong 2 - 3 ngày. Khi trở về quê nhà của mình tại Phoenix, ông mang theo một túi đựng đầy vàng.



Năm 1891, William chết vì bệnh viêm phổi. Trước khi qua đời, ông đã vẽ 1 tấm bản đồ. Năm 1931, có một người đàn ông tên là Andrews mang theo tấm bản đồ đó khi đi vào khu vực núi. 6 tháng sau, người ta tìm thấy xác của ông với 2 mảnh đạn trong hộp sọ. Năm 1959, 3 người đàn ông khác tiếp tục gặp nạn tại nơi này.



2. Bí ẩn về căn phòng hổ phách của Nga

Năm 1700, với mục đích chứng tỏ sự cao quý của mình, vua Rudolf đã ra lệnh cho 2 kiến trúc sư nổi tiếng trong nước xây dựng căn phòng hổ phách độc nhất vô nhị trên thế giới.

Hai kiến trúc sư này sau khi nhận được mệnh lệnh ngay lập tức bắt tay vào việc thiết kế, xây dựng. Với sự cố gắng, nỗ lực không mệt mỏi, cuối cùng, đến năm 1709, công trình đã được hoàn thành.



Diện tích căn phòng là 55m². Các bức tường đều được trang trí bằng hổ phách, phát ra ánh sáng lấp lánh, kỳ ảo. Rudolf không ngớt lời tán dương sau khi xem qua một lượt căn phòng. Lúc đó, ông quyết định sẽ trọng thưởng cho những người cùng tham gia vào quá trình xây dựng công trình này.





Không lâu sau, toàn bộ hồ phách trên tường đều lần lượt rơi xuống Rudolf sau khi biết chuyện đã nổi trận lôi đình. Không chỉ phạt nặng 2 kiến trúc sư tham gia vào công trình, ông còn ra lệnh cho di dời toàn bộ căn phòng ra khỏi hoàng cung.

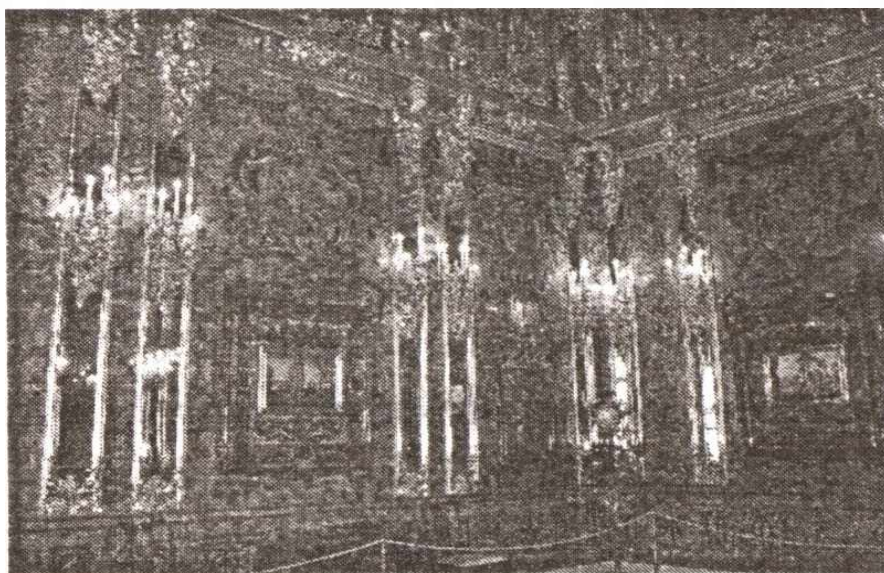


Năm 1717, khi giáo hoàng Nga dẫn theo các đại thần đến thăm nơi đây nhận được sự tiếp đón nồng nhiệt. Để bày tỏ tấm lòng với giáo hoàng Nga, quốc vương Rudolf đã tặng ông căn phòng hồ phách.

Năm 1717, căn phòng hồ phách được chuyển đến Saint Petersburg qua đường biển.

Giáo hoàng Nga là Peter đại đế ban đầu muốn đặt căn phòng đó trong cung hoàng hậu nhưng chưa kịp thực hiện đã qua đời. Căn phòng hồ phách từ đó bị rơi vào quên lãng.

Sau 20 năm, con gái của Peter đại đế bỗng nhiên nhớ đến căn phòng này.



Một góc của căn phòng hồ phách sau khi được trùng tu.



Năm 1745, hoàng hậu cho xây dựng một cung điện tráng lệ tại Chales Cusco. Năm 1751, bà quyết định cho



tu sửa lại cung điện này. Trong quá trình tu bổ, bà nhớ đến căn phòng hồ phách, liền cho người chuyển toàn bộ đến Chales Cusco. Sau đó, những người thợ điêu khắc đã bỏ ra nhiều ngày để tiến hành tu bổ lại căn phòng này, biến nó trở thành một phần của tòa lâu đài. Dưới bàn tay tài hoa của họ, căn phòng đã thực sự hòa hợp với kiến trúc của tòa lâu đài. Từ đó, căn phòng hồ phách được hoàng hậu dùng làm phòng nghỉ.



Thời gian trôi qua, đến những năm 40 của thế kỷ XX, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Năm 1942, quân đội Đức chiếm được Chales Cusco. Mùa hè năm đó, theo mệnh lệnh cấp trên, quân đội Đức đã di dời căn phòng hồ phách đến một viện bảo tàng của Đức.



Tháng 2, năm 1945, Hồng quân tiến vào nước Đức. Một nhóm các chuyên gia người Liên Xô lập tức tiến hành tìm kiếm ở tất cả những nơi có khả năng cất giấu căn phòng hồ phách nhưng không thu được manh mối nào.



Sau khi nghiên cứu qua rất nhiều tài liệu, họ phát hiện ra Dr. Rhodes - một nhân vật đóng vai trò then chốt. Ông ta từng là giám đốc bảo tàng mỹ thuật, đồng thời đảm nhận việc cất giữ các tài sản thu thập được.

Cùng năm đó, phần tử của chủ nghĩa Đức Quốc xã bí mật đưa căn phòng đến bảo tàng mỹ thuật và giao lại toàn bộ cho Dr. Rhodes. Sau khi bảo tàng mỹ thuật được giải phóng, ông ta không bỏ trốn, ngược lại còn tiếp tục sống tại đây. Thế nhưng, đáng tiếc là khi đội tìm kiếm đến, Rhodes đã mắc bệnh nặng và qua đời.



Không chỉ Liên Xô ngay đến Đức cũng đều hứng thú với căn phòng hồ phách này. Một tờ báo đã đăng tải



câu chuyện này, hy vọng có thể tìm được manh mối về nó do người đọc cung cấp. Không lâu sau, phòng biên tập nhận được thư hồi âm. Trong đó, có một bức thư có nội dung đáng chú ý. Trong thư nói: Cha của anh ta từng là quân nhân phục vụ trong quân đội đặc chủng của Đức.



Khi bị rơi vào tình trạng nguy hiểm, cha anh từng trở về ngôi nhà này báo cáo tình hình quân đội lúc đó với Rhodes. Căn phòng hồ phách và một số văn kiện mật của quân đội đều được giấu trong một căn hầm bí mật ở thành phố Hamburg. Mùa hè năm 1959, những cán bộ trong tổ chức có liên quan đến vấn đề này tiến hành tìm kiếm trong thành phố nhưng không thu được kết quả.



Căn phòng hồ phách cho đến nay vẫn là một bí ẩn chưa có lời giải, nhưng mọi người tin rằng sự tồn tại của nó là thật. Có lẽ, nó vẫn đang ngủ yên tại một góc nào đó trong thế giới này, chờ đợi một ngày được con người đưa ra ngoài ánh sáng.



3. Những câu hỏi xung quanh vàng mất tích thời Tây Hán, Trung Quốc



Ở Trung Quốc thời cổ đại, vàng được dùng phổ biến trong giao dịch buôn bán. Ngoài việc đảm nhận thanh toán, nó còn dùng để chế tác các đồ trang sức, dụng cụ.

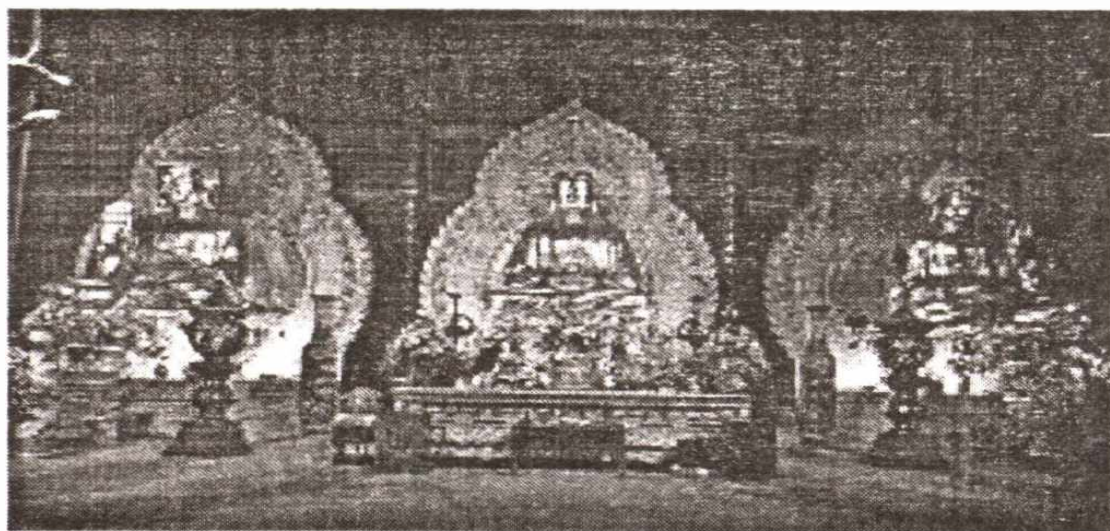
Thời kỳ Tây Hán, số lượng vàng nhiều vô kể. Tầng lớp hoàng tộc, quan lại giàu có đều sử dụng đồ đạc làm bằng vàng. Vua Lưu Bang cấp cho Trần Bình hơn 4 vạn lượng vàng để làm lộ phí. Cùng trong thời kỳ, các vị hoàng đế thường dùng vàng để ban thưởng cho các



trọng thần, số vàng có thể là 1.000 lượng, 1 vạn lượng, thậm chí lên đến hàng chục vạn lượng. Hán Vũ Đế trong một lần ban thưởng cho toàn thể các binh sỹ đã bỏ ra hơn 200 vạn lượng vàng.

Vàng không ngừng được truyền ra ngoài từ quốc khố. Lúc bấy giờ, lượng vàng trong tay tư nhân nhiều đến mức khiến mọi người kinh ngạc. Con trai của Văn Đế khi lâm trung đã để lại hơn 40 vạn lượng vàng. Giới quý tộc nói chung dự trữ rất nhiều vàng với những mức độ khác nhau. Điều đó đủ cho ta thấy, số lượng vàng thời kỳ đó nhiều đến thế nào.

Thế nhưng, số lượng vàng khổng lồ của thời kỳ Tây Hán khi sang đến Đông Hán đã bỗng nhiên biến mất. Vàng không những bị rút ra khỏi lĩnh vực lưu thông ngược lại còn trở thành đồ vật không có giá trị. Ngay cả đến ban thưởng trong triều đình cũng rất ít khi dùng đến vàng. Người ta thường dùng gấm lụa, vải vóc. Điều này hoàn toàn khác so với thời Tây Hán. Như vậy, số vàng đó hiện đang nằm ở đâu cho đến nay vẫn chưa có câu trả lời.



Hàng loạt tượng Phật được bọc vàng.





Có người cho rằng, nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này nằm ở Phật giáo. Trong một cuốn sách có ghi lại, sau này người ta rất ít khi nhìn thấy vàng là do sự hưng thịnh của Phật giáo. Lúc đó, cho dù nơi thôn dã hay miền quê hẻo lánh đều có đền thờ Phật. Không những thế, có tượng còn được bọc bằng vàng. Lớp bọc vàng ở trên tượng Phật không thể trả lại được cho nên mỗi ngày sẽ hao đi một ít. Như vậy, vàng cũng càng ngày càng ít. Khối lượng vàng trên tượng Phật thực sự khiến cho người ta phải kinh ngạc.

Trên thực tế, ở đây có một vấn đề tồn tại, đó chính là: Thời kỳ Phật giáo hưng thịnh không phải ở Đông Hán. Bởi vì lúc đó, Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc, đền chùa cũng không được tôn trọng như những gì Triệu Nghị nói. Cho dù có dùng vàng đi chăng nữa, số lượng cũng không lớn đến vậy.

Vẫn còn một cách nói khác cho rằng, sau này vàng bị ít đi là do thời bấy giờ hoạt động thương mại khá phát triển, vàng đã bị thất thoát một số lượng lớn. Chủ yếu có 2 con đường luân chuyển: Một là, đưa vàng trực tiếp cho người nước ngoài; hai là, mua một số lượng lớn các vật phẩm quý báu như minh châu, pha lê...

Tuy nhiên, cách nói này bị nhiều người phản đối. Bởi vì lúc đó, Trung Quốc là một nước xuất khẩu tơ lụa. Một lượng lớn tơ lụa xuất khẩu sang phương Tây, nghĩa là Trung Quốc phải thu về một lượng tiền lớn chưa nói đến việc mua những vật phẩm quý từ phương Tây, vì nếu có, số lượng của nó cũng không đáng kể.

Cách nói thứ ba như sau: Số lượng lớn vàng ở thời Tây Hán thực chất là đồng. Bởi vì nếu xét trên phương



diện lịch sử, giao dịch hay từ số lượng khai thác được từ thời Tây Hán, họ không thể nào có một số lượng vàng lớn như vậy. Hơn nữa, theo thói quen của người Tây Hán gọi tiền là kim, có khả năng họ cũng gọi đồng là vàng.

Căn cứ vào những tư liệu thực tế cho thấy, người Hán phân biệt rất rõ ràng giữa kim và đồng. Họ chưa từng coi kim là đồng. Từ trước đến giờ chưa từng có cách gọi đồng vàng. Đặc biệt là ở Tây Hán, người ta gọi những người quản lý mỏ kim là kim quan, gọi người quản lý mỏ đồng là đồng quan. Thêm vào đó, tên gọi đơn vị đo lường của đồng và kim cũng không giống nhau. Vào thời nhà Tần, đơn vị của vàng là lượng, trong khi đơn vị của đồng là xu hoặc gọi trực tiếp là tiền. Do vậy, cách nói này cũng rất khó đảm bảo tính chính xác.

Vẫn còn một cách nói khác có sức thuyết phục cao đó là vàng bị chôn dưới lòng đất. Có người đã từng tập trung biện luận về vấn đề này. Số lượng vàng lớn của Tây Hán có thể được chôn theo hoàng thân quốc thích, quan lại hoặc được coi là tài sản chôn dưới đất. Do thời thế thay đổi nên không ai biết đến số vàng này nữa.

Thực tế, hoàng thân quốc thích, quan lại thường chôn theo rất nhiều tài sản, vàng bạc sau khi chết. Như vậy, nếu nói vàng Tây Hán có một phần được chôn dưới đất có thể hợp lý hơn. Tuy nhiên nếu nói toàn bộ số vàng đều bị chôn dưới đất quả thật rất khó thuyết phục.

Vậy, tại sao sau thời Tây Hán, một lượng lớn vàng lại bị biến mất? Đây là điều quá khó hiểu.





4. Sự mất tích kỳ lạ của cửu đỉnh thời nhà Hạ, Trung Quốc

Cửu đỉnh được đúc vào triều Hạ, tất cả có 9 chiếc, đại diện cho 9 châu của Trung Quốc cổ. 9 chiếc cửu đỉnh được chế tạo tinh xảo, trang trọng, một báu vật hiếm có trên đời. Nó tượng trưng cho quyền lực tối cao của Hạ vương, được coi là bảo bối của Trung Quốc cổ đại.

Sau này, Thành Thang lật đổ triều Hạ lập nên triều Thương, liền chuyển cửu đỉnh đến quốc đô Triều Ca. Châu Vũ Vương lật đổ nhà Thương, đưa cửu đỉnh đến Lạc Ấp. Đến thời Xuân Thu Chiến Quốc, nhà Chu ngày một tàn lụi. Trong khi đó, các nước chư hầu ngày càng mạnh, ai cũng muốn chiếm lấy cửu đỉnh cho riêng mình.

Vào năm 606 trước Công nguyên, Sở Trang Vương từng triệu tập binh lính tại biên giới nhà Chu, phô trương thanh thế, cao giọng nhắc đến cửu đỉnh không chút do dự. Mục đích chính là muốn cướp thiên hạ trong tay nhà Chu. Đến thời Chiến Quốc, Tần Vương dẫn quân đến biên giới nhà Chu với dã tâm cướp lấy Cửu đỉnh. Nhà Chu không còn cách nào khác đành cầu cứu nhà Tề để tránh nạn diệt vong. Thời Chiến Quốc, Tề, Sở, Tần là những nước thường xuyên gây chiến để cướp cửu đỉnh. Điều này cho thấy trong lòng dân tộc Trung Quốc, cửu đỉnh có một vị trí rất quan trọng.

Vậy, cửu đỉnh mất tích vào thời điểm nào? Theo sử ký ghi lại, sau khi Đông Chu suy tàn, cửu đỉnh không biết đã rơi vào tay ai. Nhưng, trong cùng một cuốn sách, Tư Mã Thiên lại cho rằng: Năm 254 trước Công nguyên, nhà Tần diệt Đông Chu, cửu đỉnh để rơi vào tay họ.



Còn một giả thiết khác về cửa đình cho rằng, nó bị chìm trong đoạn nước gấp khúc. Chỗ nước này là lưu vực của một con sông chảy qua Từ Châu. Dự đoán này cũng xuất phát từ *Sử ký*. Trong cuốn sách về Tần Thủy Hoàng có ghi: “Năm 219 trước Công nguyên, vì muốn tìm kiếm được cửa đình, Tần Thủy Hoàng đã tắm gội chay giới, sau đó cử rất nhiều người đi vớt. Kết quả làm chết đuối hơn 1.000 người cũng không thể vớt được cửa đình”. Một số quân thần nhà Hán ủng hộ cách nói này của Tư Mã Thiên nhưng diễn đạt cụ thể hơn. Trong tác phẩm *Hàn Thư* ghi chép rằng: “Vào đời Chu Hiển Vương năm 42 (219 trước Công nguyên), cửa đình đã bị chìm sâu trong lòng sông”. Đến thời nhà Đường, trong *Sử ký Chính Nghĩa*, Trương Thủ Tiết ghi thêm: “Năm thứ 19 Chu Noãn Vương, Tần Chiêu Vương đoạt được cửa đình nhưng khi đi qua một khúc sông, không may đã làm rớt một cái xuống đáy sông, những chiếc còn lại rơi vào tay nhà Tần”. Những giả thiết này hoàn toàn không có căn cứ.



Về việc cửa đình bị rơi xuống đáy sông còn có một giả thiết như sau: Cửa đình bị Chu Vương tự tay tiêu hủy. Giả thuyết này xuất phát từ bản cải chính *Hàn Thư* của Vương Tiễn Khiêm đời Thanh. Trong sách có nói: “Do địa vị của Chu Vương bị đe dọa, không muốn cửa đình rơi vào tay các nước chư hầu nên đã tự tay tiêu hủy nó. Hoàng thất ngoại tộc cũng chỉ nói là không rõ”. Nhưng, giả thuyết này không được nhiều người đồng tình. Bởi vì cửa đình vốn là biểu tượng của một quốc gia, cửa đình còn nước còn; cửa đình mất, nước mất. Vì vậy,





vua không thể dễ dàng tiêu hủy nó. Giả thuyết này cũng không có tính thuyết phục.

Sau khi cứu đỉnh mất tích, không chỉ Tần Thủy Hoàng từng đích thân tìm kiếm nó ngay cả Hán Văn Đế, Hán Vũ Đế sau này cũng cất công đi tìm. Hán Vũ Đế đã vớt được một chiếc đỉnh tại khúc sông nhưng chưa xác định được có phải là đỉnh được đúc từ thời nhà Hạ hay không.

Cửu đỉnh là di sản văn hóa vô cùng quý báu của Trung Quốc thời cổ đại. Vị trí của nó hiện nay vẫn còn là một bí ẩn.



5. Câu chuyện xung quanh Ngọc bích họ Hòa

Tương truyền, vào thời Xuân Thu có một người nước Sở tên là Biện Hòa. Vào một ngày, khi ông đi đón củi ở Kinh Sơn, bỗng phát hiện một viên đá lớn màu xanh. Đúng lúc đó có một con chim phượng hoàng sà xuống mặt đất. Ông cho rằng, đây nhất định là bảo ngọc, bởi vì phượng hoàng chỉ hạ cánh tại những mảnh đất quý. Ông liền đem viên đá về dâng cho Sở Lịch Vương. Thế nhưng, Sở Lịch Vương cho rằng, đây chỉ là một viên đá, buộc ông phạm tội khi quân vì dám lừa dối vua; sau đó chặt mất chân trái của ông. Sau khi Sở Lịch Vương qua đời, Sở Vũ Vương kế ngôi. Một lần nữa, Biện Hòa lại đem viên đá đến dâng vua, cũng như lần trước ông bị chặt mất chân phải. Không lâu sau, Sở Văn Vương kế vị. Biện Hòa vì dâng ngọc cho vua đã mất đi hai chân, ông liền ôm ngọc ở chân núi Kinh khóc liền 3 ngày 3 đêm, đến nỗi máu trào ra từ hai mắt. Sau khi biết được chuyện này, Văn



Vương cho người đón ông vào cung, hỏi ông tại sao khóc mãi không thôi. Biện Hòa thưa: “Tôi không phải khóc vì mất đi hai chân. Tôi khóc vì rõ ràng, đây là một viên ngọc quý nhưng lại bị nói là viên đá, kẻ trung thành bị gán tội lừa vua”. Sở Văn Vương bị những lời nói của ông làm cho cảm động, liền cho người đem hòn đá đến xem. Vua vừa nhìn đã biết đây là viên bảo ngọc vô giá nên lệnh cho thợ thủ công khắc nó thành một viên ngọc bích. Để ghi nhớ công Biện Hòa dâng ngọc cho vua, Sở Văn Vương đã đặt tên cho viên ngọc này là Ngọc bích họ Hòa.



400 năm sau, Sở Uy Vương chấp chính. Ông tặng nó cho tướng quốc Chiêu Dương vì đã có công với nước Sở. Trong tiệc chiêu đãi khách, Chiêu Dương đem viên ngọc cho mọi người cùng thưởng thức. Sau khi tiệc tan, viên ngọc cũng biến mất. 50 năm sau, viên ngọc này được thái giám nước Triệu tên là Mãng Hiến mua lại với giá 500 lượng vàng. Thế nhưng, viên Ngọc bích họ Hòa ông giữ chưa được bao lâu lại rơi vào tay của Triệu Huệ Vương.



Trong tình hình các nước chư hầu không ngừng gây chiến, Ngọc bích họ Hòa trở thành một bảo vật vô giá. Vua Tần sau khi nghe tin viên ngọc đang được cất giữ tại nước Triệu đã nghĩ ra trăm phương nghìn kế để cướp viên ngọc về tay mình.



Năm 228 trước Công nguyên, nước Tần diệt nước Triệu, viên ngọc rơi vào tay Tần Thủy Hoàng. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước đã ra lệnh cho thừa tướng Lý Tư viết tám chữ “thụ mệnh vu thiên, ký thọ vĩnh mao”. Sau đó lệnh cho thợ thủ công khắc 8 chữ

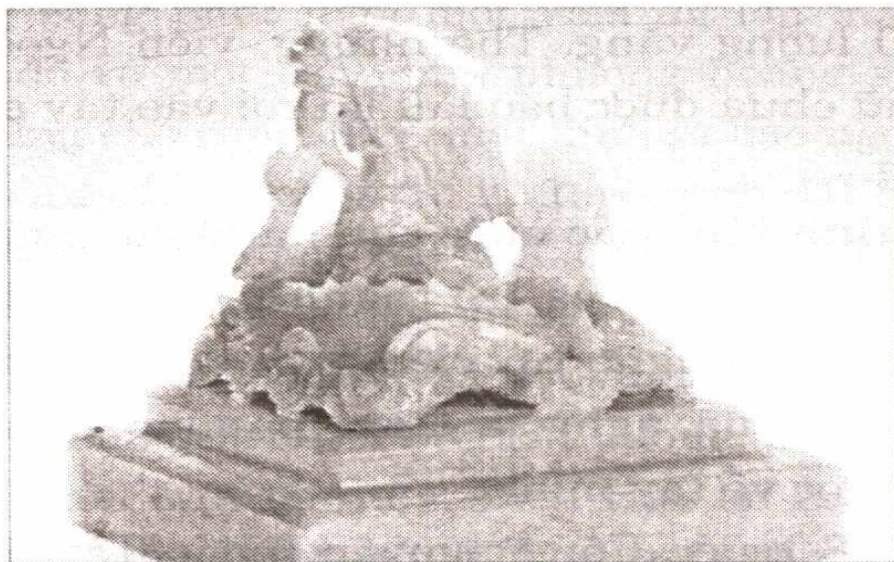




này lên viên ngọc. Từ đó, viên Ngọc bích họ Hòa trở thành ngọc tỷ của hoàng đế.



Cuối đời nhà Tần, Sở, Hán giao tranh, Lưu Bang vào thành Lạc Dương trước Tần Vương Tử Anh đã giao ngọc tỷ cho Lưu Bang. Sau khi xưng đế, nắm mọi quyền hành, ông gọi Ngọc bích họ Hòa là Hán truyền quốc tỷ, đời đời lưu truyền. Năm thứ 5 trước Công nguyên, Vương Mãng thu tóm mọi quyền hành trong triều Tây Hán, yêu cầu lấy ngọc tỷ từ cô của mình là thái hậu Hiếu Nguyên. Thái hậu tức giận, ném ngọc tỷ xuống đất, một góc bị vỡ. Sau đó, Vương Mãng lệnh cho thợ dùng vàng để sửa lại. Khi Quang Vũ Trọng nổi lên, ngọc tỷ lại rơi vào tay Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú. Cuối Đông Hán, trong chiến loạn, khi tháo chạy khỏi Bắc Cung, Hán Thiếu Đế quên không mang theo ngọc tỷ. Đến khi cho người quay lại cung nó đã biến mất.



Ngọc tỷ thời Tần được khắc thành chiếc ấn.

Không lâu sau, Đông Trác nhiễu loạn triều đình, các chư hầu lần lượt khởi binh, thảo phạt Đông Trác. Năm 192, thái thú Trường Hà, Tôn Kiên tấn công vào



Lạc Dương phát hiện dưới giếng Nam Thành có vật sáng. Ông sai người vớt lên, đó là xác chết của một người con gái. Trên cổ người này đeo một chiếc hộp nhỏ màu đỏ, mở chiếc hộp ra, bên trong chính là truyền quốc ngọc tử mọi người đang tìm kiếm. Sau khi Tôn Kiên qua đời tại Kiến Sơn, ngọc tử rơi vào tay Viên Mịch. Viên Mịch chết, ngọc tử thuộc quyền sở hữu của Quảng Lăng thái thú họ Từ. Để lấy lòng, hán đã tặng viên ngọc tử vô giá này cho Tào Tháo. Sau khi dòng họ Tư Mã thống nhất thiên hạ, Ngọc bích họ Hòa được lưu giữ trong cung của nhà Phổ. Cuối thời Tây Phổ, chiến tranh liên miên, viên ngọc tử này cũng liên tục thay đổi chủ, cuối cùng chủ nhân của nó là người trị vì vương triều Đông Phổ. Trải qua biết bao thời đại Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy viên ngọc lại thuộc về hoàng đế khai quốc đời Đường Lý Nguyên. Ông gọi truyền quốc ngọc tử là bảo bối, trở thành bảo vật truyền gia của gia tộc Lý Thị, đời đời lưu truyền. Cho đến thời Ngũ đại thập quốc viên ngọc bị mất tích. Khi đó, Tống thái tổ cũng đoạt được hai viên ngọc ấn từ Chu Thế Tông. Tuy nhiên, không có viên nào là Ngọc bích họ Hòa.



Truyền quốc ngọc tử thực sự đã bị mất tích hay không? Có thể không phải như vậy vì cho đến sau này vẫn còn rất nhiều tin tức về nó. Vào thời Tống Thiệu Tông, có người lấy được một ngọc tử tại Thành Dương, coi nó là truyền quốc ngọc tử. Qua sự kiểm tra của 13 học sỹ đã khẳng định đây là truyền quốc ngọc tử đời Tần làm ra. Tuy nhiên, người ta vẫn chưa thực sự tin vào điều này. Đến thời nhà Minh, năm Tư Trị, có người đã dâng truyền quốc ngọc tử cho hoàng đế. Hiếu Tông



hoàng đế cho rằng, đây là ngọc tỷ giả nên đã không dùng nó. Đầu những năm nhà Thanh, Tử Cấm Thành có đến 39 viên ngọc tỷ, trong đó có một viên được cho rằng đó là truyền quốc ngọc tỷ. Sau đó, thông qua sự xác nhận của vua Càn Long đã chứng minh đó là một viên đá bình thường. Cho đến khi vị vua cuối cùng của triều đại nhà Thanh bị đuổi ra khỏi hoàng cung, cảnh sát vẫn còn tìm kiếm truyền quốc ngọc tỷ.



Vậy, viên ngọc vô giá Ngọc bích họ Hòa đang ở đâu? Cho đến nay, đây vẫn là một câu hỏi không có đáp án.



6. Kho báu trong giếng thánh Yucatan



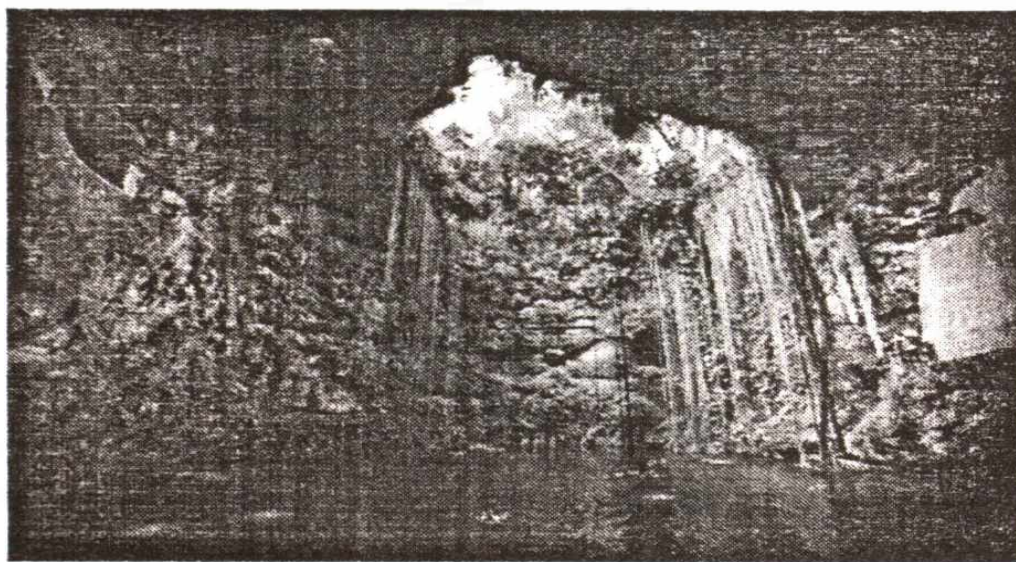
Người Maya vốn sinh sống trên bán đảo Yucatan của Mexico bỗng nhiên bị mất tích. Sự việc này đã để lại một câu hỏi lớn trong nền văn hóa nhân loại. Tất cả những tài sản họ vớt xuống giếng thánh cũng tạo nên một sự bí ẩn.



Trung tâm bán đảo Yucatan có một bức thành cổ tráng lệ của người Maya, trong tiếng Maya nó có nghĩa là thành phố bên cạnh thủy tuyến. Cách thành phố 105km có hai cái giếng tự nhiên sâu 60m, nước sâu trên 40m, ngọt và thanh khiết. Người Maya gọi giếng nước này là giếng thánh dùng để cúng tế thần mưa. Họ cho rằng, thần mưa trong cung điện ở dưới giếng. Để thể hiện sự tôn kính của với thần mưa, họ xây một thần điện Kim tự tháp bằng đá ngay bên cạnh giếng. Theo truyền thuyết của người Maya, năm hạn hán, thiếu nước là do thần mưa nổi giận. Để làm cho thần mưa vui vẻ, bảo vệ, phù hộ cho mùa màng bội thu, quốc vương



đã tìm kiếm cô gái đẹp nhất, sau đó đẩy xuống giếng làm cô dâu của thần mưa. Ngày cô dâu của thần mưa xuất giá, toàn bộ thần dân đều đến thần điện xem lễ tế, đưa tiễn. Cô dâu mặc bộ quần áo lông lầy, bên cạnh có vệ sỹ thân cận mặc áo giáp, tay cầm đao sắc, đầu đội chiến mũ. Trong sự rộn rã của âm nhạc, thầy tế mặc áo đỏ, dẫn dắt toàn tộc tiễn cô dâu, vệ sỹ đến bên cạnh giếng thánh. Sau khi thầy tế và thủ lĩnh báo cáo xong, 6 người thầy cúng mặc áo đen sẽ hát bài cúng tế, nhắc cô dâu lên. Vào lúc âm nhạc lên cao nhất, họ sẽ thả cô vào trong giếng thánh, vệ sỹ cũng phải lao theo. Đi cùng với họ là rất nhiều vàng bạc, châu báu được vứt xuống giếng thánh. Họ hy vọng cô dâu, vệ sỹ sẽ được dâng châu báu lên cho thần mưa.



Giếng thánh Yacatan - nơi tế lễ thần mưa của người Maya cổ.

Có một người tên là Rhonda đã dựa theo truyền thuyết này viết thành cuốn sách *Ký sự đảo Yucatan*. Trong sách có viết: “Nếu người Maya có châu báu nhất định nó sẽ ở dưới giếng thánh”. Nhà thám hiểm người





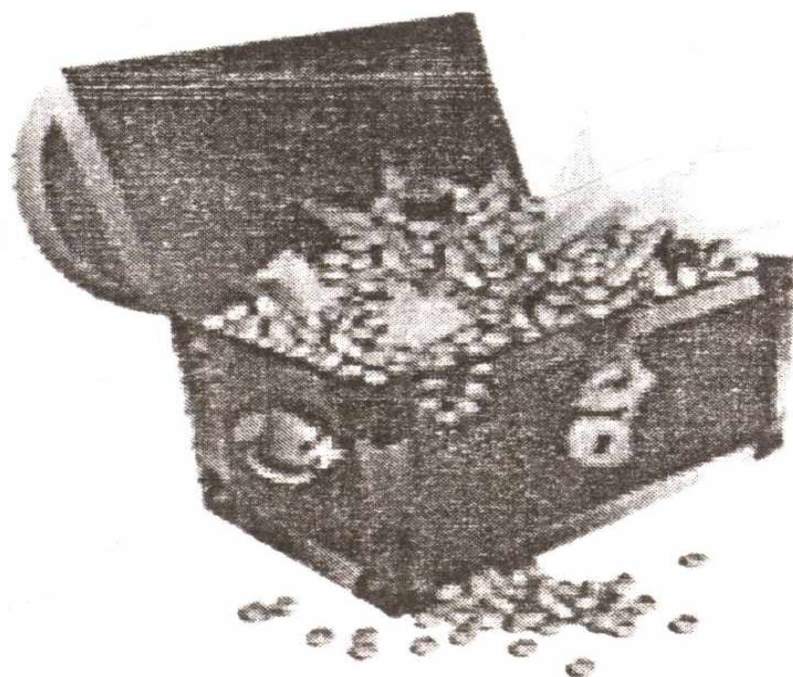
Mỹ tên là Thompson tin vào lời nói của Rhonda, quyết định mạo hiểm tìm kiếm những châu báu trong giếng thánh. Ông bắt đầu tìm kiếm từ năm 1885, liên tục 25 năm đảm nhận chức lãnh sự Mỹ tại Yucatan. Ông đặc biệt tìm kho báu tại khu vực văn hóa của người Maya. Mặc dù bao năm qua đi không có kết quả, ông vẫn quyết tâm đi tiếp. Ông đã hao tổn hơn 40 năm cuộc đời. Ông trời không phụ người có công, cuối cùng ông đã tìm ra giếng thánh của người Maya. Từ trong giếng thánh, ông đào được đồ làm bằng vàng, ngọc, ngoài ra còn có rất nhiều xương cốt của con trai, con gái. Phát hiện này đã tiếp thêm sức mạnh tiếp tục đào sâu hơn nữa. Cuối cùng, ông cũng phát hiện ra châu báu của người Maya. Ông đào được rất nhiều đồ có giá trị, trong đó có 5 cái bát vàng, 20 chiếc nhẫn, 100 cái lắc nhỏ, nhiều thùng thỏi vàng vật phẩm quý giá khác như lam bảo ngọc...

Châu báu của người Maya do Thompson phát hiện được không chỉ có như vậy. Một hôm, trong lúc quét dọn thần điện Kim tự tháp, ông phát hiện phía dưới có một cái giếng, trong giếng có một gò đá, phía dưới là cái động. Khi ông nhìn vào trong động, bỗng có một con trăn lớn lao đến. Ông vội nổ súng bắn chết con trăn. Ông lôi nó ra khỏi động, nhìn vào ổ ông thấy nhiều bộ xương người bị trăn cắn chết. Dưới những bộ xương ấy có một phiến đá, ông tiếp tục dịch chuyển, phía dưới là cái giếng. Ông đi đến cái giếng thứ 5 nhìn thấy một cánh cửa đá. Ông mở cửa đá đi theo những bậc đá phát hiện ra ngục thất. Trong ngục thất, vỏ một phiến đá, dưới đó là động rất sâu và tối. Ông nghĩ: "Tốt nhất nên thả dây thùng từ từ xuống, nhưng nếu nhất thời không



cẩn thận rất có thể sẽ bị rơi xuống”. Ông bình tĩnh lại, quan sát một cách tỉ mỉ, chợt phát hiện mình đang đứng trên đồng kho báu của người Maya, toàn bộ đều là vàng, trân châu, bạc, đá ngọc...

Năm 1903, Thompson đem tất cả số kho báu người Maya cất giấu ông khai quật được công bố với thế giới. Ông muốn người ta thấy được nền văn minh của người Maya cũng như sự cổ hủ, lạc hậu ở thời đó. Thế nhưng, điều làm cho người ta khó hiểu nhất là tại sao người Maya phải chôn nhiều châu báu như vậy? Trên đảo Yucatan, họ còn cất giấu bao nhiêu châu báu nữa?





----- *Chương mười*

DẤU TÍCH BÍ MẬT CỦA VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO



1. Bí mật văn hóa của quần đảo Queensland và thổ dân Australia



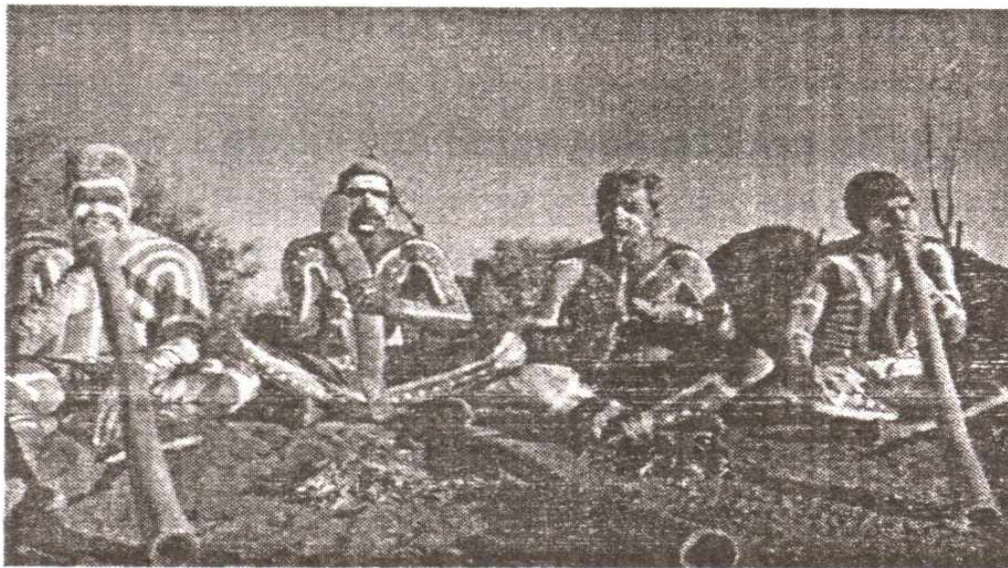
Quần đảo Queensland, nơi tập trung của những thổ dân thuộc lãnh thổ Australia. Những thổ dân Australia là cư dân xuất hiện sớm nhất ở đây. Họ thuộc dân tộc du mục, không có chỗ ở cố định, phân tán rải rác khắp lãnh thổ. Văn hóa của thổ dân Australia có lịch sử lâu đời nhất khắp thế giới, cho đến nay nền văn hóa ấy vẫn tràn đầy sức sống. Nghệ thuật chính là trung tâm trong cuộc sống của thổ dân nơi đây. Bởi vì nó và tôn giáo có mối quan hệ chặt chẽ trong thiên nhiên. Thông qua hình thức này, quan hệ giữa quá khứ và hiện tại, con người với giới tự nhiên sẽ có cầu nối gắn bó với nhau hơn. Nghệ thuật thể hiện đặc mối quan hệ của cá nhân với tập thể, con người với thiên nhiên nơi đây.

Mỗi người khách du lịch khi đến đảo Queensland đều có thể tìm hiểu rõ nền văn hóa, các di sản của thổ dân nơi đây thông qua những trò chơi thú vị. Ví dụ, ném tiêu, học các điệu nhảy dân tộc, vẽ hình trên mặt. Trong đó, công cụ đặc biệt nhất là ném tiêu, có nghĩa là sau khi phi đi nó có thể tự động quay lại. Đây không chỉ là công cụ thổ dân nơi đây thích nhất, nó còn trở thành



một cây gậy dài có đầu nhọn giúp họ đào được những rễ cây nằm dưới đất, các sinh vật nhỏ để lấy thức ăn.

Trong rừng nhiệt đới, cùng với tiếng đệm nhạc, những điệu múa dân tộc truyền thống của thổ dân sẽ làm cho du khách cảm nhận được sức hấp dẫn đặc biệt của nền văn minh thổ dân.



Thổ dân Australia.

Từ thời xa xưa cho đến nay, quần đảo Queensland đặc biệt là khu vực phía Bắc đã có ảnh hưởng rất quan trọng đối với việc phát triển văn minh cư dân đảo, những thổ dân sống gần bên bờ Tây Bắc. Việc thành lập những khu du lịch biển không chỉ có tác dụng quan trọng trong việc bảo vệ các giá trị của nền văn minh nơi đây. Nó còn liên quan mật thiết đến cuộc sống của những thổ dân địa phương. Do đó, quần đảo tự nhiên chính là viện bảo tàng nghệ thuật tự nhiên cho mọi người thưởng thức. Nơi đây có hơn 30 di tích lịch sử nổi tiếng. Di tích sớm nhất có thể vào năm 1791. Do địa thế của đảo rất hiểm trở, cho nên xung quanh đã xây dựng những tháp đèn để dẫn đường. Bản thân nó cũng trở thành di tích lịch sử nổi





tiếng. Mặc dù đã qua rất nhiều năm tháng nhưng cho đến nay, nó vẫn phát huy tác dụng.

Những con san hô nhỏ nhất đã tạo nên một kỳ quan thiên nhiên có quy mô lớn. Vẻ đẹp của đảo không thể phủ nhận. Nó làm cho tâm hồn của con người trở nên trong sáng hơn. Quần đảo Queensland xứng đáng là cảnh đẹp giữa chốn trần gian.



2. Bí mật văn hóa người Anh-điêng

Trên dòng lịch sử lâu đời của vùng hồ Waterton, loại đá lâu đời nhất là loại đá trầm tích, tính đến nay đã khoảng 1,5 tỷ năm. Khi đó, nền văn minh nhân loại cũng bắt đầu xuất hiện. Khoảng 12.000 năm trước, đây là nơi cư trú của thổ dân, hiện vẫn còn lưu giữ lại một số di tích quan trọng của các quốc gia xuất hiện sớm nhất.



Nơi đây vốn là lãnh thổ của người dân Anh-điêng. Tộc người da đen vốn được mệnh danh là dân tộc hùng mạnh, dũng cảm. Những người dân Anh-điêng, người da trắng di cư đến đây có một số tranh chấp, gây ra cuộc chiến tranh đổ máu nhưng không rõ nguyên nhân. Vào thế kỷ XVIII, những người Anh-điêng da đen vốn từng cư trú ở phía Đông của Bắc Mỹ, chịu ảnh hưởng của sự di cư từ châu Âu sang bờ phía Đông của Bắc Mỹ, cho nên di chuyển đến khu vực Montana ngày nay. Họ đã gián tiếp lấy được súng của người Tây Ban Nha khi đưa cho cư dân Anh, Pháp, người châu Mỹ.



Do sự khống chế, khủng bố của tộc người da đen, không có người da trắng nào dám đến nơi này. Nửa sau thập kỷ thứ XIX, do bị lây nhiễm các căn bệnh truyền



nhiệm của người da trắng, tộc người da đen dần dần bị diệt vong. Những người sống sót còn lại chỉ chiếm 1/4 dân cư so với trước đây. Năm 1932, Mỹ và Canada thông nhất hợp thành công viên quốc gia ở hồ băng này với hy vọng hai nước sẽ chung sống hòa bình giống như khu tự nhiên yên lành tươi đẹp này.

Vùng hồ Waterton là thánh địa người Anh-điêng da đen đã từng tổ chức nghi lễ tôn giáo. Chốn thiên đường này trở thành quà tặng của thiên nhiên thiêng liêng, cao quý. Khi đặt chân đến đây, cảnh tượng tươi đẹp này sẽ khiến du khách xúc động, đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Đồng thời, vẻ đẹp cũng có thể làm cho tâm hồn của du khách hòa nhập với hơi thở của đất trời nơi đây. Hãy cầu nguyện cánh cửa hòa bình này sẽ mãi mãi không đóng lại, vẻ đẹp tự nhiên nơi đây sẽ mãi vĩnh hằng theo thời gian!



3. Bí mật văn hóa của người Ấn Độ

Người Ấn Độ cổ yêu thích cái đẹp

Theo các nhà Khảo cổ học phát hiện, người Ấn Độ đã bắt đầu đeo vòng tay từ thời kỳ đồ đá mới. Một nhà Khảo cổ học người Mỹ sau khi nghiên cứu ý nghĩa các vòng tay đã đưa kết luận như sau: Nó không chỉ nói lên sự yêu thích, hướng tới cái đẹp của con người, còn thể hiện địa vị xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo của họ. Ngoài ra, ông còn phát hiện ra rằng, bất kể người phụ nữ nào của Ấn Độ cổ đại, cho dù giàu sang hay nghèo hèn đều đeo vòng tay, chỉ có điều giá trị của chúng không giống



nhau. Điều đó chứng tỏ, quan niệm về cái đẹp đã khắc sâu vào tâm trí của người Ấn Độ từ rất lâu đời.

Người dân ở lưu vực sông Ấn đều thích mặc những bộ quần áo dài làm bằng vải bông, bó sát vào người. Những bộ trang phục đó thường có màu sắc sặc sỡ, thêu hoa trên bề mặt. Để đạt tới tính thẩm mỹ cao, phần lớn trên vai của những chiếc áo có đính thêm một miếng vải làm bằng sợi bông. Cổ đeo thêm đồ trang sức, đầu đội khăn. Các bà quý tộc giàu có đeo dây chuyền, vòng tay bằng ngọc. Những người phụ nữ ở sông Hằng không chỉ bó thắt eo còn đặc biệt chú ý chau chuốt đến toàn bộ cơ thể. Dưới mắt cá chân họ đeo một cái chuông lắc, tập tục này đến ngày nay vẫn còn. Không chỉ phụ nữ mới chú ý làm đẹp, ngay cả những người đàn ông cũng thường xuyên chăm chút cho mình. Họ trang trí bộ râu bằng cách bôi lên đó nhiều màu sắc khác nhau. Họ sắc nước hoa khi tắm, thậm chí trên tai còn đeo khuyên vàng, những người tăng lữ cũng vậy. Họ không chỉ mang trang sức trên đầu, ngay đến tấm áo choàng bên ngoài cũng được trang trí một cách chau



Người Ấn Độ luôn thích mặc những bộ đồ sặc sỡ màu sắc.



chuốt. Ví dụ, đính thêm các hoa văn hoặc nhuộm thành màu đỏ sặc sỡ.

Việc yêu thích cái đẹp của người Ấn Độ đôi khi ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Khi một đứa trẻ mới ra đời, nó có xinh đẹp, được phép tồn tại hay không đều do nhân dân quyết định. Nếu họ phán quyết đứa trẻ đó xấu, coi như cuộc đời sau này của chúng sẽ gặp nhiều khổ hạnh. Chính vì thế, các pháp quan liền xử đứa trẻ đó vào tội chết. Sự yêu thích cực đoan đối với cái đẹp này thể hiện một phong tục văn minh. Tuy nhiên, tất yếu sẽ tạo nên những cái xấu trong xã hội, gây trở ngại đến sự phát triển của lực lượng sản xuất.



PHONG TỤC ẨM THỰC VÀ ĐỜI SỐNG SINH HOẠT, GIẢI TRÍ

Trong văn hóa Ấn Độ, người ta tìm thấy một số bằng chứng về việc đất nước này đã có nhiều cách vui chơi, giải trí từ rất sớm.

Một trong số những hình thức giải trí đó là kiểu biểu diễn người và thú thi đấu với nhau, tương tự như người La Mã cổ. Tuy nhiên, cách vui chơi này lại mang tính tàn sát đẫm máu. Sau khi Phật giáo, đạo Jaina bắt đầu xuất hiện, trò chơi tàn nhẫn này nhanh chóng bị nghiêm cấm.

Người Ấn Độ có sở thích đánh cờ, đánh bạc. Các kiểu chơi cờ có quan hệ mật thiết với tiến trình phát triển của tôn giáo. Đánh cờ đòi hỏi sự tập trung trí tuệ cao, cho nên để mở rộng trò chơi này không phải là một việc dễ dàng. Ở lưu vực sông Hằng và sông Ấn có một truyền thuyết về các loại cờ. Câu chuyện kể về một vị cai tế đánh cờ với hoàng thượng, trong 64 ô cờ đặt vào



mỗi ô một ít gạo. Hình thức chơi của loại cờ này là: Mỗi lần đổi một quân cờ đều phải tăng gấp đôi số gạo. Lúc đầu, quốc vương vẫn chưa nhận ra được ý nghĩa của bàn cờ. Trong quá trình đặt gạo lên, ông mới phát hiện ra một điều, nếu áp dụng phương pháp này vào việc điều hành, toàn bộ số gạo đó không đủ để cung cấp cho một đất nước. Mục đích của vị cai tế này là hy vọng nhà vua chú ý đến tôn giáo.



Người Ấn Độ rất say mê âm nhạc.

Người Ấn Độ vô cùng say mê cờ bạc. Trong văn hiến của Ấn Độ cũng ghi lại một số quốc vương mê đánh bạc, thậm chí còn lấy cả thành đô của mình ra làm vật thế chấp. Công cụ chủ yếu của cuộc chơi này là con xắc, kiểu chơi giống như trò xóc đĩa của người Trung Quốc. Kỹ thuật đánh bạc của Ấn Độ liên quan chặt chẽ đến quốc vương Nala. Do quá say mê cờ bạc, ông đã thế chấp ngai vàng của mình cho người khác. Sau đó trong quá trình lưu vong, ông đã học được kỹ thuật đánh bạc, giành lại được ngôi báu của mình.



Người Ấn Độ thích sự thanh tịnh, khi nghỉ ngơi họ dùng một thanh gỗ bệt để mát xa cơ thể, làm cho toàn thân cảm thấy sảng khoái, dễ chịu. Đồng thời, họ cũng phát triển vũ đạo, âm nhạc trong các lĩnh vực giải trí của mình. Ở hai thể loại này, người Ấn Độ đều đạt đến trình độ vô cùng cao siêu, trở thành các loại hình giải trí không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt. Điều này được thể hiện trên những bức vẽ, các vị thần đều được khắc họa với hình dạng đang nhảy múa, mang tính thẩm mỹ cao. Người Ấn Độ cũng thần tượng những vũ công, nhạc sỹ. Họ tôn sùng thần Siapis, ông chính là vua múa, ông tổ của ngành vũ đạo. Người Ấn Độ đã kết hợp tín ngưỡng tôn giáo và âm nhạc, vũ đạo để tạo thành một phong cách nghệ thuật khác biệt sau này.



Trước khi Phật giáo ra đời, phong tục ăn chay của Ấn Độ đã xuất hiện. Phong tục ăn chay không chỉ đơn thuần là một tín ngưỡng tôn giáo. Thời kỳ sơ khai văn minh nhân loại, đặc biệt khi lực lượng sản xuất của xã hội chưa phát triển, sức kéo của gia súc là tư liệu kiếm sống chủ yếu của con người. Chính vì thế, người Ấn Độ tôn sùng loài bò. Điều này được thể hiện trong các con dấu đều được khắc hình con bò. Có thể nhận định rằng, bò là con vật có vị trí quan trọng trong đời sống của người dân. Bởi vì, bò có đóng góp vô cùng to lớn vào việc canh tác nông nghiệp thời nguyên thủy, bản thân nó cũng là một con vật hiền lành, biết nghe lời. Người Ấn Độ cho rằng, bò chính là loài vật do thượng đế ban cho, vì thế họ kịch liệt phản đối việc lấy thịt bò làm thực phẩm. Phong tục này dần dần trở thành tín ngưỡng của người dân Ấn Độ.





Cho đến nay, người ta vẫn còn lưu lại một số di tích đầu tiên về ẩm thực. Người Ấn Độ phần lớn không ăn thịt bò, thịt lợn, thịt gà, tôm, cá cùng với cơm.

HÔN LỄ VÀ VĂN HÓA TÌNH DỤC TRONG GIA ĐÌNH ẤN ĐỘ

Từ xa xưa, Ấn Độ cổ đại đã bước vào xã hội phụ hệ. Trong gia đình, quyền lực của người cha lớn nhất. Người đàn ông có quyền quyết định mọi việc, cho nên việc kết hôn của con cái cũng đều do người cha định đoạt. Hơn nữa, ở Ấn Độ còn tồn tại một phong tục gả con gái vô cùng đặc biệt. Sau khi con gái trưởng thành, người cha sẽ dẫn đến chợ, không mặc áo. Việc làm này nhằm mục



Nhiều trẻ em Ấn Độ bị ép kết hôn từ rất sớm.

đích phơi bày sự trưởng thành của mình với mọi người qua đường, thể hiện mình khỏe mạnh, có khả năng sinh sản tốt. Nếu lọt vào mắt người con trai nào đó, trong khi cô gái cũng đồng ý, họ sẽ lập tức được phép trở thành vợ chồng.

Chế độ dòng tộc của người Ấn Độ cũng là một vấn đề quan trọng trong hôn nhân. Việc kết hôn được dòng tộc quản lý vô cùng nghiêm ngặt. Sau này có quy định,



những người khác dòng tộc có thể kết hôn với nhau. Tuy nhiên chỉ có những người con trai cao quý mới được phép cưới cô gái ở đẳng cấp (tầng lớp) thấp hơn. Ngược lại, người con trai thuộc tầng lớp thấp không thể cưới những cô gái ở tầng lớp cao.

Người Ấn Độ còn có phong tục đồng hôn hủ lậu, nghĩa là chỉ được lấy trong cùng một dòng tộc. Bởi vì, Ấn Độ cổ vô cùng coi trọng những bé gái đồng trinh. Đồng hôn có thể bảo đảm sự trinh tiết của những bé gái đó. Người phụ nữ ở Ấn Độ cổ đại không có bất kỳ quyền lợi, địa vị gì, luôn phải chịu sự thống trị của nam quyền. Theo quan niệm của người Ấn Độ, các chàng trai trưởng thành không chỉ có nhiệm vụ kết hôn, còn phải nuôi dưỡng con cái. Đây chính là trách nhiệm, nghĩa vụ chủ yếu của họ. Mặt khác, nếu người nào không hoàn thành việc duy trì nòi giống sẽ bị trừng phạt. Điều này có liên quan đến môi trường sông khi đó: Chỉ thông qua sinh đẻ mới có nhiều người để chống lại thiên tai, chiến thắng tự nhiên.

ĐÁM CƯỚI TRUYỀN THỐNG Ở ẤN ĐỘ

Trong đám cưới, cô dâu và chú rể phải thực hiện rất nhiều nghi thức. Đây là nét đẹp văn hóa đáng tự hào của người Ấn. Khi chuẩn bị lấy chồng, hầu hết phụ nữ Ấn Độ đều mang theo trang phục cưới cùng các vật dụng cần thiết cho hôn lễ. Mũ là loại thường được dùng trong các lễ cưới ở Ấn Độ. Mũ dành cho chú rể được gọi là khăn Kalgi. Phụ kiện của chú rể còn có thêm mạng che mặt làm bằng những chuỗi hạt.



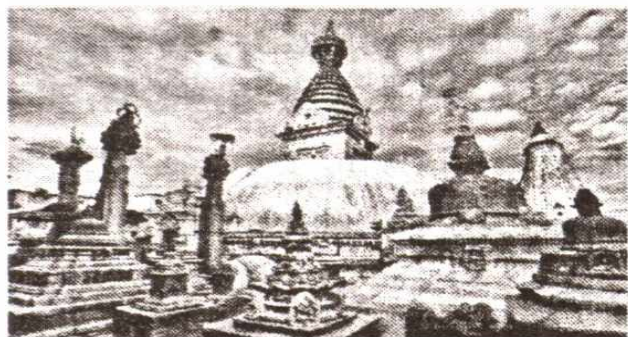


Trước ngày cưới, các cô dâu Ấn Độ phải trải qua nhiều nghi thức. Theo phong tục, 3 ngày trước khi cử hành hôn lễ, mỗi ngày, cô dâu Ấn Độ đều phải tắm 3 lần. Sau khi tắm, cô dâu ngồi yên để bà con, họ hàng đến chúc phúc. Trong lúc chúc phúc, từng người thân sẽ đến bên cạnh, dùng một số loại hương thảo đã được xay nhuyễn thoa lên người cô dâu. Kem nghệ được dùng để xoa lên da mặt, tay, chân của cô dâu. Người Ấn cho rằng, kem nghệ không những có tác dụng làm đẹp da, còn mang đến hạnh phúc cho cô dâu.



Teeka là loại trang sức được đeo trước trán của cô dâu. Bông tai của cô dâu sẽ có hình dáng rất dài. Một loại trang sức độc đáo của người Ấn mà các dân tộc khác không có đó là vòng đeo mũi. Nó thường có một sợi dây dài gắn lên tóc hoặc vành tai. Trong bộ trang sức truyền thống của Ấn Độ còn có thêm 2 chiếc vòng. Nhà gái thường phải chuẩn bị một bộ trang sức đầy đủ như thế cho cô dâu trong ngày cưới.

Có thể thấy, Ấn Độ là một trong những quốc gia có nghi lễ cưới hỏi truyền thống nhiều màu sắc nhất trên thế giới.



Chương mười một

**BÍ MẬT CỦA CÁC
KIẾN TRÚC**



1. Kiến trúc tòa thành Zimbabwe

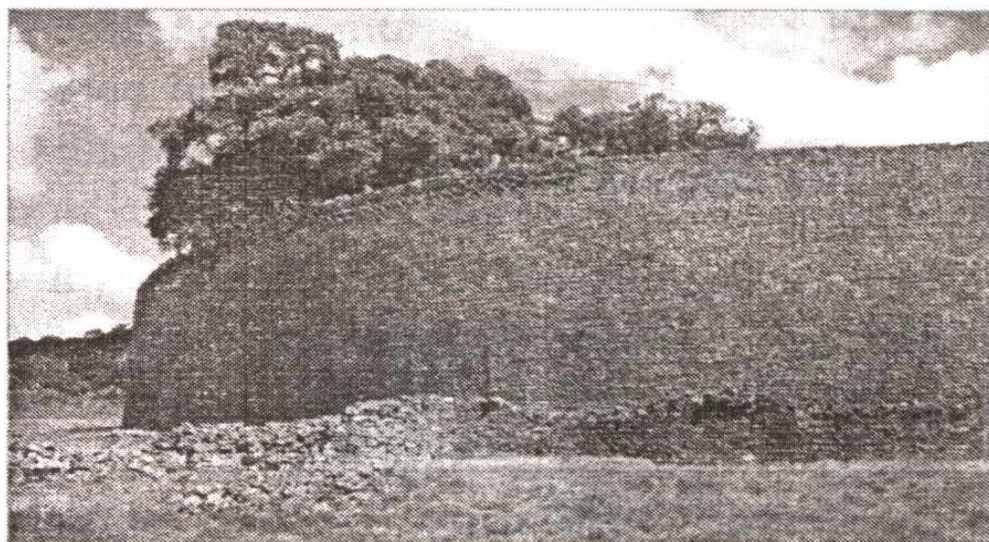
Zimbabwe - vùng cây cối xanh tốt, um tùm với một tòa thành cổ bằng đá thần bí bị bỏ hoang sớm đã biến thành đồng hoang tàn. Tòa thành này vốn được xây bằng bùn bao quanh không cân bằng, khiến cho người ta có cảm giác bóng của nó được in dưới biển. Ngay cả tên của nó cũng có nguồn gốc không rõ ràng. Theo tiếng bản ngữ của người dân địa phương, Zimbabwe có nghĩa là nhà đá. Nước cộng hòa Zimbabwe cũng bắt đầu có tên từ đó. Cho nên đồng hoang tàn của tòa thành này được gọi là Zimbabwe.

Kiến trúc của Zimbabwe bao gồm bức tường hình elíp dài khoảng 265m, cao 9m, phần đỉnh đã bị phá hủy. Hàng đá hoa cương bố trí khít nhau, được gắn với nhau bằng chất liệu kết dính. 6 hình người tinh xảo đã phá vỡ tính liên tục của tòa thành. Ngoài ra, người ta còn phát hiện thấy con đường, toàn bộ cầu thang kiểu gấp khúc. Bên trong cảnh quan hùng vĩ này có bức tường khác rất đặc sắc với chiều dài 91m. Trong đó có 0,9 - 1,2m song song với bức tường hình tròn khá cao, tạo thành con đường hiểm yếu dài. Càng đi về phía sau càng rộng lớn, cuối đường có một cánh cửa gọi là cửa





thánh. Ở đây có một ngọn tháp hình cột đứng sừng sững. Tòa tháp này cao 9m, đa phần đều xây dựng bằng đá với đường kính 5,5m, được khai quật vào năm 1992. Tuy nhiên đến nay, người ta vẫn chưa tìm được phương pháp xây dựng của nó.



Tòa thành Zimbabwe.

Ngày 3, tháng 9, năm 1871, nhà Địa chất học người Đức tên là Karl Moehle phát hiện ra tòa thành đồ sộ này cho rằng, họ đã khám phá được kho tàng cung điện của Solomon trong truyền thuyết. Thực chất, nơi đây cùng với một số đồng hoang tàn khác là toàn bộ di tích của một đế quốc không còn tồn tại trong lịch sử. Nguyên nhân là do Zimbabwe được xây dựng bởi dân tộc da đen từ thời trung cổ. Đây là thành tựu đỉnh cao của nền văn minh đồ đá phát triển đến thời kỳ hưng thịnh ở phía Nam sa mạc Sahara, châu Phi. Thế nhưng, làm thế nào lại có thể xây dựng được một công trình kiến trúc thần kỳ như vậy? Zimbabwe còn ẩn chứa những thần bí nào? Cho đến nay vẫn chưa có ai có thể giải đáp điều này.



2. Quân thể đá khổng lồ ở Salisbury

Trận đá khổng lồ ở Salisbury nước Anh đã thu hút sự chú ý của mọi người. Trên vùng đồng bằng rộng lớn cách xa thành phố, hàng chục khối đá lớn nặng hàng trăm tấn mấy tấn đứng sừng sững, xếp thành một vòng tròn. Những khối đá này nhẵn nhụi, hình dạng bên ngoài tương tự nhau. Khoảng cách giữa chúng cũng tương đối bằng nhau, nhìn giống như hàng chục người khổng lồ đang ngồi quây quần bên nhau bàn bạc một việc thần bí.

Vào thời trung cổ từng lưu truyền rất nhiều huyền thoại về trận đá khổng lồ. Có người kể rằng, mưu thần Merlin của đức vua Arthur dùng ma thuật bày trận đá được vận chuyển từ Ireland tới nước Anh làm nơi mai táng sau khi chết. Người khác lại cho rằng, người La Mã cổ đại đã tạo ra trận đá, kiến trúc đặc biệt này là cung điện của thiên thần Syrah. Một số người nói: Trận đá khổng lồ do người Đan Mạch xây lên làm nơi tổ chức các nghi lễ. Họ chọn nơi đây làm vương quốc của mình.

Quân thể những khối đá khổng lồ này không chỉ có ở nước Anh. Nó tồn tại ở Wales, Scotland, Ireland cho tới nước Pháp. Đặc biệt, các nơi như Malta, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Breizh, Corse (Pháp), Sardinia (Italia) đều có thể nhìn thấy. Thậm chí, ở các nước xung quanh vùng biển Baltic như Thụy Điển, Ba Lan, Đức, Đan Mạch cũng đều phân bố quân thể đá này. Ở châu Âu, những khối đá khổng lồ như vậy có khoảng trên 5 vạn.





Hình dạng, kiểu dáng của quần thể đá khổng lồ đều khác nhau, có khối đá hình trụ cao hàng chục mét, cũng có mấy khối lớn đặt bên nhau thành đồng. Sau đó trên những khối đá này đặt thêm khối đá lớn vắt ngang lên. Những khối đá lớn này xếp lại với nhau sẽ tạo thành hàng cột đá đứng thành hình tròn còn được gọi là vòng tròn cột đá. Hàng cột đá nổi tiếng nhất là ở Karnak của Breizh. Nó là hàng cột đá được cấu tạo từ 3.000 khối đá nối tiếp nhau thành hàng dài 6km. Trong số khối đá lớn ở Breizh, khối đá cổ nhất có lịch sử lâu đời hơn Kim tự tháp Ai Cập 1.000 năm, có thể vào khoảng năm 3800 trước Công nguyên.

Có thể nói, Karnak là điển hình của hàng cột đá. Trong khi đó, đại diện của vòng cột đá chính là quần thể cột đá Salisbury. Quần thể cột đá Salisbury có đường kính của vòng tròn bên ngoài khoảng 100m, ngoài ra còn một bờ bao quanh. Phía Đông Bắc của bờ có một lối vào rộng khoảng 10m, mặt ngoài là một đường thông đạo rộng tương đương.

Khoảng năm 1800 - 1400 trước Công nguyên, quần thể đá khổng lồ được xây dựng một cách thần bí. Trong lịch sử khai phá của nhân loại, thời kỳ phần lớn Kim tự tháp Ai Cập đã hoàn thành. Người Hyksos của dân tộc du mục Asiatic di cư vào Ai Cập, thống trị đế quốc Ai Cập cổ đại. Sau đó, nhân dân Ai Cập không cam lòng bị chinh phục, dũng cảm đấu tranh chống lại giặc ngoại xâm. Cuối cùng, họ đã đẩy lui người Hyksos ra khỏi đất nước, xây dựng lại vương triều thứ 18 của Ai Cập, sáng lập nên vương triều mới. Trên vùng đồng bằng Mesopotamia (Lưỡng Hà) tuyệt đẹp họ lấy Hammurabi



làm nơi định đô. Khi vừa xây dựng vương quốc Hammurabi - thành cổ nghìn năm giàu có thịnh vượng với cố đô Babylon, họ bị người Kassite quay lại xâm lược. Đất nước cổ kính hàng nghìn năm từ đó đã bị xóa sổ trên bản đồ thế giới. Ở lưu vực sông Ấn từng có một thời kỳ văn minh cổ đại hưng thịnh. Đồng thời dưới sự thống trị của người Ấn Độ, cuối cùng họ cũng không thoát khỏi vận mệnh giống như Babylon, biến mất không còn dấu vết. Trên hòn đảo Crete xinh đẹp xuất hiện nền văn minh Eric Maynor vô cùng phồn hoa. Thế nhưng, hòn đảo Santorini có núi lửa hoạt động dữ dội vào năm 1200 trước Công nguyên cho nên đã bị thiêu hủy hoàn toàn.



Trong khi đó, hòn đảo Britain ở thời kỳ này bước vào thời đại đồ đồng xanh. Đồng xanh chính là hợp kim của đồng và thiếc. Thời đại đồ đồng xanh làm cho bán đảo Cornwall ở phía Tây Nam nước Anh chủ yếu dùng thiếc trở thành vùng đất phồn vinh nổi tiếng khắp gần xa. Bán đảo Cornwall nằm gần sát với những quần thể đá thần bí.

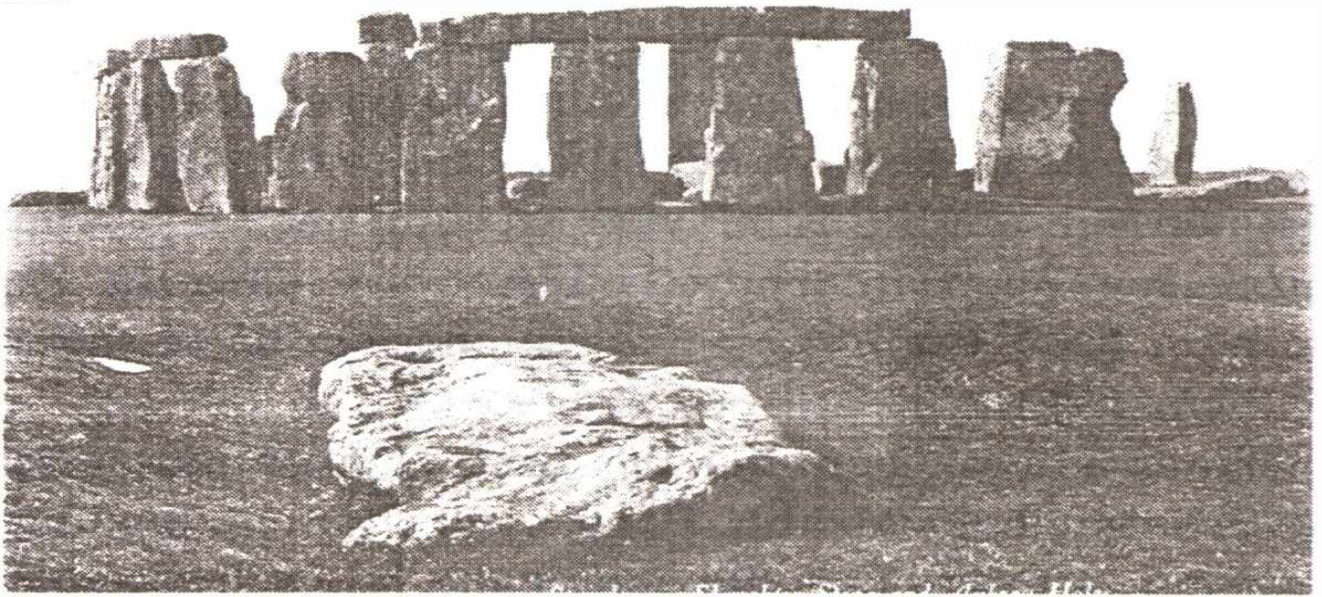


Ở thời kỳ này, sự đột phá của ngành hàng hải giúp cho nền thương mại thế giới ngày càng phát triển hơn. Từ đó, thiếc trên bán đảo Cornwall vô tình trở thành sản phẩm giao dịch chính của nước Anh thời kỳ đồ đồng xanh. Ngành kinh doanh thiếc đã thu hút các nước phương Tây lần lượt tới Anh để hoạt động thương mại. Chỉ một trong thời gian ngắn, nước Anh trở thành vùng đất quy tụ các sản phẩm tinh xảo của thế giới: Ngọc trai Ai Cập, rìu Ireland, mũi tên Kenyon, vũ khí đồng ở khu vực rừng rậm phía Bắc nước Đức, còn có chuỗi ngọc





traï đen của Scotland, vàng, hổ phách được chế thành vật hộ thân. Thương nhân Trung Âu mang tới bình thủy tinh cong, dùng vàng khảm thành chiếc hộp giống đôi mắt. Tại thời điểm này, tất cả những thứ quý giá đều xuất hiện ở nước Anh.



Quần thể đá khổng lồ ở Anh.

Năm 1953, Dickinson - nhà Khảo cổ học khi nghiên cứu về quần thể đá này đã vô tình phát hiện trên đá cát có khắc chiếc rìu, đoạn kiếm kiểu Kenyon. Hơn nữa, đá cát hình trụ nhô lên giống mặt bên. Đây liệu có phải là sự trùng hợp hay không? Lẽ nào những quần thể đá này có nguồn gốc liên quan đến vùng Địa Trung Hải? Phần lớn các nhà Khảo cổ học đều cho rằng, những quần thể đá này được người Essex ở đồng bằng Salisbury vào năm 1800 trước Công nguyên tạo nên.

Quần thể đá khổng lồ được xây dựng từ năm 1800 - 1400 trước Công nguyên. Vậy, người có tâm huyết, khả năng kiến tạo đá khổng lồ đã trải qua khoảng 400 năm để xây dựng công trình lớn như vậy nhằm mục đích gì?



Đá cát hay đá xanh trong quần thể này trung bình nặng 30 tấn, trong đó có khoảng 80 khối đá cát. Chúng đều được vận chuyển từ quần thể đá cách Eboue 30km về phía Bắc. 80 khối như nhau nặng khoảng 4 tấn gồm đá xanh sáng, đá lưu văn được di chuyển từ núi Surry phía Tây xứ Wales tới. Trong khi đó, từ Surry tới vị trí của quần thể đá này chỉ tính khoảng cách đường thẳng cũng đã trên 200km. Chúng được vận chuyển bằng đường bộ dài 40km, đường thủy 350km. Nguồn nhân lực cần thiết để tạo ra quần thể đá này vào khoảng trên 1,5 triệu người. Số lượng người cần để vận chuyển khối đá khổng lồ này tới công trường cần tới 1 - 2 triệu trong 1,1 triệu ngày. Điều này quả là khó tưởng tượng. Trong khi đó, việc kiến tạo quần thể đá này còn cần tới kỹ xảo tương đương. Vậy, vì sao con người ở thời đại đó phải tạo ra những khối đá khổng lồ này? Vì sao thiết kế của quần thể đá này lại gần với phương hướng của Thiên văn học? Lẽ nào nó thực sự là đài quan sát thiên văn của thế giới? Nó có ý nghĩa đặc biệt nào đó không? Hay nó tượng trưng cho phương hướng di chuyển của mặt trời?



Bí ẩn quần thể đá thu hút các nhà Khảo cổ học, Thiên văn học. Mọi người bước đầu đã có những phán đoán, liên kết sự kiện về quần thể đá như sau:

Chia việc xây dựng quần thể đá ra thành 3 giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, đào khe hình tròn lớn, đào đất, đặt sang hai bên hố, sau đó chỉnh sửa đê kê của hai mặt trong, ngoài. Quần thể đá ngày nay có vòng bên ngoài hầu như không tồn tại. Tiếp theo, tiếp tục cắt





đoạn đê của hai bên, hướng Đông Bắc trong đó được làm thành lối vào.



Giai đoạn thứ hai: Trước tiên, xây một con đường từ lối vào cửa để hướng ra ngoài dài khoảng 3km. Sau đó, men theo con đường này sẽ là 80 khối đá lớn (mỗi khối trung bình nặng 4 tấn) xếp thành vòng tròn tâm nằm bên trong, hình thành hai vòng đá lớn. Hơn nữa, đá xanh xung quanh hai mặt trong, ngoài được nằm đối xứng nhau.



Giai đoạn thứ ba: Di chuyển 80 khối đá cát (mỗi khối nặng trung bình 30 tấn), xây thành 5 nhóm 3 tháp đá. Từ 30 khối đá cát hình tròn vây thành 3 tháp đá tròn như hình móng ngựa. Trong thời gian này, đá xanh ở vị trí chân ngựa được dựng từ hình đá cát đã bị đứt gãy, cho nên phải dựng lại. Cuối cùng hình móng ngựa được vây thành từ 19 khối đá xanh, dùng khoảng 59 khối đá khác vây thành vòng tròn. Đây chính là vòng tròn đá ở đồng bằng chúng ta thấy ngày nay.

Tuy nhiên, tất cả những vấn đề về việc xây dựng quần thể đá đều chỉ là suy đoán của con người bây giờ.



3. Kho báu trong đường hầm lớn



Năm 1965, một học giả người Argentina tên là Nasief Magammatt Molis đã phát hiện ra một số văn vật có giá trị lịch sử, văn hóa rất lớn của nhân loại trong đường hầm thuộc tỉnh Caballeros. Hiện nay, nơi là một phần của cộng đồng tự trị Castile, Leon, Tây Ban Nha, thánh địa Moloch nước cộng hòa Ecuador. Những văn vật này chủ yếu bao gồm hoành phi đá kim



loại có hình dạng, màu sắc khác nhau, khắc hoa văn hình học, chữ. Những tấm hoành phi này có thể lưu giữ một giai đoạn lịch sử khá lâu đời. Đồng thời, đây cũng là bằng chứng về nguồn gốc của nhân loại hoặc thông tin văn hóa bị thất lạc nào đó. Ông Nasief Magammat Molis đã đề nghị Tổng thống Ecuado thành lập một hội đồng khoa học để giám định, đánh giá giá trị của những văn vật này. Đồng thời, ông còn cung cấp vị trí chính xác, lối đi vào đường hầm.



Năm 1965, Nasief Magammat Molis tới Ecuado bước sang tuổi 50 quyết định đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề dân tộc, Nhân chủng học của địa phương. Tuy nhiên, trong một lần điều tra nghiên cứu vào tháng 6, ông đã vô tình phát hiện thêm một đường hầm không rõ nguồn gốc. Ngày 4, tháng 3 năm 1972, nhà Khảo cổ học Franz và Mcdevitt làm thành một nhóm điều tra khoa học, dưới sự dẫn dắt của Nasief Magammat Mollis một lần nữa tiến hành điều tra tìm hiểu đường hầm này.



Cửa đường hầm từ một khe đá vôi thông với nhau tạo thành. Sau mấy đêm mò mẫm vượt qua cánh rừng âm u, rừng rậm ở nơi đây, Nasief Magammat Mollis đã tìm ra một điều bất ngờ. Nơi đây là khu vực của bộ lạc Indian anh dũng, thiện chiến. Lối vào thần bí này chính là cửa của đường hầm. Đường hầm cách mặt đất Ecuado Peru tới vài trăm kilômét.



Đội điều tra đã tiến vào thế giới dưới lòng đất thần bí. Sau khi vào hầm, họ thấy một đoạn đường hẹp, dài, tối tăm, cho nên phải bật đèn pin, đèn chiếu sáng.





Đường hầm hướng thẳng xuống dưới, họ dùng một sợi dây thừng thả xuống nóc đầu tiên khoảng 75m, sau đó men theo sợi dây để đi xuống.



Tiếp theo, họ lại men theo sợi dây thả xuống ở nóc thứ 2, thứ 3, chiều cao của mỗi nóc đều 75m. Xuống tới đáy động, Nasief Magammat Mollis dẫn đầu đội thám hiểm tiến về phía trước. Franz chú ý tới chỗ ngoặt của đường hầm đều là hình góc đối, một số chỗ rất hẹp, đôi khi rất rộng. Toàn bộ lỗ trên tường đều nhẵn mịn, đáy lỗ bằng phẳng. Có nhiều chỗ giống như được sơn bằng chất liệu phát sáng. Điều này nghĩa là đường hầm này không phải hình thành tự nhiên.



Franz và Mcdevitt nghi ngờ, liệu con đường này thực sự tồn tại hay không? Bởi vì trước mắt họ mãi chỉ toàn sương mù. Họ đi tới một lối vào của đại sảnh. Đại sảnh đó rộng, giống với trung tâm phân phối hoặc nhà kho, trong đó có nhiều lối đi.



Franz dùng la bàn để đo phương hướng của những con đường này nhưng không có tác dụng do ở đây có phóng xạ. Trong lối vào của một con đường có một bộ hài cốt trên mặt đất, trên mặt rắc đầy phấn vàng. Nhân viên điều tra dùng đèn soi lên, bộ xương bỗng phát sáng.

Nasief Magammat Mollis, Franz, Mcdevitt đã tìm thấy rất nhiều thứ ngoài sức tưởng tượng. Trong hang tĩnh lặng kỳ lạ chỉ có tiếng bước chân, tiếng thở, tiếng chim bay qua. Họ đứng chết lặng ở giữa một sảnh đường rộng lớn.

Diện tích của đại sảnh này khoảng 140 x 150m. Giữa đại sảnh có một chiếc bàn, mép phải đặt 7 chiếc



ghế. Ghế làm bằng đá, gỗ hoặc kim loại. Nó giống như được gắn bằng một loại keo cứng nặng như sắt, thép.

Mặt sau của 7 chiếc ghế trang trí nhiều mô hình động vật không theo quy luật. Hình ve sầu, sư tử, cá sấu, khỉ, trâu rừng, trâu nước của Mỹ. Điều khiến người ta kinh ngạc nhất là những động vật này đều được làm từ vàng ròng. Bên phải bàn bố trí tám hoành phi bằng vàng rèm kim loại Nasief Magammat Mollis từng đề cập tới. Rèm kim loại dày 65mm, rộng 18m. Sau một hồi kiểm tra cẩn thận, Franz vẫn không thể biết được những tám rèm này sử dụng chất liệu gì để chế tạo. Bởi vì, những kim loại đó xem ra vô cùng mỏng, yếu nhưng dựng nên lại không bị cong xuống. Chúng giống như một cuốn sách mở ra đặt lên đó, từng trang dính vào nhau. Mỗi khối rèm kim loại đều có hàng chữ dùng máy ép lên.

Theo đánh giá của Franz, tám rèm kim loại này ít nhất cũng phải có tới 2.000 - 3.000 miếng. Vấn đề là loại chữ trên những bức hoành phi này không ai có thể hiểu được. Ông cho rằng, người sáng lập thư viện kim loại ở đây chắc chắn muốn lưu truyền những tài liệu quan trọng này cho mai sau để nó không bị lãng quên. Nasief Magammat Mollis còn tìm thấy một viên đá khắc ở đại sảnh, cao 11,43mm, rộng 6,35mm. Ở giữa khắc hình người, hình lục giác quanh thân, đầu hình tròn, tay phải cầm nửa vầng trăng, tay trái cầm mặt trời. Điều khiến cho người ta kinh ngạc là hai chân của người này đứng trên một quả địa cầu. Viên đá được làm thành từ năm 9000 - 4000 trước Công nguyên. Điều này cho thấy cư dân đầu tiên thời đó đã biết trái đất hình tròn.





Franz cho rằng, hệ thống đường hầm này đã tồn tại từ thời đại đồ đá xưa. Ông cầm một viên đá khắc hình động vật lên, nhận thấy nó cao 29,21mm, rộng 50,32mm. Động vật được biểu thị trên bức họa có cơ thể to lớn, chúng dùng chân sau thô, to của mình trườn bò trên đất. Hình khắc trên đá giống như một chú khủng long. Lẽ nào có người đã từng nhìn thấy khủng long?



Một viên đá thần bí nữa. Vẽ hình bộ xương người đàn ông. Franz quan sát chi tiết, cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Bộ xương của người này được khắc 12 đôi xương sườn. Nasief Magammat Mollis đưa cho Franz xem mô hình của một tòa vũ trụ. Phía trên đó vẽ một vài bức tượng người mặt đen, tượng người đầu đội mũ, tay cầm một vật hình chiếc súng.



Trên đỉnh tròn của vũ trụ vẽ một vài bức tượng bay trên không trung. Franz nghĩ rằng, mô hình vũ trụ này có thể là kiến trúc đỉnh tròn cổ nhất. Ngoài ra còn có rất nhiều tượng người bay trên không khiến cho Franz cảm thấy không thể tưởng tượng nổi.

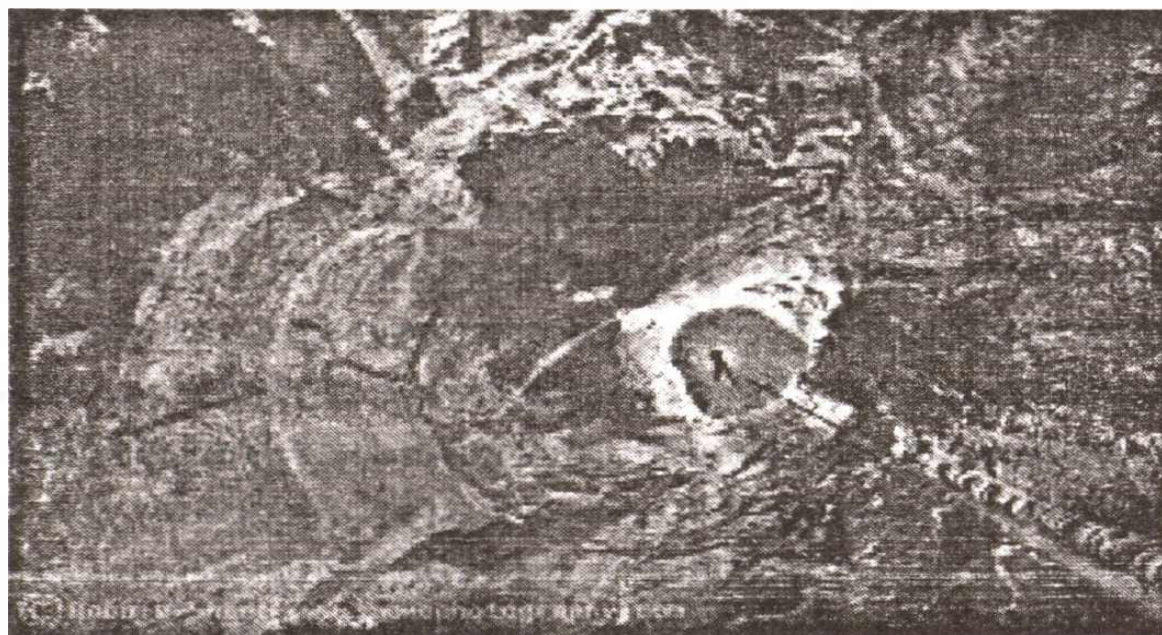


Một bức tượng người với chiếc mũi hình cầu, quỳ dưới chân cột đá, đầu anh ta có một chiếc tai che kín hết đầu giống với chiếc tai nghe chúng ta sử dụng thời nay. Một đôi khuyên tai có đường kính 5mm nằm sát bên đầu trên đó khoan 15 lỗ nhỏ. Trên cổ anh ta có sợi dây chuyền với mặt hình tròn, phía trên gồm nhiều lỗ nhỏ. Nó tương tự như chiếc ống nghe điện thoại của chúng ta ngày nay.

Đường hầm này cùng bên trong nó lưu giữ rất nhiều báu vật của thế giới, có thể nói là trước nay chưa từng thấy. Những bức tượng đá cao 1,8m đó có bức có 3



đầu, 7 đầu. Trên hoành phi hình tam giác có khắc chữ không ai có thể lý giải được. 6 mặt trên của bức tượng khắc một số hình chữ nhật.



Đường hầm bí mật ở Ecuador.

Không ai biết hệ thống đường hầm này do ai xây dựng, cũng không hiểu những vật quý này là do ai để lại. Theo lời của Nasief Magammat Mollis, lối vào của đường hầm này do sự bảo vệ của bộ lạc Indian hoang dã. Những người Indian và 3 tộc trưởng của họ đều coi Indians là người bạn đáng tin cậy.

Ngày 21, tháng 3 hàng năm, các tộc trưởng phải xuống bậc thứ nhất của đường hầm để tiến hành nghi lễ cầu khẩn. Hai bên trán của tộc trưởng đều được dán phù hiệu giống như trên đá ở cửa của đường hầm. Nó là vật tượng trưng cho sự bình yên. Ngoài tộc trưởng ra những người khác lại không được vào trong đường hầm. Họ cho rằng, bên trong đường hầm là nơi ma quỷ trú ngụ. Đi trong đường hầm quanh co này, Franz cảm thấy có điều gì đó rất kỳ lạ, cánh cửa của đường hầm tự



động đóng lại. Đội điều tra men theo con đường cũ để ra khỏi huyết động này, tới giáo đường Maria của Ecuado. Bởi vì đức cha Ricardo còn đang giữ rất nhiều bảo vật từ đường hầm này.

Đức cha Ricardo đã sống ở Gain 45 năm. Trong 20 năm qua, cha đã thu thập được rất nhiều đá khắc, chế phẩm vàng bạc của người Indian. Đức cha đưa đội điều tra tới tham quan khu lưu trữ của mình. Gian phòng đầu tiên thu giữ đá khắc, gian phòng thứ hai có nhiều vàng, đồng, những tác phẩm nghệ thuật kim loại khác. Toàn bộ chế phẩm vàng ròng của đế quốc Inca đều được đặt trong gian phòng này.

Franz chú ý tới khối bảng vàng cao 52mm, rộng 13mm, dày 1,3mm, trên mặt có 56 ô vuông, mỗi ô khắc những tượng người khác nhau. Trên những tấm rèm trong thư viện kim loại ở đường hầm, Franz đã từng thấy, những bức tượng người giống hệt những bức tượng này. Có thể thấy người chế tạo phải dùng tới 56 ký hiệu hoặc chữ cái tổ hợp thành những đoạn văn này. Đặc biệt là, tượng người phụ nữ được chế thành từ vàng ròng với chiều cao 30mm, hai hình tam giác ở trên đầu, phía sau có đôi cánh nhỏ, một sợi dây vàng hình xoắn ốc từ tai kéo xuống.

Bộ ngực cô đầy đặn, hoàn mỹ, hai chân đứng thẳng, trên đỉnh đầu có một hình cầu. Hình sao lộ ra ở hai bên bức tượng cho thấy cô không phải là người trần thế. Có thể cô đến từ một hành tinh khác.

Mcdevitt nhìn thấy một chiếc bánh đồng có đường kính 21,25mm, hình vẽ trên mặt thể hiện rất rõ nét. Hai con côn trùng đang bay lượn, hai mặt trời đang



cười, một khuôn mặt hình bán nguyệt chau mày, một chòm sao lớn, hai hình tam giác. Giữa chiếc bánh đồng có rất nhiều vật tròn nhỏ nhô lên mang ý nghĩa đặc biệt nào đó.

Lượng rèm kim loại do đức cha Ricardo lưu giữ đều khắc đuôi sao, mặt trăng, mặt trời, rắn. Ở giữa miếng rèm vàng trong số đó có một Kim tự tháp, hai bên khắc một con rắn, trên mặt có hai mặt trời, phía dưới là hai vật kỳ quái, hai đầu con vật giống như đầu dê, bên trong Kim tự tháp có rất nhiều khoanh tròn. Trên một tấm rèm kim loại khác khắc Kim tự tháp, hai con báo châu Mỹ lần lượt nằm hai bên. Đáy của nó khắc chữ, hai con voi ở hai bên. Khoảng 12.000 năm trước, voi xuất hiện ở Nam Mỹ, thời đó trên trái đất vẫn chưa có nền văn minh. Điều đặc biệt là đức cha Ricardo đã từng nhìn thấy chiếc máy may thứ ba bằng mô hình vàng thời tiền sử. Chiếc thứ nhất ông được nhìn thấy ở viện bảo tàng Paul Huada của Columbia, chiếc thứ hai vẫn nằm trong đường hầm. Từ nhiều năm nay, các nhà Khảo cổ học đã xem máy bay mô hình này là vật trang trí của tôn giáo.

Tiến sỹ Arthur Phelps thuộc học Viện cơ khí hàng không New York qua thí nghiệm cho rằng: Nếu coi máy bay mô hình này thay cho con cá hoặc con chim hoàn toàn không đúng. Từ cánh hình chữ nhật, đầu máy hình đường thẳng, bánh lái có kính chắn gió rất giống với chiếc máy bay B52 của Mỹ. Nó thực sự là mô hình của một chiếc máy bay.





4. Những cột đá cao chọc trời

Trên di chỉ thành Aksum - thủ phủ cổ đại của Ethiopia thuộc châu Phi đến nay vẫn còn 14 chiếc cột đá khổng lồ hình tứ trụ. Mỗi cột đá cao tới 35m, nặng từ 200 - 300 tấn. Chúng đều dùng đá hoa cương khổng lồ cắt ra. Trên cột đá có cửa sổ hình vuông, từng lớp chồng lên nhau, nhìn từ xa giống như một tòa cao ốc khổng lồ. Theo giám định của các nhà Khảo cổ học, chúng được khắc thành từ 2.000 - 3.000 năm trước. Vì sao người cổ đại lại khắc những cột đá này thành hình dạng lâu cao chọc trời? Bởi vì, dù trên trái đất lúc đó không có máy nâng loại lớn, cũng không có thiết bị động lực cực đại, rốt cuộc người cổ đại dùng phương pháp nào để dựng khối đá khổng lồ kia đứng lên? Điều này thực sự khiến cho người ta phải nghi ngờ. Có người nói rằng, thành Aksum cổ đại có một kỹ thuật tuyệt vời dùng để đúc đá. Những cột đá hình tứ trụ khổng lồ này có khả năng được vận dụng tuyệt kỹ này chế tạo thành. Tuy nhiên, con người từ mấy nghìn năm trước liệu đã có được tuyệt kỹ này chưa? Câu hỏi này đến nay vẫn còn là một bí ẩn.



5. Bí ẩn đồng tiền lớn ở Nhật Bản

Trên vùng biển ở Nhật Bản có một hiện tượng vô cùng kỳ lạ. Một bản vẽ hình đồng tiền rất lớn. Bản vẽ này có hình khối, cát để xây thành. Khi đi bộ trên bãi biển, mọi người không cảm thấy nó giống một bản vẽ, họ lầm tưởng đó là một khe cát. Thế nhưng, khi nhìn từ



dưới lên ngọn núi bên cạnh bờ biển, bạn sẽ thấy một sự thần kỳ: Khe cát này hiện lên bản vẽ hình đồng tiền lớn. Ở đây, bạn có thể thấy được kết cấu hình tròn này giống với tiền đồng thời cổ đại Trung Quốc. Ở giữa khoang cát tròn có một lỗ hình vuông, xung quanh khắc 4 chữ lớn “vĩnh khoan thông bảo”. Bản vẽ hình đồng tiền này quyết định có từ bao giờ? Mọi người đã tiến hành nghiên cứu thực địa. Sau khi đo đạc họ phát hiện thấy vấn đề mới. Hóa ra, bản thiết kế mọi người nhìn thấy không phải hình tròn tuyệt đối. Nó là một hình elíp, xung quanh dài 354m, chiều dài Đông Tây 122m, chiều rộng Bắc Nam 90m.

Vậy, hình tiền lớn này được hình thành thế nào? Năm 1633, tức là niên đại Vĩnh Khoan năm thứ 10, người dân địa phương vì ghenh tiếp vị minh chủ tới đã đào cát tu tạo thành. Nó được lưu giữ cho tới ngày nay.

Ngoài ra còn có một truyền thuyết gọi miếu thần trên đỉnh núi gần đó là bát cung thần. Vào một đêm năm 703 (tức là năm Đại Bảo thứ 3), 8 đại thần ngồi trên một con thuyền phát quang, từ cung thần vũ trụ bay tới nơi đây. Sau khi phi thuyền bay đi, nơi nó hạ xuống đã có bản vẽ này. Do đó, người địa phương xây dựng tòa cung thần này để cúng tế 8 đại thần.

Bản vẽ cũng như truyền thuyết bí ẩn này làm người ta liên tưởng tới những bản vẽ khổng lồ ở vùng đồng bằng Nazca thuộc Peru. Những bản vẽ lớn đó cũng chỉ có thể nhìn từ trên cao xuống. Mọi người cho rằng, đó là kiệt tác của người vũ trụ, người thường không thể tạo ra được. Vậy, bản vẽ hình đồng tiền đó có phải là vật kỷ niệm của người vũ trụ hay không? Đại thần từ vũ trụ





tới trong truyền thuyết có phải chính là người ngoài hành tinh tới từ vũ trụ không? Con thuyền phát quang họ đã ngồi có phải là đĩa bay mọi người đã tìm thấy không? Nếu như vậy, người vũ trụ vì sao lại tới trái đất để tạo ra bản vẽ này? Nó có ý nghĩa gì? Vấn đề này rất khó để tìm được đáp án thực sự.



Có người dùng cái nhìn thu lại trong vũ trụ, tới nơi tổ tiên loài người xa xưa để tìm lời giải cho bài toán. Họ cho rằng, hình vẽ hình đồng tiền khổng lồ này đơn giản chỉ kiệt tác của người trái đất, kết tinh của trí tuệ tập thể. Họ đoán khi sáng tạo kỳ tích này, người chỉ huy đã đứng trên đỉnh núi ven biển, hướng dẫn mọi người thông qua lá cờ cắm trên bãi biển. Tất cả đều thống nhất thực hiện theo sự để hoàn thành được công trình vĩ đại này. Bởi vì chỉ có như vậy, bản vẽ hình đồng tiền họ tạo ra mới có thể giống hình tròn, đồng thời giống như đồng tiền ngày nay.



Cho dù giải thích thế nào cũng không thể xóa bỏ được nghi vấn của mọi người. Những bí ẩn về bản vẽ hình đồng tiền lớn đang chờ cần chúng ta từng bước khám phá.





— Chương mười hai

BÍ MẬT CỦA CÁC VÙNG ĐẤT



1. Núi Himalaya

Núi Himalaya - xứ sở của băng tuyết được hình thành từ quần thể núi nguy nga, sừng sững với những ngọn núi đồ sộ mọc lên giữa trời. Những truyền thuyết về tuyết được lưu truyền, sự kiến tạo các cao nguyên cũng được thể hiện ở đây. Nơi này chứa đựng những hoài bão, chí hướng anh hùng của nhân loại, ghi chép những câu chuyện về quá trình chinh phục thiên nhiên của con người.



Dãy núi Himalaya quanh năm bao phủ tuyết trắng.

Núi Himalaya nằm ở phía Nam cao nguyên Thanh Tạng. Đây là một hệ thống núi hình cung quay về phía Đông Tây, cao nhất thế giới. Nó chạy qua lãnh thổ các





nước: Tây Tạng (Trung Quốc), Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Butan, chủ yếu phân bố ở nơi giao nhau giữa Trung Quốc và Nepal. Phía Đông Tây có dãy núi dài 2.450km, phía Bắc Nam rộng 200 - 300km, hình cung kéo dài theo hướng Nam. Ngọn núi này quanh năm được bao phủ bởi băng tuyết, thuật ngữ Himalaya có nghĩa là quê hương của băng tuyết.



Himalaya là một trong những dãy núi trẻ nhất thế giới với 10 - 20 triệu năm tuổi. Nó được hình thành do rất nhiều dãy núi có địa hình phức tạp, song song hoặc nhấp nhô. Đỉnh cao nhất là Everest (hay còn gọi là Chomolungma) cao 8.850m so với mực nước biển. Những đỉnh núi cao mọc lên dựng đứng, bạt ngàn. Có tới hơn 50 đỉnh cao trên 7.000m, 16 đỉnh cao trên 8.000m. Đỉnh núi Chomolungma cao nhất thế giới nằm ở biên giới Trung Quốc, Nepal.



MÁI NHÀ THẾ GIỚI



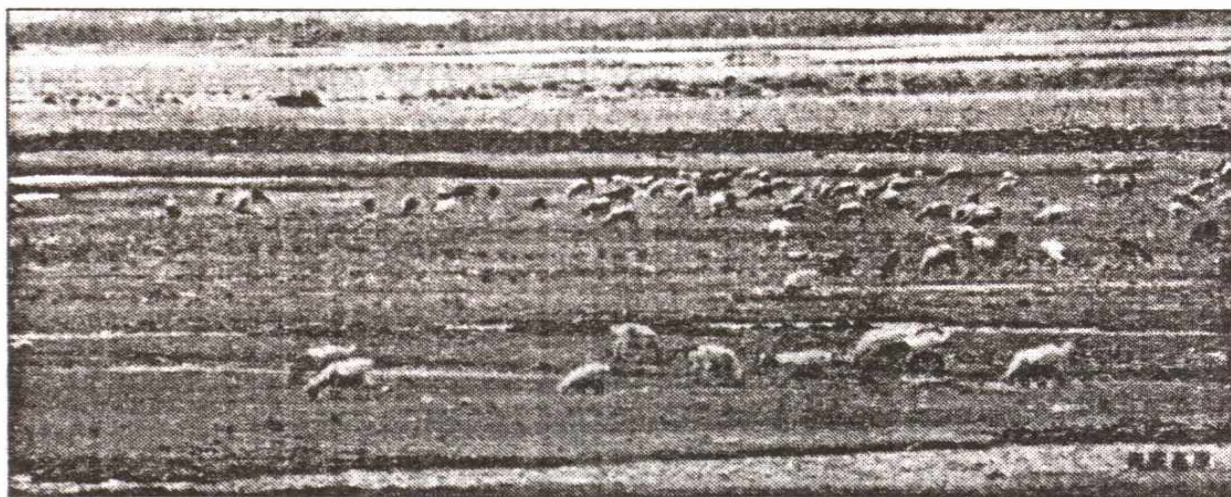
Cao nguyên Thanh Tạng - cao nguyên cao nhất thế giới, ở độ cao trên 4.000m so với mặt nước biển có tên gọi là nóc nhà thế giới. Cao nguyên Thanh Tạng trên thực tế là nơi tập trung của những dãy núi cao. Từ Bắc tới Nam có các núi: Côn Lôn, Kailas, Himalaya... Đây đều là những dãy núi có độ cao từ 5.000 - 6.000m so với mực nước biển. Điểm quan trọng, độc đáo về mặt địa hình đó là có rất nhiều ao hồ. Những hồ này chủ yếu được bổ sung nước nhờ băng tan chảy từ các đỉnh núi cao xung quanh. Hồ nước mặn lớn nhất Trung Quốc - Thanh Hải có độ cao so lớn nhất thế giới. Cao nguyên Thanh Tạng từ xưa đã trở thành nơi sinh sống của dân



tộc Tây Tạng. Địa hình khép kín, xung quanh đều là núi cao làm cho diện mạo, cuộc sống nơi đây mang đậm màu sắc dân tộc.

Đại diện tiêu biểu, nổi bật nhất của văn hóa dân tộc Tây Tạng là cung điện Potala. Nơi đây từng là trung tâm thống trị hợp nhất chính trị, tôn giáo. Cung điện Potala được khởi công xây dựng vào thế kỷ thứ VII thời Tạng Vương Tùng Tán Can Bố, cách ngày nay khoảng 1.300 năm lịch sử.

Nó có mối quan hệ mật thiết với hai nhân vật quan trọng của lịch sử Tây Tạng: Tùng Tán Can Bố, Văn Thành. Do đó, nó có ý nghĩa lịch sử tôn giáo vô cùng to lớn.



Cao nguyên Tây Tạng.

Cung điện Potala nằm trên một ngọn đồi cách ngoại ô Tây Bắc của thành phố Lhasa, được mệnh danh là thánh địa nhà Phật khoảng 2km, thuộc khu tự trị Tây Tạng. Theo tín ngưỡng Phật giáo của những người dân nơi đây, ngọn đồi này giống như núi Phổ Đà nơi Quan Âm Bồ Tát ở. Do đó, tiếng Tạng ngữ gọi nó là Bồ Đạt La (có nghĩa là Phổ Đà). Cung Potala trùng trùng lớp lớp,





quanh co uốn lượn, xen kẽ với núi cao có cảnh quan hùng vĩ. Các bức tượng trắng đỏ đan xen, trên đỉnh rực rỡ sắc vàng, có sức thu hút nghệ thuật vô cùng lớn. Bên trong cung có rất nhiều bức bích họa (tranh vẽ trên tường) tạo nên một hành lang dài về nghệ thuật hội họa.



Các điện thờ bên trong bảo tồn, giữ gìn một số lượng lớn những văn vật quý giá, các bức tượng Phật bằng gỗ. Linh tháp cao nhất 14.85m, bên trong có tháp. Tháp được mạ vàng trạm khắc các loại đá quý, xây dựng từ 110.000 lượng vàng.



Một số linh tháp khác tuy không cao bằng linh tháp trên nhưng trang trí bên ngoài đều dùng rất nhiều vàng bạc châu báu có giá trị. Cung điện Potala đạt hành tụ về các mặt: Bố cục, công trình thợ mộc, luyện kim, hội họa, điêu khắc... nổi tiếng thế giới. Nó thể hiện vị trí quan trọng của dân tộc Tây Tạng. Thành tựu vĩ đại nhất về nghệ thuật kiến trúc dân tộc Tạng là kỹ nghệ thủ công vượt trội của các dân tộc Hán, Mông, Mãn. Nó trở thành tiêu chí phát triển của thành phố Lhasa, biểu tượng về sức sáng tạo của nhân dân, tài sản quý giá của nghệ thuật kiến trúc Tây Tạng. Đồng thời cũng là di sản văn hóa nhân loại độc quyền của cao nguyên tuyết trắng.

THUNG LŨNG KATHMANDU



Thung lũng Kathmandu nằm ở thủ đô Kathmandu, Nepal, chân núi phía Nam dãy Himalaya, có độ cao 1.500m so với mặt nước biển. Nó được coi là trái tim của đất nước Nepal. Sông Dahagnati, sông nhánh chảy qua thung lũng hướng Đông Tây dài 32km, hướng Nam Bắc rộng 25km. Tại đây đã phát hiện được rất nhiều di



chỉ, trong đó tiêu biểu nhất là Bhaktapur - thành phố cổ nổi tiếng với những kiệt tác bằng gỗ chạm khắc.

Nơi đây được liệt vào danh sách các di sản thế giới. Hiện nay, nó là thủ đô của Nepal với diện tích hơn 50km², lúc đầu tên là Kantipur - thành phố ánh sáng. Đây từng là thủ đô hoàng gia, trung tâm Phật giáo. Kathmandu có con đường quan trọng liên thông giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, 3 giáo hội Ấn Độ giáo, Phật giáo, Lạt ma giáo được tập trung ở đây. Trong thành xây dựng kiến thiết rất nhiều đền chùa, Phật tháp. Có khoảng 2.700 ngôi đền chùa, hình thành nên cảnh quan đặc sắc. Đền chùa bao gồm nhiều trong khu nhà ở, tượng Phật có nhiều ở khu dân cư, cho nên nơi này còn được gọi là thành phố của đền chùa. Tháp Phật nổi tiếng nhất Swayambu nằm trong nội thành Kathmandu (phía Tây Kathmandu), tại khu đại Phật tháp cách trung tâm thành phố Kathmandu 8km về phía Đông.



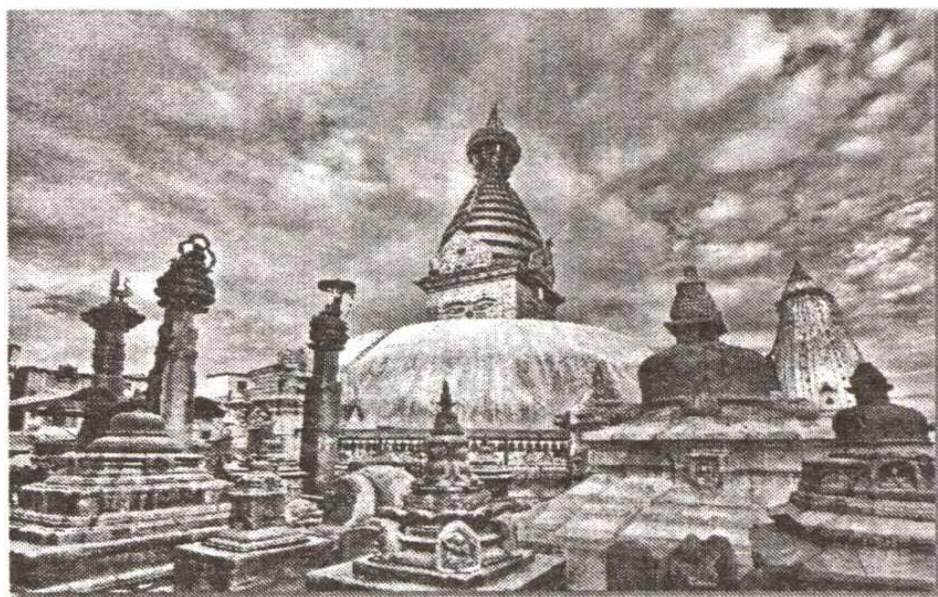
Thung lũng Kathmandu.





Một số người hình dung như sau: “Mỗi con phố cổ của Kathmandu giống như đường hầm thời gian, có thể dẫn thẳng vào lịch sử Nepal”. Tại thành phố này, bất kỳ phương diện nào từ lịch sử, văn hóa đến tôn giáo, chủng tộc đều có thể coi là hình ảnh thu nhỏ của đất nước Nepal.

Thành cổ Putan nổi tiếng của Nepal cũng nằm trong thung lũng này. Butan cách thủ đô Kathmandu 5km về phía Nam, được xây dựng vào năm 298. Đây là thành phố cổ kính nhất, trung tâm thương nghiệp của thung lũng Kathmandu cổ đại. Toàn thành phố được thiết kế dựa trên kiến trúc của Phật giáo, lấy hoàng cung làm trung tâm, hướng vào 4 mặt của tháp. Chính giữa thành phố có một tòa Phật tháp hình bát úp; Cố cung - nơi quốc vương sinh sống được xây dựng trong thành. Bên trong có những cung điện nguy nga, lộng lẫy. Trong thành có 136 ngôi chùa, 55 ngôi đền miếu, mái ngói lợp nhiều tầng. Đây còn là quê hương của các loại hình nghệ thuật tinh xảo.



Phật tháp Swayambu.



Bhaktapur theo tiếng Phạn có nghĩa là thành phố của những tín đồ, cách thủ đô Kathmandu 12km về phía Đông, được khởi công xây dựng năm 389. Thế kỷ XIII, vương triều Malla đóng đô tại đây. Cho đến năm 1768, Bhaktapur luôn là trung tâm văn hóa chính trị của Nepal, khởi nguồn cho kiến trúc, nghệ thuật của đất nước.



Cố cung của vương triều Malla từ 55 cung điện thiết kế theo kiểu cổ, nằm ở giữa quảng trường trung tâm thành phố Bakhtapur. Khoảng 2.700 ngôi đền miếu, những di tích lịch sử khác đã chiếm giữ hết diện tích thung lũng Kathmandu. Bên trong cung có tượng gỗ, gạch hồng, đỉnh đồng điêu khắc, chạm trổ rất tinh xảo, đẹp mắt. Nơi đây thường diễn ra những buổi tụ họp nhỏ của các tín đồ. Bảo tháp, Ấn Độ tháp, Vihara đã góp phần hoàn thiện nên cảnh quan nơi đây.



Chinh phục Chomolungma

Ngon núi cao nhất thế giới Chomolungma nằm trên dãy núi Himalaya ở độ cao 8.848m so với mặt nước biển. Chomolungma theo Tạng ngữ có nghĩa là nữ thần Sơn Tuyết. Có người gọi 3 cực của thế giới chính là Nam Cực, Bắc Cực, Chomolungma. Chinh phục ngọn núi cao nhất thế giới này đối với nhân loại là một thách thức lớn. Nơi đây thu hút rất nhiều những người leo núi muôn đặt chân đến.



Năm 1921, đoàn leo núi đầu tiên của Anh bắt đầu chinh phục đỉnh Chomolungma, leo đến độ cao 7.000m so với mặt nước biển. Năm 1922, đoàn leo núi thứ hai của Anh đã sử dụng bình dưỡng khí leo đến độ cao 8.320m.





Năm 1924, đoàn leo núi thứ ba tiếp tục chinh phục độ cao lớn hơn. Tuy nhiên, George Mallary và Andrew Owens trong đoàn đã bị mất tích. Thi thể của Mallary đến năm 1999 được tìm thấy ở độ cao 8.150m, máy ảnh mang theo người đã bị mất. Vì thế không có cách nào để xác định chính xác anh ta hay Owens là người đầu tiên trên thế giới đặt chân lên đỉnh Chomolungma. Ngày 29, tháng 5, năm 1953, Edmund Hillary 34 tuổi đến từ New Zealand là thành viên của đoàn leo núi Anh, Jenzing Norgay 39 tuổi đã cùng nhau đi theo con đường bên sườn Đông Nam để chinh phục đỉnh Chomolungma. Đây là đoàn leo núi đầu tiên chinh phục thành công đỉnh này.



Chomolungma là đỉnh núi cao nhất thế giới.

Năm 1956, Albert Iger của đoàn leo núi Thụy Sĩ là người thứ hai chinh phục thành công. Ngày 25, tháng 5, năm 1960, người Trung Quốc lần đầu tiên đặt chân lên đỉnh núi Chomolungma. Họ là Vương Phúc Châu, Công Bố, Khuất Ngân Hoa. Đó cũng là lần đầu tiên chinh phục thành công từ sườn núi phía Bắc. Về sau,



rất nhiều người chinh phục thành công đỉnh Chomolungma, mặc dù không ít người bị băng tuyết bao phủ. Tuy nhiên, leo lên đỉnh Chomolungma vẫn mang lại sức hút lớn với con người. Đó là sự thử thách lòng dũng cảm, sự tự tin, minh chứng cho khả năng chiến thắng tự nhiên của loài người.



Đỉnh núi Chomolungma mang một vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ. Đây là nơi tập trung đông đúc của các hình thức tôn giáo, một vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên vạn vật.



DÒNG SÔNG PHONG CẢNH

Dòng sông Rhine được coi là nhân chứng của lịch sử nhân loại. Dòng chảy của nó tại Tây Âu - lá phổi của văn minh phương Tây là con đường lục địa quan trọng nhất châu Âu. Hai bờ sông Rhine có vùng đất xanh tươi của cỏ, rừng cây. Giữa những vườn nho, thôn làng cổ là những bức họa đồng quê thơ mộng.



Thượng lưu sông Rhine được tính từ đầu đến địa điểm Basle của Thụy Sĩ. Dòng sông có hai đầu nguồn, phân biệt bằng tên tiền Rhine và hậu Rhine. Hai dòng sông hội tụ chảy từ Nam lên Bắc, vào hồ nước ngọt lớn nhất Tây Âu. Sau đó chảy về hướng Tây, đến thành phố biên giới Basle Tây Bắc Thụy Sĩ.

Thượng lưu của nó băng qua các cao nguyên, gập ghềnh, khúc khuỷu dốc, nhiều khe sâu. Dòng chảy xiết, mạnh mẽ, nhiều thác nước, nổi tiếng nhất là thác Rhine. Đây là một trong những thác nước lớn nhất châu Âu. Mọi người đứng ở đây có thể thưởng thức quang cảnh tự nhiên. Cảm giác này giống như

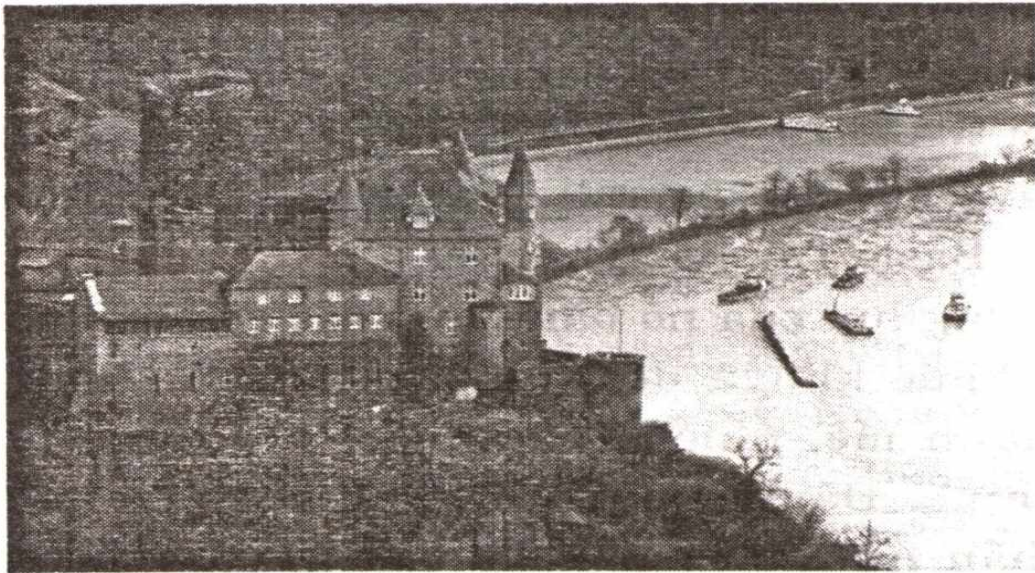




đang tận hưởng tác phẩm nghệ thuật do con người đã tạo ra.

Dòng chảy này đã tạo nên rất nhiều cảnh quan tươi đẹp, có những mái bằng chỉ cách thác nước trong khoảng cách gần. Đứng tại tây, chúng ta có thể cảm nhận được thế nước hùng vĩ, lớn mạnh đổ ập xuống. Tiếng nước ào ào như muôn che mọi âm thanh xung quanh khác, làm cho du khách thán phục. Đây thực sự là tác phẩm kỳ vĩ của tự nhiên.

Cảnh non nước giao hòa, những đỉnh tháp nhọn của giáo đường xen kẽ là cảnh quan điển hình của sông Rhine. Đoạn đẹp nhất khe ở trung lưu Rhine cao 190km là tuyến du lịch về văn hóa rượu nho nổi tiếng nhất thế giới. Hai bên bờ có màu vàng của những tấm biển chỉ hướng gió. Trên những gò đồi của khe sâu là những vườn nho xanh tốt. Đây là khu vườn an lạc giữa chốn nhân gian trong mơ của thi nhân Đức, nó được ví như “vùng đất thượng đế ban thưởng cho sự giàu có”, “vùng đất an lạc của tự nhiên”.



Dòng sông Rhine quanh co là kỳ quan thiên nhiên ban tặng.



Hạ lưu sông Rhine chảy từ Bonn đến cửa biển, qua bình nguyên.

Bình nguyên Bắc Đức, vùng đất trũng Dutch có địa thế bằng phẳng, mặt sông mở rộng, dòng chảy hiền hòa. Sau khi chảy vào Hà Lan cùng với Maas Gaskel - dòng sông hợp thành vùng đồng bằng mênh mông. Vùng hạ lưu Rhine cư trú nhiều dân cư, thành phố đông đúc, nông nghiệp, công nghiệp hiện đại. Trung tâm kinh tế, khu công nghiệp nổi tiếng nhất châu Âu lúc đó được xây dựng trên vùng đất này. Vùng Ruhr bên bờ con sông Ruhr là một nhánh bên phải sông Rhine. Đây từng trở thành trung tâm công nghiệp của Đức, khu công nghiệp quan trọng nhất của Tây Âu, được gọi là bước nhảy của châu Âu.

Đồng bằng sông Rhine là khu vực đường biển nhộn nhịp nhất, bên bờ sông có hải cảng lớn nhất Cologne. Cologne là cửa khẩu của Rhine, cảng khẩu đối ngoại của châu Âu. Thế nhưng, vùng đồng bằng mới chính là bức cảnh đồng quê có hoa nở rộ, thảm cỏ mượt như thảm đệm, bò sữa thả thành bầy, kênh nước chằng chịt.

DÒNG SÔNG VĂN HÓA

Rhine cũng là một dòng sông văn hóa. Từ các quốc gia Rhine chảy qua, du khách có thể hiểu rõ vị trí quan trọng của nó. Nơi đây có âm nhạc của Áo, hội họa, văn học, ẩm thực, thời trang của Pháp, triết học của Đức... Cho dù bờ sông Rhine hoặc dòng chảy chính, nhánh sông nhỏ, du khách đều có thể vào một thành phố, một trường đại học hoặc phát hiện những nhà Triết học, văn học, khoa học, âm nhạc... ảnh





hưởng đến toàn thế giới. Ví dụ như: Kant, Hoffman, Hesse... Nếu du khách yêu âm nhạc cổ điển, họ sẽ tìm thấy những vở kịch của Beethoven, mộ phần của Schumann, kịch viện Wagner, tác phẩm viết tay của Brahms, cây đàn Bach đã dùng... Dòng sông Rhine mang trong mình tất cả những tinh hoa văn hóa nghệ thuật các nhạc sỹ đều hấp thu dòng sữa tư tưởng, sáng tạo. Từ đó có thể thấy, Rhine là dòng sông có sức ảnh hưởng khắp thế giới. Sự tồn tại của mỗi một dòng sông đều mang trong mình một nền văn hóa đặc sắc. Điều khác biệt là sông đã biến dòng nước hiền hòa, văn hóa Rhine hợp thành một thể thống nhất.

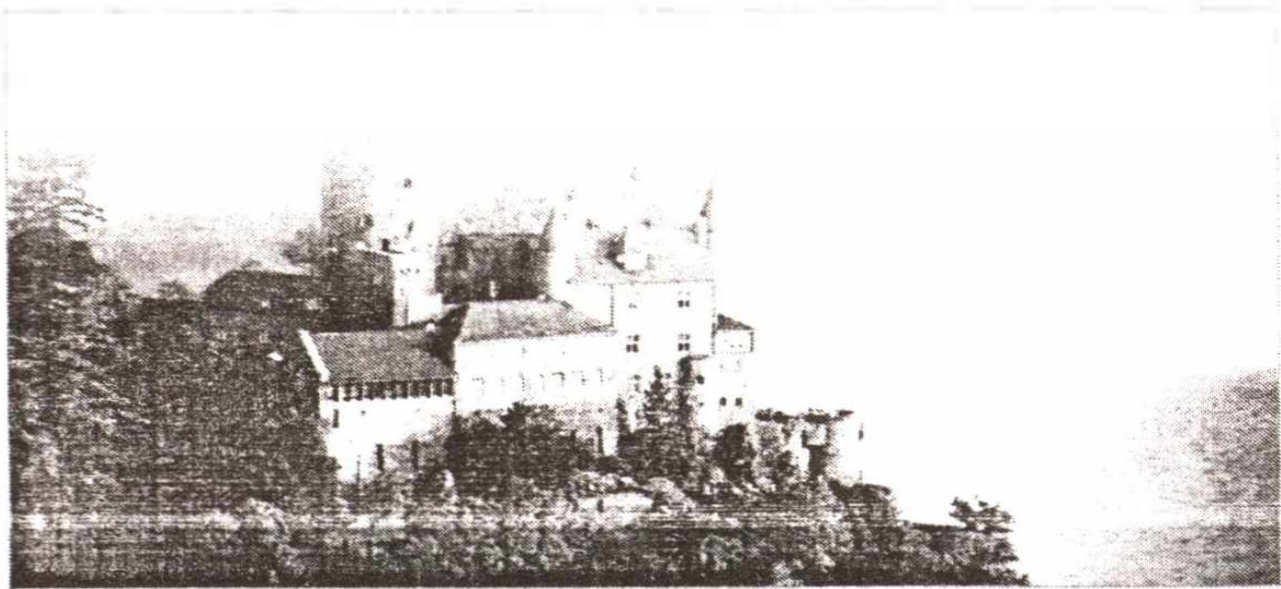
DÒNG SÔNG CỦA CÁC TÒA LÂU ĐÀI

Sông Rhine bắt nguồn từ núi Alps của Thụy Sĩ, chảy qua nhiều lâu đài của các quốc gia. Đoạn chảy qua nước Đức 867km có phong cảnh đẹp nhất trong toàn bộ dòng sông.

Từ giữa Anthraquinone chảy đến Bonn, dòng sông chảy vào vùng núi, khe vực sâu. Nó trở nên khúc khuỷu, gãy đoạn, chảy xiết. Hai bên bờ cảnh đẹp phong phú, khắp nơi giống như thơ, họa với phong cách thời La Mã cổ. Nếu đứng trên tấm thảm xanh rộng lớn của vườn nho hoặc vùng đất cao đều có thể nhìn thấy tòa thành kiên cố sừng sững, nguy nga. Mỗi một cảnh quan, vùng đất nơi đây đều là cảnh tự nhiên được con người tôn tạo. Thành phố trên núi cao làm cho du khách nghĩ đến thành bang to lớn thời xa xưa. Tòa thành này được dùng làm nơi thu thuế của hải quan hoặc tạo nên các lô cốt không thể tấn công. Đôi khi, nó



là một ngọn hải đăng chỉ đường cho tàu thuyền. Để bảo vệ diện mạo nguyên thủy của cảnh vật tự nhiên, dòng Rhine không có cầu bắc qua. Vấn đề lưu thông giữa hai bờ đều dựa vào những chiếc phà.

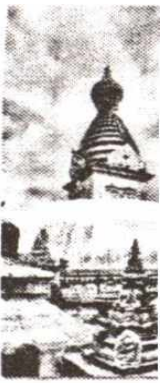


Lâu đài Kats được ví như ngai vàng trên sông Rhine.

Khu vực dòng chảy Rhine còn có rất nhiều thị trấn nhỏ hấp dẫn con người, trong đó Rudesheim được coi là điểm trung tâm.

Đây là một trong những vùng đất tiêu biểu cho rượu nho trắng nổi tiếng của Đức. Ngoài ra, nó còn có bia tưởng niệm Nidesenlin, bảo tàng phòng họa tổ chim lớn...

Dòng sông Rhine dùng ánh hào quang văn minh hai bên bờ để gợi mở cho trí tuệ nhân loại, dùng ma lực nghệ thuật phong phú để thu hút cái nhìn của con người. Đây là một dòng sông thâm trầm, ý vị sâu xa, giàu dư vị, khắp nơi đều chiếu rọi ánh hào quang của nền văn minh châu Âu.





2. Những kỳ quan thiên nhiên nổi tiếng của bán đảo Italia

Bán đảo Apennine là sự tự hào của người Italia trong vùng biển bao la, tươi đẹp. Đứng trên vùng đất này chúng ta có thể nhìn thấy các tháp nước vang vọng lời hát. Đây là một trong những hòn ngọc minh châu của biển Adria Venice. Du khách có thể nghe thấy tiếng gào thét cùng với tiếng hoan hô của khán giả (trong đấu trường La Mã cổ đại) vang vọng trong không trung.

Tuy nhiên bằng một cách nào đó, ngọn núi Vesuvius đã dùng nham thạch của mình tạo nên sự diệt vong của thành phố cổ Pompeii.



Đấu trường La Mã cổ đại.

Thời kỳ Phục hưng lần thứ nhất của châu Âu được đánh dấu bởi phong trào văn hóa tư tưởng Glorencce. Bán đảo Apennine được mệnh danh là “bán đảo Italia” nằm ở phía Nam Italia, giữa biển nội địa. Phía Tây giáp với biển Hosseinian, Ionian; phía Bắc tiếp giáp với Tây Âu, Trung Âu qua dãy núi Albers.



Bán đảo kéo dài từ bình nguyên sông Po theo hướng Nam đến Địa Trung Hải, khoảng 960km. Địa hình chủ yếu là dãy núi Apennines theo hướng Nam Bắc, cao hơn mặt nước biển 1.200m. Đỉnh cao nhất Cole cao hơn 2.914m. Dãy núi phía đồng bằng thoải, phía Tây dốc đứng có nhiều núi lửa, địa chấn. Núi lửa nổi tiếng Vesuvius nằm ở phía Tây bán đảo, dòng chảy ngắn. Sông Tiber là dòng sông chính, dài 405km, chảy qua thủ đô Roma của Italia. Nơi đây nguồn nước phong phú, bờ biển khúc khuỷu với nhiều cảnh tự nhiên. Cảng khẩu chủ yếu: Genoa, Taranto, Venice, Trieste.



Được hình thành trong thời kỳ Phục hưng, văn minh nghệ thuật văn hóa La Mã cổ đại đã trở thành nền văn hóa có ảnh hưởng quan trọng đến lịch sử thế giới.



Thành phố Venice là trung tâm thời kỳ Phục hưng Florence. Thủ đô Roma của đế chế La Mã cổ đại, núi lửa Vensuvius... đều là những vùng đất danh lam thắng cảnh, văn hóa nổi tiếng thế giới.



VENICE - HẠT MÌNH CHÂU CỦA BIỂN AdRRIATIC

Venice là thành phố nổi tiếng thế giới. Vẻ đẹp của nó được tạo thành từ do nước và những cây cầu. Những kênh nước trở thành con đường lưu thông chính của thành phố. Đây là thành phố duy nhất không có xe đi lại, thuyền trở thành công cụ đi lại duy nhất. Thành phố Venice do 118 đảo nhỏ hợp thành, vì vậy nó được gọi là thành phố trăm đảo. Giữa các hòn đảo có 177 kênh nước lớn nhỏ thông nhau tạo thành phố lớn. Nó được mệnh danh là thủ đô nước, thành phố nước. 401 cây cầu kết nối những dòng sông lại với nhau. Chính vì





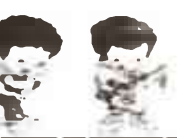
vậy, Venice còn được gọi tên là thành phố của những cây cầu.

Những cây cầu với nhiều hình dạng, phong cách khác nhau tạo nên đặc điểm riêng độc đáo. Có chiếc rồng bay, nhiều cổng lớn, có chiếc đồ sộ, kỳ lạ, tinh xảo, cổ điển... Tất cả giống như một viện bảo tàng về những chiếc cầu. Trong số đó, cầu Alto là cây cầu độc đáo, nổi tiếng nhất. Nó nằm trên dòng sông ở trung tâm thành phố, dài 43m, rộng 277m, cao 7,9m, kiến trúc đẹp, tinh tế. Trên cầu có hành lang rộng, hai bờ được xây dựng độc đáo, đại diện cho kiến trúc cổ của Venice. Cầu Than Thở nổi tiếng với hành lang rộng mang phong cách Baroque.

Đây là con đường duy nhất đưa tử tù đi đến nơi xử tử. Mỗi khi tử tù đi qua, trên những tấm rèm cửa hai bên cầu mọi người nhìn xuống những con thuyền. Cảnh tượng giống như đang ly biệt luyến tiếc không rời. Vì vậy, từ thời cổ nó đã có tên là cầu Than Thở.



Những cây cầu, thuyền là nét văn hóa đặc sắc của Venice.



Venice không chỉ là cảng khẩu quan trọng của Italia, còn là thành phố công nghệ thuật, văn hóa đặc sắc. Đầu thế kỷ XIV, nơi đây đã trở thành cảng khẩu phồn vinh nhất của Italia. Từ thế kỷ XIV - XV là thời kỳ thịnh vượng nhất Italia, từ đó biến thành vùng đất trung tâm giao dịch đường biển lớn nhất. Thành phố này có phong cảnh độc đáo, nhiều di tích lịch sử. Quảng trường Mark nằm ở trung tâm thành phố dài 175m, rộng 78m, nổi tiếng nhất trên thế giới. Quảng trường cổ xưa này do giáo đường, tháp chuông, cung điện, tiệm buôn tạo thành.

Vào mỗi dịp cuối năm, du khách lại tập trung ở nơi này, có nhiều đàn chim bay đến đậu giữa đám khách du lịch để nhặt thức ăn. Tháp chuông ở quảng trường cao 99m, tinh xảo, đẹp có hai người chuyên đánh chuông. Đây thực sự là một cảnh sắc tuyệt đẹp của Venice.

Thành phố Venice bao gồm rất nhiều danh thắng lịch sử: 450 địa điểm, trong đó có 120 giáo đường, 120 lầu chuông, 64 tu viện, hơn 40 cung điện, viện bảo tàng, kịch viện. Năm 1987, các địa danh này được liệt vào di sản văn hóa thế giới.

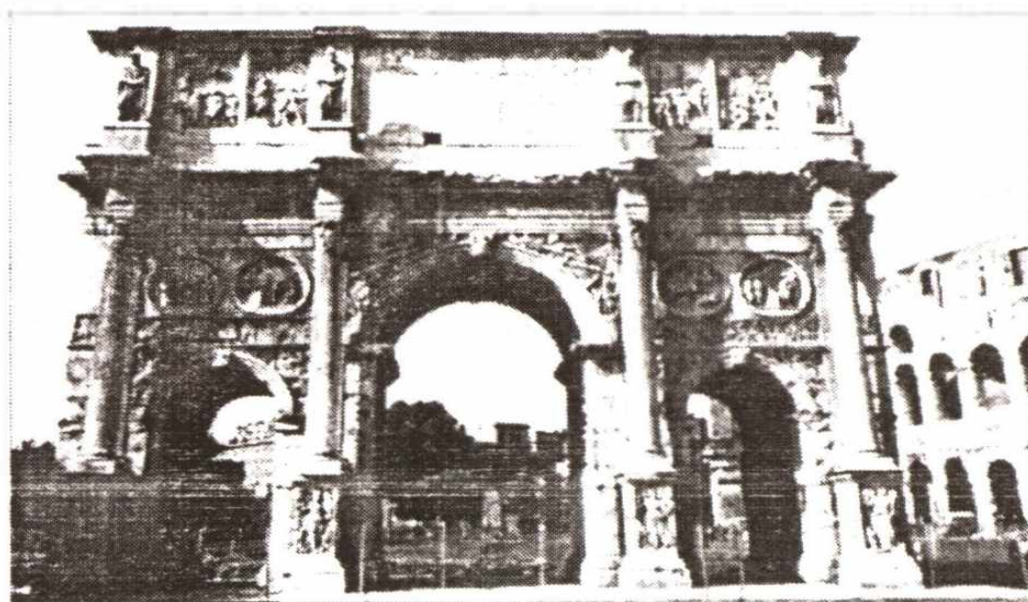
Những cảnh sắc lãng mạn của Venice đều toát lên vẻ đẹp trong giá lạnh. Dưới lòng đất, hệ thống nước ngầm làm cho Venice không ngừng bị hạ thấp, tạo thành hồ nước bốn mùa. Nước đã tạo nên vẻ đẹp của Venice nhưng cũng từng bước xâm nhập, bào mòn nó. Nơi đây là kỳ quan mỹ lệ của con người.





ROME - THÀNH PHỐ VĨNH HẰNG

Rome là trung tâm giao thông, văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước. Diện tích 200km², dân số gần 3 triệu người.



Khải Hoàn Môn.

Vùng đất thịnh vượng dưới thời La Mã cổ đại này là thủ đô của Italia, đồng thời là thành phố lớn nhất thế giới. Trong đó, các thành phố cổ chiếm 40%. Rome được xây dựng từ năm 753 trước Công nguyên, trở thành kiến trúc kiểu mẫu được bảo tồn một hoàn mỹ nhất trên thế giới. Người Rome tự hào gọi thành Rome là thành phố vĩnh hằng. Do nền văn minh cổ đại huy hoàng này từ rất lâu đời, cho nên ngày nay Rome vẫn còn lưu lại nhiều dấu tích quan trọng. Đền thờ thần Panthenon nổi tiếng thế giới được gọi là điện thờ vạn thần. Đây là tòa điện được bảo tồn nguyên vẹn nhất trong các tòa kiến trúc La Mã cổ đại. Được xây dựng vào thế kỷ II, cho dù thiết kế mỹ học hay kỹ thuật kiến trúc đều rất độc đáo. Vòm mái tròn rộng 43,3m, bên



trong có dăm xà độc nhất trên thế giới nhưng đến năm 1960 đã bị phá hủy.

Đấu trường ở Rome với toàn thể kiến trúc rộng hơn 20.000km², chiều dài xung quanh 572m, đường kính bên ngoài 188m, bên trong 165m, những bức tường xung quanh cao tới 57m. Trong đấu trường có thể chứa hơn 80.000 người xem. Kiến trúc đồ sộ này dùng 100.000m³ đá các loại, 3.000 tấn gang. Nó được mệnh danh là một trong 8 kỳ quan thế giới. Không những thế đây còn là đại biểu ưu việt trong kiến trúc La Mã cổ đại lưu lại cho đến ngày nay, tượng trưng cho đế quốc La Mã.

Thành phố Rome còn bảo tồn rất nhiều di tích, danh lam thắng cảnh quý giá như bia tưởng niệm quốc vương Emmanuel Italia thế kỷ II, Khải Hoàn Môn, cột khải hoàn, miếu điện chiến thắng. Đặc sắc nhất phải kể đến quần thể Khải Hoàn Môn. La Mã đã trở thành tiêu biểu tượng của quốc gia Thiên chúa giáo.

Bên cạnh đó, Rome còn là thành phố nghệ thuật huy hoàng nhất thời kỳ Phục hưng. Rome ngày nay còn hơn 300 giáo đường, hơn 3.000 tu viện, 7 đại học Thiên chúa giáo. Thời La Mã cổ, kiến trúc đạt trình độ cao nhất là giáo đường. Những kiến trúc trong thành phố đều không thể vượt qua giáo đường. Đây là giáo đường Thiên chúa giáo lớn nhất thế giới, tác phẩm kiến trúc thời kỳ Phục hưng. Trên hành lang hình bán nguyệt. Người ta xây dựng 300 cột trụ hình tròn, trên đó có rất nhiều tượng điêu khắc khác nhau. Điêu khắc, tượng, bích họa... trong giáo đường là những kiệt tác nghệ thuật có giá trị văn hóa, lịch sử cao.





Suối phun trong thành phố càng làm cho du khách phải ngưỡng mộ. Nước suối phun lên không trung phản chiếu dưới ánh nắng mặt trời tạo thành từng đường cầu vồng lấp lánh, giống như dải gấm ngũ sắc bay lượn trong không trung. Trong thành phố có hơn 3.000 suối phun, nổi tiếng nhất phải nói đến suối phun Trevi. Trong hồ suối phun, trung tâm là quần thể tượng thần biển, là tượng nữ thần trong tư thế an lạc, phúc hậu nằm hai bên.

Đứng ở Rome, du khách có thể cảm nhận được không khí cổ điển. Không những thế, chúng ta còn hình dung, phác họa lại di tích cổ xưa: Davina chìm đắm trong vẻ đẹp mỹ lệ, Rafael cảm kích trước cảnh đẹp kỳ vĩ, Titian trầm ngâm trước sắc vàng.

FLORENCE - VÙNG ĐẤT PHỒN VINH THỜI KỲ PHỤC HƯNG

Florence nằm ở giữa vùng biển Italia, thủ phủ của vùng đất Tuscanny, bên cạnh dãy núi Apennines. Dòng sông Arno chảy khắp thành phố với 7 cây cầu bắc ngang sang hai bờ, dân số lên tới 444.000 người.

Florence là thành phố văn hóa lịch sử nổi tiếng lâu đời, bắt nguồn từ thời kỳ Phục hưng của Italia. Đồng thời cũng là cái nôi của nền văn hóa châu Âu, một trong những vùng bảo tồn phong phú nhất các tác phẩm nghệ thuật thời kỳ Phục hưng. Thế kỷ XV - XVI, Florence là trung tâm nghệ thuật nổi tiếng nhất châu Âu, đánh dấu giai đoạn huy hoàng nhất, trong đó phải kể đến thời kỳ Phục hưng. Tại thời điểm đó có rất nhiều danh nhân nổi tiếng như: Leonardo da Vinci, Angelov... Thế nhưng, chính những tác phẩm kiến trúc, điêu khắc, hội



họa, thơ ca kiệt tác mới tạo nên một Florence phồn vinh. Nó trở thành trung tâm tư tưởng văn hóa, nghệ thuật của châu Âu.



Thành phố Florence mỹ lệ.

Thành phố này khá nhộn nhịp, trong khoảng không gian nhỏ bé tập trung số lượng kiệt tác nghệ thuật nhiều nhất thế giới. Vào thế kỷ XIV, hai bên bờ chiếc cầu đá xây dựng Viện mỹ thuật Uffizi: Hai tòa nhà nằm đối diện trên hai bờ sông, hội tụ những tác phẩm nghệ thuật tinh xảo. Trong đó, bức tượng điêu khắc vệ sỹ là biểu trưng cho sự bảo vệ tự do của người Florence, nó được coi là đứa con của thị dân. Những tác phẩm của Rafael, Botticelli tập trung ở đây đều được liệt vào tác phẩm nghệ thuật quý giá của thế giới.

Đại giáo đường Maria là kiến trúc biểu trưng cho thành phố cổ này, trên bề mặt có một đỉnh tròn đường kính 45m. Lầu chuông của giáo đường được xây dựng vào thế kỷ XIV, cao 82m, do các tảng đá hoa cương đủ màu sắc tạo thành. Trên quảng trường Piazza Signoria có cung điện Piazza được xây dựng vào thế kỷ



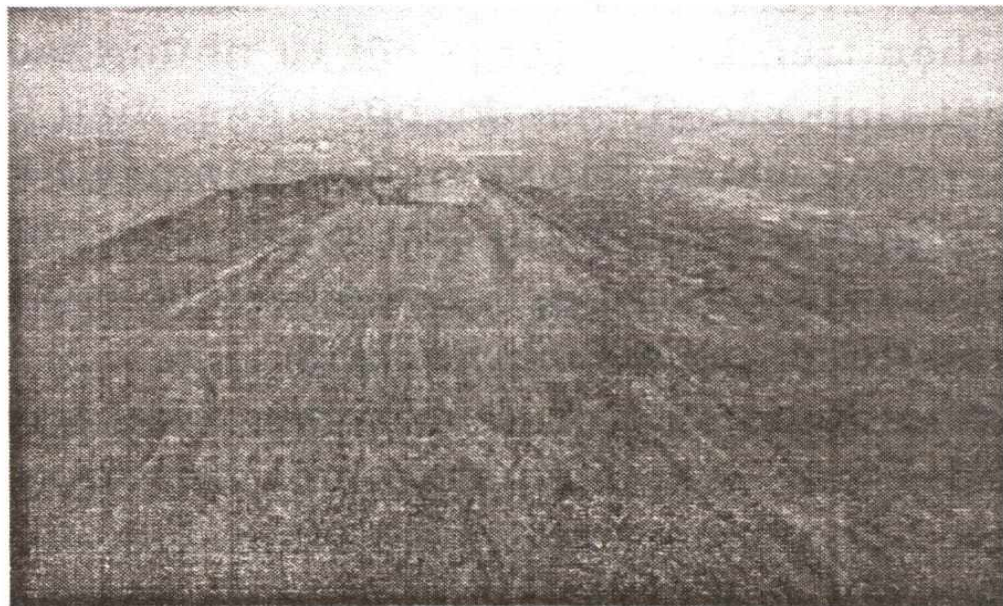


XIII. Lầu tháp này cao 94m, trở thành kiến trúc điển hình của Florence. Phía sau vùng đất tập trung quần thể tòa giáo đường thời Phục hưng gồm 2 tòa tháp cung điện Duke sừng sững trang nghiêm, đây là báu vật được bảo tồn từ thời kỳ Phục hưng. Cung điện Montague là một trong những cung điện nguy nga tráng lệ nhất thời kỳ này.

Núi lửa Vesuvius - THẦN HỦY DIỆT



Vesuvius là một trong những ngọn núi lửa nổi tiếng nhất trên thế giới. Nó nằm ở ven cảng Italia, cách mặt nước biển 1.277m, là núi lửa đang hoạt động duy nhất trong đại lục châu Âu, sâu 216m, đường kính trong 3km. Ban đầu, đây là một hòn đảo trong vịnh biển, do núi lửa phun trào, dung nham, sau đó tích tụ lại nổi liền với lục địa. Lần phun trào năm 79 đã che phủ toàn bộ những thành phố vùng lân cận như: Pompeii, Hercula Neum.



Núi lửa Vesuvius - một trong những ngọn núi lửa nguy hiểm nhất thế giới.



Từ trước thế kỷ VIII trước Công nguyên, Pompeii từ một thôn chài nhỏ bên bờ biển phát triển lên thành thị. Sau hàng trăm năm, thương nghiệp có nhiều bước tiến mạnh mẽ, chỉ đứng sau thành phố Rome cổ đại của Italia. Vesuvius nằm ở phía Bắc, cách Rome 300km, phía Tây tiếp giáp với đảo Sicily nổi tiếng. Phía Nam thông Pompeii với Bắc Phi, thành phố cổ Pompeii hình vuông, được bao quanh bởi tường thành 4 mặt có cổng thành. Trong thành phố, nhiều dãy núi ngang dọc đan xen nhau. Những tác phẩm kiến trúc quan trọng bao bọc xung quanh quảng trường thành phố. Ví dụ như, thần miếu mặt trời kỳ vĩ, đấu trường rộng lớn, đồ sộ, kinh viện, giáo đường, trung tâm buôn bán. Căn phòng kỳ lạ cùng với những khu vui chơi thu hút thương nhân giàu có, quý tộc lần lượt kéo về Pompeii. Họ xây vườn hoa, biệt thự, mở trung tâm giải trí, làm cho Pompeii trở thành vùng đất phồn vinh.



Thế nhưng, cho đến một ngày tai họa ập xuống vùng đất nổi tiếng này trong một đêm đã bị nhấn chìm bởi núi lửa.

Ngày nay, xung quanh ngọn núi lửa có hơn 1 triệu cư dân sinh sống. Họ không sợ sự nguy hiểm của núi lửa. Chỉ cần chú ý quan sát, nghiên cứu, nắm vững quy luật hoạt động có thể giảm đi sự nguy hiểm của núi lửa. Con người và tự nhiên hoàn toàn có thể cùng chung sống. Không những thế, núi lửa có thể mang đến nhiều điều may mắn cho nhân loại.



3. Những bí ẩn xung quanh đảo Greenland

Một năm có 260 ngày, đêm giống như vòng tuần hoàn trong cuộc sống của người dân ở đảo Greenland. Mùa đông trời tối rất nhanh, thêm vào đó là ánh hào quang của mặt trời. Đôi khi, nó như ngọn lửa nhiều màu sắc bắn tung lên không trung, có lúc lại giống cô thôn nữ tay cầm tấm vải lụa nhẹ nhàng nháy múa một cách uyển chuyển. Điều này làm cho du khách cảm nhận bầu không khí tĩnh lặng về đêm ấy luôn tràn đầy sức sống. Mùa hè, ánh mặt trời chiếu sáng khắp nơi, hòn đảo như cô tiên nữ khoác trên mình tấm áo choàng màu vàng rực rỡ. Thế nhưng, trong cái tĩnh đó luôn có tiếng động của những chiếc xe kéo trên băng tuyết. Đây chính là đặc trưng của đảo Greenland.



Đảo Greenland bị che phủ bởi một khối băng khổng lồ.

Đảo Greenland không giống như cái tên tràn đầy sắc xuân của nó. Đảo có chiều dài 2.670m, chiều rộng nhất hơn 1.000m, 2/3 diện tích nằm trong cực Bắc. Đây



có thể coi là một thế giới thần thoại với sự che phủ dày đặc của tuyết trắng. Thời tiết ở đây rất lạnh, tuyết phủ dày đặc, có lúc nhiệt độ xuống thấp nhất từ 0°C đến -70°C . Greenland là khu vực hàn đới của châu Nam Cực đứng thứ hai trên thế giới. Đảo Greenland là hòn đảo lớn nhất thế giới, diện tích lên tới $2.175.600\text{m}^2$, lớn hơn nhiều so với các đảo đứng thứ 2, 3, 4. Ví dụ, đảo New Guinea, đảo Kalimantan và đảo Madagascar khoảng 54.600m^2 . Đặc trưng địa hình nổi bật nhất ở đảo Greenland đó là một nguồn băng tuyết rộng lớn, dày đặc. Dung tích của băng đá này đạt tới 260.000m^3 , chiếm 10% tổng lượng nước ngọt trên thế giới. Nếu những vùng băng tuyết này tan chảy, diện tích mặt biển trên trái đất sẽ tăng lên 6.5m.



Đảo Greenland có những ngọn núi băng cao sừng sững. Những tảng băng màu xanh ngọc bích lớn trôi trên biển do những tảng đá lớn nhỏ, khe suối tạo thành. Ở đảo này vốn đã có những nham thạch lâu đời nhất trên thế giới. Những đá này theo dự đoán ước lượng ít nhất 370.000 năm lịch sử. Từ không trung nhìn ra, đảo giống như một cánh đồng hoang rộng mênh mông, những ngọn núi giống như được khoác trên mình tấm áo choàng màu trắng, lung linh của nữ hoàng tuyết. Nếu nhìn về mặt địa hình, Greenland là một hòn đảo có sự khác biệt rất lớn: Vào mùa xuân, ở ven đảo xuất hiện những loài cỏ tai hùm xanh tươi, loài hoa màu vàng. Đảo Greenland vẫn bị ngăn chặn bởi các tảng băng lớn. Cho nên chỉ trong 450km, con người không thể tìm thấy một cánh đồng cỏ hoặc một bông hoa nào. Nguyên nhân ở chỗ: Trong mùa đông chỉ có





tuyết rơi, không có mưa, từ đó tạo thành một vương quốc của băng tuyết.



Khi đứng trên hòn đảo Greenland, du khách có thể tìm thấy một cảm giác vô cùng sáng khoái, hăng say. Những dòng sông băng, núi băng với nhiều hình dạng trở thành kỳ quan của đảo. Sự liên tưởng phong phú về các hình dạng này sẽ khiến cho chúng ta cảm giác đang được đặt chân vào chiến trường với vũ khí sắc bén. Đôi khi giống như được đặt chân lên cánh đồng rộng mênh mông với hàng nghìn con ngựa chạy phăng phăng.



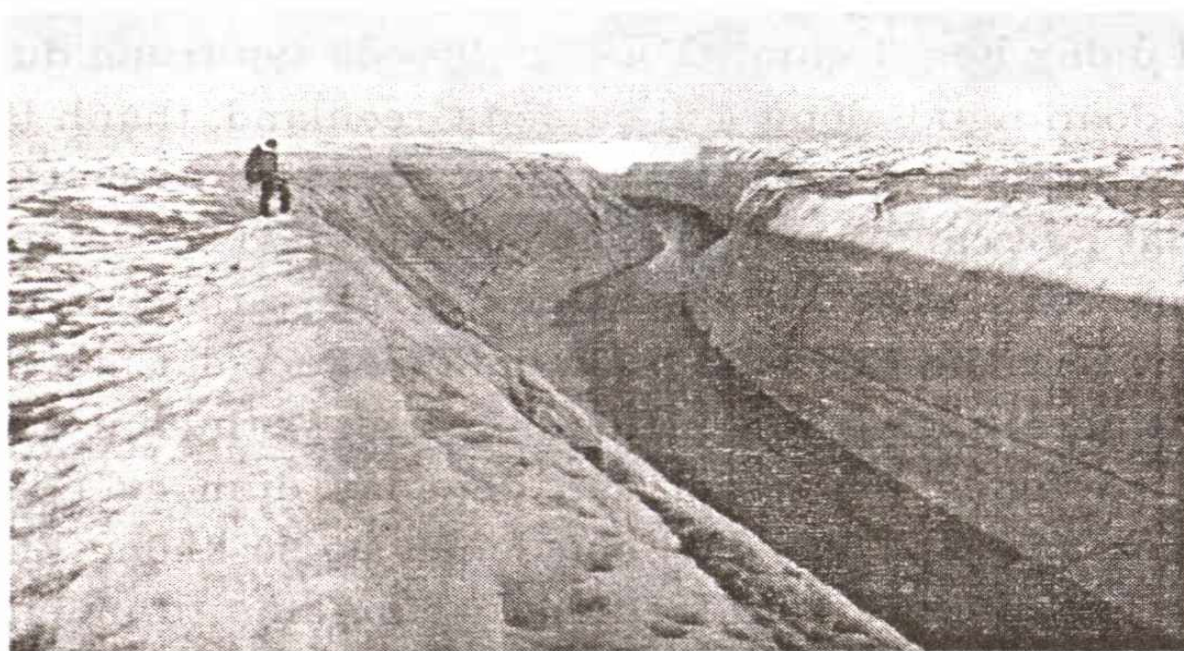
Đảo Greenland mang một vẻ đẹp tuyệt mỹ, không gì có thể so sánh được. Tuy nhiên, về mặt địa hình, đảo có sự khác biệt vô cùng lớn. Ở bờ biển phía Đông đã từ nhiều năm nay có một tảng băng lớn chắn ngang không thể vượt qua. Bởi vì điều kiện tự nhiên địa hình nơi đây khó khăn, hiểm trở, cho nên giao thông gặp nhiều trở ngại. Đó cũng chính là lý do làm cho cả vùng đất mênh mông rộng lớn này trở thành nơi cư trú lánh nạn của các loài chim. Quần đảo Greenland có một thành phố dưới sông băng có tên gọi là cung điện thế kỷ. Người dân có thể đi lại dựa vào một loại hình đường ray xe điện trên băng. Nó được bố trí chạy đi chạy lại như thoi đưa trong đường hầm của từng tầng băng. Các thị trấn nhỏ trên hòn đảo Greenland đều được xây dựng, thiết kế rất giống nhau: Căn nhà sơn màu hồng, màu vàng, màu xanh da trời nằm rải rác trên hai bên bờ của vịnh tạo nên một thế giới lung linh trước mặt con người.



Hơn nữa, nếu vào ban ngày mỗi khi mùa hè đến, từ biển nhìn xuống núi băng sẽ là một cảnh tượng khó quên. Chính vì vậy, những ngọn núi băng đã trở thành



cảnh quan tự nhiên hùng vĩ nhất của Greenland. Các nhiếp ảnh gia mỗi khi ngắm nhìn cảnh khách thăm quan trên biển với tấm áo choàng trắng đều không thể đứng từ một góc nhìn chụp được 2 bức ảnh giống nhau. Bởi vì, những tảng băng nơi đây không ngừng tan chảy. Trong quá trình các nhà nhiếp ảnh điều chỉnh góc độ để có bức ảnh đẹp hơn, các tảng băng ấy đã đổ xuống, trôi đi. Chính nhờ sự thiên biến vạn hóa trong việc tạo ra các loại tảng băng, dưới ánh sáng mặt trời, vẻ đẹp của nó càng thêm tráng lệ, nguy nga.



Trung tâm đảo Greenland - nơi những dải băng kéo dài 1,6km.

Đảo Greenland - một hòn đảo lớn nhất cao nhất trên thế giới được coi là cảnh quan thiên nhiên mỹ lệ, hùng tráng con người khó có thể tin vào mắt mình.

ERIC THE RED - NGƯỜI THÁM HIỂM VÙNG ĐẢO GREENLAND

Trên các đỉnh núi băng cao chọc trời, quanh năm vẫn có gió tuyết tàn phá đảo Greenland. Trong tiếng Đan Mạch nó có nghĩa là vùng đất màu xanh. Tương



truyền. Thời cổ đại có một thủy thủ tên Eric the Red - nổi tiếng vùng Xcăng-di-na-vi đã phát hiện ra quần đảo Greenland. Từ đó, ông cho ở đây xây dựng nơi định cư của người dân Xcăng-di-na-vi.

Vào năm 982 trước Công nguyên, Eric the Red lái con thuyền ra khơi từ đảo băng. Nó đi theo hướng Tây Bắc để tìm châu lục mới nhưng tình cờ lại phát hiện ra một đảo lớn. Ông đi từ phía Đông đến bờ biển phía Tây của đảo Greenland, cho đến khi phát hiện ra địa điểm không có tảng băng mới đáp thuyền lên bờ. Eric the Red ở đây hơn 3 năm. Đến năm 985 đã tập trung được một đoàn người đồng ý di cư đến Greenland, thành lập nên một gia đình của những người Xcăng-di-na-vi. Ông đã đặt một cái tên rất hay cho nơi này - đảo Greenland. Trong cuốn nhật ký ghi lại những ngày tháng thám hiểm, Eric the Red viết: “Nếu nơi này được đặt một cái tên làm cảm động lòng người nhất định sẽ thu hút được một số lượng lớn người dân đến đây định cư”. Thế nhưng, sau khi đến đây, chắc chắn họ sẽ không khỏi kinh hoàng trước điều kiện địa lý cũng như tự nhiên ở nơi này.

Năm 986, thủy thủ Eric dẫn đầu đoàn viễn chinh gồm 25 chiếc thuyền, tiến sang đảo. Kết quả là, chỉ có 14 chiếc thuyền gồm 500 người đến được đảo Greenland. Những người dân Xcăng-di-na-vi sống định cư ở đảo Greenland khoảng 500 năm, sau đó biến mất dần. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này không rõ ràng, việc di cư của các gia đình trên đảo Greenland có thể bị ảnh hưởng của một loại bệnh xuất hiện bất ngờ



hoặc họ đã di cư về hướng Bắc. Sau đó biến mất dần trên dòng sông lịch sử của người Inuit.

Người Inuit - CHỦ NHÂN CỦA BẮC CỰC

Dân số ở đảo Greenland khoảng 540.000 người, trong đó người Inuit chiếm 530.000 người. Nơi sinh sống của họ chiếm 5/6 độ che phủ của băng tuyết. Họ đã từng sống ở đây cách 3.000 năm trước Công nguyên.



Người Inuit ngồi trên một chiếc xe trượt tuyết cổ truyền của họ.

Người Inuit còn được gọi là người Eskimo (từ “Eskimo” có nguồn gốc từ ngôn ngữ của người Anh-điêng có nghĩa là “người ăn thịt sống”). Bởi vì trong lịch sử, người Anh-điêng và người Inuit có mâu thuẫn với nhau, cho nên tên gọi này cũng mang nghĩa bóng. Chính vì vậy, họ tự gọi mình là người Inuit hay người chân chính. Người Inuit từ châu Á di chuyển 2 lần rồi nhập cư vào khu vực Bắc cực. Trải qua hơn 4.000 năm lịch sử, cuối cùng, họ sáng tạo ra chữ viết bằng chữ La tinh chữ Slavơ. Nơi ở cũng được xây dựng bằng đá, gỗ tuyết. Thông thường, họ sử dụng loài chó để kéo xe





tuyệt. Săn bắn là phương thức sống truyền thông của người dân Inuit. Ở khu vực Bắc cực, đi săn trở thành đặc quyền của người Inuit. Họ chủ yếu đi trên các vùng biển hoặc các lục địa, săn bắt các loài hải báo, cá kình, các loài khác như sơn dương. Những người đàn ông thường nhận việc săn bắt, còn người phụ nữ ở nhà chế biến, may vá.



Trong trí nhớ của mọi người thường xuất hiện một mặt của bức tranh nguyên sinh như sau: Trong đêm tối mù mịt kéo dài theo năm tháng, họ chống lại những cơn gió tuyết, cái giá lạnh xuống nhiệt độ cực thấp. Vào mùa hè, họ chạy ra vùng sóng biển tung trào với luồng gió lớn.

Họ chỉ dựa vào chiếc xe kéo, những công cụ đơn giản để săn bắt loài cá kình lớn nhất trái đất. Họ dùng chiếc lao nhọn sắc bắt được rất nhiều gấu Bắc cực loài hung dữ nhất trên lục địa.



Khi không đánh bắt được con mồi nào, toàn bộ người trong gia đình, thôn làng đó, thậm chí cả bộ lạc sẽ bị chết đói. Đó là cuộc sống tự do, tự tại của người dân Inuit trải qua trong hàng nghìn năm, không hề có bất cứ người ngoại địa nào đến làm phiền. Nơi đây có nền kinh tế tự nhiên theo phương thức khép kín, có thể tự chăm lo cho cuộc sống, giống như thời kỳ đồ đá trong lịch sử của nhân loại. Trong điều kiện khí hậu trở nên khắc nghiệt, môi trường tàn khốc khó khăn ấy, họ đã phải tranh đấu để bảo vệ sinh mạng của mình trong hàng trăm nghìn năm. Việc họ có thể tồn tại được đến nay là cả một kỳ tích lớn. Trong số đại gia đình các dân tộc trên thế giới, người dân Inuit thực sự là một dân tộc dũng cảm nhất, anh hùng, mạnh mẽ nhất luôn có tinh



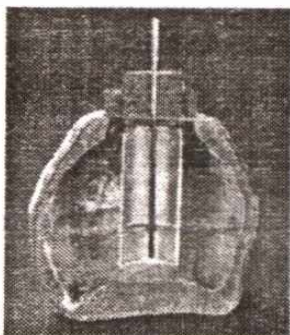
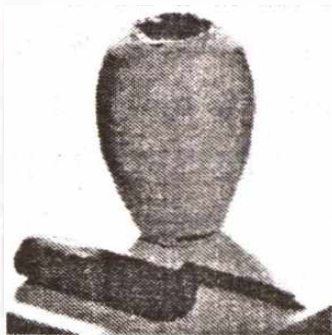


thần bất khuất, không chịu khuất phục trước khó khăn. Đến thế kỷ XVI, một số người thợ săn ở phương Nam phát hiện ra sự tồn tại của họ. Do vậy, những thương nhân, người đánh bắt cá voi, người truyền giáo lần lượt biết đến nơi này. Bắc cực vốn yên tĩnh, lạnh giá trong chốc lát đã trở nên náo nhiệt khác thường.

Cuộc sống hiện nay của người Inuit đã có sự biến đổi. Những tảng băng nhiều như trước không còn tồn tại nữa. Những căn nhà được làm bằng gỗ, trang trí các thiết bị điều hòa, có con kênh nhỏ bên cạnh. Con thuyền được tạo thành từ da của hải cẩu nổi bật đặc sắc nhất của người dân Inuit được đưa vào viện bảo tàng, thay vào đó là các thuyền chạy bằng động cơ. Họ cũng ít dùng chó để kéo xe tuyết, bởi vì họ bắt đầu sử dụng ô tô. Trước đây để có thể vượt qua sự lạnh giá của mùa đông, họ vẫn thường dùng các tấm da được may vá lại, ngày nay đã có sự hạn chế hơn.

Bên cạnh đó, họ sáng tạo thêm bộ nileông khoác bên ngoài rất đẹp. Con cái của họ được đi học cho đến khi tốt nghiệp đại học. Những người đi làm ngoài thời gian dành cho công việc còn có thể ở nhà xem tivi, truy cập internet. Như vậy, chỉ trong mấy chục năm, trở lại đây từ một người dân Inuit với cuộc sống truyền thống nguyên thủy đơn giản, họ đã bước vào thời đại văn minh hơn. Sự biến đổi nhanh chóng, bất ngờ này có thể coi là một kỳ tích lớn trong lịch sử. Cuộc sống nguyên thủy trong thế giới băng tuyết của người dân Inuit giống như sự mất đi vĩnh viễn của tảng băng Igloo. Bức tranh về cuộc sống nguyên thủy của họ cũng sẽ chỉ tồn tại trong ký ức, trí nhớ của một số người.





Chương mười ba

NHỮNG BÍ ẨN KHOA HỌC



1. Quả tim nhân tạo của người tiền sử

Gần đây, trong rừng rậm ở châu Phi có một thông tin gây chú ý như sau: Các nhà Khảo cổ học đã phát hiện thấy quả tim nhân tạo trong một thi thể. Mọi người đều biết, tim nhân tạo là thành quả nghiên cứu, chế tạo của những năm gần đây. Điều khiến người ta ngạc nhiên đó là bộ hài cốt được khai quật lại thuộc về thời kỳ tiền sử.

Bộ hài cốt này của cư dân thời tiền sử, do một đội khảo cổ vô tình phát hiện thấy khi đang tiến hành công tác nghiên cứu trong rừng rậm phía Bắc Tunisia. Căn cứ theo trắc định khí carbon 14 cho thấy, cư dân này ít nhất cũng đã chết cách đây 5 vạn năm.



Quả tim nhân tạo.

Đội trưởng đội khảo cổ, tiến sỹ Mercer Chateau cho biết: "Thi thể này đã bị thối rữa nhưng quả tim nhân tạo bên trong vẫn rất hoàn hảo, chỉ cần chỉnh sửa qua có thể



tái sử dụng được. Chúng tôi tin chắc đó là quả tim nhân tạo cách đây 5 vạn năm. Nếu thàng trước có người nói với tôi chuyện này, chắc chắn tôi sẽ cười phá lên, coi đó là chuyện tào lao. Thế nhưng giờ đây, sự thực đang bày ra trước mắt tôi. Người chế tạo ra quả tim tuyệt đối không thể là người nằm dưới huyết mộ, cũng không phải đến từ hành tinh của chúng ta được”.



Một chuyên gia người Mỹ nghiên cứu UFO cổ đại tên là Cath Kidsto cho biết: “Trước đây, chúng tôi cũng đã suy đoán người Ai Cập cổ đại là người trái đất đầu tiên tiếp xúc với người ngoài hành tinh. Khi đó còn có rất nhiều người phản đối ý kiến này. Tuy nhiên đến nay có thể thấy, trước khi có bóng dáng của con người trái đất đã có sự tồn tại của sinh vật trí tuệ cao từ bên ngoài tới. Quả tim trên cơ thể của người được tìm thấy trong huyết mộ mặc dù vô cùng đơn giản nhưng lại có ống kim loại, một thứ giống như chiếc bơm. Nó tương tự như quả tim nhân tạo của chúng ta ngày nay. Điều này cho thấy, loài sinh vật có trí tuệ cao siêu nào đó đã có mặt ở trái đất 5 vạn năm về trước, từng tiến hành phẫu thuật tim cho người này. Có lẽ người trong huyết này không phải là bị bệnh tim thực sự, chỉ là bị họ dùng làm vật thí nghiệm”.



Ngoài ra, có một nhà Khảo cổ học tên là Redpath đưa ra ý kiến khác như sau: “Đó có thể là giai đoạn quan trọng trong quá trình tiến hóa của nhân loại bị mất đi. Trước khi loài người ngày nay ra đời, thế giới tồn tại một nền văn minh nhân loại khác. Thế nhưng, nền văn minh này đã bị phá hủy, sau thời gian dài mới có thể hồi phục lại được. Quả tim nhân tạo này có thể là





của một nhà khoa học ở thế giới cũ đặt lên cơ thể của người. Ông muốn dùng phương pháp này để chuyển lại cho người sau.

Ngày nay, quả tim nhân tạo thời tiền sử này đã được đưa tới Tây Ban Nha, thu hút các nhà khoa học, nhà Sử học, chuyên gia nghiên cứu UFO ở khắp mọi nơi trên thế giới tới nghiên cứu. Các nhà Khảo cổ học hiện vẫn đang tiếp tục khai quật, hy vọng có thể phát hiện thêm nhiều điều gây mới mẻ hơn nữa.



2. Bí ẩn xung quanh máy tạo nhịp tim bằng thủy tinh đen

Xác ướp Ai Cập từng gây tiếng vang trên toàn thế giới, việc bảo tồn nó hoàn hảo khiến cho người ta cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Đến nay, trên vùng đất thần bí Ai Cập, các nhà Khảo cổ học đã khai quật được rất nhiều xác ướp với con số không thể thông kê. Vậy, rốt cuộc nơi đây còn tồn tại bao nhiêu xác ướp vẫn chưa được khai quật? Con người không thể biết hết được. Chính vì vậy, ở Ai Cập - thiên đường của các nhà Khảo cổ học, mọi người có rất nhiều việc phải làm, nhiều thứ chưa biết đang chờ được khám phá. Cùng với công tác nghiên cứu, những xác ướp được lần lượt khai quật cũng đặt ra cho người ta nhiều câu hỏi mới.

Trong một lần khai quật, khi mọi người đưa xác ướp ra khỏi hầm mộ, sau khi chuẩn bị tiến hành xử lý sơ bộ để giao cho Ban văn vật quốc gia thu giữ, một người tham gia vào công tác này cảm thấy xác ướp này vẫn còn tồn tại điều gì đó khác với những xác ướp trước đây. Vậy, chúng khác ở chỗ nào? Khi đặt xác ướp trước



mặt, tiến hành quan sát chi tiết, ông phát hiện thấy từ bên trong cơ thể phát ra một âm thanh có quy luật. Âm thanh nhỏ này rồi cuộc từ đâu tới? Theo hướng phát ra của âm thanh, ông tiến hành tìm kiếm đã phát hiện thấy âm thanh được phát ra từ vị trí tim giống như là đang đập. Điều này khiến cho mọi người vô cùng kinh sợ. Lẽ nào tim của người chết vẫn còn đang đập? Đó là điều không thể. Vậy thứ gì được giấu bên trong tim của xác ướp? Mọi người không biết, cũng không dám mổ thi thể đang được bọc kín vải ra. Họ liền tổ chức người đưa xác ướp đó tới phòng khám chữa bệnh của bác sỹ Jianan. Đứng trước xác ướp kỳ lạ này, bác sỹ Jianan cũng không mạo hiểm tiến hành ngay, liền đưa nó tới bệnh viện Cairo - nơi có kinh nghiệm dày dặn về phân tích xác ướp.

Sau khi bệnh viện Cairo tiếp nhận xác ướp được chuyển tới này tổ chức một số chuyên gia tiến hành kiểm tra. Các bác sỹ đã tiến hành cắt lớp vải phủ trên thi thể để phẫu thuật. Lúc này ở gần tim của thi thể, họ phát hiện thấy một chiếc máy tạo nhịp tim. Mọi người có thể nghe thấy âm thanh của chiếc máy này đang thúc đẩy tim đập. Âm thanh của nó có tiết tấu, mỗi phút đều đập 80 lần. Mặc dù quả tim của 2.500 năm trước đã khô lại nhưng vẫn còn đập theo quy luật của máy tạo nhịp tim. Vậy, đó là chiếc máy tạo nhịp tim như thế nào? Con người dùng phương pháp gì để tạo nhịp tim? Các nhà khoa học đã dùng các thiết bị tiên tiến nhất để tiến hành đo đạc. Họ phát hiện chiếc máy này được chế tạo từ một khối thủy tinh màu đen. Do thủy tinh màu đen hàm chứa





vật chất có tính phóng xạ, cho nên có thể kích thích cho máy tạo nhịp tim đập liên tiếp.

Các bác sỹ đã công bố với công chúng về phát hiện quan trọng này, đồng thời đặt chiếc máy tạo nhịp đập này vào bên trong xác ướp để mọi người có thể tới tham quan. Tất cả đều phải thốt lên kinh ngạc khi nhìn thấy chiếc máy tạo nhịp tim thần bí này. Một thắc mắc được đưa ra: Thủy tinh đen này từ đâu tới? Thủy tinh hiện tồn tại trên thế giới chỉ có 3 màu là màu trắng, một số ít màu hồng nhạt, màu tím. Từ trước nay, chưa ai nhìn thấy thủy tinh đen. Hơn nữa nó còn xuất hiện cách đây 2.500 năm. Cho nên, không ai là người hiểu thủy tinh đen này có chứa vật chất có tính phóng xạ có thể khiến cho tim đập theo nhịp. Ngoài ra, mọi người còn chỉ ra rằng: Máy tạo nhịp tim chắc chắn được đặt vào bên trong cơ thể con người lúc còn sống, nhằm hỗ trợ cho tim hoạt động tốt hơn. Vậy, trong điều kiện y học Ai Cập cổ đại còn hạn chế, con người thời đó làm thế nào để đặt chiếc máy tạo nhịp tim này vào bên trong lồng ngực? Đứng trước hàng loạt những bí ẩn này, có một số chuyên gia cho rằng: Có khả năng, người ngoài hành tinh đã từng đến nơi đây mang tới máy trợ tim được cấu thành từ thủy tinh đen. Đồng thời, họ đã tiến hành thí nghiệm đặc biệt trên cơ thể của người trái đất, tìm cách để chiếc máy trợ tim này được lưu giữ lại bên trong cơ thể của xác ướp lâu hơn nữa. Cũng có người cho rằng: Trong Ai Cập cổ đại có thể tồn tại một số thầy phù thủy có khả năng đặc biệt. Họ đã dùng khả năng này tạo ra kỳ tích lịch sử. Vậy, chiếc máy trợ tim bằng thủy tinh đen này từ đâu tới, do người nào chế tạo, cấy vào trong

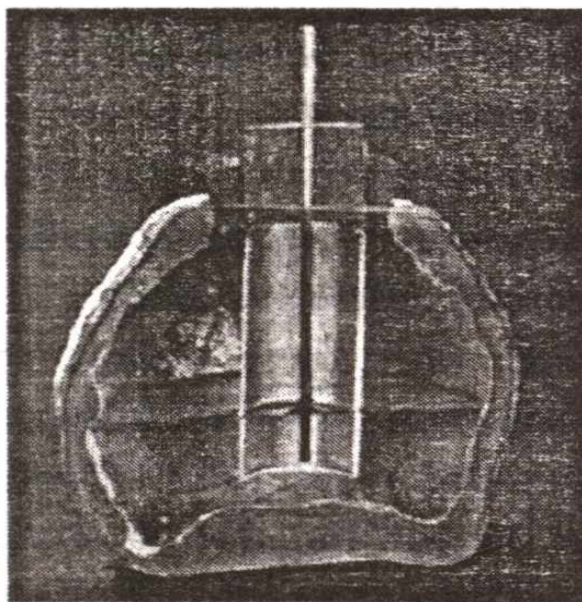
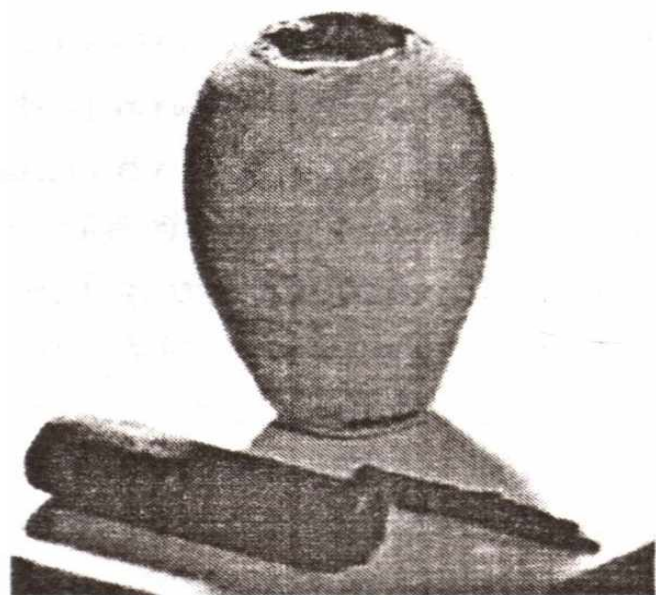


cơ thể con người bằng cách nào? Điều này thực sự là một bài toán khó.



3. Pin điện đã từng xuất hiện ở thời cổ đại

Tháng 6, năm 1936, con người tiến hành xây dựng đường sắt ở ngoại thành Bátđà của thủ đô Irắc. Khi đang tu sửa phần đẽ, họ phát hiện trên mặt đất lộ ra một tảng đá rất lớn, trên mặt khắc rất nhiều văn tự tiếng Ba Tư. Nhiều người thử xem nhưng không ai lý giải được nội dung của nó. Một vài người tiếp tục đào về phía trước, hướng xuống dưới. Trong quá trình đào, họ phát hiện một chiếc quan tài đá được thành từ tảng đá lớn. Sau hơn 2 tháng, cuối cùng chiếc quan tài đá khổng lồ đã được mở ra. Người ta tìm thấy số lượng lớn văn vật thời kỳ Ba Tư cổ đại từ năm 248 - 226 trước Công nguyên. Điều khiến người ta ngạc nhiên nhất trong đó là 613 hạt ngọc quý tổ thành chuỗi ngọc vàng bạc, một số ống đồng, que sắt, đồ gốm sứ.



Một quả pin hóa học thời cổ đại.





Vì sao những đồ vật này vì sao lại được chôn cùng với những vật phẩm quý như vàng bạc? Chúng có tác dụng gì? Carvedilo Nigel - nhà Khảo cổ học người Đức, viện trưởng Viện bảo tàng Irắc thời đó đã tìm cách lý giải những văn vật được tìm thấy nhưng vẫn không có kết quả. Do đó, ông quyết định tổ chức lực lượng lớn, tiến hành nghiên cứu giám định những chiếc ống đồng, que sắt, đồ gốm sứ này. Ông cho biết:



“Chúng tôi đã tìm thấy một văn vật đặc biệt khác thường. Nó là bình gốm, cao 15mm, giống bình hoa, núm trắng hơi ngả vàng. Trong bình chứa đầy hoặc kín, đường kính 2.6mm, cao 9mm. Trong ống đồng có một lớp hắc tín, bao quanh một que sắt. Trên đoạn đầu que sắt có ống đồng 1mm, mặc dù phần nhô cao lên đã bị gỉ sắt nhưng từng đoạn lại có một lớp vật chất màu ghi ngả vàng, nhìn giống chì. Đoạn dưới của que sắt được bịt với hắc ín cao 3mm làm cho que sắt, ống đồng bị ngăn cách”.



Người ta cảm thấy ngạc nhiên về những lời kể của ông. Không ai biết những thứ này được dùng để làm gì.



Sau nhiều lần giám định, Carvedilo Nigel đã tuyên bố một thông tin khiến cho mọi người ta vô cùng kinh ngạc: “Những ống đồng, que sắt đồ gốm sứ này là pin hóa học thời cổ đại. Chỉ cần đổ vào bên trong bình gốm một ít acid hoặc nước kiềm tính, nó có thể phát điện”. Điều này có nghĩa là trong khoảng thời gian từ năm 248 - 226 trước Công nguyên, người Persia sống ở nơi đây đã bắt đầu sử dụng pin.

Thông tin này đã gây xôn xao trong giới khảo cổ. Các nhà Khảo cổ học ở khắp nơi trên thế giới lần lượt



kéo tới. Họ muốn được nghiên cứu chi tiết loại pin hóa học cổ đại này. Tuy nhiên, cả Carvedilo Nigel và pin hóa học cổ đại lại đột ngột biến mất. Các nhà Khảo cổ học chia nhau tìm kiếm nhưng đều không có kết quả.

Thực ra, Carvedilo Nigel đã mang những quả pin hóa học cổ này lặn lẽ trở về Đức để chứng minh phát hiện của mình. Một tháng sau, Carvedilo Nigel xuất hiện ở Berlin, công bố một thông tin khác. Ông cho biết: “Căn cứ vào văn vật được tìm thấy, kết hợp thêm 10 tài liệu về pin vào phân tích cho thấy, những quả pin thời đó được sử dụng xâu chuỗi lại. Mục đích của việc nối những quả pin này lại với nhau là thông qua phép giải phóng điện để khắc hoặc trang trí lên vàng”.

Hai phát hiện này của Carvedilo Nigel đã gây chấn động trong giới khảo cổ thế giới. Tuy nhiên, luận điểm này của ông mất một thời gian rất dài vẫn chưa được thừa nhận. Vì sao lại như vậy?

Sau chuyến thăm hỏi của tổng thư ký Viện bảo tàng khoa học Anh ở Baghdad, nhà hóa học, khoa học tự nhiên - ông Warri Patel đã cho biết: “Mặc dù những dự đoán của ông cũng có lý, nhưng các nhà khoa học tự nhiên khó mà tin được rằng. Pin hóa học đã ra đời cách đây 1.500 năm trước. Phát hiện khảo cổ này đứng trên phương diện khoa học đã trở thành sự kiện lớn nhất trong lịch sử khoa học”.

Đối diện với những phản ứng gay gắt, Carvedilo Nigel không hề nao núng, vẫn kiên trì quan điểm của mình. Ông thở dài nói: “Cho tới nay, không có nhà khoa học nào có thể phản bác lại được suy đoán của tôi. Thế nhưng, họ lại không nhìn thẳng vào sự thật





này. Họ không thể chấp nhận được chuyện 2.000 năm trước, người dân ở hai bên lưu vực sông Euphrates đã sử dụng pin”.

Lúc này, một học giả của Đức - ông Arne Eggebrech đã giúp đỡ Carredilo Nigel. Ông chế tác một số ống đồng, que sắt, bình gốm để mô phỏng lại pin Baghdad. Ông lấy nước nho tươi ép đổ vào trong pin, kỳ tích lập tức xuất hiện: Bảng điện của pin liên tiếp hiển thị điện áp 0,5V. Sau khi được xác định tính phát điện của pin có được, họ tiếp tục tiến hành thí nghiệm điện phân mạ vàng. Qua nhiều thí nghiệm, cuối cùng ông đã chứng minh được, người cổ đại thực sự dùng phương pháp này để mạ vàng.

Ngoài Arne Eggebrech ra, các nhà khoa học Mỹ cũng loại pin này, mô phỏng lại pin Baghdad, tiến hành hàng loạt thí nghiệm. Họ cũng dùng đồ phục chế thành công loại pin này, thu được điện áp 0,5V hơn nữa còn được duy trì 18 ngày. Trong thí nghiệm sử dụng rượu nho, sắt sunphát, muối lưu huỳnh acid làm dung dịch pin. Sau đó, các nhà khoa học thừa nhận: Ống đồng, que sắt, bình gốm được tìm thấy ở gần Baghdad được dùng vào việc chế tạo pin hóa học.

Như vậy, sự kiện không chỉ chứng minh được rằng, người Persia cổ đại đã biết sử dụng điện. Hơn nữa còn đưa ra một vấn đề quan trọng: Sử dụng điện có thể là một kỹ thuật quan trọng của những thành tựu điều khắc thời kỳ cổ đại. Họ dùng điện để nung sắt, các loại kim loại khác.

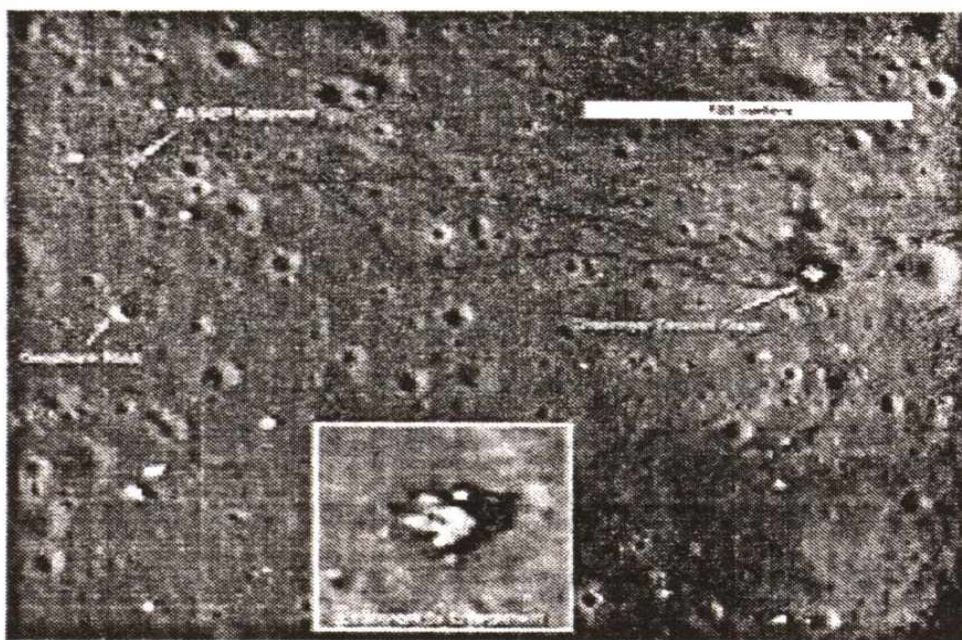


4. Cách thức liên lạc với người ngoài hành tinh

Năm 1959, lần đầu tiên Cocconi - nhà Vật lý học Asutralia và Morrison - nhà Vật lý học Mỹ tiến hành phân tích khả năng truyền thông tin của các chòm sao. Họ đưa ra kết luận: Thực hiện truyền tin giữa các chòm sao mang tự nhiên, thực tế nhất. Hơn nữa còn có thể thực hiện phương pháp dùng sóng điện không dây.

SÓNG ĐIỆN KHÔNG DÂY THẦN KỲ

Năm 1888, Heinrich Rudolf Hertz (1857 - 1894) - nhà Vật lý học người Đức đã tìm ra một khúc xạ điện từ giống như ánh sáng. Khúc xạ mới phát hiện này được gọi là điện sóng không dây, dài gấp 1 triệu lần sóng ánh sáng.



Người ta cho rằng, người ngoài hành tinh đang tìm cách phát tín hiệu trên hành tinh khác.

Bởi vì, năng lượng sóng điện không dây thấp, cho nên nó rất dễ sinh ra. Sóng điện không dây có thể





xuyên qua bất kỳ sóng ánh sáng nào nhưng không thể xuyên qua thực thể. Khi tầng khí quyển trên cao của trái đất mang ion điện phóng ra, sóng điện từ đi theo đường cong tiến vào bề mặt trái đất. Trên sóng điện không dây con người có thể truyền phát thông tin muôn gửi đi.



Ngày nay, chúng ta đã có kính viễn vọng có thể đo được phóng điện còn sắc bén hơn ánh sáng, dò tín hiệu điện không dây được khúc xạ từ một nơi cách xa vũ trụ.

Tín hiệu điện vô tuyến của thiên thể phát ra không có ánh sáng mạnh như vậy. Dù ở một nơi tồn tại lượng lớn vi sóng, nếu người ngoài hành tinh phát tín hiệu vô tuyến điện chắc chắn sẽ mạnh hơn tín hiệu ở trên không. Không những thế, nó có thể bị chúng ta thu được.



Sóng điện không dây có rất nhiều sóng dài. Cho nên muốn thu được tất cả sóng dài, việc chế tạo máy thu sẽ gặp khó khăn, khó khắc phục được, đồng thời phải tiêu tốn rất nhiều tiền bạc. Nếu có thể biết được ngoài trái đất còn có sóng dài, chúng ta sẽ thu sóng đó chờ đợi thông tin truyền tới. Nếu máy thu đưa tới là một sóng dài, trong khi người ngoài hành tinh phát sóng ngắn, như vậy nghĩa là chúng ta không thể thu được nó.

NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH DÙNG SÓNG DÀI ĐỂ PHÁT THÔNG TIN BẰNG CÁCH NÀO?



Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, một nhà Thiên văn học người Hà Lan đã tính toán được khúc xạ điện không dây của nguyên tử hidro trong vũ trụ phát ra sóng dài là 21mm. Năm 1951, nhà Vật lý học người Mỹ đo được sóng điện không dây này.



Trong không gian vũ trụ tồn tại lượng nguyên tử hydro rất lớn, cho nên sóng điện không dây của sóng dài 21mm này nằm rải rác khắp nơi.

Như vậy, chúng ta thấy rằng, sóng dài 21mm là một tiêu chuẩn sóng dài của tự nhiên phát ra, tần suất là 1.420Hz. Bất kỳ trình độ kỹ thuật phát triển cao độ nào cũng đều thu được sóng dài tồn tại phổ biến này. Có thể thấy, mỗi người ngoài hành tinh đều có máy thu sóng dài 21mm. Bởi vì, ngôn ngữ của bản thân giới tự nhiên đôi với bất kỳ hành tinh nào cũng đều bằng nhau, dễ hiểu.

Cho nên, 2 nhà Vật lý học là Cocconi và Morrison đã nhấn mạnh rằng: Nếu muốn tìm thông tin được phát ra từ người ngoài hành tinh bên ngoài, nên tìm ở nơi có sóng dài 21mm.

Tuy nhiên, sóng dài 21mm dễ bị làm nhiễu. Có người đã đề nghị tăng gấp đôi sóng dài 21mm lên 42mm, hoặc giảm một nửa xuống 10,5mm. Có người đề nghị sử dụng một số sóng dài khác như đoạn sóng trong khoảng từ 18 - 21mm.

Muốn thu được tín hiệu điện không dây được phát ra từ thể người ngoài hành tinh khác, ngoài thu chính xác tần suất được truyền tới ra còn phải thu được phương hướng chính xác của hướng ngược lại.

TÍN HIỆU CỦA NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH TỪ Đâu TỚI?

Xung quanh các chòm sao, hành tinh tồn tại người ngoài hành tinh nào có thể phát tín hiệu thông tin tới chúng ta? Chúng ta nên dùng máy thu hướng tới mục tiêu nào?





Trước tiên, mục tiêu này nên là sao đơn, như vậy khả năng tồn tại của người ngoài hành tinh xung quanh hằng tinh rất lớn. Tiếp sau đó, nó phải cách chúng ta rất gần mới dễ dàng tìm được tín hiệu không dây được phát ra ở hành tinh nó tồn tại. Chòm sao đáp ứng được điều kiện trên gồm có 7 hành tinh. Chúng gồm có:

Hằng tinh	Khoảng cách/năm ánh sáng	Chất lượng (chất lượng mặt trời = 1)
Chòm Ba Giang ϵ	10.8	0.8
Chòm Kinh Ngư τ	12.2	0.82
Chòm Thiên Long σ	18.2	0.82
Chòm Khổng Tước δ	19.2	0.98
Chòm Ba Giang 82	20.9	0.91
Chòm Thủy Sà β	21.3	1.23
Chòm Đỗ Quyên ζ	23.2	0.90

Trong số 7 chòm sao này chòm Khổng Tước δ , chòm Thủy Sà β và chòm Đỗ Quyên ζ thuộc chòm sao trên bầu trời Nam bán cầu, người quan sát ở Bắc bán cầu không thể quan sát thấy được. Chòm Ba Giang 82 cách Nam bán cầu rất gần, ở Bắc bán cầu cũng không thể quan sát thấy được. Như vậy, chỉ còn lại chòm Ba Giang ϵ , chòm Kinh Ngư τ và chòm Thiên Long σ , xung quanh 3 chòm của họ là này khả năng tồn tại rất cao.



LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐOÁN ĐƯỢC THÔNG TIN CỦA SINH MỆNH TRÍ TUỆ?

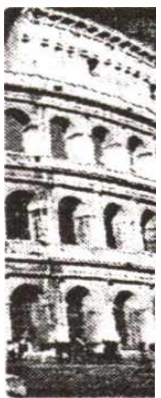
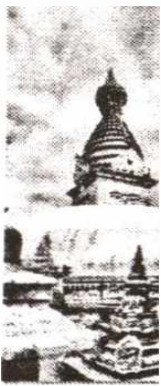
Nếu máy thu của chúng ta chọn đúng tần suất, mục tiêu, đồng thời thu được một số thông tin, sự vật, làm thế nào có thể phân biệt được tín hiệu thu được người ngoài hành tinh phát ra?

Tín hiệu này sẽ thay đổi có quy luật theo thời gian. Tín hiệu có thể là một quá trình có quy luật tổ thành xung mạch tương đối ngắn. Giữa mỗi giai đoạn có khoảng cách thời gian. Mỗi xung mạch trong một nhóm trình tự cũng được duy trì trong thời gian khá dài, có thể vài giờ. Nếu máy thu cách không xa sẽ không thể thu được tín hiệu dài. Tín hiệu ban đầu rất đơn giản, bởi vì nó vẫn chưa tạo được mối liên hệ thông tin 2 chiều, cho nên không nên quá phức tạp.

Nhà khoa học Von Hoerner đã chia tín hiệu nhân tạo ngoài hành tinh ra thành 3 loại: Loại thứ nhất, khi vô tuyến điện phát sóng. Tín hiệu thu được phát ra từ hành tinh có sự sống tồn tại. Tín hiệu vô tuyến điện sẽ được tạo thành từ máy thu hình, các nhân tố công nghiệp khác. Loại thứ hai đó là gọi từ xa. Tín hiệu vô tuyến điện định hướng thông tin cách xa người ngoài hành tinh. Loại thứ ba là tín hiệu được thiết lập tiếp xúc. Nó được phát ra từ người ngoài hành tinh chưa thiết lập mối quan hệ thông tin, có thể dẫn tới tín hiệu vô tuyến điện khiến đối phương chú ý.

Loại thứ nhất, khi tín hiệu vô tuyến điện nơi đó phát ra thường rất yếu.

Loại thứ hai, cách xa tín hiệu gọi, chỉ khi địa cầu ở vào khoảng giữa hai thông đạo vô tuyến điện đang liên





lạc với nhau mới có thể thu được. Khả năng xảy ra tình huống này rất nhỏ.

Khả năng chúng ta thu được loại thứ ba (là thiết lập tiếp xúc) lớn nhất. Tín hiệu này sẽ như thế nào?

Chúng ta có thể tận dụng hình ảnh được phát ra từ vô tuyến điện. Chúng ta đều biết, thị lực là một kỹ thuật có hiệu quả cao của động vật để thu nhận thông tin từ thế giới bên ngoài, tăng cường bảo vệ sự sinh tồn. Đa số các loài động vật trên trái đất từ cấp thấp cho tới cấp cao đều có thị lực. Con người biết rằng, người ngoài trái đất cũng có thị lực. Như vậy, giữa họ sẽ thiết lập phương pháp tiếp xúc có hiệu quả, trực tiếp nhất, có thể là sơ đồ phát sóng.

Để thiết lập mối quan hệ đơn giản, hiệu quả hơn với người ngoài trái đất, con người muốn tìm phương thức truyền đạt thông tin tốt nhất. Từ đó dần hình thành lên một khoa học mới: Ngôn ngữ vũ trụ học. Nó sẽ nghiên cứu, chế định ngôn ngữ thông dụng dùng trong việc thông tin liên lạc với người ngoài hành tinh.

Qua phân tích trên ta thấy, các nhà Thiên văn học đã đoán được tín hiệu người ngoài hành tinh phát ra. Họ có thể sử dụng tần suất cao, xác định được hành tinh người ngoài hành tinh tồn tại, cách chúng ta gần nhất. Đồng thời còn tìm được phương pháp dùng tín hiệu vô tuyến điện để truyền thông tin ra ngoài trái đất.

Chúng ta hoàn toàn có thể dùng máy thu có độ nhạy cao để thu chính xác thông tin của mục tiêu.

KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

Năm 1960, nhà Thiên văn học của Mỹ là Donald thử thu phát điện trên trời ở đoạn sóng 21mm để tìm



thông tin của họ phát ra từ bên ngoài trái đất. Tổ chức của ông đã thiết kế một thiết bị chuyên thu tín hiệu nhân tạo từ ngoài hành tinh ở đoạn sóng 21mm tại đài thiên văn phát điện quốc gia Grinko Spank Virginia, phía Bắc nước Mỹ. Ông Donald gọi kế hoạch này là kế hoạch Ozma. Ý tưởng xuất phát từ câu chuyện: Có một đất nước xa xôi tên là Ozma trong câu chuyện cổ tích nổi tiếng. nàng công chúa của đất nước đó tên là Ozma. Nhóm chuyên gia dưới sự lãnh đạo của Donald chuẩn bị đi tới không gian vũ trụ xa hơn người ngoài hành tinh đất nước Ozma để thông tin của.

Bắt đầu từ 4 giờ sáng, ngày 8, tháng 4. năm 1960, họ đã thu được thông tin. Đối tượng là hai chòm tinh gần với chúng ta: Chòm Ba Giang ϵ , chòm Kinh Ngư τ .

Tới tháng 7, khi kết thúc đợt thực nghiệm, họ tiến hành tổng cộng 150 giờ thu, cùng với thời gian chờ giám sát tín hiệu nhân tạo. Kết quả là, họ không phát hiện được thêm điều gì.

Bắt đầu từ năm 1971, ở đài thiên văn phát điện quốc gia Mỹ đã tiến hành những quan sát tương tự. Đối tượng quan sát là các chòm sao gần chúng ta nhất.

Trên thực tế, không thu được tín hiệu nhân tạo của người ngoài hành tinh, có thể vì công việc mà con người đang làm không phù hợp. Có thể nói, nên tiến hành thu dò với tất cả chòm sao đơn lẻ, thậm chí còn nghe một lượt toàn bộ bầu trời, tránh bỏ sót thông tin của của họ truyền tới. Ngoài ra phải thu thông tin ở trên các đoạn sóng khác, để phòng họ chọn đoạn sóng không ngờ tới để phát tín hiệu. Không thu được thông tin nhân tạo, cũng có thể là nguyên nhân ngẫu nhiên. Ví dụ, máy thu





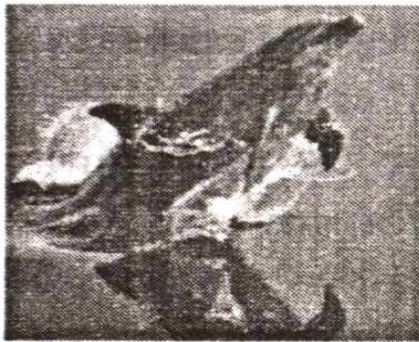
của chúng ta đã xác định được đôi phương, điều chỉnh được tần số chính xác. Thế nhưng, khi chúng ta thu tín hiệu, thiết bị của họ đang trong thời kỳ sửa chữa hoặc nhân viên thao tác đi vắng. Như vậy, chúng ta không thể thu được tín hiệu.



Cho nên, muốn quan sát thành công tín hiệu của người ngoài hành tinh phải liên tục quan sát trong khoảng thời gian hàng trăm năm, trên hàng triệu.

Có một số người dự đoán thực nghiệm này căn bản là không thể thu được thành công nhưng các nhà Thiên văn học vẫn tràn đầy hy vọng khi tiến hành thăm dò. Họ thực hiện hết kế hoạch này sang kế hoạch khác. Họ tin rằng, thông tin vô tuyến điện là kỹ thuật thông tin giữa người ngoài hành tinh. Loài người nhất định có thể thu được những thông tin tương tự khác, chỉ là vấn đề thời gian sớm hay muộn.





----- *Chương mười bốn*

BÍ ẨN TỪ NHỮNG LOÀI ĐỘNG THỰC VẬT

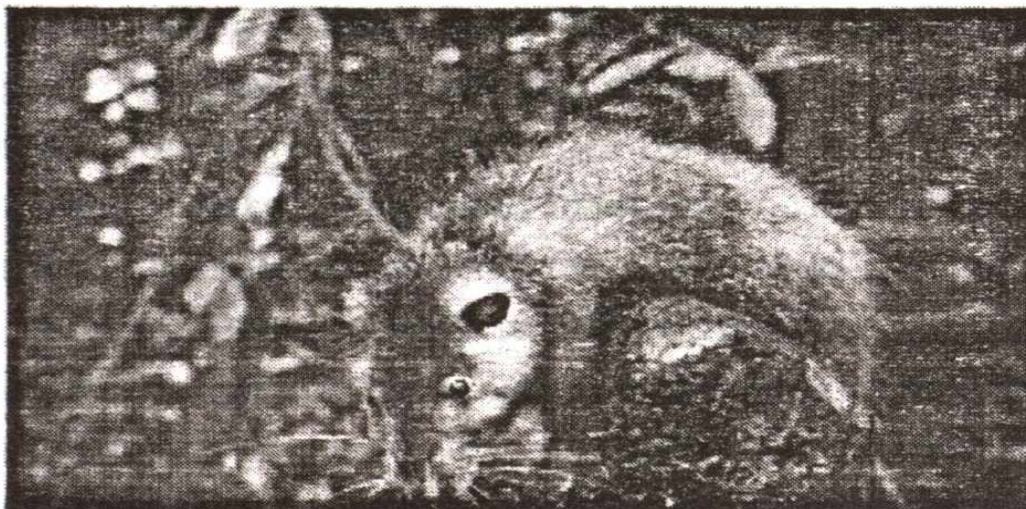


1. Câu chuyện về đảo chuột

Những con chuột khổng lồ

Hai người Mỹ là Endrin và Cholin dưới sự dẫn dắt của Ka Lite, rời xa Kenya hướng đến phía Nam. Họ bắt gặp một hòn đảo.

Nhìn bên ngoài, hòn đảo này không có gì khác so với những hòn đảo thông thường. Thế nhưng, những sinh vật trên đảo làm cho nó khác rất nhiều so với những hòn đảo khác. Điều đáng sợ nhất là những con chuột.



Hòn đảo bí ẩn và loài chuột khổng lồ.

Những con chuột lớn nhỏ giống như những con lợn hoặc sói, nhìn rất đáng sợ dữ dằn. Cư dân trên đảo tìm mọi cách để tiêu diệt loài vật này nhưng không những





không giết được còn bị chúng làm cho vô cùng khổ sở. Những cư dân sinh sống ở đây không có cách nào thoát khỏi tai họa do chúng gây ra. Cuối cùng, họ quyết định bỏ quê hương, vĩnh viễn rời xa vùng đất quý có nhiều chuột tràn lan, hoành hành. Từ đó, toàn bộ đảo trở thành nơi sinh sống của chuột, mọi người thường gọi đây là đảo chuột khổng lồ.



Bước chân đến đảo này, Endrin dưới sự dẫn dắt của Ka Lite đi qua vòng ngoài rồi tiến vào trong nội địa của đảo.



Mặt trời nắng nóng như thiêu đốt, tạo cảm giác đau đầu. Endrin đi đến một vùng đất trũng của một nhóm người. Ở nơi này có nhiều ngôi nhà tương đối hoàn chỉnh, mặc dù hơi cũ nhưng vẫn đem đến cho con người cảm giác thân thiện. Căn nhà có 1 phòng bếp, 2 phòng ngủ. Những phòng này chỉ dùng gỗ, gạch xây nên nhưng trông rất chắc chắn. Endrin quyết định nghỉ ngơi ở đó.



Bỗng nhiên Ka Lite gọi lớn. Anh ta xúc động, quỳ chân xuống, hai tay không ngừng run rẩy vốc lên một ít bùn từ dưới đất, nước mắt ròng ròng. Hóa ra, đây từng là quê hương của Ka Lite. Tổ tiên của anh ta từ mảnh đất này dựng nghiệp, chỉ vì sau đó không chịu đựng được sự quấy nhiễu liên tục của lũ chuột nên không thể bám trụ nơi này.

Ka Lite đưa Endrin, Cholin đi về phía trước, trên đường đi tất cả chỉ là những vùng hoang lạnh nối tiếp nhau. Ba người đi thật nhanh, được một lúc họ cảm thấy khát nước, trong khi đó nghe thấy tiếng nước chảy ào ào. Cuối cùng, họ cũng tìm được một dòng sông lớn



nhất đảo. Dòng sông này chính là sông Seer Jia. Cả ba vội lấy nước vào đầy các bình.

Lúc này, trên bờ sông có một bóng đen đang di chuyển rất nhanh, không đợi họ nhìn thấy rõ đã tiến đến ngày càng gần. Họ nghe rõ âm thanh cọt kẹt. Ka Lite nói: “Đó chính là loài chuột khổng lồ. Nói xong, anh liền kéo họ rời xa chỗ đang đứng.

Đám chuột khổng lồ chỉ cách họ khoảng hơn 200m, tốc độ di chuyển của chúng quá nhanh. Trong một lúc đã có khoảng vài chục con đuổi kịp sau chân. Endrin lên đạn bắn liên tiếp.

Anh bắn được vài con nhưng không thể ngăn cản tất cả đám chuột này, ngược lại càng làm chúng kéo đến đông hơn. Đúng lúc đó, Cholin bị vấp ngã bởi một viên đá. Không đợi anh bò dậy, một con chuột đã đến cắn vào chân. Sau đó một lũ chuột vây kín lấy anh. Cơ thể của Cholin bị cắn thương tích khắp nơi. Không lâu sau, Cholin đáng thương trong tiếng kêu và tiếng rên đau đớn trở nên bê bết máu. Anh không còn bò dậy được nữa.

Khi nghe thấy tiếng kêu của bạn, Endrin rất lo lắng. Trong lúc nguy cấp, anh ta chém một nhát dao mạnh vào lũ chuột. Một trận cuồng sát diễn ra. Thế nhưng, đám quân hung ác này cứ một loạt ngã xuống, một đám khác lại xông lên. Cuối cùng, Endrin cảm thấy không thắng được số đông nên đành kéo Ka Lite chạy thật nhanh, nhảy xuống dòng sông. Những con chuột tập trung trên bờ sông, hướng theo họ phát ra tiếng gầm gừ.

Sau khi nhìn thấy bọn chuột đã đi xa, họ mới tìm một nơi trên bờ để nghỉ.





Cuộc chiến cuối cùng với lũ chuột

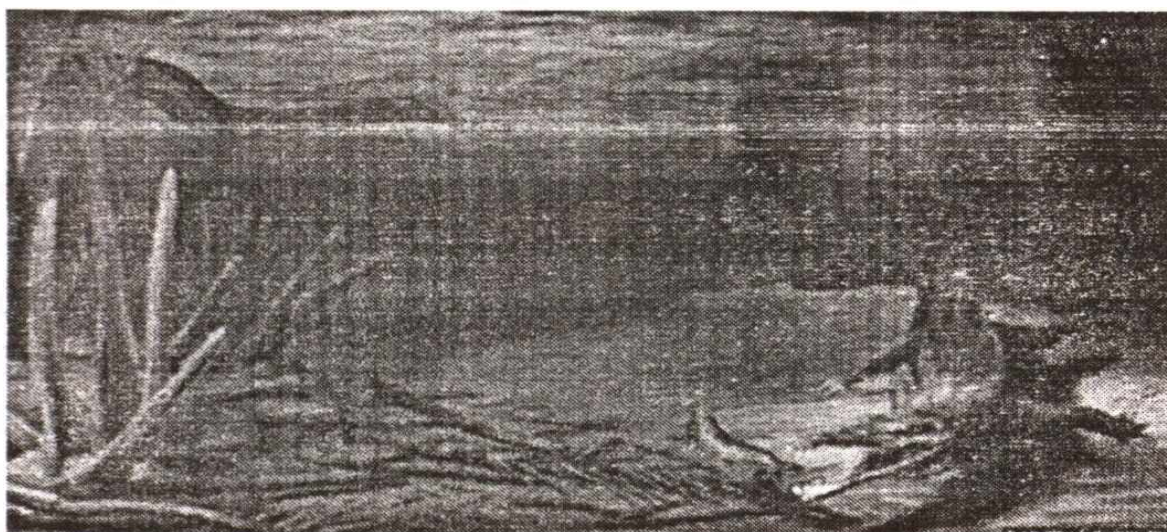
Tuy nhiên sự việc đáng sợ lại tiếp tục diễn ra. Ka Lite kinh ngạc khi phát hiện ở cách đó không xa có một đám bụi đang bay lên. Dựa vào kinh nghiệm đã từng sinh sống ở đây, anh ta biết đám chuột ác ôn đang kéo đến. Anh lập tức kéo Endrin chạy. Thế nhưng, tất cả đã quá muộn. Họ chạy chưa được vài bước, những tiếng gừ gừ kia đã ập đến. Khi nghĩ đến người bạn đã mất đi trong hoạn nạn, Endrin trong lòng căm giận như lửa đốt. Anh ta cầm cây súng không ngừng bắn vào đám đen đang tiến đến. Ka Lite cũng dùng gậy, đá ném vào bọn chúng.

Đám chuột càng ngày càng đông, mạnh. Hai người rơi vào thảm cảnh của sự chết chóc. “Đốt lửa thiêu chết bọn chúng đi!”, trong lúc nguy cấp Ka Lite đã nghĩ ra một cách. Endrin lập tức nhóm củi ném về phía bọn chuột. Lúc này, những lông dài trên người chuột đã cháy. Ka Lite tiếp tục đốt toàn bộ đồng củi khô, Endrin chỉ cầm cành củi khô đang cháy ném vào bọn chúng. Một lúc sau, trong đồng lửa phát ra những tiếng kêu gừ gừ đau đớn, mùi khó chịu bắt đầu bốc lên. Sau khi bị thiêu, lũ chuột chạy tán loạn khắp nơi, có con nhảy thẳng vào trong biển lửa. Không tốn nhiều công sức, chẳng mấy chốc tất cả trở thành biển lửa. Trong không khí, những đám khói đặc phát ra mùi cháy khét nồng nặc. Cuối cùng đám chuột cũng bị cháy thành tro.



2. Loài cá sấu quỷ khổng lồ

Ngày 26, tháng 10, năm 2001, Hiệp hội các nhà nghiên cứu địa lý Mỹ đã tuyên bố: Trên thế giới, hóa thạch lớn nhất là của loài cá sấu cổ. Loài này trước đây đã từng là nỗi sợ hãi của các loài động vật trên trái đất. Con quỷ cá sấu khổng lồ này to gấp 10 - 15 lần so với ngày nay. Vì vậy có thể nói, sau loài khủng long, thông tin về loài cá sấu này một lần nữa làm chấn động giới Khảo cổ học.



Cá sấu quỷ là mối đe dọa của nhiều loài khác.

Tại sa mạc Tenere thuộc Nigê miền Đông châu Phi, các nhà Khảo cổ học đã tìm thấy một hóa thạch dài 40 thước anh, nặng khoảng 10 tấn. Theo tuyên bố của họ, đây là loài có quan hệ rất gần gũi với loài cá sấu ngày nay. Nó sống cách đây khoảng 1 tỷ năm về trước, có họ hàng thân thuộc với loài cá sấu Mã Lai được phát hiện ở Ấn Độ. Thế nhưng, loài cá sấu Mã Lai lại không to lớn bằng loài cá sấu cổ. Loài này là kẻ thù lớn nhất của loài khủng long.





Theo tuyên bố của giáo sư Shanluonuo, đây là loài động vật bò sát khổng lồ, vua ăn thịt trên thế giới. Nếu những loài cá sấu bình thường hay sông ở ven hồ, ven biển thì loài quỷ cá sấu này lại sông gần các dòng chảy của các con sông. Khủng long đi uống nước ở những nơi này rất có thể trở thành bữa ăn ngon của chúng.

Theo những luận chứng đầu tiên Paul đưa ra, con quỷ cá sấu thời gian sông nhiều nhất là ở dưới nước. Nó ẩn nấp dưới đó để săn mồi. Các nhà nghiên cứu cho rằng, khứu giác là cơ quan phát triển nhất của quỷ cá sấu, thậm chí còn có thể phát ra tiếng kêu.

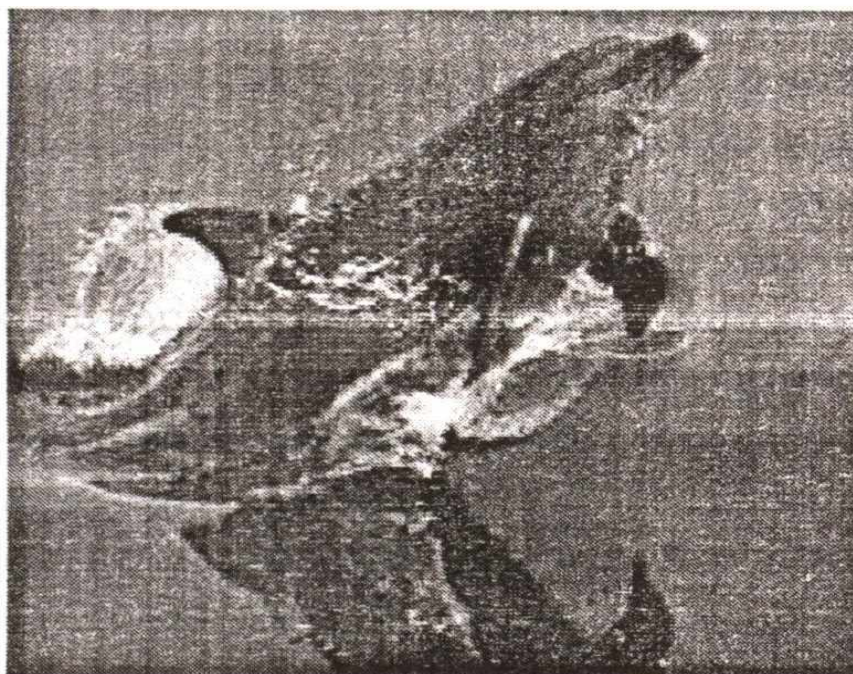
Trong hàm con quỷ cá sấu trưởng thành có tới 100 chiếc răng to nhỏ, vô cùng sắc nhọn, khỏe. Larsson gọi loại răng này là cái quốc đường sắt. Nó không chỉ ăn cá mà còn ăn cả những con khủng long nhỏ các loài động vật khác. Ví dụ như loài rùa khổng lồ. Vây của loài cá sấu khổng lồ này có khắp từ đầu đến đuôi, dày như giáp sắt. Đặc biệt giống như cây cối, hoa văn trên vây của chúng cũng thể hiện độ tuổi. Theo nhận định của Paul, loài cá sấu này có tuổi thọ từ 50 - 60 năm. Có thể nói, hóa thạch của quỷ cá sấu khổng lồ là phát hiện to lớn về sinh vật thời tiền sử, chỉ sau hóa thạch của khủng long.

Nhà Sinh học nổi tiếng thuộc trường Đại học New South Wales của Mỹ đã phát biểu: "Phát hiện quan trọng này đã bổ sung vào chỗ còn thiếu của sự tiến hóa các sinh vật trên trái đất và của loài cá sấu. Đồng thời, nó giúp chúng ta có cái nhìn sâu sắc trong về sự tiến hóa của các loài động vật khác".



3. Bản năng của loài cá heo

Từ rất lâu, các thủy thủ vẫn luôn tin rằng, cá voi có thể cứu người bị ngã xuống biển, đưa lên mặt nước cứu sống được họ. Hoặc, cá heo sẽ tạo thành một vòng tròn vây quanh người ngã xuống nước nhằm tránh việc cá mập làm hại.



Cá heo là người bạn thân thiện của con người.

Đối với việc cá heo cứu người, có rất nhiều câu chuyện, truyền thuyết nói về điều này. Trong đó, câu chuyện của nhạc sỹ Alimao được nhiều người biết đến nhất. Theo ghi chép của nhà Sử học người Hy Lạp - Herododotus: Có một lần nhạc sỹ đi thuyền trở về Hy Lạp. Ông ta mang theo rất nhiều tiền bạc của cải. Trong chuyến đi, bọn thủy thủ đã nảy lòng tham muốn cướp bằng được số tài sản này. Vì vậy, chúng đe dọa sẽ giết hại nhạc sỹ. Biết tính mạng của bản thân đang gặp nguy hiểm, chắc chắn sẽ mất mạng, Alimao liền yêu cầu bọn





chúng để cho ông được chơi một bản nhạc cuối cùng của cuộc đời. Khi những giai điệu du dương dừng lại, ông liền nhảy xuống biển. Thế nhưng, chẳng ai ngờ rằng, bản nhạc Alimao chơi rất hay đã thu hút sự chú ý của đàn cá heo gần đó. Chúng bơi quanh thuyền để thưởng thức âm nhạc. Khi người nhạc sỹ này nhảy xuống biển, đàn cá heo bơi đến, đưa ông đến tận bán đảo.

Vì sao loài cá heo lại cứu con người? Có người cho rằng, trí thông minh của loài cá heo rất gần gũi với con người. Chúng có thể sánh ngang với loài tinh tinh đen, vì vậy sớm hình thành ý thức cứu con người. Tuy nhiên, ý kiến này vấp phải sự phản đối gay gắt của các nhà khoa học. Họ cho rằng, cá heo cứu người do bản năng, không có ý thức như đã nói.

Sau quá trình nghiên cứu tìm hiểu, các nhà Hải dương học nhận định rằng, cá heo cứu người có liên quan tới các hành vi vốn có của chúng. Cá heo con sau khi được sinh ra, cá mẹ sẽ đẩy nó lên trên mặt nước mấy tiếng đồng hồ, thậm chí còn lâu hơn. Trong quan hệ đồng loại, cá heo thường giúp đỡ lẫn nhau, đặc biệt là khi một thành viên trong đàn bị ốm yếu hay bị thương. Một đặc tính của cá heo là chúng thích chơi đùa. Giống như loài hải ly, chúng rất thích đẩy mình trôi tự do trên mặt biển. Không chỉ có vậy, chúng còn coi con người là bạn, thậm chí chủ động tìm họ để chơi đùa. Bởi đây là những bản năng vốn có, cho nên khi thấy người đang trôi nổi trên biển, chúng hiểu nhầm là một vật thể nào đó. Theo bản năng sẵn có, chúng sẽ đẩy vào bờ. Hành động này đã cứu sống được con người. Điều này có thể xuất phát từ lòng hiếu kỳ của chúng.



4. Hiện tượng rùa biển chôn mình

Để đi tìm nguyên nhân của việc tại sao rùa biển lại muốn tự chôn mình, các nhà Sinh vật học đã tiến hành quan sát, nghiên cứu loài rùa biển này. Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng, trên chiếc đầu lớn của những con rùa đực có nhiều loài ký sinh trùng sống trên đó. Vì thế, họ nghĩ, rùa biển vùi mình vào bùn cát để thoát khỏi sự quấy rầy của những loài ký sinh trùng. Bên cạnh đó, họ cũng có một số ý kiến mới khi được tận mắt theo dõi quá trình rùa biển tự vùi đầu mình trong bùn cát. Việc vùi đầu mình như thế sẽ khiến cho những loài ký sinh trùng ở trên đầu sau khi chui vào trong cát sẽ thiếu oxy, dần chết đi. Thế nhưng, việc loại trừ ký sinh trùng chỉ có thể giải quyết ở những vùng có thể vùi cát bùn lên. Trong khi đó, những loài ký sinh bám ở trên người, đuôi của rùa không hề bị ảnh hưởng. Ngoài ra, có một số trường hợp trên người của những con rùa đực còn bé vẫn chưa có ký sinh trùng nhưng chúng vẫn tự vùi mình. Việc tự chôn mình này không chỉ ở trên cạn mới có, ngay ở dưới đáy biển sâu hiện tượng này vẫn xảy ra. Do đó, xem xét vấn đề đã nói ở trên ta thấy, việc vùi mình của rùa không phải với mục đích loại trừ hoàn toàn vi sinh vật bám trên thân thể. Đó có thể là bản năng tự chôn mình sẵn có của rùa. Một thành viên nữ của câu lạc bộ lặn tên là Lalaland đã trải qua lớp học huấn luyện bơi lặn. Khi lặn xuống đáy biển, cô ấy đã nhìn thấy ở dưới lớp cát bùn có một chiếc mai rùa. Cô cảm giác nó giống như một vật bị người ta bỏ đi.





Lalaland bơi đến gần từ từ quan sát, kiểm tra mọi thứ xung quanh rồi mới đứng xuống, sau đó nhặt mai rùa lên. Thế nhưng, mai rùa kia không phải bình thường. Nó chính là một con rùa đang còn sống. Lúc này con vật tự chôn mình kia đã tỉnh giấc. Nó bắt đầu rũ cát ở trên thân xuống rồi quay người bơi đi mất. Cũng cách đó không xa, Lalaland lại phát hiện ra thêm một cái mai rùa nữa. Con rùa cái lớn này không hề ngủ. Lalaland bơi nhẹ nhàng đến, cố gắng tránh va chạm vào nó. Đúng lúc đó, nó bơi cát bùn lên. Khi một vùng nước biển đã đục ngầu, nó liền trốn thoát. Cũng một thời điểm, đồng sự của Lalaland cũng phát hiện ra 2 con rùa cái lớn đang vui mình trong cát. Sau đó, họ vẫn tiếp tục tìm kiếm, quan sát dưới đáy biển nhưng không hề tìm thấy thêm được một con rùa nào tự chôn mình. Họ chỉ tìm thấy những hố bùn rùa để lại.

Căn cứ vào những phát hiện mới của Lalaland, các nhà Sinh vật học đã kết luận: Các phỏng đoán trước đây đều là không đúng. Thứ nhất, quá trình thám hiểm đại dương của đội lặn đã phát hiện ra 4 con rùa tự chôn mình trong đó có 3 con là rùa cái đã trưởng thành. Điều này hoàn toàn khác so với những nhận định ban đầu. Việc vui mình này không phải để loại trừ hoàn toàn những sinh vật bám trên thân thể. Đó là bản năng sẵn có của việc tự chôn mình.

Thứ hai, căn cứ vào những ghi chép của Lalaland, khi cô ấy phát hiện ra hiện tượng rùa “tự chôn mình”, mực sâu của đáy biển là 27,4m, nhiệt độ là 21,7°C. Điều này chứng tỏ, việc tự chôn mình của rùa không phải để sưởi ấm cơ thể.



Thứ ba, từ những tình huống quan sát thấy của các thành viên đội lặn, hiện tượng tự chôn mình của rùa chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Cho nên, không thể cho rằng, đây là hiện tượng đang ngủ đông.

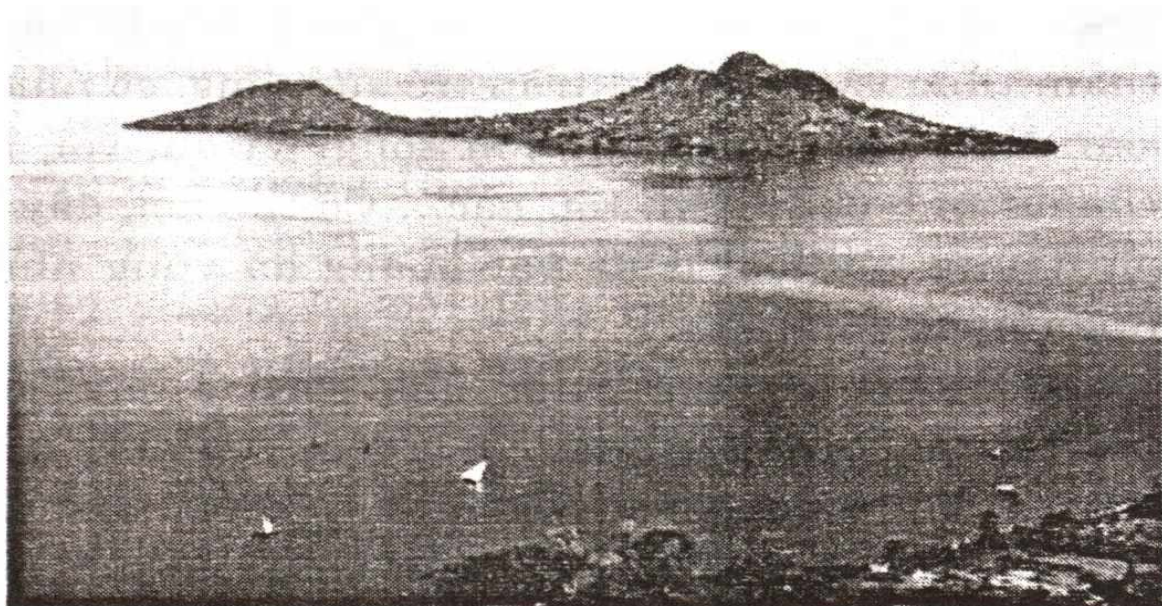
Tại sao rùa lại phải tự chôn mình như vậy? Hiện tượng tự chôn mình của rùa là ngẫu nhiên hay một hiện tượng thường xuyên xảy ra? Vấn đề này cho đến bây giờ vẫn là một bí mật chưa có lời giải đáp.



5. Hồ Victoria - nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã

Thung lũng Đông Phi là một trong những kỳ quan thiên nhiên tươi đẹp nhất trên thế giới.

Chính nhờ đặc trưng địa lý đặc biệt ở nơi này đã làm cho ao hồ, các ngọn núi, các thảo nguyên ở thung lũng này nổi tiếng khắp nơi. Hơn nữa, với vẻ đẹp huyền bí, kỳ diệu của thiên nhiên nơi đây cũng là nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã.



Hồ Victoria - viên ngọc quý của châu Âu.





Thung lũng Đông Phi là một bể chứa nước thiên nhiên vô cùng rộng lớn. Các ao hồ ở châu Phi đều tập trung ở đây, có khoảng hơn 30 hồ lớn, nhỏ. Trong đó có hồ Victoria lớn nhất châu Phi. Hồ trải dài giống như một dải đất vàng. Nó trở thành quang cảnh mỹ lệ nhất trên cao nguyên Đông Phi.

Hồ Victoria ở Đông Phi nằm giữa hai thung lũng lớn ranh giới giữa các quốc gia Kênia, Tandia. Ngang qua đường xích đạo về phía Bắc là hồ nước ngọt lớn nhất châu Phi, đứng thứ hai trên thế giới. Hồ nước ngọt này được hình thành do vùng đất có trầm tích. Hồ Victoria cao 1.134m so với mực nước biển, chiều dài tính từ Nam sang Bắc khoảng 4.000m, chiều rộng từ Đông sang Tây rộng 240m, diện tích 69km. Đây là hồ nước ngọt đứng thứ hai trên thế giới chỉ sau hồ Superi ở châu Mỹ. Nước hồ xanh thẫm, mênh mông, bát ngát, thay đổi liên tục. Nơi đây không chỉ là một thắng cảnh tham quan du lịch còn là khu vực có lượng nước rất dồi dào. Ruộng đất xung quanh ven hồ màu mỡ, thảm thực vật tươi tốt, tràn trề sức sống, có nhiều các loài động vật hoang dã sinh sống. Ví dụ, voi, hà mã, con sư tử ở châu Phi, sói, hạc... Có thể nói, đây là nơi tập trung các loài động vật hoang dã vùng nhiệt đới nhiều nhất châu Phi.

Trong nhiều các loài chim sinh sống ở đây, loài chim có tên là Plamingo được coi là loài đẹp nhất trên thế giới. Thông thường, có khoảng hơn 50.000 loài tập trung ở hồ Nakuni, thời gian lâu nhất đạt tới hơn 150.000 loài. Đôi khi, có hàng nghìn loài chim bay qua lại trên mặt hoặc tập trung trong hồ Nakuru. Nếu du



khách đứng từ xa nhìn sẽ thấy nó giống như một ánh hào quang di động, rất hùng vĩ. Ở châu Phi, nhiều nước đã lập nên công viên quốc gia để bảo vệ sự sinh tồn cho các tài nguyên thiên nhiên, thực vật động vật quý hiếm này.



6. Đảo Great Banier

Đảo Great Banier có khoảng 1.500 loài cá biển nhiệt đới sinh sống. Bao gồm các loài cá hình bướm bướm, đầu sư tử, hung dữ, cá thạch đầu có răng cưa trên sống lưng để tiết chất độc. Ngoài ra, đảo còn có rất nhiều các loại cá cảnh nhiệt đới ví dụ cá anh vũ, thiên sứ... Đảo san hô ở vùng nước mặn này chính là cảng chắn gió của thiên nhiên. Các loài cá, cua biển, rong biển nhuộm thể với màu sắc rực rỡ hiện ra ngay trước mắt dòng nước trong xanh, bao la, mênh mông. Cá đầu hình ấn sông thành từng bầy, đàn hay ăn các loài sinh vật phù du, trọng lượng của nó có thể lên tới 90kg.

Hàng năm vào tháng 7, những con cá kình cũng xuất hiện ở phía Nam của đảo san hô này. Chiều dài của chúng khoảng 15m, trọng lượng to nhất trên dưới 40 tấn. Tuy nhiên, những con cá kình này không hề đáng sợ, chúng là loài động vật biển có vú rất hiền. Ở nơi đây, con người có thể nhìn thấy loài Dugong (bò biển) với một lượng rất lớn, còn gọi là lợn biển. Đặc điểm của loài cá này là thức ăn duy nhất của chúng chỉ có thực vật. Đây cũng là điểm khác nhau giữa loài cá này với các loài động vật có vú khác ở biển. Đồng thời, loài cá này trở thành hình mẫu cho nàng mỹ





nhân ngư trong truyền thuyết. Vào tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau, rùa biển sinh trưởng. Vì vậy đây cũng chính là nơi chủ yếu cho chúng sinh sản và phát triển.

Đảo Great Banier là một viện bảo tàng sinh vật biển thiên nhiên rất lớn. Trên mặt biển có những san hô với màu sắc lung linh, huyền ảo.

Những san hô to bao trùm lên san hô nhỏ. Xung quanh là hồ nước mặn. Bên ngoài những làn sóng lớn trập trùng, bên trong hồ nước tĩnh lặng. Nơi nước biển trên mặt đảo không thể ngập đã bồi đắp lên từng lớp đất tương đối dày. Những cây dừa, cây dầu cộ thẳng đứng cao vút, rậm rạp, xanh tốt, xum xuê tạo nên một quang cảnh nhiệt đới rực rỡ hùng vĩ. Nước biển ở đây rất trong, ấm, có thể nhìn thấy hàng trăm rừng cây dày đặc xum xuê ở dưới đáy biển. Chúng tạo nên cả một đảo san hô tuyệt vời, muôn màu. Có khoảng 350 loài san hô trong số động vật biển ở đảo Great Banier, hơn 10.000 loài bọt biển, 4.000 loài động vật thân mềm, 50 loài động vật có vú, 1.200 các loài khác. Đảo là nơi vui chơi, bay lượn của các loài chim quý hiếm, chúng bay thành từng đàn giống như những đám mây che kín khoảng không. Điều này càng làm cho đảo Great Banier thêm tràn đầy sức sống.



MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
------------------	---

Chương một VŨ TRỤ THẦN BÍ

1. Sự hình thành vũ trụ.....	7
2. Giả thuyết vũ trụ không thay đổi.....	9
3. Giải thích thuyết Vũ trụ giãn nở.....	10
4. Sự ra đời của mặt trăng.....	13
5. Các hiện tượng thần bí trên mặt trăng.....	15
6. Bí ẩn về hành tinh thứ 10.....	18
7. Hiện tượng quầng mặt trời.....	19
8. Các chòm sao trên bầu trời.....	20
9. Bí ẩn về mưa sao băng.....	22

Chương hai VĂN MINH CỔ XƯA

1. Kỳ thú văn minh cổ xưa dưới đáy đại dương.....	27
2. Nền văn minh Maya.....	37

Chương ba BÍ MẬT CỦA NHỮNG VUA CHÙA

1. Bản án của Thiên hoàng Nhật Bản sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.....	41
2. Câu chuyện về cái chết bí ẩn của gia tộc Sa hoàng.....	44





- 
3. Pharaon quyền lực nhất trong lịch sử Ai Cập 50
 4. Alexander - những bí ẩn chưa được giải đáp..... 57
 5. Những câu chuyện xung quanh cái chết của Alexander 59

Chương bốn **NHỮNG BÍ MẬT NƠI HẬU CUNG**

- 
1. Sự thật về cái chết của Dương Quý Phi 64
 2. Câu chuyện về mộ của công chúa tại Bắc Kinh 69
 3. Tình yêu của Alexander I 71
 4. Cuộc đời nữ hoàng Elizabeth 75
 5. Cuộc đời nữ hoàng Cleopatra 77
 6. Mô hình kiến trúc hoàng cung Minos..... 80

Chương năm **NHỮNG BÍ ẨN VÒNG TRÒN**

- 
1. Lý giải hiện tượng chết lâm sàng..... 89
 2. Chiếc máy bay bí ẩn..... 93
 3. Cuốn sách “Những lời tiên tri”..... 94
 4. Hiện tượng mưa máu và nội tạng 98
 5. Mưa máu xảy ra khắp mọi nơi..... 100
 6. Bí ẩn về vòng tròn kỳ lạ..... 100

Chương sáu **ĐI TÌM SỰ KỲ BÍ CỦA CÁC SINH MỆNH**

- 
1. Những phát hiện xung quanh người tuyết 107
 2. Hiện tượng người mất tích kỳ lạ 116
 3. Hiện tượng người biến mất kỳ lạ diễn ra ở Mỹ 120
 4. Những rừng dừa làm con người phân thân trên thế giới 122



Chương bảy NHỮNG BÍ MẬT QUÂN SỰ

1. Quả bom nguyên tử bị mất tích 130
2. Hành động trung lập của Tây Ban Nha trong Chiến tranh thế giới thứ hai 131
3. Âm mưu chia cắt Trung Quốc của Mỹ 3 lần thất bại 133
4. Nghi vấn xung quanh số máy bay thiệt hại trong trận không chiến Barbarosse 140
5. Vì sao Hitler yêu cầu dừng tấn công Liên quân Anh - Pháp?.....141
6. Bí mật của trận đánh Trân Châu cảng 143
7. Vỏ bọc của cuộc chiến tranh vùng vịnh..... 145
8. Vì sao trong lúc chiến đấu máy bay của Irắc lại bay ra nước ngoài?..... 146
9. Âm mưu của Mỹ với Bátđả (Irắc) 149



Chương tám NHỮNG VỤ ÁN LỊCH SỬ CHƯA ĐƯỢC GIẢI QUYẾT

1. Sự mất tích kỳ lạ của nữ phi công 151
2. Những vụ mất tích kỳ lạ..... 158
3. Câu chuyện về người ngoài hành tinh 164

Chương chín KHO BÁU BÍ MẬT

1. Những kho báu lớn trên thế giới 169
2. Bí ẩn về căn phòng hủ phách của Nga 175
3. Những câu hỏi xung quanh vàng mất tích thời Tây Hán, Trung Quốc 178
4. Sự mất tích kỳ lạ của cửu đỉnh thời nhà Hạ, Trung Quốc ... 182





5. Câu chuyện xung quanh Ngọc bích họ Hòa 184
6. Kho báu trong giếng thánh Yacatan..... 188

Chương mười

DẤU TÍCH BÍ MẬT CỦA VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

1. Bí mật văn hóa của quần đảo Queensland và thổ dân Australia.. 192
2. Bí mật văn hóa người Anh-điêng 194
3. Bí mật văn hóa của người Ấn Độ..... 195

Chương mười một

BÍ MẬT CỦA CÁC KIẾN TRÚC

1. Kiến trúc tòa thành Zimbabwe..... 203
2. Quần thể đá khổng lồ ở Salisbury 205
3. Kho báu trong đường hầm lớn..... 210
4. Những cột đá cao chọc trời 218
5. Bí ẩn đồng tiền lớn ở Nhật Bản 218

Chương mười hai

BÍ MẬT CỦA CÁC VÙNG ĐẤT

1. Núi Hymalaya..... 221
2. Những kỳ quan thiên nhiên nổi tiếng của bán đảo Italia..... 234
3. Những bí ẩn xung quanh đảo Greenland 244

Chương mười ba

NHỮNG BÍ ẨN KHOA HỌC

1. Quả tim nhân tạo của người tiền sử 252
2. Bí ẩn xung quanh máy tạo nhịp tim bằng thủy tinh đen..... 254
3. Pin điện đã từng xuất hiện ở thời cổ đại 257
4. Cách thức liên lạc với người ngoài hành tinh..... 261



Chương mười bốn
BÍ ẨN TỪ NHỮNG LOÀI ĐỘNG THỰC VẬT

1. Câu chuyện về đảo chuột..... 269
2. Loài cá sấu quỷ khổng lồ..... 273
3. Bản năng của loài cá heo..... 275
4. Hiện tượng rùa biển chôn mình 277
5. Hồ Victoria - nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã.... 279
6. Đảo Great Banier 281



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 04.3 9260024 Fax: 04.3 9260031

NHỮNG HIỆN TƯỢNG BÍ ẨN VỀ THỂ GIỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập

LÝ BÁ TOÀN

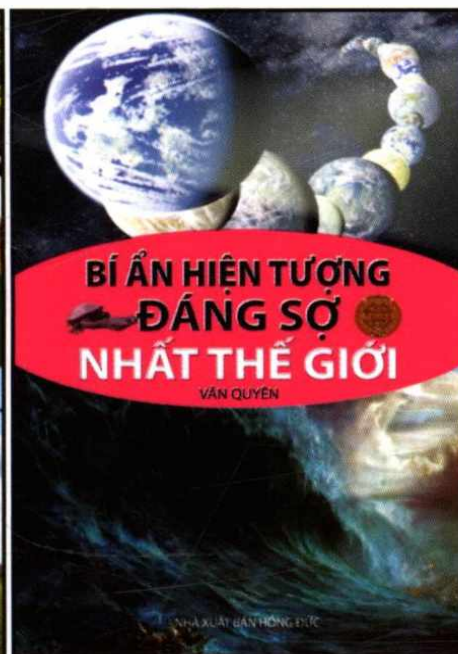
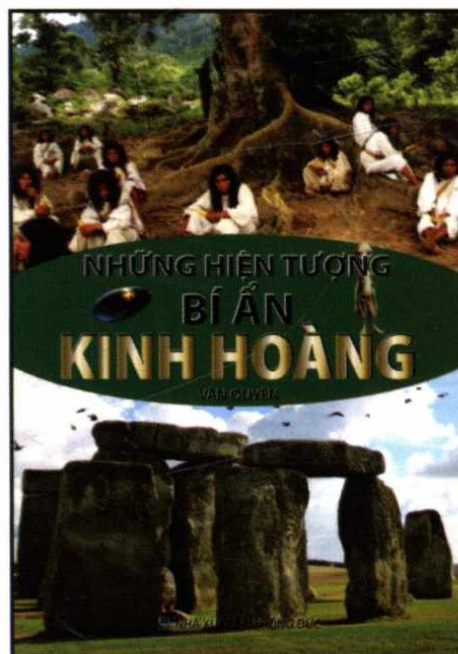
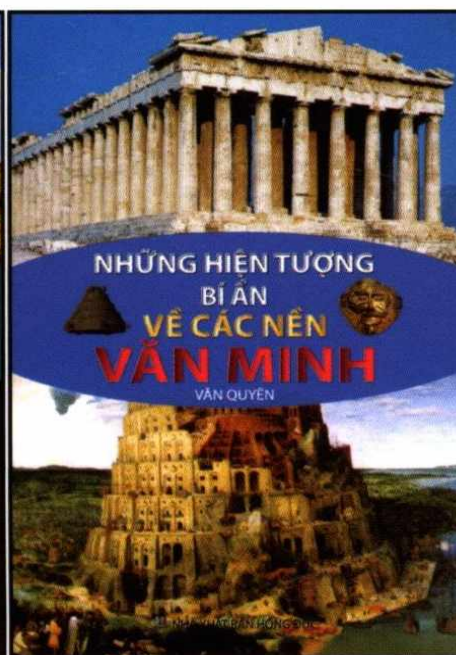
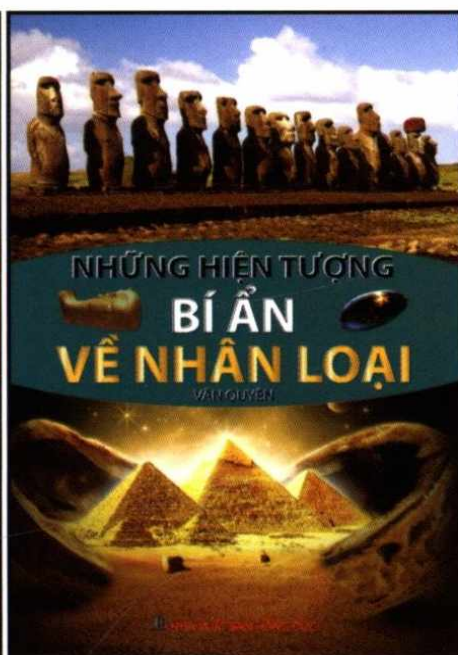
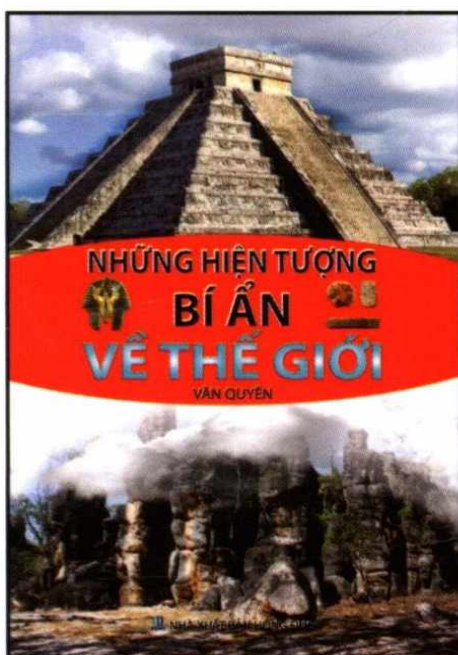
Biên tập: Nguyễn Thế Vinh

Vẽ bìa: Minh Lâm

Sửa bản in: Hồng Tú

Chế bản: NS Minh Lâm

In 2000c, khổ 13,5x20,5. Tại DNTN in Hà Phát, số 6 Ngọc Hà, Đội Cấn Hà Nội.
ĐKKHXB: 1120 - 2015/CXBIPH/65 - 26/HĐ. QĐXB số: 1180/QĐ - NXBHĐ. Ngày 15/5/2015.
MSSTCQT - ISBN: 978-604-86-5815-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2015.



PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM

453 · 455 Đường Hồng Hà · P. Phúc Tân · Q. Hoàn Kiếm · Hà Nội

ĐT: 043.9 427 393. ĐT/Fax: 043. 9 427 407 - 043. 9 387391

Website: nsminhlam.com.vn - Email: nsminhlam@gmail.com





Khi anh ta ra khỏi quán ăn có mang chiếc túi, nhưng bây giờ chỉ còn lại tờ báo mua ở chỗ cửa ra vào của nhà hàng đặt trên đồng cỏ bên cạnh.

“Tôi đang nằm mơ sao? Từ trước đến giờ tôi không hề uống rượu say đến nổi đi ra ngoài. Hơn nữa, tôi còn nhớ rõ mình đã đi xuống xe buýt, gần về đến nhà. Làm sao tôi lại có thể nằm bên cạnh đường cao tốc chứ? Lúc đó mới là 3 giờ 30 phút rạng sáng”, Carlos nói.



Carlos vội vàng nhìn đồng hồ đeo tay, kim đồng hồ dừng ở 3 giờ 50 phút. Anh ta đột nhiên cảm thấy người không khỏe, muốn nôn, người nổi da gà.

Nhiều phút sau, một người lái xe đi qua đường quốc lộ phát hiện Carlos đang đau đớn nằm trên đất, liền chở anh đến bệnh viện đường sắt trung ương của Buenos Aires. Lúc đó khoảng 8 giờ sáng ngày thứ 5.



Bác sỹ chẩn đoán anh ta bị tổn thương nghiêm trọng ở phần đầu dẫn đến ký ức bị rối loạn. Bởi vì địa điểm Carlos hôn mê và địa điểm được mọi người phát hiện cách xa nhau khoảng 800km. Trừ khi ngồi máy bay trực thăng, không thể nào chỉ trong thời gian ngắn như vậy đã di chuyển được 800km. Hơn nữa, người mắc bệnh kỳ quái này luôn miệng nói nhảm về những chuyện hoang đường.



Carlos được 46 vị bác sỹ của bệnh viện này chất vấn, chẩn đoán bệnh trong 4 ngày, cuối cùng phát hiện anh ta có nhiều tóc, lông ngực bị rụng. Ngoài ra còn phát hiện vông mạc, vị tràng không tốt, rối loạn tiêu hóa..., các bệnh khác. Họ đã kiểm tra phần đầu nhưng không phát hiện ra được bất cứ dị thường nào.